

NS:1/9/2023

TUẦN 1 (TIẾT 1-4)

NG:5-9 /9/2023

Bài 1: TÔI VÀ CÁC BẠN (15 TIẾT)

TIẾT 1,2,3:

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN

ĐỌC VB1: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

TIẾT 4:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 1,2,3: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN

ĐỌC VB1: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN.

MỤC TIÊU CHUNG BÀI I

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất;
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật;
- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB;
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước;
- Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân;
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU CỦA BÀI HỌC: 0,5 tiết

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện đồng thoại và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

HSKT chỉ nhận biết một hoặc hai yếu tố của truyện đồng thoại.

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

Tuần: 31 Tiết: 121	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	NS: 15/04/2024

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được các từ mượn trong văn bản.
- Xác định đúng nguồn gốc của các từ mượn.
- Viết đúng những từ mượn.
- Sử dụng từ điển để hiểu nghĩa từ mượn.
- Sử dụng từ mượn trong nói và viết.

HSKT: Xác định được một vài từ mượn trong văn bản.

2. Phẩm chất

- Tự xác định và có thái độ đúng khi sử dụng mượn trong giao tiếp hằng ngày.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu học sinh:

1. Em hãy kể tên các bộ phận của xe đạp?

2. Em thấy từ “nhi đồng” và “đề nghị” trong 2 câu sau dùng đã phù hợp chưa?

a) Nhi đồng đang vui chơi ngoài sân.

b) Con đề nghị mẹ thưởng cho con một phần quà.

→ Chưa phù hợp, nên thay bằng *Trẻ em, muốn*.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Chúng ta nói và viết hôm nay, không phải hoàn toàn là từ thuần Việt, mà chúng ta còn mượn thêm một số từ ngữ của các nước khác. Vậy thế nào là từ mượn? Chúng ta mượn như thế nào? Các em sẽ được tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Hiểu được thế nào là từ mượn.

- Biết cách sử dụng từ mượn trong nói và viết phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

HSKT: Hiểu được thế nào là từ mượn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Từ mượn là gì? Nguồn gốc vay mượn? + Nguyên tắc vay mượn? Cách sử dụng từ mượn? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT: Từ mượn là gì? Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại	I. Hình thành kiến thức 1. Khái niệm từ mượn và hiện tượng vay mượn từ - Từ mượn: là từ có nguồn gốc ngôn ngữ khác, vay mượn của nước ngoài để tạo ra sự phong phú và đa dạng cho tiếng Việt.... - Hiện tượng vay mượn từ: trong sự tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ giữa các dân tộc, các ngôn ngữ thường vay mượn từ của nhau để làm giàu cho ngôn ngữ của mình. 2. Nhận biết và lưu ý khi sử dụng từ mượn * TỪ MUỐN TIẾNG HÁN - Được sử dụng nhiều và đóng vai trò quan trọng nhất - Lưu ý những từ: đầu, phòng, cao, tuyết, bang, thần..... - Những từ gây khó hiểu: nhi đồng, phụ lão, địa cực...

kiến thức GV tổ chức TRANH LUẬN về vấn đề: 1. Mặt tích cực của việc mượn từ 2. Mặt hạn chế của việc mượn từ	* TỪ MUỐN NGÔN NGỮ CHÂU ÂU - Gần như được Việt hóa: sấm, lốp, bom, tăng... - Nhiều từ: xà phòng, xi măng, cà phê... được dùng phổ biến, cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt * TỪ MUỐN TIẾNG PHÁP, ANH - Viết nguyên dạng ngôn ngữ gốc: video, smartphone, internet - Viết theo từng âm tiết, có dấu gạch nối: ô-xi, a-xit, ki-lô-gam * NHỮNG LƯU Ý KHI SỬ DỤNG TỪ MUỐN - Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe. - Không lạm dụng quá nhiều để tránh mất đi sự trong sáng của Tiếng Việt

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

HSKT: Làm một vài câu đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh làm bài tập Bài tập 1 Hình thức: chia lớp làm 2 nhóm, trong thời gian 3 phút, lần lượt các thành viên trong nhóm sẽ lên bảng để hoàn thành yêu cầu Yêu cầu: + Các yếu tố như <i>không, nhiễm</i> không chỉ xuất hiện trong <i>không khí, ô nhiễm</i> mà còn được dùng để tạo nên nhiều từ khác mà chúng ta	Bài tập 1 a.- Các từ vay mượn tiếng Hán: <i>kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm</i> ➔ Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa. - Các từ vay mượn tiếng Anh: <i>băng, ô-dôn</i> ➔ <i>băng</i> là từ mượn đã được Việt hóa hoàn toàn <i>ô-dôn</i> là từ có gạch nối giữa các âm tiết gây ấn tượng về từ mượn rõ nhất b. - Từ <i>ô-dôn</i> cho em cảm giác từ mượn rõ nhất.

vẫn sử dụng hằng ngày. Hãy kể thêm một số từ có những yếu tố ấy. + Sau thời gian 3p, các thành viên giải thích ý nghĩa các từ đó. Bài tập 2 Bài tập 3 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành bài tập GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Bài tập nhanh: Phân loại các từ mượn sau và dịch sang từ thuần Việt: <i>phụ mẫu, huynh đệ, pi-a-nô</i> → Từ Hán Việt phụ mẫu = cha mẹ huynh đệ = anh em. → Ngôn ngữ Ấn- Âu pi-a-nô = đàn dương cầm.	- Vì từ ngữ này có phần gạch nối rất dễ nhận biết. c. <table border="1" data-bbox="748 289 1469 982"> <tr> <th>Từ có yếu tố không</th><th>Nghĩa của từ</th></tr> <tr> <td><i>Không trung</i></td><td>Chỉ khoảng không gian ở trên cao</td></tr> <tr> <td><i>Không gian</i></td><td>hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao</td></tr> <tr> <td><i>Không quân</i></td><td>Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia</td></tr> <tr> <td><i>Không tưởng</i></td><td>Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện</td></tr> </table> <table border="1" data-bbox="748 1031 1469 1581"> <tr> <th>Từ có yếu tố nhiễm</th><th>Nghĩa của từ</th></tr> <tr> <td><i>lây nhiễm</i></td><td>Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.</td></tr> <tr> <td><i>miễn nhiễm</i></td><td>Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm</td></tr> <tr> <td><i>truyền nhiễm</i></td><td>Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh</td></tr> <tr> <td><i>nhiễm khuẩn</i></td><td>Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể</td></tr> </table> Bài tập 2 Qua việc thực hiện các yêu cầu trên, em rút ra nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt: tiếng Việt có vốn từ đa dạng và phong phú. Trong đó có từ mượn và từ thuần Việt. Từ mượn được	Từ có yếu tố không	Nghĩa của từ	<i>Không trung</i>	Chỉ khoảng không gian ở trên cao	<i>Không gian</i>	hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao	<i>Không quân</i>	Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia	<i>Không tưởng</i>	Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện	Từ có yếu tố nhiễm	Nghĩa của từ	<i>lây nhiễm</i>	Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.	<i>miễn nhiễm</i>	Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm	<i>truyền nhiễm</i>	Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh	<i>nhiễm khuẩn</i>	Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể
Từ có yếu tố không	Nghĩa của từ																				
<i>Không trung</i>	Chỉ khoảng không gian ở trên cao																				
<i>Không gian</i>	hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao																				
<i>Không quân</i>	Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia																				
<i>Không tưởng</i>	Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện																				
Từ có yếu tố nhiễm	Nghĩa của từ																				
<i>lây nhiễm</i>	Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.																				
<i>miễn nhiễm</i>	Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm																				
<i>truyền nhiễm</i>	Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh																				
<i>nhiễm khuẩn</i>	Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể																				

vay mượn từ nhiều ngôn ngữ khác, vay mượn nhiều của tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh. Chính sự vay mượn ngôn ngữ này, làm giàu thêm vốn từ tiếng Việt.

Bài tập 3

	Từ mượn	Từ thay đổi
1	fan (cuồng)	người hâm mộ
2	Idol	Thần tượng
3	Chuyên cơ	Máy bay
4	Phi trường	Sân bay

Thay đổi: Những người hâm mộ thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy thần tượng của mình xuất hiện trên cửa chiếc máy bay vừa đáp xuống sân bay.

D. VẬN DỤNG.

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
 - Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
 - Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
 - Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu học sinh: *Viết 1 đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một người bạn của em, trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ mượn.*
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV hướng dẫn HSKT viết một vài câu.**
- *Hướng dẫn học ở nhà:*
- Hoàn thành bài tập
 - Chuẩn bị bài: Trái đất

Tuần: 31 Tiết: 122	TRÁI ĐẤT <i>- Ra-xun Gam-da-tốp-</i>	NS: 15/04/2024

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin.
- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.
- Học sinh xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta

2. Phẩm chất:

- Nhân ái: Tình yêu thương giữa con người với con người, sự giúp đỡ lẫn nhau...để bảo vệ Trái đất, bảo vệ môi trường sống.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống.

HSKT: Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho học sinh xem video: GIẬT MÌNH XEM CON NGƯỜI HỦY HOẠI TRÁI ĐẤT? Và đặt câu hỏi: Em cảm nhận như thế nào về video này?

- *GV dẫn dắt vào bài mới:* Chúng ta biết gì về Trái Đất? Chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để TĐ mãi an toàn và tươi đẹp? có thể đó là những câu hỏi luôn thường trực trong suy nghĩ của mỗi chúng ta. Và tác giả của bài thơ

hôm nay chúng ta học cũng vậy. Lớp mình cùng nhau vào bài học ngày hôm nay “Trái Đất”

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm một vài nét về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS theo dõi sgk - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố: + Tác giả: quê hương, những sáng tác chính + Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, bố cục...	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc - GV gọi 2 học sinh đọc đối thoại - Giọng đọc: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Ra -xun Gam- da -tốp (1923 – 2003) b. Tác phẩm - Thể loại: thơ tự do - PTBD: biểu cảm

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được nội dung chính của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																					
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh hoàn thành PHT - Hình thức: GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập - Thời gian: 10 phút Tên:.....Lớp:..... PHIẾU HỌC TẬP <i>Trái Đất! Có bạn xem người là quả dưa</i> <i>Họ bỏ, cắn người thành muôn mảnh nhỏ</i> <i>Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân</i> <i>Để giành giật, họ lao vào, đá, đá.</i> <table><tr><th>Nội dung</th><th>Từ ngữ</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Cách nhìn nhận về Trái Đất</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Cách đối xử với Trái Đất</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Thái độ tác giả</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	Cách nhìn nhận về Trái Đất			Cách đối xử với Trái Đất			Thái độ tác giả			II. Khám phá văn bản 1. Thái độ của nhà thơ với những kẻ hủy diệt Trái Đất <table><tr><th>Nội dung</th><th>Từ ngữ</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Cách nhìn nhận về Trái Đất</td><td>Quả dưa Quả bóng</td><td>Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác</td></tr><tr><td>Cách đối xử với Trái Đất</td><td>Bỏ, cắn thành mảnh nhỏ, giành giật, lao vào đá, đá</td><td>Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất</td></tr></table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	Cách nhìn nhận về Trái Đất	Quả dưa Quả bóng	Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác	Cách đối xử với Trái Đất	Bỏ, cắn thành mảnh nhỏ, giành giật, lao vào đá, đá	Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét																				
Cách nhìn nhận về Trái Đất																						
Cách đối xử với Trái Đất																						
Thái độ tác giả																						
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét																				
Cách nhìn nhận về Trái Đất	Quả dưa Quả bóng	Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác																				
Cách đối xử với Trái Đất	Bỏ, cắn thành mảnh nhỏ, giành giật, lao vào đá, đá	Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất																				

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	<table><tr><td></td><td></td><td>nặng nề</td></tr><tr><td>Thái độ tác giả</td><td>+ Đại từ nhân xưng: bạn, họ, lũ + Giọng điệu thơ, động từ mạnh: bỏ, cắn, lao, đá...</td><td>+ Căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất. + Đau xót khi Trái Đất bị hủy diệt</td></tr></table>			nặng nề	Thái độ tác giả	+ Đại từ nhân xưng: bạn, họ, lũ + Giọng điệu thơ, động từ mạnh: bỏ, cắn, lao, đá...	+ Căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất. + Đau xót khi Trái Đất bị hủy diệt																								
		nặng nề																													
Thái độ tác giả	+ Đại từ nhân xưng: bạn, họ, lũ + Giọng điệu thơ, động từ mạnh: bỏ, cắn, lao, đá...	+ Căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất. + Đau xót khi Trái Đất bị hủy diệt																													
- GV yêu cầu học sinh hoàn thành PHT - Hình thức: GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập - Thời gian: 10 phút Tên:.....Lớp:..... PHIẾU HỌC TẬP Trái Đất với tôi- chẳng là đùa, là bóng Với tôi, người- khuôn mặt thân thương Nước mắt người tôi lau- xin đừng khóc nữa Rửa sạch máu cho người đây, tốt hã, dịu dàng. <table><tr><th>Nội dung</th><th>Từ ngữ</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Xung hô với Trái Đất</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Hình dung về Trái Đất</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Hành động của tác giả</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thái độ tác giả</td><td></td><td></td></tr></table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	Xung hô với Trái Đất			Hình dung về Trái Đất			Hành động của tác giả			Thái độ tác giả			2. Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất <table><tr><th>Nội dung</th><th>Từ ngữ</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Xung hô với Trái Đất</td><td>Người</td><td>Thái độ trân trọng</td></tr><tr><td>Hình dung về Trái Đất</td><td>+ Gương mặt thân thương + Giọt nước mắt rơi + Máu chảy ➔ Cách nói Ấn dụ</td><td>Sự đau xót, tổn thương nặng nề do sự phá hoại của con người</td></tr><tr><td>Hành động của tác giả</td><td>+ Lau nước mắt + Rửa sạch máu + Hát dịu dàng</td><td>An ủi, vỗ về</td></tr><tr><td>Thái độ của tác</td><td colspan="2">Trân trọng, cảm thông, thấu hiểu, chia sẻ với</td></tr></table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	Xung hô với Trái Đất	Người	Thái độ trân trọng	Hình dung về Trái Đất	+ Gương mặt thân thương + Giọt nước mắt rơi + Máu chảy ➔ Cách nói Ấn dụ	Sự đau xót, tổn thương nặng nề do sự phá hoại của con người	Hành động của tác giả	+ Lau nước mắt + Rửa sạch máu + Hát dịu dàng	An ủi, vỗ về	Thái độ của tác	Trân trọng, cảm thông, thấu hiểu, chia sẻ với	
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét																													
Xung hô với Trái Đất																															
Hình dung về Trái Đất																															
Hành động của tác giả																															
Thái độ tác giả																															
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét																													
Xung hô với Trái Đất	Người	Thái độ trân trọng																													
Hình dung về Trái Đất	+ Gương mặt thân thương + Giọt nước mắt rơi + Máu chảy ➔ Cách nói Ấn dụ	Sự đau xót, tổn thương nặng nề do sự phá hoại của con người																													
Hành động của tác giả	+ Lau nước mắt + Rửa sạch máu + Hát dịu dàng	An ủi, vỗ về																													
Thái độ của tác	Trân trọng, cảm thông, thấu hiểu, chia sẻ với																														

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức GV MỞ RỘNG: NHẬN RA SỰ ĐỐI LẬP GIỮA 2 KHỔ THƠ * Họ với Trái Đất - Trái Đất như một vật sở hữu, vô tri, vô giác - Là một thú vui, đồ ăn cho những con người “ ích kỉ”, “ hiều thẳng” ➔ Thái độ: coi thường, rẻ rúng, cách cư xử thô bạo, đáng lên án * Tác giả với Trái Đất - Trái Đất được hình dung như một con người có cảm xúc, nhưng là cảm xúc đau khổ - Là đối tượng cần được chia sẻ, yêu thương ➔ Thái độ: nâng niu, trân trọng, cách cư xử nhân văn, có hiểu biết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nêu chủ đề, cách đọc văn bản - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động	giả <i>người bạn – Trái Đất</i>	III. Tổng kết- Củng cố 1. Chủ đề -Thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất 2. Cách đọc văn bản - Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin. - Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi **BAY KHẮP TRỜI XANH**

CÂU HỎI 1: Tác giả gọi Trái Đất trong văn bản cùng tên là gì?

→ Người

CÂU HỎI 2: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào khi nhắc đến Trái Đất?

→ Ẩn dụ

CÂU HỎI 3: EM hãy chia sẻ cảm xúc, bài học sau khi tìm hiểu bài “Trái Đất”

CÂU HỎI 4: Tại sao tác giả gọi Trái Đất là “người”?

→ Vì ông thể hiện sự tôn trọng, thiêng liêng hóa Trái Đất

CÂU HỎI 5: Đâu không phải là hành động tác giả làm với Trái Đất?

→ Lao vào đá

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức hoạt động: **TẬP LÀM GIÁO VIÊN**

1. Có ý kiến cho rằng: loài người đang ăn Trái đất, bạn có suy nghĩ gì về ý kiến này?

2. Bạn đã làm gì để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ Trái đất của chúng ta?

3. Vì sao chúng ta phải bảo vệ Trái đất?

4. Theo bạn, bảo vệ Trái đất có phải là trách nhiệm của một quốc gia nào đó không? Vì sao bạn lại cho rằng như vậy?....

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm nội dung bài học

- Chuẩn bị bài: Viết

Tuần: 31, 32 Tiết: 123 - 126	VIẾT VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN TÓM TẮT BẢNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN	NS: 15/04/2024

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.
- Tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

2. Phẩm chất:

- Trung thực, trách nhiệm của bản thân trong việc viết biên bản.

HSKT: Viết được một vài ý đơn giản theo thể thức biên bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

A. Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV đặt câu hỏi:** Trong cuộc sống hàng ngày, em thường nghe mọi người xung quanh nhắc đến việc viết biên bản trong những tình huống nào?

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:**

B. Hình thành kiến thức

A. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

Hoạt động 1. Tìm hiểu chung về biên bản

a. Mục tiêu: nắm được khái niệm, mục đích, thể thức của một biên bản đúng pháp luật, đúng quy cách

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được thể thức của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức HOẠT ĐỘNG NHÓM + Biên bản là gì? + Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? + Hãy nêu số tình huống mà em thấy cần viết biên bản? + Trình bày thể thức của biên bản thông thường? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm dựa vào SHS để giải quyết các yêu cầu. GV hỗ trợ HSKT trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Tìm hiểu chung về biên bản 1. Khái niệm biên bản - Biên bản là một loại văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. - Nó được lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó. - Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng. 2. Thể thức của biên bản thông thường - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiều nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc. - Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lý, làm thành tên gọi của biên bản. - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lý vụ việc,.... - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí. - Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận

	hay xử lý vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc. - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên.

Hoạt động 2: Phân tích biên bản tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được biên bản tham khảo *Biên bản bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh”*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức hoạt động nhóm + Câu 2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí? + Câu 3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả? + Câu 4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí? + Câu 5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Tên biên bản là gì? Nêu địa điểm, thời gian của biên bản? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm.	II. Phân tích biên bản tham khảo - Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí - Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận. - Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí - Ngôn ngữ của biên bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính, ngắn gọn, đơn nghĩa, dễ hiểu, súc tích.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết biên bản theo các bước.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết một biên bản đúng quy cách, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, gợi ý để em viết một vài ý đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết - Hình dung lại các cuộc họp, thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức một hoạt động, cuộc họp kiểm điểm...) - Xác định tên gọi của biên bản, đồng nghĩa với việc chọn nội dung cho biên bản sắp viết. 2. Viết biên bản - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. - Viết phần chính của biên bản theo đúng trình tự hợp lý, nội dung cụ thể. - Viết chi tiết những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận (kế hoạch, giải pháp, phân công nhiệm vụ...). - Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận. - Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì. - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và

nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.	ghi đầy đủ họ tên người có trách nhiệm kí vào biên bản. 3. Chỉnh sửa biên bản - Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản. - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc. - Lược bỏ những chi tiết không liên quan đến vấn đề. - Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan. Bảng kiểm biên bản <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu đối với biên bản</th><th>Đạt/ Chưa đạt</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.</td><td></td></tr> <tr> <td>Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp</td><td></td></tr> <tr> <td>Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.</td><td></td></tr> <tr> <td>Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.</td><td></td></tr> <tr> <td>Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.</td><td></td></tr> <tr> <td>Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.</td><td></td></tr> <tr> <td>Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Yêu cầu đối với biên bản	Đạt/ Chưa đạt	Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.		Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp		Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.		Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.		Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.		Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.		Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.	
Yêu cầu đối với biên bản	Đạt/ Chưa đạt																
Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.																	
Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp																	
Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.																	
Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.																	
Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.																	
Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.																	
Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.																	

B. TÓM TẮT BẢNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

Hoạt động 1. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ

- a. Mục tiêu:** Biết được thực hành tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

HSKT: Vẽ một vài hình ảnh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Trình bày khái niệm, mục đích, yêu	I. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ. 1. Khái niệm: Tóm tắt nội dung một văn bản

câu của việc tóm tắt bằng sơ đồ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em nắm một vài ý cơ bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	đã đọc bằng sơ đồ là việc làm cần thiết để từng bước nâng cao, hoàn thiện kỹ năng đọc. 2. Mục đích - Giúp nâng cao khả năng nắm bắt những thông tin chủ yếu của văn bản. - Bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận trong văn bản. - Những sơ đồ hợp lý có thể giúp ta nhớ lại khá dễ dàng nội dung cốt lõi của những văn bản tin đọc. 3. Yêu cầu - Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản. - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ cho trí nhớ.

Hoạt động 2. Phân tích bản tóm tắt tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được sơ đồ tham khảo “*Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống*”

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn + Là người đã đọc, đã học văn bản “Trái đất – cái nôi của sự sống”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được cập nhật trong văn bản chưa?	II. Phân tích bản tóm tắt tham khảo <i>“Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống”</i> 1. Ưu điểm - Phản ánh đúng những nội dung chính - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ.

+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	2. Nhược điểm + Mỗi nội dung cần cụ thể chi tiết hơn. Ví dụ: - “có nước” có thể thay bằng: “nước- vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất. - “Con người- đỉnh cao của sự sống” nên thay bằng: “Con người và những tác động gây tổn thương cho Trái Đất” - Thiếu ý Tình trạng của Trái Đất hiện nay ra sao?

Hoạt động 3: Thực hành tóm tắt theo các bước

a. Mục tiêu: Biết tóm tắt văn bản bằng sơ đồ theo các bước.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV giao nhiệm vụ để em vẽ một vài hình ảnh liên quan đến Trái đất. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành tóm tắt theo các bước 1. Trước khi tóm tắt - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung đó. - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được. - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa. 2. Tóm tắt - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa. - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp. - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau. 3. Chỉnh sửa - Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa. - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản. - Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng.

C. Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm đề bài sau: Giả sử trong một cuộc họp lớp thảo luận về giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa. Em được giao nhiệm vụ làm thư kí. Hãy viết biên bản cuộc thảo luận (hoặc cuộc họp) ấy.

D. Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

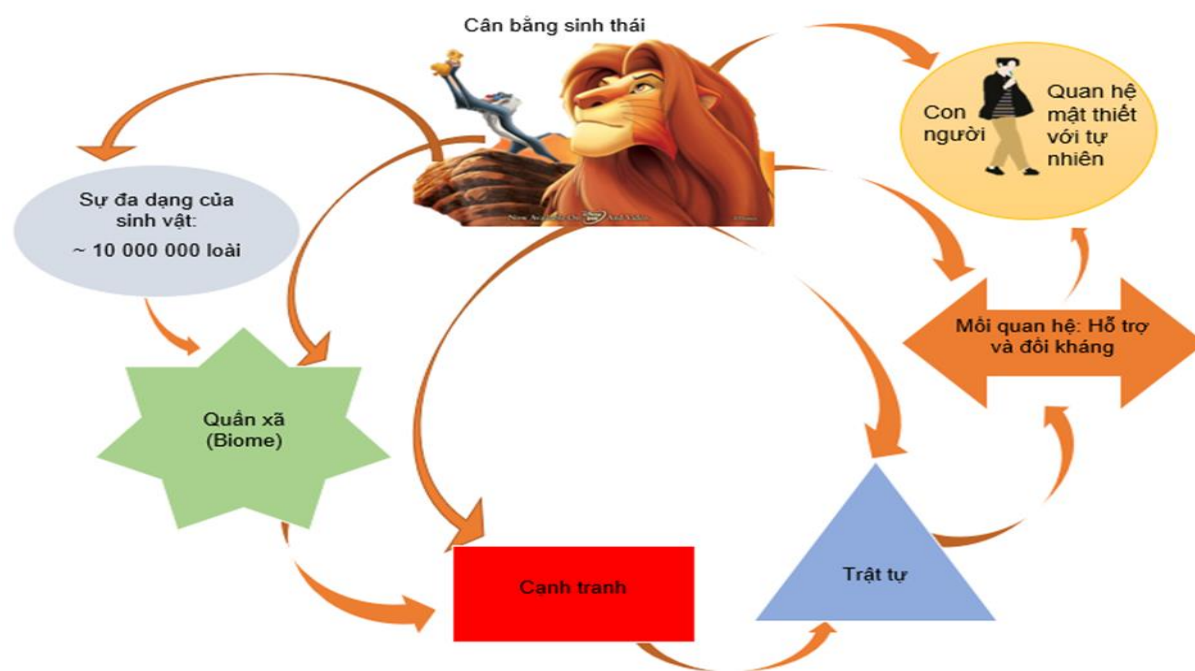
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

HSKT: Nhìn tranh ở SGK và vẽ theo.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Đề bài: Tóm tắt nội dung văn bản: “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”



Hướng dẫn học ở nhà:

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị bài: Nói và nghe

Tuần: 33 Tiết: 129-132	Bài 10: CUỐN SÁCH TÔI YÊU GIỚI THIỆU BÀI HỌC+ THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH	NS: 01/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

- Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

3. Phẩm chất:

- HS yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

HSKT: Đọc và nêu một vài ý kiến về hiện tượng đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT;
- PHT số 1, 2;
- Tranh ảnh;
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

DẠY HỌC THEO DỰ ÁN

DỰ ÁN: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Chủ đề: Gỗ cửa trái tim, Khác biệt và gần gũi

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
Tiết	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Mở đầu	Giới thiệu bài học, Tri thức ngữ văn	- Danh mục sách được chọn, po-xtơ chung của dự án. - Góc đọc sách của nhóm, lớp.		
2,3,4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách	Nhật kí đọc sách của nhóm (pô-xtơ, phiếu đọc sách).		
5,6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: Sáng	- Sản phẩm nghệ thuật minh hoạt sách (kết hợp viết và vẽ minh hoạ).		

		tạo cùng tác giả	- Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.		
7,8	Thực hiện dự án: Nói và nghe	Về đích: Ngày hội với sách	Bài trình bày trực tiếp hoặc bằng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.		

GIÁI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b) **Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.
- c) **Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức trò chơi: <i>Giải mã mật thư xanh</i> GV tổ chức phần thi ngắn giữa các nhóm theo hình thức câu đố. 1. Trái đất mặc áo mấy tầng Đố em biết áo mấy tầng là chi → Đáp án: Khí quyển 2. Không có quả không có cây	HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân.

Thế mà có hạt rụng đầy nơi nơi Cỏ cây thấy rụng thì vui Loài vật thấy rụng tìm nơi ẩn mình → Đáp án: Hạt mưa 3. Cầu gì chỉ mọc sau mưa Lung linh bảy sắc, bắc vừa tới mây? → Đáp án: Cầu vồng 4. Chân gì ở tí tắp xa Gọi là chân đấy, nhưng mà không chân → Đáp án: Chân trời 5. Là sông chẳng giọt nước nào Lại còn vắt vẻo trên cao lạ kỳ Ban ngày tránh nắng sông đi Lúc sông hiện rõ là khi đêm về → Đáp án: sông Ngân Hà 6. Trong như hạt ngọc Mọc trên lá xanh Nắng rọi xuống cành → Đáp án: Hạt sương 7. Biển nhanh như chớp Hình hài nào thấy xưa nay Thế mà chạy được suốt ngày suốt đêm → Đáp án: Gió - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	

nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - Hs tham gia trò chơi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. + GV dẫn dắt: Sách là người thầy, người bạn thân thiết của chúng ta và giúp mỗi người có thêm nhiều tri thức. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu và khám phá những cuốn sách với chủ đề “Trái Đất – ngôi nhà chung”.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu:

- Xác định được chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

b. Nội dung: Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

HSKT: Xác định được thể loại của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ. <i>Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:</i> + Chủ đề của bài học là gì? + Chủ đề định hướng những vấn đề gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ. - GV lắng nghe, gợi mở. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. - Gv tổ chức hoạt động. - Hs trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh.	I. Tìm hiểu giới thiệu bài học - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Cuốn sách tôi yêu” - Thể loại: văn bản nghị luận văn học - Vấn đề chính: + Gợi mở về việc đọc sách: đọc các tác phẩm văn chương, các văn bản nghị luận. + Ý nghĩa của việc đọc sách: tự khám phá thế giới và tạo ra niềm vui riêng.

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về VB nghị luận văn học.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được một vài ý về VB nghị luận văn học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:	II. Khám phá Tri thức ngữ văn VB nghị luận văn học - Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác

+ VB nghị luận văn học là gì? + Lí lẽ là gì? Bằng chứng trong VB được lấy từ đâu? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: VB nghị luận văn học là gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	phẩm, thể loại,... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới. - Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại,... - Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học.

GIAI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN DỰ ÁN

ĐỌC

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TD.

HSKT: Đọc một vài đoạn văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, chuẩn bị những cuốn sách đọc em yêu thích.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV kiểm tra yêu cầu đã phân công từ tiết trước cho HS: Thiết kế một góc đọc sách nhỏ trong lớp học. Mỗi HS đóng góp vài cuốn sách mà mình muốn đọc cùng với các bạn. -GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: <i>Cuốn sách gần nhất em đã đọc là sách gì? Hãy chia sẻ điều thú</i>	- HS trình bày sản phẩm giá sách của tổ mình. - Kể tên những cuốn sách hay và điều thú vị từ sách mà em rút ra được.

vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc. Kể tên một cuốn sách mà em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục mọi người cùng đọc.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

GV hỗ trợ HSKT.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm.

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

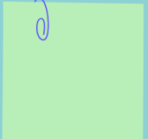
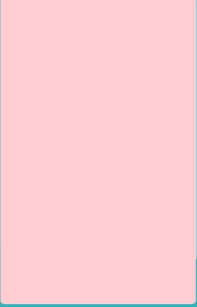
+ GV dẫn dắt: Mỗi cuốn sách đều có những giá trị riêng, mang đến cho người đọc những suy nghĩ, trải nghiệm từ cuộc sống. Mỗi ngày, chúng ta đọc một cuốn sách là thêm những điều bổ ích và thú vị được khám phá. Bài học hôm nay chúng ta cùng tham gia thử thách đọc sách mỗi ngày nhé.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

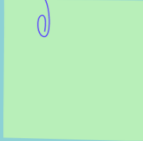
Hoạt động 1: Sách hay cùng đọc

- Mục tiêu:** Lựa chọn được những chủ đề sách yêu thích và đọc các cuốn sách có liên quan. Nắm rõ được các thông tin cuốn sách, nội dung, nghệ thuật đặc sắc của cuốn sách.
- Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

PHT dành cho văn bản nghệ thuật

PHT Sách hay cùng đọc (VBNT) Trích dẫn hay trong cuốn sách Nhận định hay về cuốn sách 	1 Tên sách 	2 Tác giả 	3 Năm xuất bản/ tái bản 	4 Thông tin khác 
	5 Đề tài, chủ đề 	6 Bố cục 	7 Nhân vật 	8 Chi tiết 

PHT dành cho văn bản thông tin

PHT Sách hay cùng đọc (VBTT) Trích dẫn hay trong cuốn sách Nhận định hay về cuốn sách 	1 Tên sách 	2 Tác giả 	3 Năm xuất bản/ tái bản 	4 Thông tin khác 
	5 Đề tài, chủ đề 	6 Bố cục 	7 Sự kiện 	8 Thông điệp từ cuốn sách 

PHT dành cho văn bản thông tin

PHT

Sách hay

cùng đọc

(VBNL)

Trích dẫn hay trong
cuốn sách

Nhận định hay về
cuốn sách

1 Tên sách

5 Ý kiến

2 Tác giả

6 Lí lẽ

3 Năm xuất
bản/ tái bản

7 Bằng
chứng

4 Thông
tin khác

8 Thông điệp
từ cuốn
sách

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + Mỗi nhóm lựa chọn 2 trong số các chủ đề sau: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung. + HS cùng đọc sách đã lựa chọn và nắm rõ các thông tin: tên sách, tác giả, nhà	1. Đọc và thể hiện sản phẩm - Cả nhóm cùng đọc và rút ra những thông tin cần thiết về tác phẩm. - Thể hiện sản phẩm: pô-xtơ minh họa cho sp, xây dựng đoạn phim ngắn...

<i>xuất bản, năm xuất bản. Các thông tin về nội dung: đề tài chủ đề sách, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết. (theo PHT của từng thể loại)</i> + HS thể hiện nội dung lên pô-xtơ và trang trí nội dung. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả, sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 2: Cuốn sách yêu thích

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin cơ bản, ấn tượng về cuốn sách đó.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

Nhan đề: Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?

Phần mở đầu có điều gì đáng chú ý? Vì sao?

TÊN CUỐN SÁCH
.....
.....

Những gì còn đọng trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?

Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đọc?

Họ tên: 2

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + GV yêu cầu HS: đọc sách. Trong quá trình đọc, ghi lại những thông tin về sách theo các gợi ý ở PHT: Cuốn sách yêu thích - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em chọn một cuốn sách để đọc và tìm hiểu thông tin. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.	2. Đọc và cảm nhận sách

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức GV khuyến khích học sinh chia sẻ thêm những suy nghĩ của mình về cuốn sách. Khích lệ các em trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân.	

Hoạt động 3: Gặp gỡ tác giả

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về tác giả, tác phẩm.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

PHT số

Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi

HỌ TÊN

.....

Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được gọi là "người con của núi"

Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài

Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì?

Câu cuối cùng của có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu phần gặp gỡ tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + GV hướng dẫn HS: đọc VB Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi, thông qua văn bản này chúng ta cần nhận ra được đặc điểm của VB nghị luận văn học. + GV yêu cầu HS: đọc văn bản theo nhóm. Chú ý các thông tin mục “theo dõi” để tìm các lý lẽ của người viết và các bằng chứng được nêu ra để minh họa, làm rõ cho lý lẽ. + GV yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau. Nhóm nào nhiều đáp án đúng	3. Gặp gỡ tác giả a. Đọc văn bản, tìm hiểu chung - Tên văn bản: <i>Nhà thơ Lò Ngân Sủn - người con của núi</i> - Thể loại: là văn bản nghị luận văn học + Là loại VB bàn về một vấn đề văn học, đó là bàn về nhà thơ Lò Ngân Sủn. + Lý lẽ trong VB là nhận định của tác giả về nhà thơ Lò Ngân Sủn: thơ ông là những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. + Dẫn chứng đưa ra là những câu thơ của nhà thơ đã viết. b. Khám phá văn bản

<i>sẽ giành chiến thắng hoặc trả lời vào PHT</i> Câu a. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là “người con của núi”? A. Vì nhà thơ có nhiều bài thơ viết về núi rừng, cỏ cây, hoa lá của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. B. Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng. C. Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn đích thực là một “người con của núi”, của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. D. Vì Lò Ngân Sủn là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên chín khúc Bản Xèo</i>, <i>Ngôi nhà rông</i>. Câu b. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài. A. Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. B. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phần hồn thơ Lò Ngân Sủn. c. Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên</i>	1. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là ‘ người con của núi’” - Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng. 2. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài. - Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt 3. Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết? - Bằng chứng 4. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu? - Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu ra để bàn luận.

<i>chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rộng đều mang âm vọng của núi, mệnh mang lời của núi.</i> D. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông? Câu c. Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết? A. Lí lẽ B. Bằng chứng Câu d. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu? A. Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận. B. Làm bằng chứng cho vấn đề được nêu ra để bàn luận c. Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận. D. Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu ra để bàn luận. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV hỗ trợ em đọc một đoạn ngắn và trả lời một câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.	

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 4: Phiêu lưu cùng trang sách

a. Mục tiêu: Biết được sự tương đồng và khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu phần gặp gỡ tác giả Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV giao nhiệm vụ cho HS trước khi đến lớp: Đọc truyện cổ tích Tấm Cám. + GV yêu cầu HS tại lớp: Cùng xem một trích đoạn bộ phim <i>Tấm Cám</i> - <i>chuyện chưa kể</i> được chuyển thể thành phim của nhà sản xuất Ngô Thanh Vân. Sau khi xem xong, HS thực hiện các nhiệm vụ sau:	4. Phiêu lưu cùng trang sách - Tương đồng: phim giữ nguyên cốt truyện, kể về những thử thách mà Tấm phải trải qua. - Khác biệt: Phim có sử dụng âm nhạc, đầu tư hình ảnh diễn viên... nên hấp dẫn người xem.

+ Thảo luận và so sánh để thấy điểm tương đồng, khác biệt giữa nội dung và hình thức của phim và truyện. + Thiết kế một pô-xtơ để giới thiệu bộ phim đã xem. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Trồng cây quanh nhà”

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. <i>Em đã từng đọc và học nhiều sách, truyện, tác phẩm. Giả sử em được trao đổi với tác giả, em sẽ lựa chọn tác giả nào và nội dung là gì? Em hãy viết bằng hình thức một lá thư để gửi cho tác giả đó (Nguyễn Thế Hoàng Linh, Mai Văn Phấn...)</i>	

<i>Lưu ý: Gv có thể giúp học sinh liên hệ với các nhà văn, nhà thơ, các tác giả qua fb cá nhân, email)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn
- Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV phổ biến cuộc thi “Cuốn sách tôi yêu” được tổ chức hàng năm để học sinh tham gia. (Gv có thể tổ chức cuộc thi ở quy mô lớp/ khối) + Em có thể kể tên thêm một số bộ phim mà em biết được chuyển thể từ các tác phẩm văn học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh - Tam quốc diễn nghĩa - Tây du kí - Trạng Tí

IV. Phụ lục

Phân gợi ý thêm cho thầy cô

I. Sách hay cùng đọc

- Em chọn hai chủ đề: Quê hương yêu dấu, Thế giới cổ tích.
- Với mỗi chủ đề đã chọn, tìm một cuốn sách có nội dung liên quan:
 - Thế giới cổ tích: Cây tre trăm đốt
 - + Tác giả Minh Lâm, NXB Hồng Đức

+ Tóm tắt nội dung:

Ngày xưa có một chàng trai hiền lành, khỏe mạnh đi cày thuê cho vợ chồng ông phú hộ. Hai người này hứa sẽ gả con gái cho anh. Tin vào lời hứa, anh ra sức làm việc không ngại khó nhọc. Nhưng ba năm sau, phú ông đưa ra một điều kiện là phải tìm được một cây tre trăm đốt để làm nhà cưới vợ thì ông mới gả con gái cho. Anh bèn lên rừng quyết tâm tìm được một cây tre trăm đốt. Tìm mãi không thấy, anh thất vọng ngồi khóc. Bỗng Bụt hiện lên và bảo anh đi tìm, chặt cho đủ 100 đốt tre rồi giúp anh bằng hai câu thần chú: "Khắc nhập, khắc nhập!" để gắn kết 100 đốt tre rồi thành một cây tre trăm đốt và "Khắc xuất, khắc xuất!" để tách các đốt tre ra. Về nhà, anh cho cha vợ tương lai của mình xem cây tre trăm đốt. Phép màu của Bụt đã hút ông dính luôn vào cây tre. Khi ông đồng ý giữ lời hứa, anh mới sức nhớ ra câu "khắc xuất" để giải thoát cho cha vợ của mình. Sự hãi, ông phú hộ phải giữ lời hứa, gả con gái cho anh nông dân.

+ Liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích được trích dẫn từ cuốn sách hoặc những câu nhận định về cuốn sách: Ông dạy nó đọc: “Khắc nhập, khắc nhập” đủ ba lần, thì một trăm khúc tre tự nhiên dính lại với nhau thành một cây tre đủ một trăm đốt. Nó mừng quá, định vác về, nhưng cây tre dài quá, vướng không đi được. Ông lão bảo nó đọc: “Khắc xuất, khắc xuất” đúng ba lần thì cây tre trăm đốt lại rời ra ngay từng khúc.

- Quê hương yêu dấu: Quê hương bé nhỏ

+ Tác giả Gael Faye, NXB Trẻ

+ Tóm tắt nội dung:

Mỗi đứa trẻ đều có một quê hương để yêu thương. Quê hương của cậu bé Gaby 11 tuổi ở đất nước Burundi cũng đẹp và quyến rũ như mọi quê hương trên đời. Ở khu phố của cậu là nhóm bạn có những đứa con lai Âu chơi với nhau, những bữa tiệc ngoài vườn vui vẻ giữa các gia đình, và những người hàng xóm đủ chủng tộc đến ngạc nhiên. Nhưng rồi đất nước bé nhỏ rơi vào loạn lạc, xung đột sắc tộc bùng phát, những người hàng xóm

bổng chốc thành sát thủ của nhau, và cậu bé rơi vào dòng xoáy của những bạo lực và thảm sát hàng loạt. Giữa ngập tràn bạo lực, cái chết và nỗi sa đọa của phẩm giá con người, Gaby tìm cách giữ lấy cho mình phần người còn lại, nhưng thương tích tâm hồn còn mãi...

+ Nhận định về cuốn sách: Câu chuyện đầy cảm xúc viết về số phận nhỏ bé của con người trong quá trình xung đột cũng như hóa giải hậu xung đột của một thảm họa nhân đạo lớn nhất thập niên 1990, khi các quốc gia phương Tây gần như đứng ngoài bỏ mặc mọi sự diễn ra. Nhân vật chính là bản phóng chiếu của tác giả, đứa trẻ đã tới Pháp để thoát khỏi cuộc xung đột, để lại cha mẹ nơi đó, và rồi kể lại câu chuyện hai mươi năm sau... Câu chuyện trải từ trong treo đến dữ dội viết bằng bút pháp xuất sắc đã giúp tác phẩm đoạt giải Goncourt Thiếu niên 2016 và nhiều giải thưởng khác của Pháp, góp phần đưa tác giả thành một trong 50 người Pháp nổi bật.

II. Cuốn sách tôi yêu

- Chọn một cuốn sách yêu thích: Hạt giống tâm hồn.

+ Nhan đề: Với những tác phẩm này, mọi người sẽ có thêm những cái nhìn tuyệt vời về cuộc sống. Từ đó khám phá những điều mới lạ, chinh phục những điều đặc biệt. Nếu bạn đang tìm một bộ sách hay, chúng tôi sẽ giúp bạn tìm hiểu về nó trong bài viết này.

+ Mở đầu: Mỗi câu chuyện là một trải nghiệm, một lời khuyên. Nó sẽ giúp bạn đương đầu với những thử thách trong cuộc đời mình một cách dễ dàng hơn. Từ đó, sống mạnh mẽ và trải nghiệm cuộc đời theo cách tuyệt nhất.

+ Thế giới từ trang sách: Những con người bình thường và cuộc sống bình thường của họ. Đó là những điều bình dị mà đôi khi chúng ta đã lãng quên.

+ Bài học từ trang sách: mỗi thử thách, trở ngại đều cần thiết. Nó giúp bạn sống ý nghĩa hơn. Và chính những khó khăn ấy sẽ giúp bạn mỉm cười thật tươi khi đã bước lên vinh quang trong cuộc sống của mình.

Tuần: 34 Tiết: 133, 134	VIẾT THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ	NS: 04/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nhận biết những sáng tạo trong nghệ thuật đề tác phẩm văn học trở nên hấp dẫn, sinh động.

2. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

HSKT: Viết được một vài câu đơn giản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT;
- PHT số 1,2;
- Tranh ảnh;
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) **Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Em thích những nhân vật, những cuốn sách, nhân vật nào? Đã bao giờ em thử vẽ một nhân vật trong câu chuyện đó chưa? Nếu có hãy chia sẻ về trải nghiệm và sản phẩm này?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vô bài. Sáng tạo một sản phẩm cùng tác giả là một hoạt động thú vị. Vậy làm thế nào để hoạt động này hiệu quả, thiết thực, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu tiết học hôm nay.	- Hs chia sẻ trải nghiệm

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật

- a. Mục tiêu:** Biết cách thể hiện, minh hoạ cho nội dung một cuốn sách.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Chọn cuốn sách muốn minh hoạ.</i> + <i>Chọn chi tiết, nhân vật định minh hoạ.</i> + <i>Nêu ý tưởng minh hoạ và thể hiện bằng hình thức phù hợp. (vẽ tranh, dựng mô hình)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Giúp em chọn một cuốn sách và vẽ lại một hình ảnh minh hoạ mà em yêu thích. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - Hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được một vài yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu yêu cầu Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Nêu được tên sách và tác giả. - Nêu được hiện tượng đời sống gọi ra từ cuốn sách và ý kiến của em về hiện tượng đó. - Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của một bài văn trình bày yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. HS đọc bài viết tham khảo <i>Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường</i>. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau: + <i>Phần mở đầu, bài viết đã giới thiệu những thông tin gì?</i> + <i>Phần thân bài: tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào? Từ những điều đó, bài viết đã dẫn người đọc đến hiện tượng cần bàn luận là gì?</i> + <i>Phần kết bài: tác giả nói về điều gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	II. Phân tích bài viết tham khảo <i>Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường.</i> - Phần mở bài: + Giới thiệu tên sách, tác giả. + Nêu hiện tượng đời sống mà cuốn sách gọi ra: suy nghĩ về trách nhiệm của con người đối với môi trường sống trên TĐ. - Phần thân bài + Bằng chứng: Ken-ga vùng vẫy, tuyệt vọng, toàn thân ngập trong lớp váng dầu ma con người đã vô tình để dầu tràn ra từ con tàu. + Lí lẽ: khi môi trường sống bị ô nhiễm, sự sống của tất cả các sinh vật trên TĐ đều bị đe dọa nghiêm trọng. + Liên hệ thực tế: ý thức, những biện

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. HSKT: Phần mở đầu, bài viết đã giới thiệu những thông tin gì? Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	pháp của con người để bảo vệ môi trường. - Kết bài: Nêu lên tầm quan trọng của cuốn sách. + Giúp người đọc có thêm hiểu biết về thiên nhiên, tình yêu thương và chia sẻ. + Hiểu rõ hơn về những điều có thể làm để góp phần gìn giữ TĐ.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Gv hướng dẫn HS đọc phần mục đích viết và đối tượng người đọc để xác định yêu cầu về mục đích.</i> + <i>GV có thể đưa ra yêu cầu: Chọn một cuốn</i>	III. Các bước tiến hành 1. Trước khi viết - Xác định thời gian, địa điểm, xác định đề tài, mục đích. - Lựa chọn đề tài. - Tìm ý.

sách em yêu thích và suy nghĩ về một hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra. (Gv gợi mở một số đề tài: Gió lạnh đầu mùa, chi tiết chị em Sơn mang áo bông cho cái Hiên->chia sẻ, giúp đỡ trong bão lũ hoặc dịch bệnh; Cô bé bán diêm: người đi đường thờ ơ, vô cảm cô bé-> hiện tượng vô cảm trong xã hội, + Hướng dẫn học sinh tìm ý theo PHT số 1, trình chiếu ví dụ. + Hướng dẫn học sinh lập dàn ý theo PHT số 2 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Giúp em chọn một chi tiết đơn giản và nêu cảm nhận của mình. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Lập dàn ý. 2. Viết bài - Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài, sửa bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp).</i> + <i>Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. 3. Chỉnh sửa bài viết

PHT số 1: Phiếu tìm ý

Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả?	
Chi tiết, sự vật, nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?	
Chi tiết, sự vật, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?	
Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đời sống đó	

Gợi ý

Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả?	Dế Mèn phiêu lưu kí.
Chi tiết, sự vật, nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?	- Em ấn tượng với nhân vật Dế Mèn. - Chi tiết Dế Mèn ý mạnh ức hiếp, bắt nạt Dế Choắt.
Chi tiết, sự vật, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?	- Hiện tượng bắt nạt học đường. Hiện nay, trong trường học, có một số bạn thích thể hiện bản thân chuyên đi ức hiếp, bắt nạt các bạn khác.
Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đời sống đó?	Đây là một hiện tượng xấu, để lại nhiều hệ lụy.

PHT số 2: Phiếu Dàn ý

Mở bài	Giới thiệu tên sách, tác giả, hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.

	
Thân bài	Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng: Lí lẽ: Bằng chứng: Chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn:
Kết bài	

Bảng kiểm

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài văn có bố cục đầy đủ ba phần: MB, TB, KB.		
Giới thiệu được tên sách, tác giả.		
Giới thiệu được hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.		
Sử dụng lí lẽ để làm rõ hiện tượng.		
Sử dụng bằng chứng để làm rõ hiện tượng.		
Liên hệ với thực tế đời sống.		

Nêu được tầm quan trọng, ý nghĩa của hiện được đời sống được gọi ra từ cuốn sách.		
Đảm bảo chính tả, ngữ pháp.		

Tuần: 34 Tiết: 135, 136	GIAI ĐOẠN 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN NÓI VÀ NGHE VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH	NS: 04/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, yêu thích đọc sách.

HSKT: Nhận biết được một vấn đề đơn giản từ cuốn sách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. - GV nhắc lại nhiệm vụ từ tiết trước: Chuẩn bị bài viết về vấn đề gọi lên từ một cuốn sách đã đọc. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. <i>GV dẫn dắt vài bài:</i>	HS chia sẻ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu sản phẩm minh họa sách

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

HSKT: Nhận biết được một yêu cầu, mục đích của bài.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Giới thiệu sản phẩm minh họa sách

- GV chuyển giao nhiệm vụ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	- Hs giới thiệu tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh. - Cây đọc sách của nhóm, lớp. - Nhật kí đọc sách của cá nhân. - Đoạn băng ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm. - Các cuốn sách đã đọc trong dự án. - Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp...

Hoạt động 2: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ.	II. Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc

+ GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe. + GV yêu cầu HS đọc kỹ phần chuẩn bị nội dung nói để xác định nội dung bài nói của mình. + Hs tìm ý theo PHT số 1, sắp xếp ý. + Hs tập luyện cá nhân hoặc cặp đôi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trình bày bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ.	1. Trước khi nói a. Xác định mục đích nói và người nghe - Mục đích: chia sẻ để mọi người hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm. b. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn vấn đề. - Tìm ý. - Sắp xếp ý. c. Tập luyện 2. Trình bày bài nói - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề. - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp.

+ Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày. + GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT nói một vài ý đơn giản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trao đổi về bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện	3. Trao đổi về bài nói

việc trao đổi ý kiến. + Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề đặt ra từ cuốn sách. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất, góp ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.	

PHT số 1: Phiếu tìm ý

Vấn đề đời sống được gọi ra từ cuốn sách là gì?	
Chi tiết, sự việc nào trong cuốn sách cho thấy rõ vấn đề ấy?	
Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?	

Hành động của em trước vấn đề cuốn sách đặt ra?	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Tạo đam mê đọc sách cho HS và HS hiểu được ý nghĩa của các cuốn sách đã đọc.

b. **Nội dung:** Đọc – hiểu cuốn sách sưu tầm được.

c. **Sản phẩm học tập:** HS hiểu biết về cuốn sách đã đọc.

d. **Tổ chức thực hiện:**

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc sách *Nhật kí rương thành của những đứa trẻ ngoan* (Haohaizi Chengzhang Riri) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến chủ yếu là những bài học được rút ra từ các mâu chuyện nhỏ theo từng chủ đề của mỗi cuốn.

* **Dẫn dò:** Nắm lại toàn bộ chương trình đã học

Tuần: 35 Tiết: 137	ÔN TẬP CUỐI HKII	NS: 04/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực học tập.

HSKT: *Nắm được một phần kiến thức cơ bản của môn học.*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân.
- c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ + GV chơi trò chơi <i>Ai nhanh hơn</i>. <i>Trong học kì II, em đã học những thể loại, loại VB nào?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- HS kể nhanh các thể loại, loại VB đã học: truyền thuyết, truyện cổ tích, VB nghị luận, VB thông tin.

GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loại văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong HK II.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập các thể loại văn bản đã học

- Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được tên tác giả và tác phẩm đã học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thể loại văn	I. Các thể loại VB

bản đã học bằng cách lập bảng thống kê. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học	Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ	Điều em tâm đắc với một đoạn văn bản
Truyện thuyết (Thánh Gióng)	Thánh Gióng là thiên anh hùng ca thần thoại đẹp đẽ, hào hùng, ca ngợi tình yêu nước, bất khuất chiến đấu chống giặc ngoại xâm vì độc lập, tự do của dân tộc	Sau tiếng nói thần kì, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo không còn mặc vừa. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi

	Việt Nam thời cổ đại. Để thắng giặc ngoại xâm cần có tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, lớn mạnh vượt bậc, chiến đấu, hy sinh...Truyện xây dựng yếu tố kỳ ảo: Thánh Gióng sinh ra khác thường, lớn nhanh như thổi, giặc đến biến thành tráng sĩ cao lớn, ngựa sắt phun được lửa, nhổ tre ven đường đánh giặc, Gióng bay lên trời,...	tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến dân ta đồng lòng, giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược, hơn thế nữa sự trưởng thành của người anh hùng Thánh Gióng còn cho thấy, sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên. Gióng lớn nhanh như thổi, khi giặc đến chân núi Trâu cậu bé ba tuổi vươn vai trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng: để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải khổng lồ về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ.
Cổ tích (Cây khế)	Chuyện kể về nhân vật bất hạnh, nghèo khổ nhưng có đức hạnh (nhân vật người em). Câu chuyện sử dụng yếu tố kỳ ảo	Sinh ra trong một gia đình không quá nghèo khó, nhưng vợ chồng người em trong câu chuyện chỉ được anh trai mình chia cho một

	con chim thần để nói lên niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác.	mảnh đất nhỏ đủ để dựng một căn nhà lá với cây khế ở trước nhà. Cây khế đó cũng là tài sản duy nhất mà hai vợ chồng người em có được. Tình huống truyện đã lột tả được bản tính tham lam, keo kiệt và thiếu tình thương của vợ chồng người anh trai với em ruột của mình. Lấy hết toàn bộ gia tài cha mẹ để lại, chia cho em mảnh đất nhỏ với cây khế làm vốn sinh nhai, thử hỏi có người anh nào lại cặn tình đến như vậy? Vợ chồng người em hiền lành chất phác, tuy chỉ được chia cho mảnh đất đủ dựng ngôi nhà nhỏ nhưng vẫn không oán than nửa lời, ngược lại họ chăm chỉ đi làm thuê cấy mướn kiếm sống và chăm sóc cho cây khế – tài sản duy nhất mà họ có. Đức tính hiền lành, chăm chỉ chịu thương chịu khó này của hai vợ chồng quả thật đáng quý và đáng học hỏi.

Văn bản nghị luận (Xem người ta kìa!)	Văn bản bàn về vấn đề cái riêng biệt trong mỗi con người là điều đáng trân trọng, cần phải được phát huy, hòa nhập ttrong cái chung của tập thể. Để có sức thuyết phục, tác giả đã sử dụng lý lẽ (Học hỏi theo sự hoàn hảo của người nhưng thế giới là muôn màu muôn vẻ, cần có những điều riêng biệt để đóng góp cho tập thể những cái của chính mình?), dẫn chứng (ngoại hình, tính cách các bạn trong lớp không ai giống ai,...)	Câu nói "Xem người ta kìa" ở cuối bài văn chính là một lời khích lệ, động viên chính bản thân mình. Người khác đã hay, đã thú vị theo cách của họ, vậy tại sao mình không đặc biệt theo cách của chính mình.
Văn bản thông tin (Trái đất - cái nôi của sự sống)	Văn bản có sapo dưới nhan đề, có 5 đề mục, 2 ảnh. Văn bản được triển khai theo quan hệ nguyên nhân kết quả	Đoạn văn cuối của văn bản đặt ra câu hỏi: Tình trạng Trái đất hiện ra sao? Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng. Đó là kết quả của sự tàn phá do con người làm nên. Trái đất có thể chịu đựng được đến bao giờ chính là vấn đề cấp thiết được đặt ra, cần sự chung tay của toàn nhân loại.

Hoạt động 2: Ôn tập các kiểu bài văn đã học.

a. Mục tiêu: Nắm được mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết đã học.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập số 2/ trang 108 và liệt kê vào bảng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: HS kẻ bảng và trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	II. Các kiểu bài viết đã học - Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích. - Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm. - Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

Các kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu	Các bước cơ bản thực hiện bài viết	Đề tài cụ thể	Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài

Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.	Làm cho câu chuyện trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ.	Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện. Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lệch nội dung vốn có của truyện. Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay	Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng. Chọn lời kể phù hợp. Ghi những nội dung chính của câu chuyện, lập dàn ý	Viết bài văn nhập vai nhân vật Tám kể lại truyện Tám Cám	Cần có sự nhất quán về ngôi kể. Kiểm tra sự nhất quán, hợp lý đối với các chi tiết được sáng tạo thêm.

		thể hiện cảm xúc của nhân vật.			
Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm	Thể hiện được ý kiến, quan điểm riêng đối với một vấn đề đang được xã hội quan tâm	Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. Thể hiện được ý kiến của người viết. Dùng lý lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.	Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý	Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề xử lý rác thải nhựa.	Những khía cạnh cần bàn luận phải thể hiện quan điểm cá nhân một cách rõ nét.
Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận	Nắm bắt được đầy đủ, chính xác điều đã diễn ra	Đúng với thể thức của một biên bản thông thường	Viết phần mở đầu, phần chính, viết chi tiết nội dung cuộc họp, thuật lại đầy đủ các ý kiến bàn luận, ghi kết luận nội dung của người chủ trì, thời gian kết thúc buổi họp, buổi thảo luận.	Viết biên bản cuộc họp Đại hội chi đoàn của lớp em.	Kiểm tra chính xác thể thức.

Hoạt động 3: Ôn tập các kiểu bài văn đã học.

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức tiếng việt đã học và vận dụng vào bài tập.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: *Nắm được một vài kiến thức tiếng việt đã học.*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập số 4/ trang 108. - Gv đặt câu hỏi gợi dẫn, HS tìm hiểu về công dụng: + <i>Hiểu được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và tác dụng của các biện pháp tu từ, em có thấy thuận lợi hơn khi đọc các tác phẩm thơ, truyện không?</i> + <i>Nắm được vị trí, chức năng của trạng ngữ, khi tạo câu, em có thấy dễ dàng hơn trong việc nêu các thông tin về thời gian, địa điểm, điều kiện?</i> + <i>Hiểu biết về tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong biểu đạt có giúp em tiến bộ hơn khi viết các kiểu bài?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	III. Kiến thức tiếng Việt - Công dụng của dấu chấm phẩy. - Cách lựa chọn từ ngữ trong câu. - Trạng ngữ. - Đặc điểm và các loại văn bản. - Từ mượn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm bài tập

GV hỗ trợ HSKT.

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...) Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.

(Tiếng mưa - Nguyễn Thị Thu Trang)

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?
2. Xác định và chỉ ra một biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong văn bản?
3. Mưa mùa xuân đã đem đến cho muôn loài điều gì?
4. Dựa vào nội dung câu in đậm trên, là một người con em sẽ trả nghĩa cho cha mẹ, thầy cô như thế nào khi đang ngồi trên ghế nhà trường? Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn 5-7 câu, có sử dụng trạng ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS luyện nói với chủ đề được viết, đặt ra từ bài tập trên.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn học ở nhà: Nắm vững kiến thức để kiểm tra cuối HKII.

Tuần: 35 Tiết: 138, 139	KIỂM TRA CUỐI HKII	NS: 04/05/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (Đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ đầu học kì II đến tuần 31.
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra học kì đảm bảo theo nội dung, cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. Tài liệu và phương tiện:

ĐỀ KIỂM TRA (GỖI TẬP KÈM THEO)

III. Hình thức, thời gian

Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận

Thời gian: 90 phút

Tuần: 35 Tiết: 140	TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II	NS: 15/05/ 2024

I- Mục tiêu cần đạt : Giúp HS :

1. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Đánh giá lại các kĩ năng làm bài cơ bản về văn bản, TV, TLV, đặc biệt là TLV.

b. Năng lực riêng biệt

- Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của mình về phương diện: nội dung kiến thức ở cả ba phân môn.

HSKT: Tìm những lỗi sai về chính tả trong bài làm của mình.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất: trách nhiệm với bài viết của mình.

II- Thiết bị và học liệu:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục, bài kiểm tra cuối kì II.

III- Tổ chức các hoạt động dạy và học

Hoạt động 1: Khởi động.

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm yêu cầu của tiết trả bài

b- Nội dung: Tiết trả bài.

c-Sản phẩm: Trả lời của HS

d-Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Gv nêu yêu cầu. Theo em, tiết trả bài có vai trò như thế nào đối với môn Ngữ văn? HSKT trả lời theo cách hiểu của bản thân. B2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nhận xét, dẫn dắt yêu cầu bài	

Hoạt động 2: Tổ chức trả bài

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm lại yêu cầu đề bài; lập dàn ý cho đề bài.

b- Nội dung: Bài kiểm tra cuối kì.

a- Sản phẩm: Bài viết của HS.

b- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV 1 <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - GV chiếu lại đề bài, yêu cầu HS đọc lại đề bài. - GV yêu cầu HS phân tích đề: chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức từng câu trong đề bài. <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chỉ ra yêu cầu về nội dung và hình thức của từng câu trong đề. <i>Báo cáo, thảo luận:</i> HS trình bày cá nhân yêu cầu. <i>Nhận xét, kết luận:</i> Nhận xét, bổ sung, kết luận.	I- Tìm hiểu những yêu cầu của đề 1- Đề bài. 2- Chữa bài (theo HDC đề kiểm tra cuối kì II)
NV 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv nhận xét, trả bài cho Hs. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem bài B3: Báo cáo, thảo luận: HS nêu nhận xét. B4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, bổ sung phần trả lời của HS và kết luận và trả bài cho HS.	II- Trả bài
NV 3: B1: GV cho HS tự nhận xét bài viết của mình (ưu, nhược điểm) từ việc đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu vừa nêu. GV quan tâm, chỉ ra những lỗi sai trong bài của HSKT. B2: HS tự nhận xét	III- Nhận xét 1- Hs đọc và tự nhận xét 2- Gv nhận xét chung a- Ưu điểm: - Phần Đọc- hiểu.

B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nêu nhận xét của mình về bài viết của HS : NV 4: B1: GV thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi. - GV lưu ý giúp HS nắm kĩ những hạn chế của bài kiểm tra, phát huy ưu điểm của bài. + Ưu điểm: - Đa số các em nắm được cách đóng vai kể lại một truyện cổ tích. - Chữ viết của 1 số bạn rõ ràng, đẹp, có ý tưởng cho bài làm. + Hạn chế: nhiều em còn sai lỗi chính tả, ngữ pháp, chữ viết cầu thả... B2: HS theo dõi B3: HS nêu những lỗi đã mắc ở bài làm. B4: GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. NV 5: B1: GV chọn một bài viết tốt cho HS đọc, bình để học tập. GV cho học sinh đọc bài viết tốt và bài viết yếu kém. B2: HS chuẩn bị nội dung bài đọc. B3: HS đọc B4: Nhận xét, tuyên dương.	- Phần Tập làm văn. b- Tồn tại: - Phần TLV IV- Chữa lỗi điển hình - Chính tả. - Chấm câu. - Diễn đạt. V- Đọc, bình các bài viết tốt và bài viết yếu - Bài tốt - Bài nhiều hạn chế

Hoạt động 3: Vận dụng.

a- Mục tiêu: Vận dụng nội dung trả bài.

b- Nội dung: Xây dựng đoạn văn đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện cổ tích.

c- Sản phẩm: Bài làm của HS

d- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Áp dụng phần rút kinh nghiệm để chữa lỗi trong bài. Viết lại đoạn văn hoàn chỉnh sau khi đã sửa chữa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HĐ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo.

+ HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định:

Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng

- Học, nắm chắc lại kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Đọc thêm một số truyện cổ tích.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Kiểm tra lại bài làm.

- Rút kinh nghiệm, học hỏi những các bài làm tốt.

- Nắm lại toàn bộ kiến thức của môn học.

- Nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện đồng thoại và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.

-Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Trải qua 5 năm học Tiểu học, em có bạn thân nào không? Theo em những người bạn có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

HSKT chỉ cần nêu tên một vài người bạn thân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Tôi, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng: khám phá bản thân trong mối quan hệ với bạn bè, kết bạn và ứng xử với bạn, nhận thức về vẻ đẹp và vai trò của tình bạn... HS lắng nghe Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK <i>GV khuyến khích HSKT đọc một đoạn ngắn – tuyên dương em trước lớp.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố: + Ai là người kể chuyện trong tác phẩm này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy? + Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào? (HSKT không thực hiện yêu cầu này) + Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	Truyện và truyện đồng thoại Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc. Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người. Cốt truyện Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc. Nhân vật Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật. đồ vật,... Người kể chuyện Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện: + Ngôi thứ nhất;

- HS trình bày sản phẩm thảo luận HSKT trình bày ý thứ nhất - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV bổ sung: <i>Nhân vật</i> là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... có đời sống, tính cách riêng được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của truyện kể, gắn chặt với chủ đề tác phẩm và thể hiện lí tưởng thẩm mĩ, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người. Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết <i>ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác</i>,... Truyện đồng thoại: một thể loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Các tác giả truyện đồng thoại sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ. Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo	+ Ngôi thứ ba. Lời người kể chuyện và lời nhân vật Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy. Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

đục sâu sắc. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hoá và khoa trương cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này.	

HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* lựa chọn một truyện mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của truyện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện.

HSKT chỉ nêu tên nhân vật và người kể chuyện

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:*

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Tìm đọc những tác phẩm cùng thể loại đã tìm hiểu
- Chuẩn bị trước văn bản: Bài học đường đời đầu tiên và phân thực hành tiếng Việt
- Đọc VB, trả lời các câu hỏi trong SGK

B/ VĂN BẢN 1. BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)

I.MỤC TIÊU

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất; nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt. Từ đó, hình dung được đặc điểm của từng nhân vật;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật thường là loài vật, đồ vật,... được nhân hóa; tác giả dùng “tiếng chim lời thú” để nói chuyện con người; cốt truyện vừa gắn liền với sinh hoạt của các loài vật, vừa phản ánh cuộc sống con người; ngôn ngữ miêu tả sinh động, hấp dẫn,...
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn; rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.
- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*.
- Rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

Đối với HSKT chỉ xác định ngôi kể, nhân vật, một vài chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, biết rút ra bài học cho bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS:

1. Có thể em đã từng đọc một truyện kể hay xem một bộ phim nói về niềm vui hay nỗi buồn mà nhân vật đã trải qua. Khi đọc (xem), em có suy nghĩ gì?

2. Chia sẻ với các bạn vài điều em thấy hài lòng hoặc chưa hài lòng khi nghĩ về bản thân?

Khuyến khích HSKT chia sẻ về bản thân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:

Trong cuộc sống, có những lúc chúng ta phạm phải những lỗi lầm khiến chúng ta phải ân hận. Những vấp ngã đó khiến chúng ta nhận ra những bài học sâu sắc trong cuộc sống của mình. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* để tìm hiểu những lỗi lầm và bài học với Dế Mèn.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Khám phá chung văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả Tô Hoài và tác phẩm <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> .	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Sen; - Năm sinh – năm mất: 1920 – 2014; - Quê quán: Hà Nội;

- GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. HSKT không thực hiện yêu cầu này, chỉ theo dõi bài đọc ở SGK - GV lưu ý: chú ý các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, hành động của nhân vật Dế Mèn. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>mẫm, hủn hoẳn, dún dấy, tợn, cà khịa, xốc nổi</i>. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận HSKT trình bày tên tác giả, năm sinh, năm mất. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. GV bổ sung: - Tô Hoài là nhà văn gần gũi với thiếu nhi Việt Nam qua những truyện viết được rất nhiều trẻ em yêu thích: Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đô ri đá, Dế Mèn phiêu lưu kí, Đảo hoang, v.v...	- Ông là nhà văn có vốn sống rất phong phú, năng lực quan sát và miêu tả tinh tế, lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. 2. Tác phẩm - Dế Mèn phiêu lưu kí là truyện đồng thoại, viết cho trẻ em; - Năm sáng tác: 1941.

- Dế Mèn phiêu lưu kí là tác phẩm văn học được dịch ra gần 40 thứ tiếng trên thế giới và đã được chuyển thể thành phim hoạt hình. - Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm về hình dáng, tính cách Dế Mèn và bài học đường đời đầu tiên.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu nhắc lại khái niệm truyện đồng thoại đã học. - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> - GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản? HSKT chỉ xác định ngôi kể. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm:	3. Đọc- kể tóm tắt -Nhân vật chính: Dế Mèn. -Ngôi kể: Thứ nhất. - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu... <i>thiên hạ</i>: Miêu tả hình dáng, tính cách Dế Mèn. + Phần 2: Còn lại. II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hình dáng, tính cách của Dế Mèn + Hình dáng. + Tính cách. - Lần lượt miêu tả từng bộ phận cơ thể của Dế Mèn; gắn liền miêu tả hình dáng với hành động.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng GV bổ sung: NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: <i>Khi nói về một nhân vật, ta có thể nêu lên những đặc điểm nào của nhân vật đó?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 1 (phần phụ lục) + <i>Xác định các chi tiết miêu tả về hình dáng, hành động Dế Mèn? Các chi tiết đó khiến em liên tưởng tới các đặc điểm nào của con người? Lối miêu tả thường được sử dụng ở loại truyện nào?</i> + <i>Dế Mèn có thái độ, mối quan hệ như thế nào với hàng xóm xung quanh?</i> + <i>Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, trình tự miêu tả của tác giả về nhân vật Dế Mèn?</i> - GV đặt câu hỏi: <i>Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về Dế Mèn? Em thích hoặc không thích điều gì ở Dế Mèn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ xác định vài chi tiết về ngoại hình của nhân vật.	➔ Dế Mèn vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người- đặc trưng của truyện đồng thoại. - Nhận xét : - Chàng Dế khỏe mạnh, cường tráng, trẻ trung, yêu đời. - Kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: + Khi miêu tả nhân vật có thể nói đến đặc điểm hình dáng, cử chỉ, hành động, tính cách của nhân vật đó. + Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.... Đạp phanh phách, nhai ngoàm ngoạp, trịnh trọng vuốt râu. + Thái độ của DM: cà khịa với tất cả mọi người, quát mấy chị Cào Cào, đá ghẹo anh Gọng Vó... + Dế Mèn thể hiện nhiều đặc điểm: tự tin, biết chăm sóc bản thân nhưng kiêu ngạo, khinh thường người khác Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng GV bổ sung: Dế Mèn thể hiện nhiều đặc điểm hư tự tin, biết chăm sóc bản thân, có ý thức ăn uống điều độ cho cơ thể khoẻ mạnh, cường tráng, hung hăng, hiếu thắng hay bắt nạt kẻ yếu. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	

- GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 2 (<i>phần phụ lục</i>) - GV đặt câu hỏi gợi dẫn theo phiếu: + <i>Hãy tìm các chi tiết miêu tả về Đế Choắt? Em có nhận xét gì về nhân vật này?</i> + <i>Lời Đế Mèn xưng hô với Đế Choắt có gì đặc biệt? Nhận xét gì về cách xưng hô đó?</i> + <i>Dưới mắt Đế Mèn, Đế Choắt hiện ra như thế nào? Em đánh giá gì về nhân vật Đế Mèn?</i> + <i>Trước lời cầu xin của Đế Choắt nhờ đào ngạch thông hang, Đế Mèn đã hành động như thế nào? Chi tiết đó đã tô đậm thêm tính cách gì của Đế Mèn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ xác định vài chi tiết về ngoại hình của nhân vật. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Đặc điểm: như gã nghiện thuốc phiện, cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngắn gọn, hôi như cú mèo.... + Cách xưng hô: gọi “chú mày” Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	2. Đế Mèn trêu chị Cốc gây cái chết cho Đế Choắt <u>a. Hình ảnh của Đế Choắt qua cái nhìn của Đế Mèn</u>

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - <i>GV chuẩn kiến thức:</i> Dế Choắt qua cái nhìn của Dế Mèn là một thanh niên yếu ớt, xấu xí, lười nhác. Qua đó, Dế Mèn tỏ thái độ chê bai, coi thường, trịch thượng với Dế Choắt. - <i>GV bổ sung:</i> Dế Mèn tự hào về vẻ đẹp cường tráng của mình bao nhiêu thì cũng tỏ ra coi thường Dế Choắt ốm yếu, xấu xí bấy nhiêu. Tệ hại hơn nữa, Dế Mèn còn coi Dế Choắt là đối tượng để thỏa mãn tính tự kiêu của mình bằng cách lên giọng kẻ cả, ra vẻ "ta đây". NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Hết coi thường Dế Choắt, Dế Mèn lại gây sự với Cốc. Mục đích của việc gây sự? Sự việc đó diễn ra như thế nào</i> + <i>Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ trả lời Dế Mèn đã làm gì chị Cốc Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	+ Như gã nghiện thuốc phiện. + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngắn ngủn. + Hôi như cú mèo. + Có lớn mà không có khôn. - Cách xưng hô: gọi "chú mày" - DC rất yếu ớt, xấu xí, lười nhác, đáng khinh. → DM tỏ thái độ, chê bai, trịch thượng, kể cả coi thường Dế Choắt. - Dế Mèn không giúp đỡ Dế choắt đào hang sâu → Không sống chan hòa ; ích kỉ, hẹp hòi; vô tình, thờ ơ, không rung động, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại. <u>b. Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt</u> - Dế Mèn hát véo von trêu chị Cốc - Chị Cốc trút giận lên Dế Choắt → DM muốn ra oai với Dế Choắt, muốn chứng tỏ mình sắp đứng đầu thiên hạ. - Diễn biến tâm lí của Dế Mèn + Lúc đầu thì hênh hoang trước Dế Choắt + Hát véo von, xác xược... với chị Cốc + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... → đắc ý + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thín thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang → hèn nhát tham sống sợ chết bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Chúng kiến cái chết ở Dế Choắt, Dế Mèn đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Suy nghĩ đó cho thấy sự thay đổi nào ở Dế Mèn?</i> <i>DC đã nói gì với DM? Điều gì ở DC đã khiến DM xúc động và tỉnh ngộ?</i> <i>Theo em, từ những trải nghiệm đáng nhớ đó, DM đã rút ra được bài nào học gì?</i> <i>Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?</i> <i>Nếu em có một người bạn có đặc điểm giống với Dế Choắt, em sẽ đối xử với bạn như thế nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ trả lời Dế Mèn đã gây ra điều gì cho Dế Choắt và suy nghĩ của bản thân về tình bạn. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: + Dù sắp chết vì trò nghịch dại và thói ích kỉ, ngạo mạn của Dế Mèn nhưng DC đã	3. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn - Tâm trạng + Dế Mèn ân hận: Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn tội mình, chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm. → Ở đây có sự biến đổi tâm lý : từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận → Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí. - DM còn có tình cảm đồng loại; biết hối hận, biết hướng thiện. - Bài học rút ra: Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác Bài học về tình thân ái, chan hòa

không trách móc, oán hận mà còn ân cần khuyên nhủ. Hình ảnh thương tâm và sự bao dung, độ lượng của DC đã khiến DM phải nhìn lại chính mình. + Nếu có người bạn như Dế Choắt, em cần cảm thông và chia sẻ, giúp đỡ cùng bạn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức: Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời ➔ Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái. Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn. NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ nêu nội dung chính theo cách hiểu của bản thân Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức:	2. Nghệ thuật - Kể chuyện kết hợp với miêu tả. - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động - Các phép tu từ . - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.

. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

HSKT chỉ thực hiện câu 2, 3

Câu 1: Câu nào dưới đây **không** nói về tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí?

A. Đây là tác phẩm đặc sắc và nổi bật nhất của của Tô Hoài viết về loài vật.

B. Tác phẩm gồm có 10 chương, kể về những chuyến phiêu lưu đầy thú vị của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé.

C. Tác phẩm được in lần đầu tiên năm 1941.

D. Tác phẩm viết dành tặng cho các bậc cha mẹ.

Câu 2: Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

Câu 3: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ôm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 4: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên như thế nào?

- A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.
- B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,
- C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.
- D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 5: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

- A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.
- B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.
- C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.
- D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 6: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên như thế nào?

- A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.
- B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,
- C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.
- D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 7: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

- A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.
- B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.
- C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong câu chuyện Bài học đường đời đầu tiên bằng lời của nhân vật đó.

GV gợi ý có thể lựa chọn lời của nhân vật Dế Mèn hoặc Dế Choắt. Ngôi kể phải phù hợp với sự việc và nhân vật được lựa chọn, thể hiện đúng cách nhìn và giọng kể của người kể chuyện, đảm bảo tính chính xác của các sự kiện.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU HỌC TẬP
Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhiệm vụ: Đọc phần (1) văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (từ đầu đến có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi) và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ, cụm từ phù hợp vào chỗ trống:



2. Từ sơ đồ trên, em hãy nhận xét về đặc điểm của nhân vật Dế Mèn:

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhiệm vụ: Đọc phần (2) văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (từ *Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt* đến *Tôi về, không một chút bận tâm*) và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Hoàn thiện bảng sau bằng cách điền từ, cụm từ phù hợp vào các ô ở cột bên phải.

Cách xưng hô của Dế Mèn với Dế Choắt	
Lời Dế Mèn miêu tả ngoại hình Dế Choắt	
Lời Dế Mèn nhận xét về hang ở của Dế Choắt	
Lời từ chối của Dế Mèn khi Dế Choắt mong muốn được giúp đỡ	

2. Nhận xét của em về thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt:

3. Đánh giá của em về nhân vật Dế Mèn qua mối quan hệ với người bạn hàng xóm – Dế Choắt:

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI MỞ RỘNG

- Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết về tình bạn.

- Chuẩn bị phần Thực hành tiếng Việt

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn;
 - Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.
 - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
 - Nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.
 - Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

HSKT chỉ nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy, biện pháp so sánh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS:

GV đặt yêu cầu nhớ lại kiến thức tiếng Việt từ tiểu học và trả lời: Phân loại theo cấu tạo, tiếng việt có những từ loại nào?

HSKT không thực hiện yêu cầu này

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới: Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng việt, cô sẽ hướng dẫn cả lớp tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng Việt.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm từ đơn, từ phức

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM														
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái để miêu tả Dế Mèn cho phù hợp: <table> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> <tr> <td>Vuốt</td><td>Nhọn hoắt</td></tr> <tr> <td>Cánh</td><td>Rung rinh</td></tr> <tr> <td>Người</td><td>Hủn hoãn</td></tr> <tr> <td>răng</td><td>Đen nhánh</td></tr> <tr> <td></td><td>Bóng mờ</td></tr> <tr> <td></td><td>Ngoàm ngoạp</td></tr> </table> - Gv yêu cầu HS quan sát lại bảng trên và đặt câu hỏi: + Em có nhận xét gì về các từ ở cột A và cột B? + Em nhận thấy từ ghép và từ láy có gì giống và khác nhau? - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT chỉ cần nối một cột bất kì.	A	B	Vuốt	Nhọn hoắt	Cánh	Rung rinh	Người	Hủn hoãn	răng	Đen nhánh		Bóng mờ		Ngoàm ngoạp	I. Từ đơn và từ phức - Từ đơn do một tiếng tạo thành, còn từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành - Từ phức: + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau. + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm
A	B														
Vuốt	Nhọn hoắt														
Cánh	Rung rinh														
Người	Hủn hoãn														
răng	Đen nhánh														
	Bóng mờ														
	Ngoàm ngoạp														

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: Vuốt – nhọn hoắt Cánh – hùn hoăn Người – rung rinh, bóng mỡ Răng – đen nhánh, ngoằm ngoạp Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV chuẩn kiến thức: - Các từ ở cột A có 1 tiếng, đó là từ đơn. Các từ ở cột B có 2 tiếng, đó là từ ghép. - Các từ ghép có quan hệ với nhau về nghĩa như: đen nhánh, bóng mỡ, nhọn hoắt → từ ghép - Các từ lặp lại âm đầu (rung rinh, hùn hoăn, ngoằm ngoạp), không có quan hệ với nhau về nghĩa → từ láy. - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy.	
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh Bài tập thêm: Hãy chỉ ra các từ đơn, từ ghép, từ láy trong câu thơ sau: Việt Nam đất nước ta ơi! Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn - HS thực hiện nhiệm vụ	Bài tập - Từ đơn: ta, ơi, , đâu, trời, đẹp, hơn - Từ ghép: Việt Nam, đất nước, biển lúa - Từ láy: mênh mông

HSKT chỉ ra 1 từ đơn Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: Từ đơn: ta, oi, biển, lúa, đầu, trời, đẹp, hơn Từ ghép: Việt Nam, đất nước Từ láy: mệnh mông Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh

- a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV3: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ: Trẻ em như búp trên cành Biết ăn ngủ biết học hành là ngoan <i>? Những tập hợp từ nào chứa hình ảnh so sánh? Những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau?</i> <i>? Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy? So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không dùng phép so sánh)</i>	II. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.

- GV yêu cầu HS rút ra kết luận về so sánh - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT chỉ thực hiện ý thứ nhất. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: * Tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh: + Trẻ em như búp trên cành. * Các sự vật, sự việc được so sánh: + Trẻ em đc ss với búp trên cành. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. GV chuẩn kiến thức * Cơ sở để so sánh: Dựa vào sự tương đồng, giống nhau về hình thức, tính chất, vị trí, giữa các sự vật, sự việc khác. + Trẻ em là mầm non của đất nước tương đồng với búp trên cành, mầm non của cây cối. Đây là sự tương đồng cả hình thức và tính chất, đó là sự tươi non, đầy sức sống, chan chứa hi vọng. - Mục đích: Tạo ra hình ảnh mới mẻ cho sự vật, sự việc gợi cảm giác cụ thể, khả	

năng diễn đạt phong phú, sinh động của tiếng Việt GV đưa ra mô hình so sánh:			
Vế A	Phương diện ss	Từ ss	Vế B
Trẻ em		như	Búp trên cành

HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện ½ yêu cầu bài tập. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng	Bài tập 1 SGK trang 20		
	Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy	
Tôi, nghe, người	Bóng mờ, ưa nhìn,	Hùn hoăn, phành phạch, giòn giã, rung rinh	

- GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: <i>tìm các từ láy mô phỏng âm thanh trong VB Bài học đường đời đầu tiên, ví dụ như véo von, hừ hừ</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT tìm 2 từ láy. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: phanh phách, phanh phạch... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm và phân tích các từ láy trong các câu văn; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm:	Bài tập 2 SGK trang 20 Một số từ láy mô phỏng âm thanh: phanh phách, phanh phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng...
	Bài 3 SGK trang 20 Phanh phách: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác. Ngoàm ngoạp: nhiều, liên tục, nhanh Dún dẩy: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiêu cách.

+ Các từ láy: phanh phách, ngoàm ngoạp, dún dẩy Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức: nghĩa của các từ láy Phanh phách: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác. Ngoàm ngoạp: nhiều, liên tục, nhanh Dún dẩy: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiêu cách. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4; - GV hướng dẫn: để giải thích nghĩa thông thường của từ có thể dựa vào từ điển, còn để giải thích nghĩa của từ trong câu cần dựa vào từ ngữ đứng trước và sau nó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT không thực hiện yêu cầu này. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm.	Bài 4 SGK trang 20 - <i>Nghèo</i>: ở vào tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc về yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất (như: <i>Nhà nó rất nghèo, Đất nước còn nghèo</i>). - <i>Nghèo sức</i>: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế, sức khỏe kém hơn những người bình thường. - <i>Mưa dầm sùi sụt</i>: mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt. - <i>Điệu hát mưa dầm sùi sụt</i>: điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Bài tập 5, 6 : giao BTVN	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn trong VB Bài học đường đời đầu tiên. Chỉ ra từ đơn, từ ghép, từ láy có sử dụng trong đoạn văn.

HSKT viết hai hoặc 3 câu có từ đơn.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Tự chọn một đoạn văn trong Vb vừa học, tìm từ đơn, từ ghép, từ láy.

CB: VB 2: Nếu cậu muốn có một người bạn .Đọc Vb, trả lời các câu hỏi trong SGK

NS:7/9/2023

NG :11-16/9/2023

TUẦN 2 (TIẾT 5-8)

TIẾT 5,6: ĐỌC VB2: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 8: ĐỌC VB 3: BẮT NẠT (Tiết 2)

TIẾT 5,6: ĐỌC VB2: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN

(Trích Hoàng tử bé, Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri)

I. MỤC TIÊU

- HS nhận biết được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo; bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật;
 - HS nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật con vật (con cáo) được nhân cách hoá - vừa mang đặc tính của loài vật, vừa gọt tính cách con người; ngôn ngữ đối thoại sinh động; giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện, kết bạn với con người), v.v...
 - HS hiểu được nội dung của đoạn trích; cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn; có ý thức về trách nhiệm với bạn bè, với những gì mình gắn bó, yêu thương.
- trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn*;
- Biết phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

HSKT nhận biết được một vài chi tiết miêu tả lời nói của nhân vật, hiểu được nội dung đoạn trích.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- HS nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực nhận biết những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại.

Biết rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.

-Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS:

1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?
2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

-GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới: Bạn thân là những người bạn đã gắn bó thân thiết với chúng ta, cùng nhau chia sẻ được mọi niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống. Bài học hôm nay của chúng ta sẽ hiểu hơn về giá trị của tình bạn với mỗi người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.

HSKT nắm thông tin về tác giả

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm. - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT đọc thầm Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV bổ sung: Tác giả là một phi công và từng tham gia chiến đấu trong chiến tranh thế giới thứ hai. Ông có những tác phẩm xuất sắc như Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta, Phi công thời chiến... Hoàng tử bé đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri. Hoàng tử bé từng được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng, đã phát hành hơn 200 triệu bản trên toàn thế giới và vẫn tiếp tục được in khoảng 2 triệu bản mỗi năm, được chuyển thể thành truyện tranh, phim... Ở Việt	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri; - Năm sinh – năm mất: 1900 – 1944; - Nhà văn lớn của Pháp; - Các sáng tác lấy đề tài, cảm hứng từ hững chuyến bay và cuộc sống của người phi công; - Đặc chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn. 2. Tác phẩm - Đoạn trích nằm trong tác phẩm Hoàng tử bé; - Năm sáng tác: 1941.

Nam hiện nay có khoảng 8 bản dịch tác phẩm Hoàng tử bé. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc. GV yêu cầu hai HS đọc theo vai của con cáo và hoàng tử bé. HSKT đọc thầm văn bản, chú thích. - GV lưu ý HS trong khi đọc: Chú ý những lời đối thoại giữa hoàng tử bé và cáo; Chú ý từ “cảm hoá” mỗi khi nó xuất hiện; Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và về cánh đồng lúa mì; Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hoá mình. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>cảm hoá, cốt lõi, mắt trần</i>; - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV bổ sung:	

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

HSKT nắm nội dung văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

+ Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào? + Tâm trạng cậu bé ra sao khi đặt chân đến Trái Đất? + Con cáo đã trả lời thế nào khi hoàng tử bé đề nghị làm bạn và chơi với mình? + Em nhận thấy giữa hoàng tử bé và con cáo có điểm gì chung? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT trả lời ½ yêu cầu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Hoàn cảnh: hoàng tử bé từ một hành tinh khác vừa đặt chân tới trái đất. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - GV bổ sung: Hai nhân vật đều đang cô đơn, buồn bã, đều muốn tìm những người bạn. Cáo đã đưa ra đề nghị với hoàng tử bé là “cảm hoá mình đi”. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Từ “cảm hoá” xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích?	- Hoàng tử bé thất vọng, đau khổ khi ngỡ rằng bông hồng của mình không phải duy nhất. - Con cáo thì đang bị săn đuổi, sợ hãi, chạy trốn con người... → Hai nhân vật đều đang cô đơn, buồn bã.
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Từ “cảm hoá” xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích?	- “Cảm hoá” chính là kết bạn, là tạo dựng mối liên hệ gần gũi, gắn kết tình cảm để biết quan tâm, gắn kết và cần đến nhau. - Cáo nhận thấy ở hoàng tử bé là sự ngây thơ, trong sáng, luôn hướng tới cái thiện

+ Cáo đã giải thích “Cảm hoá” là “làm cho gần gũi hơn”, chỉ ra những chi tiết cáo giải thích cho hoàng tử hiểu rõ về điều này? + Vậy em hiểu “làm cho gần gũi hơn” nghĩa là gì? + Hoàng tử bé đã đáp lại lời chào của cáo như thế nào? Lời khen “Bạn dễ thương quá” cho thấy điều gì trong cách nhìn, cảm nhận của hoàng tử bé về cáo? + Khi hoàng tử bé cảm hoá cáo thì mối quan hệ của họ sẽ thay đổi như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT trả lời câu hỏi: Từ “cảm hoá” xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + “Làm cho gần gũi hơn” là trở nên thân thiết hơn, dành thời gian tìm hiểu về nhau, kiên nhẫn làm thân với nhau + Những chi tiết: cần phải rất kiên nhẫn, trước tiên bạn ngồi xa mình một chút, như thế, trên cỏ. Mình sẽ liếc nhìn bạn còn bạn thì không nói gì cả... nhưng mỗi ngày, bạn có thể ngồi xích lại gần hơn... + Vì hoàng tử bé cư xử với cáo rất lịch sự, thân thiện, khác với nhiều người trên Trái Đất vẫn coi cáo là tinh ranh, xảo quyệt, xấu tính nên cáo thiết tha mong được kết bạn với hoàng tử bé. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	- Cáo đã nói cho hoàng tử về cách cảm hoá: cần phải kiên nhẫn → giúp họ có thể xích lại gần nhau hơn.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức: + Từ “cảm hoá” đã xuất hiện 15 lần gắn với nhiều chi tiết, sự kiện, ý nghĩa quan trọng. Có nhiều bản dịch với các từ khác nhau: thuần dưỡng, thuần hoá, thuần phục.... nhưng ở đây có thể hiểu đó là niềm khao khát được đón nhận, thấu hiểu, được sống với phần tốt lành, đẹp đẽ, được thay đổi và hoàn thiện bản thân. + Hoàng tử bé có cái nhìn ngây thơ, trong sáng, luôn tin cậy và hướng tới phần đẹp đẽ, tốt lành, không bị giới hạn bởi định kiến, hoài nghi... câu nhìn cáo bằng đôi mắt hồn nhiên, đầy thiện cảm nên cáo đã mong cậu sẽ cảm hoá mình. + Khi chưa cảm hoá được nhau, hoàng tử bé và cáo chỉ là những kẻ xa lạ, chẳng cần gì đến nhau nhưng khi hoàng tử bé cảm hoá cáo thì “tụi mình sẽ cần đến nhau” và mỗi người sẽ trở thành “duy nhất trên đời”. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn văn “<i>cuộc sống của mình.... Cánh đồng lúa mì</i>” và trả lời câu hỏi: + Qua lời tâm sự với hoàng tử bé, em hiểu cáo từng có một cuộc sống như thế nào?	- Hoàng tử bé đã cảm hoá được con cáo → họ đã trở nên thân thiết với nhau.

+ Tìm các chi tiết miêu tả cảm nhận của cáo về tiếng những bước chân và về cánh đồng lúa mì trước và sau khi được hoàn tử bé cảm hoá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT hoàn thành ½ yêu cầu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: + Khi chưa có bạn, cáo sống trong tâm trạng buồn tẻ, quẩn quanh sợ hãi. + Khi được kết bạn với hoàng tử bé, mọi thứ sẽ thay đổi: tiếng bước chân bạn sẽ vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra khỏi hang, cánh đồng lúa mì sẽ hoá thân thương, ấm áp với cái màu vàng óng như màu tóc bạn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Tình bạn sẽ khiến cho cuộc đời của cáo thay đổi, trở nên tươi sáng, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc như thể được chiếu sáng. Không có sự gấn bó, niềm yêu thương thì mọi người, mọi vật trong thế giới này sẽ hoá thành nhạt nhẽo, vô nghĩa, ai cũng giống ai. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	2. Hoàng tử bé chia tay con cáo

- GV đặt câu hỏi: + <i>Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì?</i> + <i>Theo em, cáo đã “được” những gì khi kết bạn với hoàng tử bé?</i> - GV đặt câu hỏi mở rộng: <i>Em đã từng chia tay một người bạn của mình đi xa chưa? Tâm trạng của em khi chia tay như thế nào?</i> GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm - GV yêu cầu HS đọc đoạn kết của văn bản, liệt kê lại những lời nói được hoàng tử bé nhắc lại “để cho nhớ”. Em ấn tượng với lời nói nào? Nêu cảm nhận về lời nói đó - GV đặt tiếp câu hỏi: <i>Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Đó là những bài học gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện yêu cầu: + <i>Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Những lời nói được hoàng tử lặp lại: + Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần; + chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hoa hồng của mình; + mình có trách nhiệm với bông hồng của mình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Cáo thể hiện tâm trạng buồn khi sắp phải xa người bạn của mình. - Hoàng tử bé đã lặp lại lời của cáo 3 lần “để cho nhớ” → Con người cần biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu và sự tin tưởng, thấu hiểu, cần dành thời gian và trách nhiệm, chăm chút cho những người mình yêu quý. Chỉ khi nhìn bằng trái tim, con người mới nhận ra và biết trân trọng, gìn giữ những điều đẹp đẽ, quý giá. - Bài học rút ra:

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

- GV bổ sung

Câu nói: người ta chỉ thấy rõ với trái tim, Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần – câu nói chứa đựng “bí mật” mà cáo dành cho hoàng tử mang ý nghĩa ẩn dụ và mang ý nghĩa triết lí. Con người cần biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu và sự tin tưởng, thấu hiểu. Chỉ khi nhìn bằng trái tim, con người mới nhận ra và biết trân trọng, gìn giữ những điều đẹp đẽ, quý giá... Đó cũng là bí mật của tình yêu làm nên sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật.

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: *Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

HSKT rút ra nội dung.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

+ Bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, dành thời gian để cảm hoá nhau; về ý nghĩa của tình bạn: mang đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, khiến cho cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn.

+ Bài học về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm đối với bạn bè: biết lắng nghe, quan tâm, thấu hiểu, chia sẻ, bảo vệ...

III. Tổng kết

1. Nội dung – ý nghĩa

- Truyện kể về hoàng tử bé và con cáo.
- Bài học về cách kết bạn cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè.

2. Nghệ thuật

- Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm
- Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ.
- Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” về cuộc gặp gỡ với người bạn mới – cáo theo phiếu học tập sau:

HSKT thực hiện yêu cầu a, b

PHIẾU HỌC TẬP
Văn bản Nếu cậu muốn có một người bạn...

1. Nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” về cuộc gặp gỡ với người bạn mới – cáo theo sơ đồ gợi ý sau:

a. Trước khi gặp cáo, tâm trạng của tôi là:

b. Lần đầu gặp cáo, tôi cảm nhận về cáo:

c. Cáo đã giải thích cho tôi, “cảm hoá” nghĩa là:

d. Cáo nói rằng nếu tôi cảm hoá cáo, cuộc đời cáo sẽ thay đổi:

e. Cáo đã giúp tôi nhận ra điều quan trọng ở bóng hồng của mình và nhận thức về bản thân:

g. Bí mật mà cáo tặng cho tôi là:

Cuộc gặp gỡ với người bạn mới – cáo

2. Nêu cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI MỞ RỘNG

Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết tình bạn; tìm đọc những tác phẩm của cùng tác giả.

CB: Phần Thực hành tiếng Việt.

Trả lời các yêu cầu ở SGK

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I/ MỤC TIÊU

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó, tích cực hoá vốn từ (đặt câu với các từ cho trước);

- HS nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*.

- Nhận diện từ Hán Việt, các phép tu từ và tác dụng của chúng.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

HSKT nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- HS nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Nhận diện từ Hán Việt, các phép tu từ và tác dụng của chúng.
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.
- c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS:

Khi gặp một từ khó, không hiểu nghĩa, em sẽ có cách nào để hiểu được nghĩa của từ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Dự kiến sản phẩm: Tra từ điển, đoán nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới: Trong vốn tiếng việt phong phú và đa dạng, có nhiều từ ngữ đa nghĩa. Vậy để hiểu được nghĩa của từ có những cách nào, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu lý thuyết

- a. **Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm.
b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra ví dụ, HS giải nghĩa các từ: cảm hoá, cốt lõi, mắt trần, hoàng tử - <i>Em đã dùng những cách nào để giải nghĩa được các từ trên?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT giải nghĩa 1 từ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: <i>Cảm hoá:</i> dùng tình cảm tốt đẹp làm cho một đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực; <i>Cốt lõi:</i> cái chính và quan trọng nhất; <i>Mắt trần:</i> con mắt thường, ở đây chỉ cái nhìn chưa có sự gắn kết, thấu hiểu; <i>Hoàng tử:</i> con của vua. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV chuẩn kiến thức:	I. Lý thuyết - Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.

Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.	

HOẠT ĐỘNG 2.2: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT tìm 1 từ có yếu tố hoá. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2	II. Luyện tập. Bài tập 1/ trang 26 Một số từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hoá: tha hoá, nhân cách hoá, đồng hoá, trẻ hoá, công nghiệp hoá.... - Tha hoá: biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược với bản chất vốn có. - Nhân cách hoá: gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách hoặc ngôn ngữ của con người. - Công nghiệp hoá là quá trình phát triển, nâng cao tỉ trọng ngành công nghiệp ở một vùng hay một quốc gia. Bài 2/ trang 26 Đặt câu với từ đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi

GV hướng dẫn HS dựa vào câu văn chứa các từ và phần chú thích nghĩa trong văn bản để đặt câu phù hợp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT đặt một câu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT không nêu tác dụng của biện pháp tu từ . Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: - Câu văn sử dụng BPTT so sánh: Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. ➔ Tác dụng: so sánh tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc, một thứ âm thanh du dương, mang cảm xúc, gợi ra sự gần gũi, quen thuộc, ấm áp với cáo.	Bài 3/ trang 20 - Câu văn sử dụng BPTT so sánh: Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. ➔ Tác dụng: so sánh tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc, một thứ âm thanh du dương, mang cảm xúc, gợi ra sự gần gũi, quen thuộc, ấm áp với cáo.

âm thanh du dương, mang cảm xúc, gợi ra sự gần gũi, quen thuộc, ấm áp với cáo. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4, yêu cầu HS đọc lại văn bản Nếu cậu muốn có một người bạn và chỉ ra những lời thoại được lặp lại trong VB. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT không thực hiện yêu cầu này Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức:	Bài 4/ trang 20 - Những lời thoại được lặp lại: vĩnh biệt, điều cốt lõi trong mắt trần, chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn, bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn... → tác dụng: nhấn mạnh nội dung câu nói, vừa tạo nhạc tính và chất thơ cho VB.

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 2 từ láy.

HSKT (1 từ ghép hoặc từ láy)

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI MỞ RỘNG

-Tìm hiểu thêm một số từ loại đã học ở một số văn bản cùng thể loại.

- CB: VB3: Bắt nạt.

- Đọc VB, trả lời các câu hỏi trong SGK.

TIẾT 8: ĐỌC VB 3: BẮT NẠT (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

- HS nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bắt nạt*;

- Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Biết phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

- Giúp học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

HSKT nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ, hiểu nội dung văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Nhân ái, sống chan hoà, yêu thương giúp đỡ bạn bè.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS:

Em đã từng chứng kiến hoặc đọc thông tin về hiện tượng bắt nạt trong trường học chưa?

Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong môi trường học.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

- **Bước 3: Báo cáo kết quả:** HS chia sẻ cá nhân.

- **Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:**

GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài:

Trong trường học, có những bạn thường bị bắt nạt như phải chia sẻ đồ ăn, đồ dùng học tập... khi bạn khác yêu cầu. Hiện tượng bắt nạt đó là tốt hay xấu? Chúng ta nên cư xử như thế nào cho phù hợp? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.

HSKT nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc. GV gọi hai HS đọc bài thơ. HSKT đọc thầm bài thơ - GV yêu cầu HS đọc nghĩa của những từ khó: <i>híp-hóp, mù tạt</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Hoàng Thế Linh; - Năm sinh: 1982; - Quê quán: Hà Nội; - Viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui. 2. Tác phẩm - Trích từ tập thơ <i>Ra vườn nhặt nắng</i>; - Năm sáng tác: 2017.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

HSKT nắm nội dung văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chỉ ra thể thơ, nhịp thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi với câu hỏi:	3. Đọc – kể tóm tắt - Thể loại: thơ 5 chữ. II. Tìm hiểu chi tiết 1. Thái độ của nhân vật “tô” - Thái độ rõ ràng với việc bắt nạt: thẳng thắn phê bình, phủ định mạnh mẽ chuyện bắt nạt

+ Thái độ của nhân vật “tớ” được thể hiện như thế nào qua cách xưng hô, cách nói, giọng điệu, lời nhắn gửi đối với các bạn bắt nạt và bị bắt nạt? Tìm các từ ngữ, chi tiết thể hiện điều đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thảo luận chung với cặp đôi bên cạnh, tìm 1 chi tiết trong yêu cầu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Thái độ với các bạn bắt nạt: <i>Bắt nạt là xấu lắm, bất cứ ai trên đời/ Điều không cần bắt nạt; Vẫn không thích bắt nạt/Vì bắt nạt rất hôi...; Đừng bắt nạt bạn ơi; Sao không trêu mù tạt; Tại sao không học hát/ Nhảy híp-hóp cho hay?</i> + Thái độ với các bạn bị bắt nạt: <i>Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/ Trông đáng yêu đấy chứ; Bạn nào bắt nạt bạn/ Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu thích bắt nạt/ Thì đến gặp tớ ngay.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Thái độ của nhân vật “tớ” rất rõ ràng: đã phê bình thẳng	và tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bênh vực những bạn bị bắt nạt.

thần, phủ định một cách mạnh mẽ chuyện bắt nạt nhưng vẫn cởi mở, thân thiện, trò chuyện tâm tình và dí dỏm, hài hước với các bạn bắt nạt. Với các bạn bị bắt nạt, nhân vật thể hiện sự gần gũi, tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bênh vực. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện 7 lần Nhằm nhấn mạnh thái độ thẳng thắn phê bình, không đồng tình với hành động bắt nạt. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ để nhấn mạnh, tỏ rõ thái độ của mình với các bạn hay bắt	- Nghệ thuật: điệp ngữ cụm từ “đừng bắt nạt” → nhắc nhở, thể hiện thái độ phủ định đối với thói xấu bắt nạt. - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện.

nạt người khác, “đừng bắt nạt” bởi đó là thói xấu cần loại bỏ.

HẾT TIẾT 8

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm:
- + *Em đồng tình hay không đồng tình với thái độ của nhân vật “tớ” trong bài thơ?*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;
- Dự kiến sản phẩm: đồng tình vì bắt nạt là một thói xấu có thể gây ra những tổn thương, nỗi sợ hãi, nỗi tổn thương cho những bạn bị bắt nạt.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
➔ Ghi lên bảng.
- GV chuẩn kiến thức: Bắt nạt là thói xấu cần loại bỏ nhưng cần hướng đến sự thân thiện, bao dung, những bạn bị bắt nạt cần được bên vực, bảo vệ và những bạn hay đi bắt nạt cũng cần được giúp đỡ để thay đổi tích cực hơn.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

2. Bài học: cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bên vực những bạn yếu hơn mình.

III. Tổng kết

1. Nội dung, ý nghĩa

- Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

- GV đặt câu hỏi: <i>Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ nêu nội dung của văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	2. Nghệ thuật - Thể thơ 5 chữ. - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.

. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong học đường.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu em bị bắt nạt, em im lặng chịu đựng, chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình?

Tình huống 2: Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt: em thờ ơ, không quan tâm vì đó là chuyện không liên quan đến mình, có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc “vào hùa” để cổ vũ hay can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt?

Tình huống 3: Nếu mình là kẻ bắt nạt, em coi đó là chuyện bình thường, thậm chí là cách khẳng định bản thân hay nhận ra đó hành vi xấu cần từ bỏ, cảm thấy ân hận và xin lỗi người bị mình bắt nạt.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Khuyến khích HSKT tham gia thảo luận cùng các bạn để trình bày ý kiến của mình.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÀI MỞ RỘNG

- Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết cùng đề tài.
- CB Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em
- Xem lí thuyết SGK

NS:10/9/2023

NG :18-22/9/2023 TUẦN 3 (TIẾT 9-12)

TIẾT 9: VĂN BẢN 3. BẮT NẠT

(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

TIẾT 10-12: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

THỰC HÀNH: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

TIẾT 9	VĂN BẢN 3.	BẮT NẠT(TT)	

(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

I. MỤC TIÊU

- HS nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.
 - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bắt nạt*;
 - Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
 - Biết phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
 - Giúp học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.
- HSKT nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ, hiểu nội dung văn bản.**
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
 - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
 - Nhân ái, sống chan hoà, yêu thương giúp đỡ bạn bè.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân.
- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:**
 - **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)
GV định hướng cho HS:
Em đã từng chứng kiến hoặc đọc thông tin về hiện tượng bắt nạt trong trường học chưa?
Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong môi trường học.
 - **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.
 - **Bước 3: Báo cáo kết quả:** HS chia sẻ cá nhân.

- Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài:

Trong trường học, có những bạn thường bị bắt nạt như phải chia sẻ đồ ăn, đồ dùng học tập... khi bạn khác yêu cầu. Hiện tượng bắt nạt đó là tốt hay xấu? Chúng ta nên cư xử như thế nào cho phù hợp? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản

a.Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.

HSKT nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Hoàng Thế Linh; - Năm sinh: 1982; - Quê quán: Hà Nội; - Viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui. 2. Tác phẩm - Trích từ tập thơ <i>Ra vườn nhật nắng</i>; - Năm sáng tác: 2017.

- GV hướng dẫn cách đọc. GV gọi hai HS đọc bài thơ. HSKT đọc thầm bài thơ - GV yêu cầu HS đọc nghĩa của những từ khó: <i>híp-hóp, mù tạt</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

HSKT nắm nội dung văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chỉ ra thể thơ, nhịp thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm:	3. Đọc – kể tóm tắt - Thể loại: thơ 5 chữ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- ➔ Ghi lên bảng.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi với câu hỏi:
- + *Thái độ của nhân vật “tô” được thể hiện như thế nào qua cách xưng hô, cách nói, giọng điệu, lời nhắn gửi đối với các bạn bắt nạt và bị bắt nạt? Tìm các từ ngữ, chi tiết thể hiện điều đó.*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

HSKT thảo luận chung với cặp đôi bên cạnh, tìm 1 chi tiết trong yêu cầu.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;
- Dự kiến sản phẩm:
- + Thái độ với các bạn bắt nạt: *Bắt nạt là xấu lắm, bất cứ ai trên đời/ Điều không cần bắt nạt; Vẫn không thích bắt nạt/Vì bắt nạt rất hôi...; Đừng bắt nạt bạn ơi; Sao không trêu mù tạt; Tại sao không học hát/ Nhảy híp-hóp cho hay?*
- + Thái độ với các bạn bị bắt nạt: *Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/ Trông đáng yêu đấy chứ; Bạn nào bắt nạt*

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Thái độ của nhân vật “tô”

- Thái độ rõ ràng với việc bắt nạt: thẳng thắn phê bình, phủ định mạnh mẽ chuyện bắt nạt và tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bênh vực những bạn bị bắt nạt.

<i>bạn/ Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu thích bắt nạt/ Thì đến gặp tớ ngay.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Thái độ của nhân vật “tớ” rất rõ ràng: đã phê bình thẳng thắn, phủ định một cách mạnh mẽ chuyện bắt nạt nhưng vẫn cởi mở, thân thiện, trò chuyện tâm tình và dí dỏm, hài hước với các bạn bắt nạt. Với các bạn bị bắt nạt, nhân vật thể hiện sự gần gũi, tôn trọng, yêu mến, sẵn sàng bênh vực. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện 7 lần	- Nghệ thuật: điệp ngữ cụm từ “đừng bắt nạt” → nhắc nhở, thể hiện thái độ phủ định đối với thói xấu bắt nạt. - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện.

Nhằm nhấn mạnh thái độ thẳng thắn phê bình, không đồng tình với hành động bắt nạt. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ để nhấn mạnh, tỏ rõ thái độ của mình với các bạn hay bắt nạt người khác, “đừng bắt nạt” bởi đó là thói xấu cần loại bỏ. HẾT TIẾT 8, CHUYỂN QUA TIẾT 9 NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm: + <i>Em đồng tình hay không đồng tình với thái độ của nhân vật “tớ” trong bài thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: đồng tình vì bắt nạt là một thói xấu có thể gây ra những tổn thương, nỗi sợ hãi, nỗi tổn thương cho những bạn bị bắt nạt. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	2. <i>Bài học:</i> cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bênh vực những bạn yếu hơn mình.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức: Bắt nạt là thói xấu cần loại bỏ nhưng cần hướng đến sự thân thiện, bao dung, những bạn bị bắt nạt cần được bên vực, bảo vệ và những bạn hay đi bắt nạt cũng cần được giúp đỡ để thay đổi tích cực hơn. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ nêu nội dung của văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nội dung, ý nghĩa - Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. 2. Nghệ thuật - Thể thơ 5 chữ. - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.

. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong học đường.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu em bị bắt nạt, em im lặng chịu đựng, chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình?

Tình huống 2: Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt: em thờ ơ, không quan tâm vì đó là chuyện không liên quan đến mình, có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc “vào hùa” để cổ vũ hay can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt?

Tình huống 3: Nếu mình là kẻ bắt nạt, em coi đó là chuyện bình thường, thậm chí là cách khẳng định bản thân hay nhận ra đó hành vi xấu cần từ bỏ, cảm thấy ân hận và xin lỗi người bị mình bắt nạt.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Khuyến khích HSKT tham gia thảo luận cùng các bạn để trình bày ý kiến của mình.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÀI MỞ RỘNG

- Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết cùng đề tài.

- CB Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

- Xem lí thuyết SGK

TIẾT 10-12: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

THỰC HÀNH: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm;
- HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

HSKT viết được bài văn ngắn đảm bảo 3 phần

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Trong VB Bài học đường đời đầu tiên, Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào?

Khuyến khích HSKT nêu một vài ý

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

-GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài: Ai trong chúng ta cũng đều trải qua những kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời, đó có thể là kỉ niệm vui, buồn, hạnh phúc, đau khổ... Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về kiểu bài kể lại một trải nghiệm, giúp các em biết cách trình bày một bài văn kể.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1.1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm.

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?</i> <i>Theo em, một bài văn kể lại trải nghiệm theo ngôi thứ nhất cần đáp ứng những yêu cầu gì?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. <i>HSKT nêu được Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học; - Dự kiến sản phẩm: Kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.	I. Tìm hiểu chung 1. Yêu cầu với đối bài văn kể lại một trải nghiệm - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. - Tập trung vào sự việc đã xảy ra. - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

Tác dụng giúp câu chuyện trở nên chân thật, người kể có thể bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm, tâm trạng của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV giới thiệu bài viết tham khảo kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ.
- GV yêu cầu HS đọc, chỉ ra những từ ngữ quan trọng trong bài viết và tóm tắt lại sự việc.

SV 1	SV 2	SV 3	SV 3
Ngôi nhà mới của ba mẹ con rất xinh xắn nhưng có một điều...	Bà ngoại gửi cho ba mẹ con một con mèo mun.	Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo...	Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo...

+ Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?

+ Phần nào của bài viết đã giới thiệu câu chuyện?

+ Bài viết tập trung vào sự việc nào?

+ Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kết thúc?

- HS lắng nghe.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. HSKT thực hiện ½ yêu cầu. - Dự kiến sản phẩm: + Người kể chuyện xưng tôi; + Mở bài đã giới thiệu câu chuyện; + Bài viết tập trung vào sự việc: ngôi nhà có thêm chú mèo Mun và lũ chuột đã biến mất, nhưng rồi mèo Mun mất tích; + Những từ ngữ đã thể hiện cảm xúc: buồn, khóc, chẳng ai quên được Mun, v.v... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2.2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.	2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý

- Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em <table border="1" data-bbox="207 583 812 1180"> <tr> <td>Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?</td><td>.....</td></tr> </table> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện ½ yêu cầu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?		Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?		Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?		Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?		Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?		- Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>
Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?											
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?											
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?											
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?											
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?											

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS: HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

HOẠT ĐỘNG V: TÌM TÒI MỞ RỘNG

CB: Kể lại một trải nghiệm của em
 CB trước bài nói, tập nói trước ở nhà

NS:20/9/2023

NG :25-29/9/2023

TUẦN 4 (Tiết 13-16)

TIẾT 13 – 14: NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

TIẾT 15,16: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

VB1: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

(Xuân Quỳnh)

TIẾT 13 – 14: NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM.

I. MỤC TIÊU

- HS nói được về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

HSKT nói được phần mở bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Padlet.

-Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV định hướng cho HS: *yêu cầu HS xem lại bài viết.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận:

-GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔GV dẫn vào bài:

Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về một trải nghiệm của em trước lớp.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói. - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ. HSKT chuẩn bị phần mở bài. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận.	1. Chuẩn bị bài nói 2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>

GV khuyến khích, động viên HSKT nói phần mở bài và vài ý ở phần thân bài. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2.2: Trình bày bài nói.

- a. Mục tiêu:** Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu; - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện ½ yêu cầu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	2. Trình bày bài viết

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

- a. **Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.
 b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
 c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
 d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT không thực hiện yêu cầu này. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	2. Trình bày bài viết

HOẠT ĐỘNG3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
 b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
 c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
 d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng bài tập;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

TIẾT 15,16: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

VB1: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

(Xuân Quỳnh)

I. MỤC TIÊU

- Xác định được chủ đề của bài thơ;

- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

HSKT:

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.
- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ? (GV có thể gợi ý một số truyện như *chuyện về Lạc Long Quân – Âu Cơ*, *Bàn Cổ khai thiên lập địa* và *Nữ Oa sáng tạo con người*, *truyện trong Kinh Thánh – Jehova sáng tạo ra con người*, v.v...);

+ Đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ viết về tình cảm gia đình mà em biết.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nêu tên truyện kể về nguồn gốc và nói về sự ra đời kỳ lạ của loài người trong truyện kể đó;

HSKT nêu được tên một truyện kể.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta ai cũng được cha mẹ sinh ra. Cha mẹ chúng ta cũng vậy, đều được ông bà của ta sinh ra. Đến lượt ông bà và bậc tổ tiên của ta cũng đều như vậy. Con người từ đời này sang đời khác tạo thành những dòng chảy, truyền thống. Vì thế, khi sống hôm nay, ta phải biết được về nguồn cội của bản thân mình. Mình là ai, mình từ đâu đến, mình được sinh ra từ đâu, v.v... Lý giải những câu hỏi đó bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người***. Hôm nay thầy/cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về nguồn gốc của loài người qua văn bản thơ này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>. - GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT đọc thầm bằng mắt Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. 1. Tác giả - Họ tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh; - Năm sinh – năm mất: 1942 – 1988; - Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà Tây, nay là Hà Nội. - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trù mến, có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ em. - Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: <i>Lời ru mặt đất, Bầu trời trong quả trứng, Bến tàu trong thành phố</i>,... 2. Tác phẩm - <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là bài thơ được rút ra từ tập thơ <i>Lời ru trên mặt đất</i>, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV bổ sung: - Xuân Quỳnh có thơ đăng báo năm 19 tuổi, trở thành nhà thơ chuyên nghiệp sau khi qua lớp bồi dưỡng những người viết văn trẻ khoá đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam (1962-1964). - Xuân Quỳnh được coi là nhà thơ nữ hàng đầu của nửa cuối thế kỷ 20. - Chủ đề thơ Xuân Quỳnh thường là những vấn đề nội tâm: kỷ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình... Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. Hiện thực xã hội trong thơ Xuân Quỳnh như một bối cảnh cho tâm trạng. Do vậy thơ Xuân Quỳnh hướng nội, rất tâm trạng cá nhân nhưng không là thứ tháp ngà xa rời đời sống.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi: + <i>Nhân vật chính trong VB là ai?</i> + <i>Phương thức biểu đạt của VB là gì?</i> <i>Có sự kết hợp nào ở đây không?</i> - GV yêu cầu HS xác định bố cục của VB; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT xác định nhân vật chính trong văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	II. Tìm hiểu văn bản. 1. Tìm hiểu chung - Nhân vật chính: trẻ em; - Phương thức biểu đạt: trữ tình kết hợp tự sự và miêu tả; - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời; + Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời Khổ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra; Khổ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru Khổ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức. 2. Tìm hiểu chi tiết

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Thế giới trước và sau khi có sự xuất hiện của trẻ em đã có sự thay đổi. Em hãy nêu những sự thay đổi đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi: + Sự thay đổi về thế giới từ tối tăm sang có ánh sáng chỉ xuất hiện trong bài thơ của Xuân Quỳnh hay còn xuất hiện ở những câu chuyện khác? Nếu có, hãy kể tên những chuyện đó. + Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới? HSKT xác định một sự thay đổi bất kì	2.1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời - Trời được sinh ra đầu tiên. Thế giới lúc này chưa có gì cả, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc. Tất cả mới chỉ là một màu đen. 2.2. Thế giới sau khi trẻ con ra đời <i>a. Sự biến đổi:</i> + Thiên nhiên: Mặt trời bắt đầu nhô cao → ánh sáng xuất hiện → bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài: Màu sắc: màu xanh của cỏ cây, màu đỏ của hoa Loài vật: chim hót Sự vật: gió, sông, biển, đám mây, con đường <i>Sông cần đến mệnh mệnh/ Biển có từ thuở đó</i> – tư duy thơ của Xuân Quỳnh. Có thể liên hệ với bài thơ <i>Sóng: Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể</i> → KL1: Tưởng tượng có nét tương đồng với các truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới như: truyện Bàn Canh khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người; truyện trong Kinh Thánh về Jehova sáng tạo ra thế giới và con người trong 7 ngày. KL2: Theo VB, mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng. Điều này cho thấy ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới. + Thế giới từ tối tăm chưa có gì đến có ánh sáng, màu sắc, muôn loài giống với nhiều truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt đặt câu hỏi:	vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn. <i>b. Vai trò của sự xuất hiện các thành viên trong gia đình đối với trẻ em</i> - Món quà tình cảm chỉ mẹ mới có thể đem đến được cho trẻ: + Tình yêu và lời ru Tình yêu: bế bồng chăm sóc; Lời ru: những lời ru quen thuộc, gắn liền không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Việt (đã xuất hiện nhiều trong văn học dân gian như truyện cổ tích, ca dao, v.v...): cái bóng cái bang, cái hoa: không dùng là “con cá bóng” hay “bông hoa” mà dùng chỉ từ “cái” – cách nói mộc mạc, giản dị, gần gũi; cánh cò, vị gừng, vết lấm, cơn mưa, bãi sông cát vắng, v.v... - Những câu chuyện bà kể cho trẻ và những điều bà muốn gửi gắm: + Chuyện bà kể cho trẻ: <i>Chuyện ngày xưa, ngày sau</i> <i>Chuyện ngày xưa</i>: Chuyện cổ: con cóc, nàng tiên, cô Tấm, Lý Thông, v.v...

+ Trong VB, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ? + Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì? + Điều bố dành cho trẻ có gì khác so với điều bà và mẹ dành cho trẻ? + Bố và bà có yêu thương bé như mẹ yêu thương bé không? + Mỗi thành viên trong gia đình cho trẻ những điều khác nhau. Từ đây, em rút ra được điều gì? + Câu chuyện về nguồn gốc của loài người qua lời thơ của tác giả Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện nguồn gốc loài người mà em biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện một hoặc hai câu bất kì mà em tìm được. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	<i>Chuyện ngày sau:</i> chuyện ngày sau này là trong đối sánh với ngày xưa, nó có thể vẫn là những câu chuyện cổ hoặc là chuyện mà với một người nhiều tuổi, có nhiều trải nghiệm như bà có thể đoán định được. + Điều bà muốn gửi gắm qua câu chuyện: <i>Chuyện cô Tấm ở hiền/ Thằng Lý Thông ở ác</i> → Cách gọi: “cô” Tấm, “thằng” Lý Thông → cách gọi thể hiện thái độ, mang tính chất nhận xét. → sống có đạo lý, ở hiền gặp lành, được mọi người quý mến, ở ác gặp ác, bị mọi người khinh ghét. Những câu chuyện cổ tích đó là suối nguồn trong trẻ nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ. + Bà kể đến suốt đời <i>Cũng không sao hết chuyện</i> → Bà là người nhiều tuổi nhất so với bố, mẹ, thầy giáo → am tường nhiều vấn đề của quá khứ, có thể đoán định tương lai và là người sống tình cảm. - Điều bố dành cho trẻ: khác với điều mà mẹ và bà dành cho trẻ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Chỉ có mẹ cho bé <i>tình yêu và lời ru, bế bồng chăm sóc</i>; + Bà cho bé những câu chuyện ngày xưa và câu chuyện ngày sau; + Bố cho bé hiểu biết, kiến thức. + Sự khác biệt giữa VB của nhà thơ Xuân Quỳnh và những chuyện kể khác ở chỗ, VB của nhà thơ Xuân Quỳnh tập trung vào trẻ em, trẻ em là trung tâm, trẻ em có trước, rồi mọi thứ mới có sau. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện và thảo luận - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	+ Bà và mẹ: tình cảm, sự yêu thương chăm sóc, lời ru, câu chuyện cổ tích Mẹ cho <i>tình yêu</i>, mẹ <i>bế bồng chăm sóc</i>, mẹ hát Bà cho thỏa mãn <i>khao khát</i> nghe những câu chuyện + Bố cho <i>hiểu biết</i>, bố là biểu hiện của lý trí, thay vì tình cảm. Bố không <i>bế bồng</i>, không <i>kể</i> như mẹ, như bà mà bố <i>dạy</i> ➔ vừa nghiêm khắc vừa yêu thương. ➔ Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể thiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ. + Hình ảnh trường lớp và thầy giáo: Hiện lên với các hình ảnh: chữ viết, ghế, bàn, lớp học, bảng, phấn và thầy giáo ➔ Những hình ảnh thân thương, bình dị nhưng đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp, v.v... giúp trẻ trưởng thành. <i>c. Sự giống và khác nhau giữa câu chuyện của nhà thơ Xuân Quỳnh với những câu chuyện nguồn gốc khác</i>

	- Giống: đều có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo; đều nói về nguồn gốc của loài người; - Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh: + Không phải người lớn được sinh ra trước mà là trẻ con → Tư tưởng: trẻ con chính là trung tâm của vũ trụ, là những thế hệ mầm non, tương lai → Cần được nâng niu, hướng dẫn; + Cách kể mang nét độc đáo, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng: Có trẻ con rồi người lớn mới trở thành bậc ông bà, cha mẹ: <i>Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông.</i> ➔ Sự khác biệt đó thể hiện điều nữ nhà thơ muốn nhắn gửi: + Tới trẻ em: Yêu thương những người thân trong gia đình từ những cử chỉ, hành động nhỏ nhất, giản dị, gần gũi nhất; + Tới các bậc làm cha mẹ: yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất vì các em chính là tương lai của gia đình, đất nước. III. Tổng kết 1. Giá trị nghệ thuật

NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: + <i>Em hãy nêu căn cứ để xác định Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ.</i> + <i>Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người gợi cho em suy nghĩ gì? Tại sao một bài thơ là có nhan đề là chuyện cổ tích? Điều này có gì mâu thuẫn hay đặc biệt không?</i> + <i>Nêu nội dung của bài thơ.</i> HSKT xác định thể loại và phương thức biểu đạt. Bước 2: HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + <i>Các yếu tố để xác định VB Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ: vần, nhịp điệu, chia thành các khổ.</i>	- Nhan đề và thể loại: + Thể loại: thơ → phương thức biểu đạt: biểu cảm Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài; Sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ (<i>Từ cánh cò rất trắng/ Từ vị gừng rất đắng/ [...] / Từ bãi sông cát vắng</i>); Mỗi dòng đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 → tạo âm điệu nhịp nhàng như thủ thi, tâm tình, gần gũi với trẻ em: <i>Trời sinh ra trước nhất</i> <i>Chỉ toàn là trẻ con</i> [...] <i>Màu xanh bắt đầu cỏ</i> <i>Màu xanh bắt đầu cây</i> Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức biểu cảm kết hợp tự sự; nhan đề chuyện cổ tích gợi liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo.

+ Nhan đề <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	➔ Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo. - Mạch thơ tuyến tính; 2. Nội dung <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

HSKT trả lời một câu hỏi trắc nghiệm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

HSKT viết khoảng 2 hoặc 3 câu.

GV gợi ý có thể lựa chọn một trong các đoạn thơ: đoạn thơ nói về sự thay đổi của thế giới khi trẻ em xuất hiện; đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ; đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi; đoạn thơ bổ dạy cho sự hiểu biết; đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo, v.v...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

NS:28/9/2023

NG :2-6/10/2023

TUẦN5 (TIẾT 17-20)

TIẾT:17

CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI(TT)

(Xuân Quỳnh)

TIẾT:18 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 19: VĂN BẢN 2. MÂY VÀ SÓNG

(Rabindranath Tagore)

TIẾT 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 17

CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI(TT)

(Xuân Quỳnh)

I. MỤC TIÊU

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

HSKT:

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.
- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ? (GV có thể gợi ý một số truyện như chuyện về Lạc Long Quân – Âu Cơ, Bàn Cổ khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người, truyện trong Kinh Thánh – Jehova sáng tạo ra con người, v.v...);

- + Đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ viết về tình cảm gia đình mà em biết.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nêu tên truyện kể về nguồn gốc và nói về sự ra đời kỳ lạ của loài người trong truyện kể đó;

HSKT nêu được tên một truyện kể.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta ai cũng được cha mẹ sinh ra. Cha mẹ chúng ta cũng vậy, đều được ông bà của ta sinh ra. Đến lượt ông bà và bậc tổ tiên của ta cũng đều như vậy. Con người từ đời này sang đời khác tạo thành những dòng chảy, truyền thống. Vì thế, khi sống hôm nay, ta phải biết được về nguồn cội của bản thân mình. Mình là ai, mình từ đâu đến, mình được sinh ra từ đâu, v.v... Lý giải những câu hỏi đó bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*. Hôm nay thầy/cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về nguồn gốc của loài người qua văn bản thơ này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.
- b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> .	I. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. 1. Tác giả - Họ tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh; - Năm sinh – năm mất: 1942 – 1988;

- GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT đọc thầm bằng mắt Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV bổ sung: - Xuân Quỳnh có thơ đăng báo năm 19 tuổi, trở thành nhà thơ chuyên nghiệp sau khi qua lớp bồi dưỡng những người	- Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà Tây, nay là Hà Nội. - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trìu mến, có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ em. - Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: <i>Lời ru mặt đất</i>, <i>Bầu trời trong quả trứng</i>, <i>Bến tàu trong thành phố</i>,... 2. Tác phẩm - <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là bài thơ được rút ra từ tập thơ <i>Lời ru trên mặt đất</i>, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52.

viết văn trẻ khoá đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam (1962-1964). - Xuân Quỳnh được coi là nhà thơ nữ hàng đầu của nửa cuối thế kỷ 20. - Chủ đề thơ Xuân Quỳnh thường là những vấn đề nội tâm: kỷ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình... Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. Hiện thực xã hội trong thơ Xuân Quỳnh như một bối cảnh cho tâm trạng. Do vậy thơ Xuân Quỳnh hướng nội, rất tâm trạng cá nhân nhưng không là thứ tháp ngà xa rời đời sống.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1:	II. Tìm hiểu văn bản.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	1. Tìm hiểu chung

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi: + <i>Nhân vật chính trong VB là ai?</i> + <i>Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?</i> - GV yêu cầu HS xác định bố cục của VB; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT xác định nhân vật chính trong văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. NV2:	- Nhân vật chính: trẻ em; - Phương thức biểu đạt: trữ tình kết hợp tự sự và miêu tả; - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời; + Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời Khổ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra; Khổ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru Khổ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức. 2. Tìm hiểu chi tiết 2.1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời - Trời được sinh ra đầu tiên. Thế giới lúc này chưa có gì cả, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc. Tất cả mới chỉ là một màu đen. 2.2. Thế giới sau khi trẻ con ra đời

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Thế giới trước và sau khi có sự xuất hiện của trẻ em đã có sự thay đổi. Em hãy nêu những sự thay đổi đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi: + Sự thay đổi về thế giới từ tối tăm sang có ánh sáng chỉ xuất hiện trong bài thơ của Xuân Quỳnh hay còn xuất hiện ở những câu chuyện khác? Nếu có, hãy kể tên những chuyện đó. + Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới? HSKT xác định một sự thay đổi bất kì Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng.	<i>a. Sự biến đổi:</i> + Thiên nhiên: Mặt trời bắt đầu nhô cao → ánh sáng xuất hiện → bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài: Màu sắc: màu xanh của cỏ cây, màu đỏ của hoa Loài vật: chim hót Sự vật: gió, sông, biển, đám mây, con đường <i>Sông cần đến mệnh mệnh/ Biển có từ thuở đó</i> – tư duy thơ của Xuân Quỳnh. Có thể liên hệ với bài thơ <i>Sóng</i>: <i>Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể</i> → KL1: Tưởng tượng có nét tương đồng với các truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới như: truyện Bàn Canh khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người; truyện trong Kinh Thánh về Jehova sáng tạo ra thế giới và con người trong 7 ngày. KL2: Theo VB, mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn. <i>b. Vai trò của sự xuất hiện các thành viên trong gia đình đối với trẻ em</i>

Điều này cho thấy ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới. + Thế giới từ tôi tám chưa có gì đến có ánh sáng, màu sắc, muôn loài giống với nhiều truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt đặt câu hỏi: + Trong VB, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ? + Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì?	- Món quà tình cảm chỉ mẹ mới có thể đem đến được cho trẻ: + Tình yêu và lời ru Tình yêu: bế bồng chăm sóc; Lời ru: những lời ru quen thuộc, gắn liền không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Việt (đã xuất hiện nhiều trong văn học dân gian như truyện cổ tích, ca dao, v.v...): cái bóng cái bang, cái hoa: không dùng là “con cá bóng” hay “bông hoa” mà dùng chỉ từ “cái” – cách nói mộc mạc, giản dị, gần gũi; cánh cò, vị gừng, vết lấm, cơn mưa, bãi sông cát vàng, v.v... - Những câu chuyện bà kể cho trẻ và những điều bà muốn gửi gắm: + Chuyện bà kể cho trẻ: <i>Chuyện ngày xưa, ngày sau</i> <i>Chuyện ngày xưa</i>: Chuyện cổ: con cóc, nàng tiên, cô Tấm, Lý Thông, v.v... <i>Chuyện ngày sau</i>: chuyện ngày sau này là trong đối sánh với ngày xưa, nó có thể vẫn là những câu chuyện cổ hoặc là chuyện mà với một người nhiều tuổi, có nhiều trải nghiệm như bà có thể đoán định được.

+ Điều bố dành cho trẻ có gì khác so với điều bà và mẹ dành cho trẻ? + Bố và bà có yêu thương bé như mẹ yêu thương bé không? + Mỗi thành viên trong gia đình cho trẻ những điều khác nhau. Từ đây, em rút ra được điều gì? + Câu chuyện về nguồn gốc của loài người qua lời thơ của tác giả Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện nguồn gốc loài người mà em biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện một hoặc hai câu bất kì mà em tìm được. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Chỉ có mẹ cho bé tình yêu và lời ru, bế bồng chăm sóc;	+ Điều bà muốn gửi gắm qua câu chuyện: <i>Chuyện cô Tấm ở hiền/ Thằng Lý Thông ở ác</i> → Cách gọi: “cô” Tấm, “thằng” Lý Thông → cách gọi thể hiện thái độ, mang tính chất nhận xét. → sống có đạo lý, ở hiền gặp lành, được mọi người quý mến, ở ác gặp ác, bị mọi người khinh ghét. Những câu chuyện cổ tích đó là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ. + Bà kể đến suốt đời Cũng không sao hết chuyện → Bà là người nhiều tuổi nhất so với bố, mẹ, thầy giáo → am tường nhiều vấn đề của quá khứ, có thể đoán định tương lai và là người sống tình cảm. - Điều bố dành cho trẻ: khác với điều mà mẹ và bà dành cho trẻ + Bà và mẹ: tình cảm, sự yêu thương chăm sóc, lời ru, câu chuyện cổ tích Mẹ cho tình yêu, mẹ bế bồng chăm sóc, mẹ hát Bà cho thỏa mãn khao khát nghe những câu chuyện

+ Bà cho bé những câu chuyện ngày xưa và câu chuyện ngày sau; + Bố cho bé hiểu biết, kiến thức. + Sự khác biệt giữa VB của nhà thơ Xuân Quỳnh và những chuyện kể khác ở chỗ, VB của nhà thơ Xuân Quỳnh tập trung vào trẻ em, trẻ em là trung tâm, trẻ em có trước, rồi mọi thứ mới có sau. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện và thảo luận - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	+ Bố cho <i>hiểu biết</i>, bố là biểu hiện của lý trí, thay vì tình cảm. Bố không <i>bé bỏng</i>, không <i>kể</i> như mẹ, như bà mà bố <i>dạy</i> ➔ vừa nghiêm khắc vừa yêu thương. ➔ Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ. + Hình ảnh trường lớp và thầy giáo: Hiện lên với các hình ảnh: chữ viết, ghế, bàn, lớp học, bảng, phấn và thầy giáo ➔ Những hình ảnh thân thương, bình dị nhưng đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp, v.v... giúp trẻ trưởng thành. <i>c. Sự giống và khác nhau giữa câu chuyện của nhà thơ Xuân Quỳnh với những câu chuyện nguồn gốc khác</i> - Giống: đều có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo; đều nói về nguồn gốc của loài người; - Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh: + Không phải người lớn được sinh ra trước mà là trẻ con ➔ Tư tưởng: trẻ con chính là trung

NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi:	tâm của vũ trụ, là những thế hệ mầm non, tương lai → Cần được nâng niu, hướng dẫn; + Cách kể mang nét độc đáo, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng: Có trẻ con rồi người lớn mới trở thành bậc ông bà, cha mẹ: <i>Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông.</i> ➔ Sự khác biệt đó thể hiện điều nữ nhà thơ muốn nhắn gửi: + Tới trẻ em: Yêu thương những người thân trong gia đình từ những cử chỉ, hành động nhỏ nhất, giản dị, gần gũi nhất; + Tới các bậc làm cha mẹ: yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất vì các em chính là tương lai của gia đình, đất nước. III. Tổng kết 1. Giá trị nghệ thuật - Nhan đề và thể loại: + Thể loại: thơ → phương thức biểu đạt: biểu cảm

+ Em hãy nêu căn cứ để xác định Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ. + Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người gợi cho em suy nghĩ gì? Tại sao một bài thơ là có nhan đề là chuyện cổ tích? Điều này có gì mâu thuẫn hay đặc biệt không? +Nêu nội dung của bài thơ. HSKT xác định thể loại và phương thức biểu đạt. Bước 2: HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: + Các yếu tố để xác định VB Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ: vần, nhịp điệu, chia thành các khổ. + Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài; Sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ (<i>Từ cánh cò rất trắng/ Từ vị gừng rất đắng/ [...]/ Từ bãi sông cát vắng</i>); Mỗi dòng đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 → tạo âm điệu nhịp nhàng như thủ thi, tâm tình, gần gũi với trẻ em: <i>Trời sinh ra trước nhất</i> <i>Chỉ toàn là trẻ con</i> [...] <i>Màu xanh bắt đầu cò</i> <i>Màu xanh bắt đầu cây</i> Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức biểu cảm kết hợp tự sự; nhan đề chuyện cổ tích gợi liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo. ➔ Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo. - Mạch thơ tuyến tính;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	2. Nội dung <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, triu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

HSKT trả lời một câu hỏi trắc nghiệm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

HSKT viết khoảng 2 hoặc 3 câu.

GV gợi ý có thể lựa chọn một trong các đoạn thơ: đoạn thơ nói về sự thay đổi của thế giới khi trẻ em xuất hiện; đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ; đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi; đoạn thơ bổ dạy cho sự hiểu biết; đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo, v.v...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

TIẾT:18 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.
- Làm được các bài tập vận dụng.

HSKT nhận diện các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

HSKT không thực hiện yêu cầu

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chất lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

HSKT thực hiện ½ yêu cầu

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: <i>Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng</i>	I. Khái niệm 1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. Nhân hóa

<i>biện pháp so sánh, nhân hóa.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. HSKT nêu cách hiểu của bản thân về so sánh, nhân hoá. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng. + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm. + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người. + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: <i>Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt? GV có thể đưa ra gợi ý: Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?</i> + VD1: <i>Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.</i> (Hồ Chí Minh) + VD2: <i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i>	3. Điệp ngữ - <i>Điệp ngữ</i> là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. - Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

(Trích Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm) + VD3: Nhớ sao lớp học i tờ Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan Nhớ sao ngày tháng cơ quan Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều Chày đêm nện cối đều đều suối xa (Trích Việt Bắc – Tố Hữu) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT thực hiện VD 1 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức.	
NV3. Hướng dẫn làm bài tập GV hướng dẫn HSKT làm một vài câu nhận diện biện pháp tu từ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44; - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>; - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Từ đơn: ta, oi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn	II. Bài tập Bài tập 3 SGK trang 44 - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh: + <i>Cây cao bằng gang tay, Lá cỏ bằng sợi tóc, Cái hoa bằng cái cúc, Tiếng hót trong bằng nước, Tiếng hót cao bằng mây.</i> <i>Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót</i> (về A) được so sánh với <i>gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây</i> (về B). - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ: Hình ảnh thiên nhiên (về A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gần

Từ ghép: Việt Nam, đất nước Từ láy: mênh mông Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm:	với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim → Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ. Bài tập 4 SGK trang 44 - Biện pháp tu từ: <i>nhân hóa</i>; - Tác dụng: + <i>Thơ ngây</i> – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió → Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.

+ Biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ: <i>nhân hóa</i>; + Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa đối với dòng thơ: khiến làn gió trở nên gần gũi như con người, có nét hồn nhiên, đáng yêu như trẻ thơ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng NV5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44; - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ <i>Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng</i>; - GV yêu cầu HS tự làm bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	Bài tập 5 SGK trang 44 - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ: + “rất” + “Từ cái...”, “Từ...” - Tác dụng: + “rất” ➔ Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ; + “Từ cái...”, “Từ...” ➔ liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ: ▪ “rất” ▪ “Từ cái...”, “Từ...” + Tác dụng: ▪ “rất” → Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ; ▪ “Từ cái..”, “Từ...” → liệt kê những hình ảnh trong lời ru của mẹ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng NV6: Bài tập 1 SGK trang 43 – 44;	Bài tập 1 SGK trang 43 – 44: a. Nghĩa của từ <i>nhô</i>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44 ; - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm : a. Nghĩa của từ <i>nhô</i> - <i>Nhô</i> là động từ để chỉ hành động của một sự vật vượt lên phía trên hoặc đưa ra phía trước so với những cái xung quanh. b. Không thể thay thế từ <i>nhô</i> bằng từ <i>lên</i> vì <i>lên</i> chỉ là một nét nghĩa có trong từ <i>nhô</i>. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận ; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- <i>nhô</i> (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh → mặt trời <i>nhô</i> cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối. b. Không thể thay thế từ <i>nhô</i> bằng từ <i>lên</i> vì <i>lên</i> chỉ là một nét nghĩa có trong từ <i>nhô</i>. <i>Nhô</i> có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng NV7: Bài tập 2 SGK trang 44 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44 và làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ ; - Dự kiến sản phẩm: Những từ trong và ngoài văn bản có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa: - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mệnh mông,... - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô,... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận ; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	Bài tập 2 SGK trang 44 - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mệnh mông,... - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu,...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.

HSKT viết một câu có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh hoặc nhân hoá.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- Chuẩn bị bài: Mây và sóng

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 19: VĂN BẢN 2. MÂY VÀ SÓNG (Rabindranath Tagore)

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ.

HSKT Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mây và sóng*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mây và sóng*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiếu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Chúng ta ai cũng đều được bố mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc, bảo ban. Chúng ta ai cũng muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, nghe lời bố mẹ và thầy cô. Vậy em có tự thấy mình là một người con ngoan không? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điều ta cho là hấp dẫn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, che chở, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ **Mây và sóng** của Tagore đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS thực hiện nhiệm vụ. HSKT đọc thầm bằng mắt	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Rabindranath Tagore - Năm sinh – năm mất: 1861 – 1941 - Quê quán: Ấn Độ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	- Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,... 2. Tác phẩm - <i>Mây và sóng</i> được in trong tập <i>Trăng non</i>.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.

HSKT nắm được nội dung của văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. Đọc – hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Người kể chuyện: em bé;

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi: + <i>Đọc bài thơ Mây và sóng, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?</i> + <i>Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?</i> + <i>VB Mây và sóng có hình thức khác với VB Chuyện cổ tích về loài người như thế nào (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần, v.v...)? Vì sao nó vẫn được coi là VB thơ?</i> - GV yêu cầu HS xác định bố cục và thể loại của VB: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT xác định người kể chuyện, thể loại Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm:	- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả; - Thể loại: thơ văn xuôi (thơ tự do); - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu... và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”; + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”.

+ Em bé đã kể với mẹ câu chuyện tưởng tượng của em nhằm bộc lộ tình yêu với mẹ; + PTBD của VB là biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả; + <i>Mây và sóng</i> khác <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV có thể bổ sung thêm: + <i>Mây và sóng</i> khác <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm. Trong thực tế, hình thức	2. Tìm hiểu chi tiết

thơ không quy định số tiếng trong một dòng, không vần,... được gọi là thơ văn xuôi. Cách trình bày in ấn bài thơ là điều dễ nhận nhất để phân biệt với văn xuôi. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi với câu hỏi: + <i>Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?</i> + <i>Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. <i>HSKT: chỉ ra câu thơ nói về những người sống trên mây.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	2.1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng” - Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”: + Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vàng trắng bạc khi đêm về); + Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà). → Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn; - Cách đến với họ: + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời; + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại. → Lời mời gọi của những người sống “trên mây”, “trong sóng” chính là tiếng gọi của thế giới diệu kỳ, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn. → Gọi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi. 2.2. Lời từ chối của em bé

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”?</i> <i>Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ?</i> + <i>Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: em bé nói gì với những người “trên mây” Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ;	- Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên: + <i>Nhưng làm thế nào mình lên đó được?</i> + <i>Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?</i> → Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ. - Lời từ chối của em bé: + <i>Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?</i> + <i>Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?</i> → Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”. Với em bé, được ở bên mẹ, làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm hạnh phúc không gì sánh được.

- Dự kiến sản phẩm: + Đầu tiên em bé đã hỏi những người “trên mây” và “trong sóng” làm cách nào để có thể đến những nơi như họ đến. Em bé không từ chối ngay vì em bé có khát khao muốn khám phá. + Em bé từ chối lời mời của họ vì tình cảm em dành cho mẹ, vì em biết mẹ đang chờ em. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Đó là những trò chơi nào? Trò chơi	2.3. Trò chơi của em bé - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trườn lên người mẹ; - Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ. → Tình cảm mẹ con sâu sắc: <i>a. Tình cảm em bé dành cho mẹ</i> - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ; - Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng; - Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quán quýt bên mẹ - như mây quán quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển. <i>b. Tình cảm mẹ dành cho em bé</i>

đó có gì thú vị so với lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”? + Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy? + Em cảm nhận như thế nào về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Em bé đã sáng tạo ra hai trò chơi để em và mẹ hóa thân thành mây và trăng, sóng và biển. Trò chơi đó thú vị hơn những lời mời kia vì em vừa có thể thỏa mãn khát khao trở thành mây, thành sóng, vừa được quán quýt bên mẹ. + Những trò chơi ấy thể hiện tình mẫu tử sâu sắc;	- Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: mẹ mình đang đợi ở nhà, buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà; - Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về; - Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào → Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mệnh mông. → Cả bài thơ là tương quan của tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ → Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu. III. Tổng kết

+ Câu thơ <i>Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào</i> cho thấy hai mẹ con đi chơi khắp nơi, hòa nhập vào tất cả thế giới. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: <i>Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT tìm hiểu nội dung. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm:	1. Nghệ thuật - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại; - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển; - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. 2. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị.

+ Nghệ thuật: thơ văn xuôi, hình ảnh giàu ý nghĩa; + Nội dung: ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

HSKT viết một vài câu theo khả năng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?

Tình huống 3: Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?

HSKT thực hiện tình huống 1.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

- *Về nhà chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). Không đánh giá HSKT, chỉ động viên, khuyến khích.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các trường hợp cụ thể;
- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.

HSKT nhận biết biện pháp tu từ ẩn dụ, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS nhắc lại kiến thức tiếng Việt trong buổi học trước và trả lời: Trong buổi học trước, chúng ta đã học về biện pháp tu từ so sánh, em hãy cho biết so sánh là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

HSKT đọc khái niệm ở SGK.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Buổi trước, chúng ta đã học về biện pháp tu từ so sánh. Cũng gần với biện pháp tu từ so sánh, đó là biện pháp ẩn dụ. Nếu không để ý kỹ, chúng ta rất dễ nhầm lẫn hai biện pháp tu từ này. Vậy ẩn dụ là gì, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp tu từ ẩn dụ

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về ẩn dụ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: Đọc những dòng thơ sau và chú ý các từ được in đậm: + Giọng nói của chị ấy rất ngọt ngào + Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng	I. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

<i>Thấy một mặt trời trong lãng rất đỏ</i> + <i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i> Em hãy cho biết các từ in đậm trên có gì đặc biệt? Từ <i>ngọt ngào</i> ở đây để chỉ điều gì? <i>Mặt trời</i> trong dòng thơ <i>Thấy một mặt trời trong lãng rất đỏ</i> dùng để chỉ ai? <i>Ăn quả</i> và <i>kẻ trồng cây</i> dùng để nói lên điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT tìm hiểu câu thứ nhất: <i>Giọng nói của chị ấy rất ngọt ngào</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + <i>Ngọt ngào</i> là một tính từ chỉ vị của thức ăn, đồ uống như đường, mật, khiến con người có cảm giác dễ chịu. Ngọt ngào trong ví dụ trên đã được chuyển đổi cảm giác, từ vị giác sang thính giác để nói về giọng nói của con người dễ nghe, khiến người khác thoải mái, dễ chịu.	

+ <i>Mặt trời</i> là danh từ để chỉ ngôi sao trung tâm trong Hệ mặt trời. Mặt trời là trung tâm, mang năng lượng, tỏa sáng và sự ấm áp cho các ngôi sao và hành tinh khác. Mặt trời là biểu hiện của thế giới tự nhiên, kỳ diệu và vĩnh hằng. <i>Mặt trời</i> trong dòng thơ <i>Thấy một mặt trời trong lũng rất đỏ</i> để chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là cách nói để so sánh ngầm, ví Bác Hồ với sự vĩnh hằng của vũ trụ, là ánh sáng, năng lượng đã đưa dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ. + <i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i> là một thành ngữ của Việt Nam để nói đến việc khi hưởng thụ thành quả nào đó, phải nghĩ đến công sức của người lao động vất vả mới làm ra được. <i>Ăn quả</i> ở đây để chỉ với việc hưởng thành tựu, <i>kẻ trồng cây</i> để chỉ người lao động để tạo ra thành quả. ➔ Từ ngữ được in đậm trong các ví dụ vốn để chỉ một sự vật, hiện tượng này, song đã được sử dụng để ám chỉ một sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng.	

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV có thể bổ sung thêm: - <i>Ẩn dụ</i> thường chỉ được đề cập như một biện pháp tu từ. Tuy nhiên, ẩn dụ còn là một phương thức chuyển nghĩa của từ. Khi sự chuyển đổi tên gọi làm thay đổi ý nghĩa của từ, làm cho từ có thêm nghĩa mới, được dùng phổ biến thì ẩn dụ không còn là biện pháp tu từ nữa mà trở thành phương thức chuyển nghĩa của từ. Vd: <i>Chân</i> vốn chỉ một bộ phận cơ thể người. Nhưng <i>chân</i> còn được dùng để chỉ những sự vật có nét tương đồng (về hình dáng, vị trí, chức năng,...) với bộ	

phận cơ thể: <i>chân trong chân bàn, chân tóc, chân ghế, chân núi,...</i> - Nhân hóa thực chất cũng là một loại ẩn dụ. Ẩn dụ này dựa trên nét tương đồng giữa sự vật (không phải là người) với con người, lấy thuộc tính của con người để gán cho sự vật (không phải là người), chẳng hạn: <i>gió thì thâm, sóng gào thét</i>. Tuy vậy, do đặc trưng nổi bật của nó mà nhân hóa vẫn được xem như một biện pháp tu từ riêng.	

Hoạt động 2: Tìm hiểu dấu câu và đại từ

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về dấu câu và đại từ đã được học ở Tiểu học.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lấy ví dụ và yêu cầu HS trả lời: <i>Em hãy đọc đoạn văn bản dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Hãy sửa lại sao cho các câu trở nên có nghĩa là có lý:</i>	II. Dấu câu và dấu ngoặc kép 1. Dấu câu - Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên mặt văn bản một câu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa cá thành phần của câu.

<i>Chú bé bước vào đầu chú. Đôi chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lắm tấm mồ hôi.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT chỉ cho biết dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa (không chỉnh sửa) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Dấu chấm trong văn bản trên đã bị đặt sai vị trí; + Sửa lại: <i>Chú bé bước vào. Đầu chú đôi chiếc mũ sắt. Dưới chân đi đôi giày da. Trên trán lắm tấm mồ hôi.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết. - Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm. → Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc. - Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “,”. 2. Dấu ngoặc kép - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu; - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp; - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt; - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng. GV có thể bổ sung thêm: Hiện nay tiếng Việt dùng 11 dấu câu: 1. dấu chấm (.) : dùng để kết thúc câu tường thuật; 2. dấu hỏi chấm (?) : dùng để kết thúc câu nghi vấn (câu hỏi); 3. dấu chấm than (!): dùng để kết thúc câu cảm thán hay câu cầu khiến; 4. dấu ba chấm/chấm lửng (...): dùng khi người viết không muốn liệt kê hết sự vật, hiện tượng trong chủ đề; 5. dấu phẩy (,) : dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu; dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng; 6. dấu chấm phẩy (;) : dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; đứng sau các bộ phận liệt kê;	

7. dấu hai chấm (:) : báo hiệu một sự liệt kê; nhấn mạnh ý trích dẫn trực tiếp; chỉ phần đứng sau có chức năng thuyết minh hoặc giải thích cho phần trước; dùng báo hiệu nội dung lời của các nhân vật trong đối thoại; 8. dấu gạch ngang (–) : đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê; đặt đầu dòng trước lời đối thoại; ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu; đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau; dùng trong cách đề ngày, tháng, năm; 9. dấu ngoặc đơn () : dùng để ngăn cách các thành phần chú thích với các thành phần khác; dùng để giải thích ý nghĩa của từ; dùng để chú thích nguồn gốc của dẫn liệu; 10. dấu ngoặc kép (“”) : dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu; trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp; đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý; trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.	

11. dấu ngoặc vuông ([]) : được dùng nhiều trong văn bản khoa học với chức năng chú thích công trình khoa học của tác giả; chú thích thêm cho những chú thích đã có. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: <i>Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết và hay sử dụng.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT nêu được 1 đại từ nhân xưng. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	III. Đại từ nhân xưng - Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta,...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào,...); - Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi: + Ngôi 1 - Số ít: tôi/tao/tớ/ta - Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ + Ngôi 2 - Số ít: mày/mi/ngươi/bạn - Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay + Ngôi 3 - Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy - Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

HSKT thực hiện một phần yêu cầu của hoạt động.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 47; - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho hình ảnh thiên nhiên xa xôi, huyền bí, hấp dẫn, mời gọi con người khám phá. + “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những dự đoán mà con người phải vượt qua.	Bài tập 1 SGK trang 47 - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn. - “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí. - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cảm dỗ ở đời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức → Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 47; - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Biện pháp tu từ: ẩn dụ;	Bài tập 2 SGK trang 47 - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vàng trắng bạc”: ẩn dụ; - Tác dụng: + “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng → gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian. + “Vàng trắng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vàng trắng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.

+ Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho hình ảnh “bình minh” và “vàng trắng”. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 47; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Điệp ngữ <i>lăn</i>	Bài tập 3 SGK trang 47 - Điệp ngữ <i>lăn</i> → Tác dụng: + Hình ảnh tả thực: hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác. + Hình ảnh tả thực: những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát. → Gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.

+ Tác dụng: nhấn mạnh hành động của em bé sà vào lòng mẹ, nhấn mạnh hình ảnh những con sóng vỗ bờ → gợi hình ảnh em bé vui chơi hồn nhiên, tinh nghịch bên người mẹ dịu dàng, âu yếm che chở cho con. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 4 SGK trang 47; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ;	Bài tập 4 SGK trang 47 - Xác định lời trực tiếp của các nhân vật trong bài thơ: + Lời của người “trên mây”: + Lời của người “trong sóng”: + Lời của em bé đối đáp với người “trên mây” và người “trong sóng”. → Dấu câu được dùng để đánh dấu những lời trực tiếp là dấu ngoặc kép.

- Dự kiến sản phẩm: Trong bài thơ <i>Mây và sóng</i> có nhiều đoạn dẫn lời trực tiếp của các nhân vật. Dấu câu được dùng để đánh dấu những lời trực tiếp đó là dấu ngoặc kép. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 5 SGK trang 47; - GV yêu cầu HS đọc lại toàn bộ VB <i>Mây và sóng</i>; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 5 SGK trang 47 - <i>Bọn tớ</i> là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều; - <i>Bọn tớ</i> trong những lời nói trực tiếp ở bài <i>Mây và sóng</i> dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.

- HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: <i>Bạn tớ</i> trong những lời nói trực tiếp ở bài <i>Mây và sóng</i> dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng. NV6: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 6 SGK trang 47; - GV gợi ý: sự khác nhau giữa <i>bạn tớ</i>, <i>chúng tớ</i> và <i>bạn tao</i>, <i>chúng tao</i> là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 6 SGK trang 47 - <i>Chúng ta</i>, <i>bạn mình</i>: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.

- HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Trong tiếng Việt, ngoài <i>bạn tớ</i> còn có một số đại từ nhân xưng khác cũng thuộc ngôi thứ nhất số nhiều như <i>chúng ta, chúng tôi, bọn mình, chúng tớ,...</i> Có thể dùng <i>bọn mình</i> hoặc <i>chúng tớ</i> trong số đó để thay cho <i>bạn tớ</i>. Vì hai từ này có cùng ý nghĩa và đều mang sắc thái gần gũi, thân thiện. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	- <i>Chúng tôi, bọn mình, chúng tớ</i>: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói. - <i>Bạn tớ</i>: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói ➔ Có thể chọn những từ <i>bọn mình, chúng tớ</i> thay cho <i>bạn tớ</i>. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Tưởng tượng em là em bé trong bài *Mây và sóng*. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.

HSKT viết một câu có đại từ “tôi”

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- Chuẩn bị bài: *Bức tranh của em gái tôi*.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

NS:2/10/2023

NG :9-13/10/2023

TUẦN 6 (Tiết 21-24)

TIẾT 21 – 22: VĂN BẢN 3. BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

(Tạ Duy Anh)

TIẾT 23 VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

TIẾT 24 THỰC HÀNH: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ; ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

TIẾT 21 – 22: VĂN BẢN 3. BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

(Tạ Duy Anh)

I. MỤC TIÊU

- Củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*;
- Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình.
- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

HSKT: năng lực giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

HSKT: Năng lực hợp tác khi trao đổi, trình bày suy nghĩ.

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

HSKT

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: Ở nhà, em có anh chị hay có em trai, em gái không? Em và anh/chị/em của em đối xử với nhau như thế nào?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và chia sẻ về anh/chị/em của mình.

GV khuyến khích HSKT trả lời

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong một gia đình, có thể có nhiều thế hệ như ông bà, bố mẹ, con cái. Những người con trong một gia đình chính là những người cùng thế hệ, có sự gần gũi trong cách nghĩ và cảm nhận thế giới. Đó có thể là anh trai, chị gái, em gái, em trai của chúng ta. Hai anh em trong VB **Bức tranh của em gái tôi** đã yêu thương nhau như thế nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

HSKT: nắm thông tin về tác giả.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Theo sự tìm hiểu được giao về nhà, em hãy nêu hiểu biết của mình về nhà văn Tạ Duy Anh.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT nêu một vài ý. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Tạ Duy Anh; - Năm sinh: 9/9/1959; - Quê quán: Hà Tây (nay là Hà Nội); - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980. 2. Tác phẩm - Truyện ngắn <i>Bức tranh của em gái tôi</i> đạt giải nhì trong cuộc thi viết <i>Tương lai vắng gọi</i> của báo Thiếu niên Tiền phong 1998.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng. GV có thể bổ sung thêm: Tạ Duy Anh là hội viên hội nhà văn VN; hiện công tác tại NXB Hội Nhà văn. Ông đã từng nhận giải thưởng truyện ngắn nông thôn do báo Văn nghệ, báo Nông nghiệp và Đài tiếng nói VN tổ chức; giải thưởng truyện ngắn của tạp chí Văn nghệ quân đội...	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các nét tính cách của hai nhân vật: người anh và Mèo – Kiều Phương;

HSKT nắm được một vài nét tính cách của nhân vật.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi: + <i>Nhân vật chính trong truyện là ai?</i>	II. Đọc hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Nhân vật chính: Kiều Phương – Mèo; - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người anh – nhân vật “tôi”;

+ Theo em truyện được kể theo ngôi thứ mấy? + Em hãy chỉ ra bố cục của VB Bức tranh của em gái tôi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT không nêu bố cục. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Trước khi cả nhà biết tài năng của nhân vật bé Mèo – Kiều Phương, thái	- Bố cục: 3 phần: + Đoạn 1: Từ đầu... <i>vui lắm</i>: giới thiệu về em gái Kiều Phương – Mèo; + Đoạn 2: Tiếp theo... <i>để nó phát huy tài năng</i>: Tài năng của Mèo được mọi người phát hiện; + Đoạn 3: Tiếp theo... <i>hết</i>: Diễn biến tâm trạng của nhân vật tôi sau khi cả nhà phát hiện và quan tâm đến tài năng của Mèo. 2. Tìm hiểu chi tiết 2.1. Diễn biến tâm trạng người anh – nhân vật “tôi” <i>a. Lúc đầu – trước khi mọi người phát hiện tài năng hội họa của Mèo – Kiều Phương</i>

<i>độ của nhân vật “tôi” với em gái mình ra sao?</i> + <i>Em hãy cho biết khi cả nhà phát hiện ra tài năng của nhân vật bé Mèo – Kiều Phương, nhân vật “tôi” đã có tâm trạng như thế nào?</i> + <i>Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ HSKT trả lời câu thứ nhất. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Trước khi cả nhà biết tài năng của nhân vật bé Mèo – Kiều Phương, người anh vẫn đối xử với em mình một cách bình thường; + Khi cả nhà biết tài năng của Mèo, người anh có tâm lý tự ti vì cảm thấy mình bất tài, từ đó hay cáu gắt với bé	- Gọi là Mèo → Tên gọi dễ thương, thể hiện sự yêu thương của người anh dành cho em gái mình; - “Bắt gặp” em gái đang làm gì đó → sự vô tình nhìn thấy; - “Thảo nào” → hiểu ra điều gì đó. “Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả” → Cách kể cho thấy người anh đã ngộ ra lý do vì sao các đít xoong chảo bị cạo trắng; cách kể có sự dễ thương, trêu mến với những hành động của cô em gái. - “Quyết định bí mật theo dõi em gái tôi” → Hành động tò mò, quan tâm. → Coi hành động của em gái mình là những trò nghịch ngợm, dễ thương. <i>b. Khi tài năng hội họa của bé Mèo được phát hiện</i> - Cảm thấy mình bất tài: + “Làm một việc mà tôi vẫn coi khinh”; + “Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lén trút ra một tiếng thở dài...” → Sự mệt mỏi, bất lực vì thấy em gái mình có tài còn mình thì không. “Lén”: sự lén lút, không để ai biết

Mèo và không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. + Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ, nhân vật “tôi” đã “sững người”, “thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ”, “muốn khóc quá”. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.	được → Mặc cảm của riêng bản thân không thể chia sẻ với người khác. - Không thể thân với Mèo như trước kia; - Khó chịu, gắt gỏng: + Khi bé Phương được mời tham gia trại thi vẽ Quốc tế: cả nhà vui, “trừ tôi”. Cách viết: “Rồi cả nhà – trừ tôi – [...]”: nhấn mạnh vào bản thân mình với thái độ khó chịu, không vui khi em mình được tham gia cuộc thi lớn. → Tự ái, mặc cảm, tự ti và có phần đố kỵ với người em → Đây là một trạng thái cảm xúc tiêu cực mà bất kỳ ai cũng có thể trải qua. Nhưng mỗi chúng ta cần hiểu để vượt qua, thay đổi theo hướng tích cực. <i>c. Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ</i> - Thái độ: + “Sững người”, “ngỡ ngàng”: bất ngờ vì không nghĩ mình lại là nhân vật được vẽ trong tranh; + “Hãnh diện”: hãnh diện vì là anh trai của một tài năng, hãnh diện vì được vẽ đẹp, v.v...

NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Em hãy chỉ ra những hành động của nhân vật Mèo – Kiều Phương trước khi được mọi người phát hiện tài năng.</i> + <i>Vì sao trước khi đi thi, Kiều Phương lại có vẻ hay “xét nét” anh trai mình? Việc Kiều Phương lựa chọn vẽ anh mình trong cuộc thi cho thấy cô bé là người như thế nào?</i> + <i>Em thích nhất đặc điểm gì của nhân vật Mèo – Kiều Phương? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT trả lời câu thứ nhất. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm:	+ “Xấu hổ”: xấu hổ vì đã có thái độ ích kỷ, gắt gỏng với Mèo và xấu hổ vì cả sự hãnh diện vừa xong của mình; + “Muốn khóc quá”: Tâm trạng lên đến đỉnh điểm, muốn vỡ òa trong tất cả các trạng thái cảm xúc. Cảm thấy em gái mình trong sáng và nhân hậu: không chấp nhận những lời gắt gỏng của anh mình. 2.2. Nhân vật bé Mèo - Mặt luôn bị bầm; hay lục lọi đồ vật; tự pha chế màu vẽ; vừa làm vừa hát; → hồn nhiên, tinh nghịch, có tài hội họa; - Vui vẻ chấp nhận tên “Mèo”, hãnh diện: “còn dùng để xưng hô với bạn bè”, “ôm cổ tôi, thì thăm” → quý mến anh trai; - Vẽ anh vào tranh → quý mến anh trai, không để ý đến những lời gắt gỏng của anh → Có lòng nhân hậu.

+ Trước khi được mọi người phát hiện tài năng: tình nghịch, lén pha chế màu để vẽ; + Trước khi đi thi, Kiều Phương hay “xét nét” anh trai mình vì muốn nhớ gương mặt anh cho thật kỹ để vẽ vào trong tranh. Hành động này cho thấy Kiều Phương là một cô bé trong sáng, không suy nghĩ đến những chuyện anh hay gắt gỏng, là một người hồn nhiên và có lòng nhân hậu, yêu thương gia đình, đặc biệt là anh mình. + Những đặc điểm của nhân vật Mèo – Kiều Phương mà HS thích và lý giải. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ➔ Ghi lên bảng. NV3 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	

- GV đặt câu hỏi: <i>Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT rút ra nội dung. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua cách kể ngôi thứ nhất → gần gũi, đáng tin vì đó như một trải nghiệm được kể lại. 2. Nội dung, ý nghĩa - Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu em có một khả năng đặc biệt nào đó so với mọi người xung quanh, mọi người tự ti vì họ không giỏi bằng em và có xu hướng đố kỵ. Trong trường hợp đó, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu em thấy bạn khác thông minh, giỏi hơn mình và được mọi người công nhận. Em cũng muốn được người khác công nhận mình như thế, em có buồn vì bạn giỏi hơn mình không? Em sẽ làm gì để em và bạn vẫn thân thiết với nhau? Em sẽ làm gì để mọi người công nhận em?

Tình huống 3: Nếu em thấy một người bạn của mình đang tự ti vì bạn ấy không giỏi được như người khác, em sẽ khuyên bạn điều gì?

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

HSKT lựa chọn một tình huống để trình bày.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Từ các VB **Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi**, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì? Hãy viết một đoạn văn ngắn để nêu quan điểm của em.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

GV hướng dẫn HSKT viết theo khả năng của mình.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 23 VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

TIẾT 24 THỰC HÀNH: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ; ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

I. MỤC TIÊU:

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập ý; viết đoạn văn; chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- HS viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.

HSKT viết được đoạn văn đơn giản.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:
 - + Trong hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng*, các tác giả đã đề cập đến vấn đề gì? Việc sử dụng hình thức thơ để thể hiện điều đó có tác dụng như thế nào?
 - + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm của nhà thơ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động

HSKT trả lời ý 1 câu thứ nhất.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Hai VB **Chuyện cổ tích về loài người** và **Mây và sóng** đề cập đến tình yêu gia đình, thiên nhiên và cuộc sống. Việc sử dụng hình thức thơ giúp nhà thơ thể hiện điều đó tốt hơn vì thơ là thể loại trữ tình, phù hợp với việc bộc lộ tình cảm.

+ Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB cho phép câu chuyện được tự kể, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết, mang dụng ý của tác giả mà tác giả không nhất thiết phải thể hiện một cách trực tiếp.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

HSKT nhận biết được ½ yêu cầu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS:	1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả; - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;

+ Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì? - GV gợi ý: + Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì? Có cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả hay không? + Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT nêu một vài ý. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần phải giới thiệu được về bài thơ, bao gồm: tên bài thơ, tên tác giả;	- Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ; - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

+ Phải chỉ ra được các yếu tố tự sự, miêu tả và phân tích được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ; + Nêu được ý kiến cá nhân, đồng tình hay không đồng tình, có góp ý gì với cách thể hiện của nhà thơ hay không. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi: - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết đoạn văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u>

- GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn bài thơ, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả Gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> và <i>Mây và sóng</i>, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.	- Lựa chọn đề tài; - Tìm ý; - Lập dàn ý. <u>Viết bài</u>		
<table border="1"> <tr> <td>Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai?		
Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai?			
<table border="1"> <tr> <td>Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ?		
Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ?			
<table border="1"> <tr> <td>Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của		
Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của			

nhà thơ	
Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ	
Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ	

- HS lập ý cho đoạn văn theo gợi ý;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

HSKT: Chỉ trả lời bài thơ đó có tên là gì?

Tác giả là ai?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. Hoạt động 3. Chỉnh sửa bài viết Nhiệm vụ 1 *Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS <i>xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV. Nhiệm vụ 2 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát bài, yêu cầu HS xem lại bài kiểm tra, phát hiện những ưu và nhược điểm của bài làm. - Thực hiện nhiệm vụ: Hs xem bài viết tìm ưu, nhược điểm của bài. - Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. - Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	<u>Chỉnh sửa</u> * Kiểm tra, điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;

HSKT viết một vài câu.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý;

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

- *Chuẩn bị tiết: Nói và nghe.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập;	

		- Trao đổi, thảo luận.	

NS:10/10/2023

NG :15-20/10/2023

TUẦN 7 (Tiết 25-28)

TIẾT 25:

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ (26, 27, 28)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

VĂN BẢN 1. CÔ BÉ BÁN DIÊM

(Hans Christian Andersen.)

TIẾT 25

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

- Ngồi kể và người kể chuyện
- Một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ
- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài

HSKT nói phần mở bài

- Nhân ái, yêu gia đình

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Đoạn video kể về mối quan hệ nào trong gia đình? Nội dung của câu chuyện đó là gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

HSKT không thực hiện yêu cầu này.

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định:GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: Hình thành kiến thức mới

• TRƯỚC KHI NÓI

a) Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b) Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
• HD của thầy và trò	• Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý để lên ý tưởng, nội dung bài nói HSKT đọc phần này ở SGK. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV - HS hoàn thành phiếu tìm ý B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. 2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

• TRÌNH BÀY NÓI
a) Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

b) Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý phiếu tìm ý & nhận xét HĐ nói của bạn. GV khuyến khích HSKT nói phần mở bài c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS d) Tổ chức thực hiện	
• HĐ của GV & HS	• Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của phiếu tìm ý - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của phiếu tìm ý - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

• TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

b) Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. Tổ chức thực hiện	
• HĐ của GV & HS	• Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

HSKT thực hiện một phần yêu cầu.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật người anh trong truyện “Bức tranh của em gái tôi”, kể lại cảm xúc của nhân vật sau khi từ buổi lễ nhận giải trở về nhà.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đóng vai nhân vật, kể lại những suy nghĩ và cảm xúc của mình

HSKT không thực hiện yêu cầu này.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

b) **Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài *Gõ cửa trái tim*

HSKT điền hai thông tin đầu.

		Đặc điểm nghệ thuật

Nhan đề bài thơ	Nội dung chính	Hình ảnh	Biện pháp tu từ	Yếu tố tự sự, miêu tả

Bài tập 2: Hãy chuyển thể nội dung bài thơ “Mây và sóng” thành kịch bản hoạt cảnh

B 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc hoạt động cá nhân điền bảng mẫu
- HS thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản, phân vai, luyện tập diễn hoạt cảnh

HSKT không thực hiện yêu cầu này.

B 3: Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thành bảng mẫu
- HS trình diễn hoạt cảnh

B 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức

HD 5: Tìm tòi và mở rộng

a) Mục tiêu:

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b) Nội dung:

- Các bài viết về vấn đề trong đời sống gia đình.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV cho HS sưu tầm một số đoạn văn viết về vấn đề trong đời sống gia đình. Bước 2: Thực hiện	

Bước 3: Báo cáo phần chuẩn bị,	
Bước 4: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm lại các vấn đề thuộc phạm vi của bài.
- Tập xây dựng thêm 1 số bài viết.
- Đọc và chuẩn bị chủ đề 3: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nói **Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình**

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Xác định đề tài em định nói (việc chăm sóc, lắng nghe của cha mẹ với con cái; thái độ cư xử của con cái với cha mẹ...)	

BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ (26, 27, 28)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

VĂN BẢN 1. CÔ BÉ BÁN DIÊM

(Hans Christian Andersen.)

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

- Tri thức ngữ văn (cốt truyện, nhân vật trong truyện: Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm).
- Tác hại của sự vô cảm, Sức mạnh của giá trị nhân văn, tình yêu thương, chia sẻ từ 3 văn bản .
- Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các nhân vật trong các văn bản.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nhận biết được tác hại của sự vô cảm, giá trị của tình yêu thương và sự chia sẻ.
- Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu..
- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.
- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, đồng cảm; yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ, những người thiết thời, bất hạnh.

HSKT thực hiện một phần của yêu cầu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, suy nghĩ cá nhân và tìm ra thông điệp được truyền tải qua video “Câu chuyện về hai biển hồ”.



Gv sử dụng những câu hỏi để HS hiểu được các tri thức ngữ văn

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Thông điệp qua video: Sống là biết chia sẻ không nên ích kỉ riêng mình.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:
? Tìm ra thông điệp của video? Em suy nghĩ gì về thông điệp này?

GV khuyến khích HSKT nói lên suy nghĩ của mình.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS- Quan sát video, tìm ra thông điệp và nêu suy nghĩ cá nhân.

GV:- Quan sát và lắng nghe.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:- Mời ý kiến của từng HS.

HS:- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

HD 2: Khám phá kiến thức

a. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu về phần giới thiệu bài học, nắm được chủ đề bài học, phạm vi tìm hiểu của chủ đề

b.Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Tìm hiểu yếu tố miêu tả nhân vật trong truyện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Giới thiệu bài học *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS đọc phần giới thiệu bài học - Hướng dẫn trao đổi, theo hình thức cặp đôi chia sẻ. Yêu cầu đại diện cặp đôi trình bày cách hiểu về phần giới thiệu bài học: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là những nội dung gì? HSKT đọc thầm bằng mắt tìm hiểu phần giới thiệu bài học. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn đặc điểm chính của truyện. Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận. NV2: Khám phá tri thức ngữ văn *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trước lớp.	1. Giới thiệu bài học - Nội dung 1: Giới thiệu chủ đề bài học. Các văn bản được học đều xoay quanh chủ đề Yêu thương và chia sẻ. - Nội dung 2: Nắm được các yếu tố chính của truyện. - Nội dung 3: Nắm được thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. 2. Tri thức ngữ văn

Hướng dẫn HS suy nghĩ tìm ra một số đặc điểm cơ bản của truyện như: cốt truyện, nhân vật trong truyện: Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm. Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. HSKT đọc thầm bằng mắt tìm hiểu một vài yếu tố. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn giới thiệu thể loại truyện. * Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gợi ý HS để nhận biết được các yếu tố cơ bản của bài và trình bày * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	

HD 3 : Luyện tập và vận dụng

- Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.
- Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cách hiểu của mình
- Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

B1: Em hãy đọc một câu chuyện mà em yêu thích. Dựa trên đặc điểm của truyện, em hãy chỉ ra các yếu tố cơ bản khiến em thích thú khi đọc. HSKT thực hiện một phần yêu cầu. B2: HS trả lời câu hỏi B3: HS trình bày GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận.	

HD 4: Tìm tòi và mở rộng

- Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức đã học.
- Nội dung:** Tìm tòi những bài thơ có chủ đề yêu thương và chia sẻ
- Sản phẩm học tập:** Kết quả tìm tòi của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS sưu tầm một số bài viết theo yêu cầu
- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm chủ đề và các tri thức Ngữ văn.
- Chuẩn bị bài mới: Đọc văn bản ***Cô bé bán diêm***.

VĂN BẢN 1. CÔ BÉ BÁN DIÊM

(Hans Christian Andersen.)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- + Biết đọc- hiểu văn bản truyện; biết kể tóm tắt văn bản; biết viết đoạn văn.
- + Nhận biết và bước đầu nhận xét, phân tích được tác dụng của một số yếu nghệ thuật trong truyện khi người kể chuyện kể ở ngôi thứ ba.
- + Nhận biết được chủ đề và ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho bản thân.
- + Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- + Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về văn bản và tác động của văn bản đối với bản thân.
- Nhân ái: Biết yêu thương, đồng cảm, chia sẻ và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.
- Trách nhiệm: Phê phán, lên án những việc làm thờ ơ, vô cảm, không biết quan tâm, yêu thương người khác.

HSKT nhận biết được ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho bản thân.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, máy tính, Phiếu học tập.
- Tranh minh họa, phim hoạt hình cô bé bán diêm, video bài hát: *Đứa bé, Cô bé bán diêm*.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú để kết nối vào bài học, tạo tâm thế cuốn hút HS nhập cuộc “động não” về tình huống được đặt ra, dẫn dắt học sinh tham gia vào các hoạt động học tiếp theo.

b. Nội dung: Học sinh lắng nghe, cảm nhận.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho HS quan sát tranh ảnh, nêu vấn đề

? Quan sát các hình ảnh sau và cho biết: Tình yêu thương, sự sẻ chia có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. (Dự kiến sản phẩm: tình yêu thương, sự sẻ chia trong cuộc sống)

GV khuyến khích HSKT nêu một vài cảm nhận của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Như cỏ cây cần ánh nắng, con người cần tình yêu thương để nuôi dưỡng, sưởi ấm tâm hồn. Điều kì diệu nhất của yêu thương là càng chia sẻ lại càng giàu có; là cùng lúc mang đến niềm vui, hạnh phúc cho cả người được đón nhận và người trao tặng

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm, biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...).

HSKT không tìm hiểu bố cục.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và GV sử dụng KT đặt câu hỏi , trò chơi “Bạn có biết” để tạo KK sôi nổi.

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin, trình bày 1 phút, HS thảo luận cặp đôi để tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: Phân trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Đọc văn bản	
Hoạt động cá nhân: B 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi để HS nêu hiểu biết về tác giả kết hợp chiếu tranh minh họa B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả - HS trình bày kết quả của cá nhân; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung , chiếu một số tác phẩm của ông. -GV mở rộng thêm :An-đéc-xen sinh ra trong một gia đình nghèo, bố là thợ giày.Năm 11 tuổi, mồ côi cha, mẹ tái giá, tự mình kiếm sống. Ông rất cảm thông và thương yêu những trẻ mồ côi. Tác phẩm của ông rất quen thuộc với bạn đọc khắp năm châu, các tác phẩm đều toát lên lòng thương yêu con người và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian. - Năm 30 tuổi tài năng nghệ thuật của ông nở rộ với nhiều tác phẩm nổi tiếng: <i>Truyện kể cho các em, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Nàng công chúa và hạt đậu ...</i> Kho tàng truyện cổ tích của ông giàu chất nhân văn, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, ngộ nghĩnh và thông minh đáng yêu.Truyện <i>Cô bé bán diêm</i> đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim Chuyển giao nhiệm vụ	1. Tác giả - Han Cri-xti-an An-đéc-xen (1805 – 1875) - Là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với những truyện cổ tích viết cho tuổi thơ. 2. Tác phẩm - <i>Cô bé bán diêm</i> là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của An-đéc-xen.

- GV hướng dẫn giọng đọc, cách đọc. -GV đọc mẫu đoạn đầu văn bản. HS đọc thầm theo GV. 3 học sinh đọc to, rõ ràng văn bản. HSKT đọc thầm. GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các câu hỏi: ? Xác định thể loại ? Nhân vật chính trong VB là ai? ? Phương thức biểu đạt của VB là gì? ? Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? HSKT không phân chia bố cục. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc nhóm + 4 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 1 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cặp đôi. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.	- Thể loại: truyện ngắn - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm - Ngôi kể: thứ ba - PTBD: tự sự - Bố cục : 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến ... <i>cứng đờ ra</i>: Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. + Phần 2: Tiếp đó đến....Họ đã về chầu <i>Thượng đế</i>: Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng. + Phần 3: Còn lại: Cái chết thương tâm của cô bé

(máy chiếu)	

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động của cô bé. Nhận xét được hoàn cảnh đáng thương của em.
- Tìm, thống kê được những lần quẹt diêm và những hình ảnh em bé thấy
- Nhận xét được lý do, ý nghĩa, trình tự của những hình ảnh ấy.
- Cảm nhận được sự bất hạnh của em bé. Thấy được tấm lòng nhân đạo và sự lên án XH vô cảm của tác giả
- Biết đồng cảm, chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn.

HSKT: Tìm được một vài chi tiết nói về ngoại hình, hành động của cô bé, thống kê được những lần quẹt diêm.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn trải bàn, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS HĐ nhóm.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).
- Liên hệ thực tế, Giáo dục KNS cho HS

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. Khám phá văn bản	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)(máy chiếu) - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 - Phát phiếu HSKT điền thời gian, không gian. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung.	1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm: - Thời gian: Đêm giao thừa - Không gian: Đường phố rét dữ dội - Em bé: + Đầu trần, chân đất + Dò dẫm trong bóng tối + Bụng đói, giá rét.

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm- & mở rộng, chuyển dẫn nội dung tiếp theo: Đêm giao thừa: mọi người mặc đồ ấm, ở nhà ấm áp, sung túc; em bé bán diêm chỉ có một mình, ngồi ở xó tường lạnh-> Miêu tả tương phản khắc sâu sự đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của những người xung quanh.	+ Mồ côi mẹ, bà mới mất; cha nghiện rượu, em phải đi bán diêm kiếm sống. - Nghệ thuật: chi tiết hình ảnh chân thực, gần gũi, đối lập, tương phản. -> Nghèo khổ, bất hạnh, đáng thương.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức về văn bản. Học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học để làm bài tập (viết đoạn văn)

b. Nội dung: HS làm bài tập trong SGK dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

c. Sản phẩm: Đoạn văn học sinh tạo lập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”. HSKT viết một vài câu. - GV gợi ý: Nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm” cho thấy hình thức đoạn văn là một bức thư.	* Viết được đoạn văn đúng yêu cầu: - Hình thức: + Viết đoạn văn 5 – 7 câu. + Kể theo ngôi thứ nhất – xưng “tôi”.

Bức thư này là bức thư nói lên suy nghĩ của em sau khi đọc xong truyện “Cô bé bán diêm”. Em có thể viết về niềm thương cảm của em dành cho cô bé bán diêm, có thể viết về sự đồng tình của em với suy nghĩ của nhà văn, hay em cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình về cái kết không có hậu giống như trong truyện cổ tích.	+ Đoạn văn là một bức thư. - Nội dung: Những suy nghĩ của em về văn bản “Cô bé bán diêm”.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a) Mục tiêu: HS tóm tắt lại VB.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS tóm tắt Vb theo tranh, HS tóm tắt.

c) Sản phẩm: Bài tóm tắt của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Cách 1: Chiếu tranh, yêu cầu HS dựa theo tranh và những KT đã học tóm tắt lại VB?

Cách 2: Cho HS làm câu hỏi trắc nghiệm củng cố kiến thức

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận: HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)

B4: Kết luận, nhận định (GV): Chú ý giọng điệu, cách biểu cảm và trình tự VB. Đánh giá, lồng ghép giáo dục HS

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức đã học. b. Nội dung: Tìm tòi những mẫu chuyện của An-đéc-xen c. Sản phẩm học tập: Kết quả tìm tòi của HS. d. Tổ chức thực hiện: - GV yêu cầu HS: HS sưu tầm một số truyện của ông. - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.	

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc diễn cảm đoạn trích.Tóm tắt truyện bằng lời văn của mình.

- Hoàn thành viết đoạn văn

- Tìm một tác phẩm cùng chủ đề với truyện “Cô bé bán diêm” và chỉ ra các yếu tố: ngôi kể, nhân vật, cốt truyện, nội dung, ý nghĩa.
- Chuẩn bị bài mới: **Cô bé bán diêm (tt)**
- + HS đọc nội dung bài học, chú ý các lần quẹt diêm và cái chết của cô bé.

? Xác định thể loại ? Nhân vật chính trong VB là ai ?.....

? Phương thức biểu đạt của VB là gì?.....

? Truyện **Cô bé bán diêm** được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy ?
.....

? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần ?

NS:16/10/2023

NG :23-27/10/2023

TUẦN 8 (Tiết 29-32)

TIẾT 29: VĂN BẢN 2. CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phấn

TIẾT30,31: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

THỰC HÀNH: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM.

TIẾT 32: ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

TIẾT 29:

VĂN BẢN 2. CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phấn

I. MỤC TIÊU

- Biết đọc – hiểu một tác phẩm thơ.

- Nhận biết được chủ đề, ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho HS.

HSKT: đọc được văn bản và nhận biết được ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

Kế hoạch bài dạy môn Ngữ Văn 6

GV: Nguyễn Thị Hoa Lại

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về văn bản và tác động của văn bản đối với bản thân.
- Nhân ái: Biết yêu thương chia sẻ, biết trân trọng cái đẹp của thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy, sgk, sgv.
- Phiếu bài tập; máy tính.
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Con chào mào*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Em hãy kể tên một số loài vật mà em biết? Hãy bày tỏ tình cảm của mình đối với một con vật mà em yêu thích?

HSKT: Kể tên được một số loài vật mà em biết

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của mình.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với các loài vật. Tiết học hôm nay, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phan.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Đọc văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát tranh, kết hợp SGK, yêu cầu HS: <i>giới thiệu về tác giả và tác phẩm.</i> HSKT: nắm vài nét về tác giả. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chỉ định một vài HS đọc thành tiếng bài thơ. - GV yêu cầu HS dựa vào VB vừa đọc, trả lời các câu hỏi: + <i>Giải thích một số từ khó</i> + <i>Phương thức biểu đạt? Thể loại của VB là gì?</i>	1. Tác giả - Tên: Mai Văn Phan - Năm sinh: 1955 - Quê quán: Ninh Bình - Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phan rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: Bài thơ <i>Con chào mào</i> được trích trong <i>Bầu trời không mái che</i>, NXB Hội nhà văn, 2010. b. Thể thơ, phương thức biểu đạt - Thể thơ: Tự do - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

+ <i>Bố cục VB gồm mấy phần? Nêu nội dung của các phần.</i> HSKT: Giải thích 1 từ khó ở SGK, nêu thể loại. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS) HS: - Đọc văn bản, giải thích nghĩa của từ - Hoạt động cá nhân GV: Theo dõi, quan sát HS hoạt động - Hướng dẫn HS, Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS) GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HS: Trả lời câu hỏi . Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	c. Bố cục: 3 phần + Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hát của con chào mào; + Phần 2: Khổ 2, 3, 4, 5: Con chào mào trong suy, nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” + Phần 3: Còn lại: Con chào mào trong ký ức của nhân vật “tôi”

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung và nghệ thuật bài thơ.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II.Khám phá văn bản	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi: ? Em có thể tưởng tượng, hình dung những hình ảnh gì khi đọc ba dòng thơ đầu? (Hình ảnh gì xuất hiện? ngoài hình ảnh còn có âm thanh gì?) ? Em hình dung ra một khung cảnh như thế nào? ? Câu thơ “triu... ụt... huyết... tu hù...” gợi điều gì? HSKT: Nêu hình ảnh và âm thanh xuất hiện ở ba dòng thơ đầu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi: + Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.	1. Hình ảnh và tiếng hót của chim chào mào - Màu sắc: đốm trắng màu đỏ → Màu sắc rực rỡ - Vị trí: trên cây cao chót vót → Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên. - Âm thanh: hót triu... ụt... huyết... tu hù... → Tiếng hót dài, trong trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên - Bút pháp tả thực =>Khung cảnh thanh bình, không gian cao rộng, tràn ngập màu sắc và âm thanh. 2. Khổ 2, 3, 4, 5: Con chào mào trong suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” * <u>Khổ 2</u> - “Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “Sợ chim bay đi” → Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh.

+ *Phiếu học tập*

Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và “hồi hải đảo theo” con chim để làm gì?	Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?

+ *Dòng thơ nào trong bài được lặp lại ? Tác dụng*
?

HSKT: Nhân vật “tôi” có thích tiếng chim không?

Nhân vật “tôi” làm gì khi nghe tiếng chim?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện
nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời
của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

***Khổ 3**

- Hình ảnh “*khung nắng, khung gió*” và
cả “*nhành cây xanh*” kia chính là chiếc
lồng mà nhà thơ đã vẽ ra trong ý nghĩ .

- Hành động “*hồi hải đảo theo*” nhân vật
“*tôi*” mang theo cả không gian đầy nắng
gió, cây xanh mong náu giữ con chim
chào mào và tiếng hót.

*** Khổ 4, 5 :**

- Hoạt động “mở những con sâu, trái cây
chín, giọt nước thanh sạch” của tôi –
những gì mà chim thường ăn.

-> Con chim chào mào sẽ chỉ hạnh phúc
trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên
nhiên....

-Dòng thơ “triu... ứt... huyết... tu
hiu...” được lặp lại 2 lần trong bài thơ.

- Âm thanh –tiếng hót của thiên nhiên

- > Ước muốn tận hưởng và hòa nhập với
thiên nhiên

- >Từ đó, nhà thơ bộc lộ tình yêu thiên
nhiên thực sự và trọn vẹn của mình.

- Tác giả đã cho những thanh âm của thiên nhiên điệp khúc, vang lên lần nữa ở cuối bài thơ. Chuỗi âm thanh được nhắc lại trọn vẹn như từng cất lên lần đầu, nhưng bạn đọc lại cảm nhận “con chào mào” đã đi qua một hành trình, từ đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lót, chói gắt đến phôi bè, vang vọng.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi:

+ Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi” “sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”?

+ Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “rất rõ” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy?

HSKT: Nhân vật “tôi” có muốn chim bay về không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

3. Khổ 6: Con chào mào trong kí ức của nhân “tôi”

- “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”

- Phủ định : chẳng cần >< khẳng định: nghe rất rõ

- Tiếng hót được cảm nhận trong tâm hồn nhà thơ

→ Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên

→ Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) <i>? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</i> <i>? Qua bài thơ, em rút ra thông điệp gì ?</i> HSKT: Trả lời theo cảm nhận của cá nhân. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: báo cáo kết quả, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc; - Sử dụng phép điệp ngữ. 2. Nội dung Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. 3. Ý nghĩa Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

HSKT: viết một vài câu theo cảm nhận cá nhân.

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện cá nhân.

- HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu thêm về các loại chim.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện cá nhân.

- HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học thuộc: Bài thơ “Con chào mào”, nắm được đặc điểm nội dung, nghệ thuật chính của văn bản.
- Hoàn thiện bài viết: Viết một đoạn văn từ 5-7 câu miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong kí ức.
- Chuẩn bị cho tiết: Viết bài văn kể lại trải nghiệm của em.

Phiếu học tập 1

- Đọc thầm khổ thơ thứ nhất và hoàn thành yêu cầu sau:
1. Con chim chào mào hiện lên ở khổ thơ đầu thông qua những hình ảnh nào? Màu sắc:..... Âm thanh:..... Vị trí:.....
2. Em có nhận xét gì khung cảnh thiên nhiên qua những hình ảnh ấy?

Phiếu học tập 2

Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và “hối hả đuổi theo” con chim để làm gì?	Tại sao khi không còn tầm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?

TIẾT 30, 31: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM
THỰC HÀNH: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM.

I. MỤC TIÊU

- Biết viết bài văn tự sự kể lại trải nghiệm của bản thân, bày tỏ cảm xúc trong khi kể.
- Hiểu được đặc điểm của bài văn tự sự và biết vận dụng kiến thức vào viết bài.

HSKT: Viết được đoạn văn.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch BD, máy tính, tranh ảnh

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát tranh, đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: *Bức tranh minh họa cho sự việc gì trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”*

+ Hoàn thành phiếu học tập:

Dế Mèn kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào ?	

Em học được kinh nghiệm nào của Đế Mèn từ câu chuyện ?	
Ai là người kể chuyện ? Kể như vậy là sử dụng ngôi kể nào ?	

+ Em có trải nghiệm nào đáng nhớ không? Hãy chia sẻ trải nghiệm của em một cách ngắn gọn ?

HSKT: Trả lời câu hỏi thứ nhất ở phiếu học tập.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, sự sợ hãi hoặc tiếc nuối, v.v... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở bài *Tôi và các bạn*, các em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm.

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS:	I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm

+ Trong bài số 1, các em đã rèn kỹ năng viết bài văn kể về một trải nghiệm. Vậy theo em, một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ theo ngôi thứ nhất cần có những yêu cầu gì? + Yêu cầu mới cũng là yêu cầu cao hơn cho bài văn kể về một trải nghiệm ở tiết học này là gì? HSKT : Nêu được một yêu cầu bất kì. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất; - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ; - Tập trung vào sự việc đã xảy ra; - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý; - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện; - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo.

a. Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: <i>Bài viết tham khảo kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu nhầm trong tình bạn. Bài viết có cả bài học mà người viết rút ra từ câu chuyện đó.</i> - GV yêu cầu HS: Đọc bài viết tham khảo và hoàn thành nhiệm vụ + <i>Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?</i> + <i>Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?</i> + <i>Bài viết kể về trải nghiệm gì?</i> + <i>Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?</i> + <i>Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?</i> + <i>Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?</i> + <i>Dòng, đoạn nào chỉ ra lý do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động?</i> HSKT: Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy? Bài viết kể về trải nghiệm gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Tóm tắt lại câu chuyện: - Trả lời các câu hỏi: + Người kể chuyện xưng “tôi”: <i>Tôi có nhiều trải nghiệm... Nhưng tôi vẫn muốn kể lại...</i> + Đoạn mở bài đã giới thiệu đây là một trải nghiệm buồn có ý nghĩa với người viết. + Trật tự thời gian: <i>Sáng thứ Hai, đúng lúc ấy, lúc quay vào, khi cô chủ nhiệm vào lớp, về nhà...; quan hệ nhân quả: thoáng nhìn thấy Duy nghĩ là Duy đã vẽ; hiểu lầm Duy; ân hận, v.v...</i> + <i>Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngờ ngác như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ;...</i> + <i>Xấu hổ, ân hận, buồn, sợ hãi, v.v...</i> + Đoạn cuối: <i>Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân...</i>

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	III. Thực hành viết: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em <u>1. Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>2. Viết bài</u> HSKT: Viết một đoạn văn <u>3. Chỉnh sửa bài viết</u>

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em.

Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?	
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?	
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?	
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?	
Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?	

- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.

HSKT:

- Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?

- Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;

- Dự kiến sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu.

GV khuyến khích các bạn đọc và chỉnh sửa, góp ý cho HSKT.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Nắm được dàn bài chung và cách viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân.

- Hoàn thiện bài văn sau khi đã được góp ý.

- Chuẩn bị bài mới: Đánh giá và sửa bài.

*** Phiếu học tập số 1**

Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?	
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?	
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?	
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?	
Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?	

Phiếu học tập số 2

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ và tên người chỉnh sửa:..... **Họ và tên tác giả bài viết:**

Đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau

1. Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm chưa?

.....

2. Nội dung bài viết được sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa?

.....

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có hãy viết rõ ý cần bổ sung)

.....

5. Có nên lược bỏ câu, đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có hãy viết rõ câu, đoạn cần lược bỏ).....

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?

.....

TIẾT 32: ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

I. MỤC TIÊU

- Nhận ra những ưu, khuyết điểm của bài làm.
- Chỉnh sửa bài viết.
- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: GV cho HS nhắc lại yêu cầu đề của bài viết. Vai trò của việc đánh giá và sửa bài. B2: Nội dung phần trả lời B3: HS trả lời cá nhân B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận: GV dẫn dắt bài mới.	

Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

b. Nội dung: chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh (**HSKT viết một đoạn văn**)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS <i>xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi. + GV quan sát, khuyến khích *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng) HSKT: GV khuyến khích em tự đọc và chỉnh sửa đoạn văn của mình, GV đọc và hướng dẫn em sửa chữa.	* Kiểm tra lần thứ 1		
	Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
	Mở bài	-Giới thiệu được trải nghiệm	
	Thân bài	-Từ ngữ xưng hô đã nhất quán	
		- Tập trung vào sự việc xảy ra (lược bớt thông tin thừa, hoặc thêm những thông tin cần)	
		- Trình bày các sự việc xảy ra theo trình tự hợp lí chưa. Bổ sung từ ngữ liên kết.	
		- Các chi tiết miêu không gian, nhân vật.. .	
		- Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	
	Kết bài	Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể.	
	* Kiểm tra lần thứ 2 - điều chỉnh bài viết.		

	- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

Hoạt động: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn tự sự
- Nội dung:** chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm:** câu trả lời học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích. HSKT: GV khuyến khích em trình bày đoạn văn của mình, các bạn nhận xét góp ý trực tiếp. *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	Bước 5: Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm

*** Hướng dẫn tự học:**

- Xem và chỉnh sửa lại bài viết.
 - Hoàn thành phiếu chỉnh sửa bài viết.
 - Chuẩn bị: Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm của em
- Chuẩn bị trước dàn ý và nói trước gương.

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI CHO BẠN

Họ tên người chỉnh sửa:

Họ tên tác giả bài viết:

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?

.....
2. Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa? (Nếu chưa, hãy thay đổi như thế nào cho hợp lý).

.....
3. Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....
4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

.....
5. Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

.....
6. Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

NS:29/10/2023

NG :30-4/11/2023

TUẦN 9 (Tiết 33-36)

TIẾT 33: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT34,35: KIỂM TRA GIỮA HK I

TIẾT36 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 33: : ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

- Hệ thống hóa kiến thức đã học: Văn bản, viết, nói và nghe. (tuần 1 đến tuần 8)
- Nắm nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do các VB đã đọc gợi ra;
- Thực hành tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy) và các biện pháp tu từ.
- Viết bài văn kể lại một trải nghiệm; Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Nhận biết và phân tích được người kể chuyện (ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba);
- **HSKTNhận biết được đặc điểm của các nhân vật trong các VB.**
- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của từ, biện pháp tu từ
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Nghiêm túc học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, hệ thống lại kiến thức đã học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** GV trình bày vấn đề.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

- *HSKTGV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bài tập: Kể tên văn bản, tác giả và thể loại của các văn bản đã học.*

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày sản phẩm thảo luận.*

- *GV dẫn dắt vào bài học mới:*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập văn bản

a. Mục tiêu: Thống kê các văn bản đã học; Nắm nội dung và nghệ thuật của văn bản; Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do các VB đã đọc gợi ra.

b. Nội dung: HS hệ thống kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Lập bảng thống kê các văn bản đã học</i> + <i>HSKT Tên văn bản, tên tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, nhân vật.</i> + <i>Nội dung, nghệ thuật của văn bản</i> + <i>Ý nghĩa, bài học rút ra</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Bài 1: Tôi và các bạn 1. Bài học đường đời đầu tiên – Tô Hoài. 2. Nếu cậu muốn có một người bạn – Ê-xu-pe-ri - Thể loại: Truyện đồng thoại. - PTBD chính: Tự sự - Ngôi kể thứ nhất 3. Bắt nạt – Nguyễn Thế Hoàng Linh Bài 2: Gõ cửa trái tim 4. Chuyện cổ tích về loài người – Xuân Quỳnh	I. Văn bản Bài 1: Tôi và các bạn 1. Bài học đường đời đầu tiên – Tô Hoài. - Thể loại: Truyện đồng thoại. - PTBD chính: Tự sự - Ngôi kể thứ nhất - Nhân vật chính: Dế Mèn 2. Nếu cậu muốn có một người bạn – Ê-xu-pe-ri - Thể loại: Truyện đồng thoại. - PTBD chính: Tự sự - Ngôi kể thứ nhất - Nhân vật chính: Con cáo và hoàng tử bé 3. Bắt nạt – Nguyễn Thế Hoàng Linh - Thể loại: Thơ (thơ ngũ ngôn) - PTBD chính: Biểu cảm Bài 2: Gõ cửa trái tim 4. Chuyện cổ tích về loài người – Xuân Quỳnh - Thể loại: Thơ (thơ ngũ ngôn) - PTBD: Biểu cảm, có yếu tố tự sự, miêu tả. 5. Mây và sóng, Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go - Thể loại: Thơ (thơ văn xuôi)

5. Mây và sóng, Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go - Thể loại: Thơ - PTBĐ: Biểu cảm, có yếu tố tự sự, miêu tả. 6. Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh Bài 3: Yêu thương và chia sẻ 7. Cô bé bán diêm – An-đéc-xen - Thể loại: Truyện ngắn - Ngôi kể thứ ba - PTBĐ chính: Tự sự Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- PTBĐ: Biểu cảm, có yếu tố tự sự, miêu tả. 6. Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh - Thể loại: Truyện ngắn - PTBĐ chính: Tự sự - Ngôi kể thứ nhất - Nhân vật chính: Kiều Phương và anh trai Bài 3: Yêu thương và chia sẻ 7. Cô bé bán diêm – An-đéc-xen - Thể loại: Truyện ngắn - Ngôi kể thứ ba - PTBĐ chính: Tự sự

Hoạt động 2: Ôn tập thực hành tiếng Việt

a. Mục tiêu: **HSKT** Nhận biết từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các biện pháp tu từ và tác dụng

b. Nội dung: HS hệ thống kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS liệt kê, trả lời các kiến thức tiếng Việt đã học - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm:HSKT 1. Từ đơn và từ 2. Từ ghép và từ láy * Biện pháp tu từ	II. Tiếng Việt 1. Từ đơn và từ 2. Từ ghép và từ láy * Biện pháp tu từ 3. So sánh 4. Nhân hóa 4. Điệp ngữ 5. Ẩn dụ

3. So sánh 4. Nhân hóa 4. Điệp ngữ 5. Ẩn dụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Ôn tập thực hành tiếng Việt

a. Mục tiêu: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm; Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức để tạo lập văn bản

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thành bài văn kể lại trải nghiệm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Bài văn của học sinh + GV chấm một vài HS. Mời một số HS lên đọc bài văn trước lớp. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	II. Viết, nói và nghe - Viết bài văn kể lại một trải nghiệm; - Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Tìm từ đơn, từ ghép, từ láy, các biện pháp tu từ trong các văn bản đã học.</i> <i>Nhóm 1,2: Bài học đường đời đầu tiên</i> <i>Nhóm 3,4: Mây và sóng</i> <i>Nhóm 5,6: Bức tranh của em gái tôi.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	II. Bài tập - Bài học đường đời đầu tiên - Mây và sóng - Bức tranh của em gái tôi

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân, những bài học rút ra từ một nhân vật hay từ một văn bản đã học mà em ấn tượng nhất.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

TIẾT 34,35: KIỂM TRA GIỮA HK I

I. Mục tiêu

- HS biết nắm được bài kiểm tra giữa kỳ I có hai phần: Phần đọc hiểu và phần làm văn. Phần đọc hiểu làm quen với các dạng đề trắc nghiệm kết hợp tự luận, nhận biết đặc thể loại thơ, chỉ ra được biện pháp tu từ và tác dụng biện pháp tu từ đã học, hiểu được nội dung, ý nghĩa bài thơ, bài học từ bài thơ... Phần làm văn biết viết một bài văn trải nghiệm có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.
- Có kỹ năng đọc hiểu, viết bài văn trải nghiệm có sáng tạo.
- Ý thức học tập, làm bài nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả

*** Lưu ý HSKT chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành yêu cầu bài kiểm tra giữa kì I môn Ngữ văn.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

GV: Đề kiểm tra

HS: giấy kiểm tra, bút, giấy nháp

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức								Tổng % số điểm
1			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	Đọc hiểu	Văn bản thơ									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ		20		15	10		10		5	60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm		1*		1*		1*		1*	
	Số câu		0	1	0	1	0	1	0	1	1
	Tỉ lệ			10		15		10		5	40
Tỉ lệ % các mức độ			70				30				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: Nhận biết được thể thơ, số tiếng, phương thức biểu đạt của bài thơ, âm thanh,... Nhận biết nghĩa của từ. Thông hiểu: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ; -Nêu được biện pháp tu từ, nghĩa của từ Vận dụng: - Trình bày được thông điệp, về cách nghĩ gọi ra từ văn bản.	4TN	3TN 1TL	1TL	1TL
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Nhận biết: viết đúng thể loại văn tự sự. Bố cục rõ ràng. Thông hiểu: Biết sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lý. Vận dụng: biết huy động vốn trải nghiệm của bản thân để làm bài. Biết rút ra bài học ý nghĩa từ trải nghiệm.	1*	1*	1*	1TL*

			Vận dụng cao: cách kể linh hoạt, biết thể hiện cảm xúc chân thành, trải nghiệm có ý nghĩa sâu sắc.				
Tổng				4TN 1* TL	3TN 1TL 1*TL	1TL 1* TL	1TL 1* TL
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn – Lớp 6 <u>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)</u>

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

MẸ

Lặng rồi cả tiếng con ve,
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kéo cả tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru,
Lời ru có gió mùa thu,
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia,
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh, theo *Thơ chọn với lời bình*, NXB GD, 2002, tr 28-29)

Từ câu 1 đến câu 7: Em hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu dưới đây bằng cách ghi chữ cái trước câu trả lời đúng nhất vào giấy làm bài.

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát
- B. Thơ tự do
- C. Thơ tám chữ
- D. Thơ sáu chữ

Câu 2. Trong bài thơ, những âm thanh nào được tác giả nhắc đến?

- A. Tiếng gió, tiếng quạt, tiếng ve
- B. Tiếng ve, tiếng gió, tiếng văng
- C. Tiếng ve, tiếng ru ả ời, tiếng văng
- D. Tiếng ve, tiếng gió, tiếng ả ời.

Câu 3. Mỗi cặp câu trong bài thơ trên có mấy tiếng?

- A. 6 – 6 tiếng
- B. 6 – 8 tiếng
- C. 7 – 8 tiếng
- D. 8 – 8 tiếng

Câu 4. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là:

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Nghị luận
- D. Miêu tả

Câu 5. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu thơ sau?

*“Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.”*

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Hoán dụ

Câu 6. Dòng nào nêu đúng nội dung của bài thơ trên?

- A. Bàn tay mẹ nuôi nấng con.
- B. Bài thơ nói về việc mẹ hát ru và quạt cho con ngủ.
- C. Thời tiết nắng nóng khiến cho những chú ve cũng cảm thấy mệt mỏi.
- D. Nỗi vất vả cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu vô bờ bến mẹ dành cho con.

Câu 7. Theo em từ “giấc tròn” trong bài thơ có nghĩa là gì?

- A. Giấc ngủ trọn vẹn, ngon lành.
- B. Con ngủ mơ thấy trái đất tròn.
- C. Con ngủ chưa ngon giấc.
- D. Giấc ngủ dài.

***Từ câu 8 đến câu 10 : Em hãy ghi câu trả lời của mình vào giấy làm.**

Câu 8. Bài thơ thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ?

Câu 9. Em hãy kể ra những việc làm thể hiện tình cảm của em dành cho cha mẹ của mình.

Câu 10. Viết đoạn văn ngắn (3-5 câu) trình bày cảm nhận của em về câu thơ: “*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*”

PHẦN II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ nhất của bản thân.

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.

- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.

- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

Lưu ý HSKT chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành yêu cầu bài kiểm tra giữa kỳ 1.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần I: Nội dung đọc hiểu

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Phương án trả lời	A	C	B	B	C	D	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

2. Trắc nghiệm tự luận

Câu 8. (1 điểm)

Mức 1 (1 đ)	Mức 2 (0,5 đ)	Mức 3 (0đ)
- Yêu cầu: HS có thể nêu được các ý sau đây: Tình yêu thương của người con với mẹ, thể hiện sự biết ơn, kính trọng mẹ.	- HS nêu được nhưng chưa rõ ý, diễn đạt lủng củng.	Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 9. (1 điểm)

Mức 1 (1 đ)	Mức 2 (0,5 đ)	Mức 3 (0đ)
- Yêu cầu: HS có thể nêu được các ý chung hoặc cụ thể một số việc, sau đây là 1 số gợi ý: - Giúp cha mẹ làm việc nhà; - Chăm sóc cha mẹ ốm, chia sẻ, động viên mẹ; - Chăm chỉ học tập; - Biết ơn, vâng lời, lễ phép; - Nói lời yêu thương; - Sống tốt, không tham gia vào tệ nạn xã hội; - Chăm chỉ học hành; HS nêu ít nhất 4 việc làm – 1,0 Nếu HS chỉ nêu 1 ý thì chấm 0,5 điểm, 2 ý chấm 0,75 điểm. Từ 3 ý trở lên cho 1 điểm.	- HS nêu được từ 2 đến 3 việc làm (0,5 đ) - Học sinh nêu được 1 việc làm (0,25 điểm)	Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 10 (0.5 điểm)

Mức 1 (0,5 đ)	Mức 2 (0,25 đ)	Mức 3 (0đ)
HS có thể nêu cảm nhận như sau:	Học sinh nêu chưa rõ về	Trả lời nhưng không

- Nghệ thuật: Câu thơ “Mẹ là ngọn gió của con suốt đời” sử dụng phép so sánh. - Nhịp điệu câu thơ nhẹ nhàng, êm ái. - Tác dụng: Câu thơ khẳng định một cách thấm thía tình mẹ bao la, vĩnh hằng nhất. Lưu ý: HS có thể trình bày cách khác nhưng hợp lí vẫn tính điểm. Giáo viên nên linh hoạt ghi điểm cho học sinh ở câu này, nên trân trọng những bài có cách trả lời hay, sáng tạo.	nghệ thuật và tác dụng.	chính xác, không liên quan đến câu hỏi, hoặc không trả lời.

Phần II: LÀM VĂN (4 điểm)

PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (4,0 ĐIỂM)

A. BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI:

Tiêu chí	Điểm
1. Cấu trúc bài văn	05
2. Nội dung	2.0
3. Trình bày, diễn đạt	1.0
4. Sáng tạo	0.5

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ

1.Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Bài viết đủ 3 phần: Phần mở bài, thân bài, kết bài; phần thân bài: biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau .	- Mở bài: Giới thiệu kỉ niệm đáng nhớ mà em định kể.
0.25	Bài viết đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có một đoạn	- Thân bài: kể chi tiết từ đầu đến cuối kỉ niệm.
0.0	Chưa tổ chức bài văn gồm 3 phần(thiếu phần mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn	- Kết bài: Cảm nghĩ của em về kỉ niệm.

2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.0 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0 điểm	HS có thể kể kỉ niệm đáng nhớ theo các cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: a. Giới thiệu chung Hoàn cảnh: Kỉ niệm xảy ra vào thời gian nào? Ở đâu? b. Diễn biến - Kể lại kỉ niệm theo một trình tự cụ thể (nguyên nhân, diễn biến, kết thúc) - Suy nghĩ, cảm nhận của em về kỉ niệm: Trân trọng, ghi nhớ... - Bài học rút ra cho bản thân	Bài văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được các nội dung sau: - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. -Diễn biến câu chuyện.
1.0- 1.5	- HS kể đúng về kỉ niệm đáng nhớ nhưng chưa kể đúng trình tự hoặc thiếu hoàn cảnh diễn ra sự việc.	
0.5	- HS kể đúng về kỉ niệm đáng nhớ nhưng diễn biến thiếu ý, không rút ra được bài học cho bản thân	
0.0	Bài làm quá sơ sài hoặc không làm bài	
3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (1.0 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.75 – 1.0	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa	
0.5	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ...	

5. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)	
Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	Có sáng tạo trong cách kể, trình tự kể
0.25	Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét
0.0	Chưa có sáng tạo

TIẾT 36 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Biết sử dụng cụm động từ để mở rộng thành phần câu, viết đoạn văn.
- Trình bày dễ hiểu, tự tin các ý tưởng liên quan đến bài học; biết cách phản hồi ý kiến một cách hiệu quả.
- Hiểu được và phân tích được tác dụng của việc sử dụng cụm động từ khi mở rộng thành phần câu.

HSKT nhận biết được cụm động từ.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, máy tính, tranh ảnh
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ Em hãy nhắc lại nội dung của cụm danh từ trong bài học trước ?

+ Trò chơi: đuổi hình bắt chữ (quan sát tranh)

Bước 1: Tìm tính từ, động từ được gợi ý từ các hình ảnh minh họa?

Bước 2: Từ các động từ, tính từ vừa tìm được, hãy thêm vào phía trước/ phía sau chúng những từ ngữ phụ thuộc để tạo thành cụm từ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

HSKT: Tìm 1 động từ hoặc 1 tính từ.

- Dự kiến sản phẩm:

+ Động từ: tặng, cảm ơn, nhìn, bước, cười....

+ Cụm động từ: đã tặng, cảm ơn lòng tốt của bạn, đang nhìn, sắp bước, cười rất tươi....

+ Tính từ: vui vẻ, đẹp, rét, ...

+ Cụm tính từ: rất vui vẻ, đẹp quá, quá rét...

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Tìm CĐT trong câu</i> + <i>Với cụm động từ vừa tìm được, từ động từ trung tâm, em hãy tạo ba cụm động từ khác?</i> HSKT: Tìm động từ sau đó xác định cụm động từ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	I. Cụm động từ 1. Ví dụ: Nó không mặc áo rét + CĐT : không <u>mặc</u> áo rét PT ĐT PS +3 cụm động từ khác với động từ trung tâm “<i>mặc</i>”: <i>đã mặc áo bông, sẽ mặc áo mới khi đi học, mặc áo mưa...</i> 2. Cụm động từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: động từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về thời gian, khẳng định/phủ định, tiếp diễn + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian.

NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS + <i>Tìm CTT trong câu</i> + <i>Với cụm tính từ vừa tìm được, từ tính từ trung tâm, em hãy tạo ba cụm tính từ khác?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	I. Cụm tính từ 1. Tìm cụm tính từ trong những câu sau: Ví dụ: Trời vẫn rét quá. + CTT: vẫn <u>rét</u> quá PT TT PS + Ba cụm tính từ khác với tính từ trung tâm “rét”: còn rét sâu, chưa rét quá, rét như cắt da cắt thịt. 2. Cụm tính từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: tính từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,... + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học: cụm động từ, cụm tính từ.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 1, 2, 3 SGK trang 74; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận;	II. Bài tập 1. Bài tập 1 SGK trang 74 - Tìm một cụm động từ trong VB <i>Gió lạnh đầu mùa</i>. Ví dụ: <i>chơi cò gà ở ngoài cánh đồng</i>; - Xác định động từ trung tâm: động từ <i>chơi</i>; - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác: + <i>đang chơi ở ngoài sân</i>; + <i>đang chơi kéo co</i>; + <i>chơi trốn tìm</i>. 2. Bài tập 2 SGK trang 74 <table><tr><td></td><td>Cụm động từ</td><td>Động từ trung tâm</td><td>Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>		Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung				
	Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung						

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động <i>nhìn</i>; - Đối tượng của hành động <i>thấy</i>.
	b.	- Lật cái ví buồm; - Lục đồng quần áo rét.	- Lật; - Lục.	Đối tượng của hành động <i>lật, lục</i> .
	c.	Hăm hờ chạy về nhà lấy quần áo	Chạy	Cách thức, hướng, địa điểm của hành động <i>chạy</i> .
	3. Bài tập 3 SGK trang 74 Tìm thêm trong VB <i>Gió lạnh đầu mùa</i> hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ: (1) Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. (2) Mẹ Sơn lật cái ví buồm, lục đồng quần áo rét. (3) Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van. Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3).			

- GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 4, 5, 6 SGK trang 74 – 75; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	quả (câu 3: trạng thái <i>lo quá</i> ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả <i>sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van</i>. 4. Bài tập 4 SGK trang 74 - Tìm một cụm tính từ trong truyện <i>Gió lạnh đầu mùa: đã cũ</i>. - Xác định tính từ trung tâm: <i>cũ</i>. - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm: + <i>chưa cũ</i>; + <i>cũ lắm</i>; + <i>rất cũ</i>. 5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75 <table><tr><th></th><th>Cụm tính từ</th><th>Tính từ trung tâm</th><th>Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung</th></tr><tr><td>a.</td><td>Trong hơn mọi hôm</td><td>Trong</td><td>Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh</td></tr></table>		Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung	a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh
	Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung						
a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh						

	b.	Rất nghèo	Nghèo	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ	
	6. Bài tập 6 SGK trang 75 Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ: a. Trời rét / Trời rét hơn mọi hôm; b. Tòa nhà cao / Tòa nhà cao quá; c. Cô ấy đẹp/ Cô ấy đẹp vô cùng.				

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Em hãy tưởng tượng mình là một trong các nhân vật: Sơn, Lan, mẹ Sơn, Hiên, mẹ Hiên và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của nhân vật đó về hành động đem áo cho Hiên của Sơn, trong đoạn văn có ít nhất một cụm động từ, một cụm tính từ.

- *GV gợi ý:* Nếu là Hiên, em có thể nêu cảm xúc của Hiên khi nhận được chiếc áo. Nếu là Sơn, Lan, em có thể nêu cảm xúc khi cho Hiên chiếc áo. Tương tự như vậy với mẹ Sơn và mẹ Hiên.

HSKT:Viết một vài câu theo cảm nhận cá nhân.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Tìm và giới thiệu một số bài thơ, mẫu chuyện có sử dụng 2 cụm.

b. Nội dung: Một số bài thơ, mẫu chuyện có sử dụng cụm động từ, cụm tính từ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: GV cho HS trình bày nội dung đã chuẩn bị ở nhà	
B2: Bài sưu tầm của hs	
B3: HS trình bày cá nhân bài thơ, mẫu chuyện ngắn.	
B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học thuộc và nắm được đặc điểm của cụm động từ , cụm tính từ
- Lấy ví dụ về động từ rồi phát triển thành cụm động từ , cụm tính từ và đặt câu
- Chuẩn bị bài mới: Trả bài; Nói và nghe Kể về một trải nghiệm của em.

NS:1/11/2023

NG :6-10/11/2023 **TUẦN 10 (Tiết 37-40)**

TIẾT 37:TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT38,39: VĂN BẢN 2. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

(Thạch Lam)

TIẾT 40: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 37: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I- Mục tiêu cần đạt:

- Qua bài viết này học sinh nhận thức rõ và sâu sắc hơn bài làm của mình và các mặt lặp lại gây thích. Tìm hiểu về bài, tìm ý, lặp lại ý, phát triển, đối chiếu, liên kết thành bài văn hoàn chỉnh.
- Tích hợp phân tích và phân tích lại văn. Nhận diện có năng phân tích về.
- Giáo dục ý thức tôn trọng giá trị của lời nói làm của mình và trình bày, nâng cao, tôn trọng mọi câu nói khác biệt, sửa chữa những sai sót, hạn chế về những bài viết có chất lượng tốt hơn

II. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

1. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong tiết học

2. Bài mới: GV ghi lên bảng

H1: GV cho HS đọc lại về bài

- Xác định trọng tâm về bài.
- Nêu các bước làm bài.
- Tìm những ý và lặp lại bài (dựa vào bài viết)

1. Ưu điểm: Về số các em nắm vững những nét tính cách của bài.

- Nắm vững thể loại và cách làm bài. Nội dung bài làm này nêu các ý nêu ý nghĩa, nêu những suy nghĩ liên hệ cho bản thân và việc vận dụng bài học vào cuộc sống

+ Chỗ viết rõ ràng, sạch sẽ.

+ Bài viết có bố cục hoàn chỉnh, lặp lại chặt chẽ

2. Nhược điểm: Một số em chưa biết cách làm bài văn gây thích, còn lặp lại văn câu nói, lời nói, hoặc phân tích văn bản.

+ Lặp lại quá nhiều, ý rời rạc, dẫn chứng dài.

+ Chưa nắm vững các bước.

+ Bạoi viết qua loa, ñóái phòu.

HÑ3: Höòùng daãn hs sôûa loãi sai

Giaùo vieân choïn nhöõng baøi HS ñaët ñieäm cao → HS ruùt kinh nghieäm laøm baøi.

- Nొic bặi n्हẻm kềm → Chẻ roỏ nhữnđ phẻn sẻi sỏt n्हẻ HS bẻát n्हẻ trẻnh sẻi tieáp vặo bặi vieát sỏ:
- + Sỏu chỏo nhữnđ loẻi sẻi thỏođnđ gẻp: Vieát tẻt k° → kỏnđ, lủn → lỏnđ.
- + Cỏu dặi (bặi lỏm củu HS yẻu)

+ Chöa bieát caùch môû baøi (moät soá baøi yeáu keùm ñãõ neâu treân)

TIẾT 38 –39: VẼ BẢN 2. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

(Thach Lam)

I. MỤC TIÊU

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;
- Nêu được một số điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiên;
- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.
- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;

HSKT: đọc được văn bản và nhận biết được ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:
- + Đọc nhan đề **Gió lạnh đầu mùa**, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?
- + Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta phải mặc rất nhiều quần áo ấm và đôi khi cần đến lò sưởi. Trong truyện ngắn **Gió lạnh đầu mùa** của Thạch Lam cũng thế, cũng có một mùa đông lạnh. Nhưng cô bé Hiên trong truyện lại không có quần áo ấm để mặc, thậm chí chiếc áo em mặc mỏng manh và đã rách tả tơi. Liệu bé Hiên có vượt qua được mùa đông lạnh lẽo này? Chúng ta cùng tìm hiểu VB **Gió lạnh đầu mùa** trong tiết học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT nêu vài nét về tác giả Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	I. Tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh; - Năm sinh – năm mất: 1910 – 1942; - Quê quán: sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống. 2. Tác phẩm - Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: <i>Gió đầu mùa, Nắng trong vườn, Sợi tóc...</i> - <i>Gió lạnh đầu mùa</i> là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: +HSKT Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? + Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.	II. Đọc – hiểu văn bản 1. Tìm hiểu chung - Người kể chuyện: ngôi thứ ba; - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả; - Thể loại: truyện ngắn; - Bố cục:

+ <i>Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt yêu cầu HS: + <i>Sau khi đọc VB Gió lạnh đầu mùa, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?</i> + <i>Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?</i> + <i>Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?</i> + <i>Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	+ Đoạn 1: Từ đầu... <i>Sơn thấy mẹ hơi rom róm nước mắt</i>: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh; + Đoạn 2: Tiếp... <i>trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui</i>: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo; + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn. 2. Tìm hiểu chi tiết 2.1. Nhân vật Sơn và Lan <u>a. Buổi sáng khi ở trong nhà</u> - Gia cảnh: sung túc + Có vú già; + Cách xưng hô: Cách mẹ Sơn gọi em Duyên ngay từ đầu tác phẩm: “cô Duyên” – “cô” – trang trọng; Cách gọi mẹ của Sơn: “mợ” gia đình trung lưu + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn; - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em: + <i>Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá;</i> + <i>Sơn thấy mẹ hơi rom róm nước mắt.</i> Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn. <u>b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ</u> - Thái độ: <i>Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn</i> - Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng: + Gọi ra chơi;

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ Hỏi: “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u may may cho?” Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiên Quan tâm thật lòng; + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: <i>chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, thấy động lòng thương, một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí.</i> tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn. <u>c. Chiều tối khi trở về nhà</u> - Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại. Lời miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em. 2.2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo <u>a. Không gian/ khung cảnh</u> + <i>Chợ vắng không, mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề</i> + <i>Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em</i> Yên ả, vắng lặng Nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khó khăn. <u>b. Dáng vẻ</u> + <i>mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ;</i> + <i>môi tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi;</i> + <i>mỗi cơn gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau</i> <u>c. Thái độ</u> + đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn; + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá vúi, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái quá. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	+ <i>đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vô vấp như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy;</i> + <i>giương đôi mắt ngấm bộ quần áo mới của Sơn</i> “giương”: ngược lên và mở to có sự chú ý đặc biệt “ngấm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó <u>d. Nhân vật Hiên</u> - <i>Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, co ro đứng bên cột quán Từ nãy:</i> thời gian dài, <i>co ro:</i> lạnh phải khúm người lại Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ắp nấp “dựa vào cột quán”; - <i>Gọi không lại</i> - <i>Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay</i> - Khi được hỏi <i>bị xịu</i> trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa. <u>e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm</u> - Giống: + Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương; + Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt - Khác: <table><tr><td></td><td>Hiên</td><td>Cô bé bán diêm</td></tr><tr><td>Tên</td><td>Có tên</td><td>Không tên</td></tr><tr><td>Không gian</td><td>Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo</td><td>Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa</td></tr></table>		Hiên	Cô bé bán diêm	Tên	Có tên	Không tên	Không gian	Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo	Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa
	Hiên	Cô bé bán diêm								
Tên	Có tên	Không tên								
Không gian	Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo	Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa								

			rõ nét sự đối lập giàu nghèo
	Thời gian	Đầu mùa đông Cái lạnh mới bắt đầu	Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới.
	Tình thương	- Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v...	Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ
	Cái kết	Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm	Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết
2.3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên <u>a. Mẹ của Hiên</u> - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con			

NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: <i>Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	- Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo: + Khép nép, nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả nợ” Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – mẹ; + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn. Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ <u>b. Mẹ của Sơn</u> - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn. - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác... III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Miêu tả tinh tế 2. Nội dung Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

- HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

- HSKT viết 2-3 câu

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Vì sao mẹ Sơn lại cho mẹ Hiên vay tiền mà không cho áo?

a. Vì mẹ Sơn không muốn giúp đỡ người khác;

b. Vì mẹ Sơn muốn lấy lại số tiền cho vay;

c. Vì mẹ Sơn rất quý chiếc áo là kỷ vật của em Duyên;

d. Vì mẹ Sơn muốn giữ chiếc áo là kỷ vật của em Duyên và vẫn muốn giúp đỡ mẹ Hiên

Câu 2: Vì sao những đứa trẻ nghèo không dám lại gần chơi với Sơn và Lan?

a. Vì chúng không thích chơi với những người có điều kiện khá giả;

b. Vì Sơn và Lan có thái độ khinh khỉnh;

c. Vì chúng ngại cái nghèo của mình, biết thân biết phận;

d. Cả a và b đều đúng.

Câu 3: Vì sao sau khi đã cho Hiên cái áo, Sơn lại muốn đòi lại?

a. Vì Sơn thấy tiếc chiếc áo

b. Vì Sơn muốn trêu đùa Hiên

c. Vì Hiên không biết giữ gìn

d. Vì con Sinh bảo sẽ nói với mẹ Sơn, Sơn sợ mẹ trách

Câu 4: Vì sao mẹ Hiên lại trả lại chiếc áo?

a. Vì mẹ Hiên chê áo xấu

b. Vì Sơn đòi lại áo

- c. Vì mẹ Hiền biết đó là kỷ vật của bé Duyên
d. Vì mẹ Hiền nghèo nhưng có lòng tự trọng, biết mẹ Sơn chưa có sự đồng ý.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học; - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập; - Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 40: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I/Mục tiêu cần đạt

- Nhận biết được cụm động từ;
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- Biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ;
- HSKT chỉ nhận diện cụm động từ, cụm tính từ.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

- + Em hãy nhắc lại nội dung của cụm danh từ trong bài học trước;
- + Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Đó là những ý nghĩa gì?

- Chúng ta đem cho nó **cái áo bông cũ**;

- Mẹ cái Hiên **rất** nghèo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- Dự kiến sản phẩm:

+ **Cái áo bông cũ** bổ sung ý nghĩa cho cụm từ đem cho nó. Đem cho nó là một cụm động từ, **cái áo bông cũ** làm rõ hơn đối tượng được cho là gì;

+ **Rất** bổ sung ý nghĩa cho **nghèo**. **Nghèo** là một tính từ, **rất** làm rõ hơn về mức độ của **nghèo**.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ trong SGK trang 74 và nêu hiểu biết về cụm động từ; + Lấy ví dụ một động từ và phát triển nó thành cụm động từ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + HSKT nêu hiểu biết về cụm động từ; + Ví dụ về một động từ và phát triển nó thành cụm động từ:	I. Cụm động từ và cụm tính từ 1. Cụm động từ - Cụm động từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: động từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về thời gian, khẳng định/phủ định, tiếp diễn + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian.

<i>Ăn Ăn cơm ở nhà;</i> <i>Đi học. Đi học ở trường vào buổi sáng.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Em hãy đọc phần thông tin về Cụm tính từ trong SGK trang 74 – 75 và nêu hiểu biết về cụm tính từ;</i> + <i>Lấy ví dụ một tính từ và phát triển nó thành cụm tính từ.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + HS nêu hiểu biết về cụm tính từ; + Ví dụ một tính từ và phát triển nó thành cụm tính từ: <i>Đẹp Trời hôm nay đẹp quá;</i> <i>Ngọt Nước rất ngọt.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng.	2. Cụm tính từ - Cụm tính từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: tính từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn. + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học: cụm động từ, cụm tính từ.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 1, 2, 3 SGK trang 74; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng.	II. Bài tập 1. Bài tập 1 SGK trang 74 - Tìm một cụm động từ trong VB <i>Gió lạnh đầu mùa</i> . Ví dụ: <i>chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng</i> ; - Xác định động từ trung tâm: động từ <i>chơi</i> ; - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác: + <i>đang chơi ở ngoài sân</i> ; + <i>đang chơi kéo co</i> ; + <i>chơi trốn tìm</i> . 2. Bài tập 2 SGK trang 74			
		Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung
	a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động <i>nhìn</i> ; - Đối tượng của hành động <i>thấy</i> .
	b.	- Lật cái ví buồm; - Lục đống	Lật; - Lục.	Đối tượng của hành động

		quần áo rét.		động lật, lục.
	c.	Hăm hờ chạy về nhà lấy quần áo	Chạy	Cách thức, hướng, địa điểm của hành động chạy.

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 4, 5, 6 SGK trang 74 – 75;
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả hoạt động;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.

3. Bài tập 3 SGK trang 74

Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:

(1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống.*

(2) Mẹ Sơn *lật cái vĩ buồm, lục đóng quần áo rét.*

(3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van.*

Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van.*

4. Bài tập 4 SGK trang 74

- Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa: đã cũ.*
- Xác định tính từ trung tâm: *cũ.*
- Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:
 - + *chưa cũ;*
 - + *cũ lắm;*
 - + *rất cũ.*

5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75

		Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung
	a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh
	b.	Rất nghèo	Nghèo	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ
6. Bài tập 6 SGK trang 75 Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ: a. Trời rét Trời rét hơn mọi hôm; b. Tòa nhà cao Tòa nhà cao quá; c. Cô ấy đẹp. Cô ấy đẹp vô cùng.				

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Em hãy tưởng tượng mình là một trong các nhân vật: Sơn, Lan, mẹ Sơn, Hiên, mẹ Hiên và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của nhân vật đó về hành động đem áo cho Hiên của Sơn, trong đoạn văn có ít nhất một cụm động từ, một cụm tính từ.

- *GV gợi ý:* Nếu là Hiên, em có thể nêu cảm xúc của Hiên khi nhận được chiếc áo. Nếu là Sơn, Lan, em có thể nêu cảm xúc khi cho Hiên chiếc áo. Tương tự như vậy với mẹ Sơn và mẹ Hiên.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

I. MỤC TIÊU

- Nhận ra những ưu, khuyết điểm của bài làm.
- Chỉnh sửa bài viết.
- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (5')

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: GV cho HS nhắc lại yêu cầu đề của bài viết. Vai trò của việc đánh giá và sửa bài. B2: Nội dung phần trả lời B3: HS trả lời cá nhân B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận: GV dẫn dắt bài mới.	

Hoạt động 2: Luyện tập (30')

a. Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

b. Nội dung: chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS <i>xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:	* Kiểm tra lần thứ 1		
	Các phần của	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt

+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi. + GV quan sát, khuyến khích *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng)	bài viết		
	Mở bài	-Giới thiệu được trải nghiệm	
	Thân bài	-Từ ngữ xưng hô đã nhất quán	
		- Tập trung vào sự việc xảy ra (lược bớt thông tin thừa, hoặc thêm những thông tin cần)	
		- Trình bày các sự việc xảy ra theo trình tự hợp lí chưa. Bổ sung từ ngữ liên kết.	
		- Các chi tiết miêu không gian, nhân vật.	
		- Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	
	Kết bài	Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể.	
* Kiểm tra lần thứ 2 - điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).			

Hoạt động: VẬN DỤNG (5')

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn tự sự

b. Nội dung: chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

c. Sản phẩm: câu trả lời học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	Bước 5: Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm

*** Hướng dẫn tự học: (2')**

- Xem và chỉnh sửa lại bài viết.

- Hoàn thành phiếu chỉnh sửa bài viết.

- Chuẩn bị: Thực hành tiếng việt (cụm động từ, cụm tính từ); tìm bài thơ, câu chuyện ngắn có sử dụng 2 cụm từ trên.

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI CHO BẠN

Họ tên người chỉnh sửa:

Họ tên tác giả bài viết:

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1.Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?

.....

2.Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa? (Nếu chưa, hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).

.....

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....

4.Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

I. MỤC TIÊU

- Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.
- Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.
- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Chăm chỉ- Trách nhiệm
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- HSKTtrình bày của mình

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Máy tính, máy chiếu, Bảng phụ .

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung:

HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm:

Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem clip để gợi mở vấn đề: Clip HS chia sẻ
- GV yêu cầu HS quan sát, lắng nghe nội dung clip. Sau đó nhận xét theo yêu cầu .
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những nhận biết, suy nghĩ của bản thân sau khi xem clip.*

? Chị Hoài My trong clip vừa thực hiện hoạt động gì? Em có nhận xét đánh giá bài nói của chị Hoài My?

- *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Tiết 41: Nói và nghe : Kể lại một trải nghiệm của em.*

B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC (10 phút)

Hoạt động 1: Chuẩn bị nói

1.Mục tiêu: -Nhận biết được các yêu cầu và mục đích của bài nói .

2. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Dựa vào các tiết nói – nghe đã học và phần chuẩn bị bài ở nhà. Các em trả lời để hoàn	I. <u>Lý thuyết</u> 1. <u>Trước khi nói</u> a. <u>Chuẩn bị bài nói</u>

thành các bước trong quá trình thực hiện bài nói ? Trước , trong và sau khi nói cần chuẩn bị những gì ? - Trước khi nói chuẩn bị những gì? - Khi đánh dấu những từ ngữ,câu văn quan trọng nào không thể bỏ qua ? ? Khi trình bày bài nói cần chú ý những gì ? ? Sau khi nói cần làm gì ? Về phía người nghe phải làm gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. - HĐ cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động HS trình bày theo yêu cầu Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung -Các bước trong quy trình thực hiện bài nói :Chiều lưu ý người nói + HS ghi nhận nội dung bài học	-Xác định mục đích nói và đối tượng nói -Đánh dấu những từ ngữ câu văn quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua trong bài nói của mình -Ghi ngắn gọn ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày bài nói của mình b. Tập luyện -Tập trình bày trước gương, trước bạn bè hoặc người thân và lắng nghe ý kiến, nhận xét góp ý. 2. <u>Trình bày bài nói</u> 1.Tự tin , thoải mái, chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói. 2. Bám sát cách chia sẻ trải nghiệm, thống nhất dùng từ ngữ xưng hô và tập trung vào điểm biến câu chuyện 3. Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói và sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp 4. Sử dụng hiệu quả các ghi chú(viết trên giấy nhỏ để không bỏ sót những nội dung quan trọng 5. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ nếu có để bài nói thú vị và hấp dẫn hơn. 3. Sau khi nói Lắng nghe , tiếp thu, Phản hồi những ý kiến của người nghe 4.Người nghe: - Chú ý lắng nghe,quan sát, nhận xét phần trình bày bài nói

	-Tương tác với người nói bằng ánh mắt nét mặt .

C/ HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Trình bày bài nói (dự kiến 25 phút)

1.Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

-HSKT thực hiện một phần yêu cầu

2. Nội dung: Hs thực hành nói – nghe

3. Sản phẩm học tập: Bài nói của hs – ý kiến đánh giá, nhận xét, tự nhận xét của HS

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
NV1: Trình bày trong nhóm -Kiểm tra chéo . Thời gian 2 phút - GV chia lớp luyện nói theo cặp đôi - GV chiếu bảng kiểm tra bài nói - HS quan sát lại bài lẫn nhau kể về trải nghiệm của em đã chuẩn bị ở nhà . - Ghi nhớ các ý chính cần nói. Sắp xếp các SV theo trình tự hợp lí chưa HS góp ý ghi vào giấy dán vào bài của bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ . + GV gọi hs nhận xét, đánh giá, bổ sung ..	II/ <u>Thực hành nói và nghe.</u> 1/<u>Trình bày trong nhóm</u> * Bảng kiểm tra bài nói.	
	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
	- Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
	- Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra.	
	- Các sự việc được kể theo trình tự thời gian.	
	- Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ.	

-Trình bày nói trong nhóm đôi (5 phút) Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ. - GV chia lớp luyện nói theo cặp đôi - HS kể về trải nghiệm của mình đã chuẩn bị ở nhà cho bạn nghe và ngược lại. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS luyện nói trong nhóm - Nhắc HS quan sát, lắng nghe và dựa vào bảng kiểm nhận xét. + HS nhận xét, đánh giá về bài nói của bạn trong nhóm mình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, đánh giá, bổ sung .. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung. NV2: Trình bày trước lớp (20 phút) Phần này GV có thể cho HS thi nói Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ: - GV chiếu Phiếu đánh giá theo	- Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. - Người kể sử dụng các yếu tố miêu tả không gian, thời gian, nhân vật.. đã xuất hiện trong câu chuyện - Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể. Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể.	
	<u>2/ Nói trước lớp</u>	

tiêu chí - GV mời đại diện lên trình bày trước lớp . -HS lắng nghe, dựa vào bảng kiểm để đánh giá, nhận xét - HS tiếp nhận nhiệm vụ . Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS đại diện nhận nhiệm vụ . - Lớp lắng nghe, nhận xét, đánh giá (dựa vào bảng kiểm); + Từ các tiêu chí đánh giá trong bảng kiểm, HS thực hiện nhận xét . - Hs tự đánh giá bài nói của mình (Dựa vào bảng kiểm) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động. - HS đại diện nhóm lên trình bày bài nói trước lớp - HS đánh giá, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung. Dựa vào thực tế bài nói của học sinh, GV nhận xét về kiến thức, năng lực mà các em đạt được sau khi thực hành nói.	

Phiếu đánh giá theo tiêu chí

TIÊU CHÍ	MÔ TẢ CHI TIẾT	MỨC ĐỘ		
		Chưa đạt:0 điểm	Đạt:1 điểm	Tốt:2 điểm
NỘI DUNG	1.Nói đúng chủ đề : Yêu thương chia sẻ			
	2.Nội dung câu chuyện hay, hấp dẫn, có ý nghĩa			
HÌNH THỨC	3.Nói trôi chảy không bị ngắt quãng (không ề,à hoặc có từ ngữ như à,ề, thì, mà. Tốc độ nói vừa phải,giọng truyền cảm			
	4. Phong thái tự tin tươi(đứng thẳng, nét mặt vui tươi . Có sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ,giao lưu bằng ánh mắt với người nghe			
	5.Mở bài và kết thúc hợp lí			
	Tổng điểm.....10 điểm			

D/ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 5 phút (Giao HS thực hiện)

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện tốt các kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống (Đặc biệt là nói – nghe).

2. Nội dung:Sử dụng kiến thức đã học trong giao tiếp .

3. Sản phẩm học tập: Khả năng diễn đạt ý chính xác và phong thái tự tin của HS trong quá trình giao tiếp .

4. Tổ chức thực hiện:

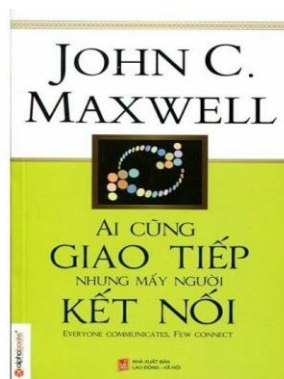
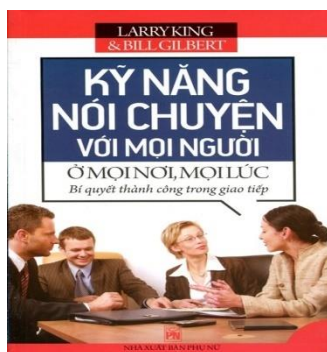
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS: Tiếp tục luyện nói – nghe thường xuyên trong cuộc sống và trong học tập. Có thể luyện kỹ năng nói bằng cách quay clip gửi lên nhóm lớp (zalo) để cô cùng các bạn nhận xét, đánh giá

- GV giới thiệu cho HS cuốn sách hay để rèn kỹ năng giao tiếp :

- Cuốn sách : - “ Ai cũng giao tiếp nhưng mấy ai kết nối” - Johnc. Maxwell

- Kỹ năng nói chuyện với mọi người ở mọi lúc, mọi nơi – Larryking & Billgilbert.



- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện thường xuyên trong học tập và trong cuộc sống .

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động:

- Sản phẩm luyện nói trên nhóm lớp

- Kỹ năng giao tiếp thực tế của HS

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Trong các tiết học nói - nghe tiếp theo và trong quá trình học tập .

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng kể lại một trải nghiệm của em

Nhóm.....

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt -0 điểm	Đạt -1 điểm	Tốt- 2 điểm
1.Chọn được câu chuyện hay có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể	Có chuyện để kể nhưng chưa hay	Câu chuyện hay và ấn tượng
2.Nội dung câu chuyện phong phú hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện	Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn
3. Nói to rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

TIẾT 42: ĐỌC MỞ RỘNG.

I. MỤC TIÊU

- Đọc - hiểu 1 tác phẩm thơ hoặc truyện.
- Nhận biết được chủ đề, ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho bản thân.

HSKT: Nhận biết được chủ đề, ý nghĩa của một văn bản

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến trong quá trình học tập. Trình bày 1 cách tự tin ý kiến của mình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phát hiện, phân tích, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học.
- Năng lực ngôn ngữ: Đọc - hiểu 1 tác phẩm thơ hoặc truyện.
- Năng lực văn học: Nhận biết được chủ đề, ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho HS.
- Nhân ái: Biết yêu thương, đồng cảm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người.
- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch BD, máy tính, vi deo, tranh ảnh;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS quan sát tranh, nêu tên văn bản.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV cho HS quan sát tranh, nêu tên VB tương ứng.

+ Các em yêu thích VB nào? Vì sao ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

HSKT: Chỉ nêu tên văn bản

- GV nhận xét, đánh giá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

HSKT: Nắm nội dung cơ bản của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1. *Tôi và các bạn*, bài 2. *Gỗ cửa Trái tim*, bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: <i>Mỗi HS chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc và lưu ý một số vấn đề .</i> - GV gợi ý: + <i>Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;</i> + <i>Người kể chuyện trong VB là ai?</i> + <i>Cốt truyện? (Nêu các sự kiện chính trong câu chuyện)</i> + <i>Nhân vật (Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai?)</i> + <i>Đối với VB truyện: Tìm lời người kể chuyện và lời nhân vật (Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật)</i> + <i>Đối với VB thơ: tìm và nêu cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.</i> + <i>Cho HS xem vi deo truyện đọc, thơ và HS chia sẻ về một số nội dung trên.</i> <i>HSKT: Chọn một văn bản truyện và trả lời câu hỏi</i> + <i>Người kể chuyện trong VB là ai?</i> + <i>Nhân vật (Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai?)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	1. Văn bản truyện - Ngôi kể: Thứ I, III - Cốt truyện: (Sự kiện chính trong câu chuyện) - Nhân vật: gồm + Nhân vật chính: + Nhân vật phụ: + Phân biệt lời người kể chuyện với lời của nhân vật. 2. Văn bản thơ - Thể thơ - Từ ngữ - Nhân vật trữ tình - Hình ảnh - Các biện pháp tu từ...

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV khuyến khích HSKT trả lời câu hỏi, tuyên dương em trước lớp. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học. HSKT: Nêu tên một nhân vật mà em yêu thích? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung chia sẻ của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	3. Góc chia sẻ - Trao đổi về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học. +Truyện: đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung. +Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung chia sẻ của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ :
 - +Tìm một số tục ngữ, ca dao nói về lòng nhân ái, khoan dung, tình cảm gia đình.
 - + HS làm bài 1/83

HSKT: đọc một câu ca dao, tục ngữ bất kì mà em biết.

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, chia sẻ nhóm đôi.
- Học sinh trình bày, nhận xét.

- GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Xem lại toàn bộ bài nội dung bài học.

- Hoàn thiện các bài tập.

- Suy tầm thêm một số văn bản truyện hoặc thơ về chủ đề tình bạn, lòng nhân ái, khoan dung và tình cảm gia đình.

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về tình bạn (hay lòng nhân ái, khoan dung)

- Chuẩn bị bài mới: Quê hương yêu dấu

+ Đọc phần tri thức Ngữ văn

+ Đọc và trả lời câu hỏi Bài 4: Quê hương yêu dấu Phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn.

Bài tập 1: Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về 2 văn bản Cô bé bán diêm và Gió lạnh đầu mùa?

Văn bản	Cô bé bán diêm	Gió lạnh đầu mùa
Đặc điểm		
Thể loại		
Nhân vật		
Người kể chuyện		

TIẾT 43-44:

BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

VĂN BẢN 1. CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB;
- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và tác dụng của việc sử dụng hoán dụ;
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát;
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

HSKT: Nhận biết được số tiếng, số dòng.

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...
- Biết và phân tích được một số đặc điểm nghệ thuật của thơ lục bát, cảm nhận được cảm xúc và thông điệp của người viết thông qua ngôn ngữ VB.
- Có ý thức vận dụng kiến thức để hiểu và phân tích các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV;
- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học;
- Máy chiếu, máy tính;
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học;
- Khám phá tri thức Ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

b) Nội dung: Chia sẻ kinh nghiệm bản thân

c) Sản phẩm:

- Những suy nghĩ chia sẻ của HS;
- Cảm xúc cá nhân của HS;
- Tri thức ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

d) Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

? Em hãy đọc đoạn VB thơ sau đây và cho biết thể thơ được sử dụng ở đây là gì?

? Em đã bắt gặp những đoạn thơ có cùng thể loại với đoạn thơ trên hay chưa? Hãy kể tên và đọc một đoạn cho cả lớp cùng nghe.

HS đọc bài thơ, suy nghĩ và trả lời.

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(Việt Nam quê hương ta – Nguyễn Đình Thi)

HSKT: nhận biết thể thơ

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Như thường lệ, mở đầu mỗi bài học, chúng ta sẽ tìm hiểu về phần tri thức ngữ văn. Tiết học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu về thơ lục bát.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

HSKT: Hiểu được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Chiếu Slide, yêu cầu HS đọc & đặt câu hỏi: <i>? Cho biết nội dung của bài thơ? Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì?</i> 2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK. 3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ: <i>? Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng?</i> <i>? Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám?</i> <i>? Xác định thanh điệu của các tiếng 4 – 6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 4 – 6 – 8 trong dòng tám tiếng?</i>	- Nội dung của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước. * Thơ lục bát. - Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. - Vần trong lục bát: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo. - Thanh điệu trong thơ lục bát: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ

? Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó? ? Giới thiệu ngắn gọn về thơ lục bát và chỉ ra những “dấu hiệu” của thể lục bát trong bài thơ đó đó? HSKT: Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng? B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV+ HS) - HS đọc bài thơ, và suy nghĩ cá nhân. GV hướng dẫn HS đọc. - HS đọc phần tri thức Ngữ văn - HS làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’ + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. GV khuyến khích HSKT ghi ra những ý ngắn gọn, các bạn tập trung hỗ trợ. B3: Báo cáo, thảo luận (HS) GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS:	sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại; - Nhịp thơ trong lục bát: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...). * Lục bát biến thể. - Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,...

- Trả lời câu hỏi của GV. - Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc - Ví dụ về lục bát biến thể: + Con cò lặn lội bờ sông Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non + Cưới vợ thì cưới liền tay Chớ để lâu ngày lăm kẻ gièm pha - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm viết về quê hương.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung chia sẻ của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ :
 - + Tìm một số bài hát về quê hương.
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, chia sẻ nhóm đôi.
- Học sinh trình bày, nhận xét.
- GV nhận xét.

B. VĂN BẢN 1. CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

- Biết đọc - hiểu về thơ lục bát
- Đọc trôi chảy, đọc – hiểu về ca dao.

HSKT: hiểu về thơ lục bát, hiểu về ca dao

- Viết được đoạn văn về chủ đề tình yêu quê hương đất nước.
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân.
- Nhận diện được thể loại ca dao.

HSKT: Viết được đoạn văn ngắn.

- Cảm nhận, suy nghĩ về chùm ca dao về quê hương đất nước; về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Yêu nước: Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.

- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp quê hương đến bạn bè. Ý thức giữ gìn và bảo vệ các di tích danh lam thắng cảnh.
- Chăm chỉ: Tìm tòi, sưu tầm các bài viết cùng chủ đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Phiếu học tập;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- Ti vi.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát tranh và yêu cầu HS:
 - + Bốn bức tranh này giống nhau ở điểm nào ? Nêu cảm nhận của em ?
 - + Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?
 - + Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

GV khuyến khích HSKT trả lời câu hỏi: Bốn bức tranh này giống nhau ở điểm nào ?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;

- GV dẫn dắt: *Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người. Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, ... Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu quê hương Việt Nam qua **Chùm ca dao về quê hương đất nước**.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Đọc văn bản, tìm hiểu từ ngữ khó.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát VB, yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: <i>+GV đọc mẫu một lần, hướng dẫn ngữ điệu phù hợp với nội dung từng bài ca dao;</i> <i>+Gọi một vài HS lần lượt đọc thành tiếng VB.</i>	I. Đọc văn bản * Tìm hiểu từ ngữ khó - Các địa danh ở Hà Nội: + Trán Võ + Thọ Xương

+HS quan sát tranh, kết hợp SGK: Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? Ở mỗi bài, địa danh được nhắc đến là ở đâu, em hãy giải nghĩa cụ thể địa danh đó? + Nêu cách hiểu của em về ca dao? HSKT: quan sát tranh, kết hợp SGK: Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát VB, yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi + Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát? + Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.	+ Yên Thái + Tây Hồ - Các địa danh ở Lạng Sơn: + xứ Lạng + sông Tam Cờ - Các địa danh ở Huế: + Đông Ba + Đập Đá + Vĩ Dạ + ngã ba Sinh 1. Khái niệm về ca dao Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động. 2. Thể loại : lục bát - Bài 1, 2 : lục bát - Bài ca dao 1: + Gieo vùn: ðà – gà, Xương – sương - gương + Thanh điệu: Tiếng : ðà - Xương - sương - Hồ là thanh bằng; tiếng trúc – Võ - tỏa - Thái là thanh trắc. + Nhịp thơ: 2/2/2, 2/4, 4/4 -Bài ca dao2:

+So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v... HSKT trả lời câu hỏi đầu tiên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc, câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.	+ Nhịp thơ: 2/4, 4/4, + Gieo vần:, xa –ba, đồng-trông-sôngđồng + Thanh điệu: Tiếng “xa”, “ba” , “đồng”, “trông”, “song” “Cờ”là thanh bằng; Tiếng "Lạng", "núi", "lại" là thanh trắc. - Bài 3: Lục bát biến thể (hai dòng đầu) + Số tiếng trong mỗi dòng: Bài thơ có tất cả 4 dòng. Số tiếng trong mỗi dòng lần lượt là: 8/8/6/8. + Nhịp :4/4, 4/4,2/2/2,4/4 + Cách gieo vần: tiếng "Ba" vần với tiếng "Đá"; tiếng "Dạ" vần với tiếng "ba". + Cách phối hợp thanh điệu: Tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám: "qua", "Sinh", "chênh". "tình" là thanh bằng; tiếng "Dạ", "ngả", "vọng" là thanh trắc, tuy nhiên tiếng "Ba" lại là thanh ngang.

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1:	II. Khám phá văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ, kết hợp xem tranh

- GV yêu cầu HS:

+ *Vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long được gọi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào? Chỉ ra nét đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ?*

+ *Trong cụm từ mặt gương Tây Hồ, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ*

+ *Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ?*

HSKT: Về đẹp của kinh thành Thăng Long được gọi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào?

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ đó.

- HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

+ *Nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: Ai ơi, đứng lại mà trông. Hãy tìm một số câu ca*

1. Bài ca dao (1)

- Hình ảnh: “cành trúc la đà” “mặt mù khói tỏa ngàn sương”

- Âm thanh “Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”

- Biện pháp tu từ:

+ *Ẩn dụ : mặt gương Tây Hồ* về đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương, (ẩn dụ - so sánh ngầm) về đẹp nên thơ vào sáng sớm.

=>Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình.

-Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước

2. Bài ca dao (2)

- Lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông* Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.

->Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, menh mông và nên thơ của xứ Lạng

- Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng

dao có sử dụng từ ai hoặc có lời nhắn Ai ời...

+ *Vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của con người mà em tưởng tượng được qua mỗi bài ca dao ?*

+ *Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ?*

HSKT: Bài ca dao có mấy dòng ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Câu trả lời của HS;

+ Một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ời...*

Ai ời chơi lấy kéo già

Măng mọc có lúa người ta có thì

Chơi xuân kéo hết xuân đi

Cái già sông sọc nó thì theo sau

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ời bung bát cơm đầy

Đeo thơm một hạt đắng cay muôn phần

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ, kết hợp xem tranh - GV yêu cầu HS: + <i>Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế?</i> +<i>Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?</i> (gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh gợi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngà trắng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v...). + <i>Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ?</i> HSKT: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	3. Bài ca dao (3) + Liệt kê các địa danh (chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, ngã Ba Sinh) + Hình ảnh, âm thanh : con đò, bóng trăng, tiếng hò, nước non. - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì, mái đẩy thiết tha, lay động lòng người. -Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Nêu những đặc sắc nghệ thuật của những bài ca dao mà em được học trong văn bản?</i> + <i>Nội dung, ý nghĩa chung của những bài ca dao ấy?</i> - GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước? HSKT: Nêu nội dung của một bài ca dao trong chùm ca dao trên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước. 2. Nội dung - Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước. 3. Ý nghĩa: nhắc nhở mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.

- HS báo cáo kết quả; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Nêu cách hiểu của em về bài ca dao

Gió đưa cành trúc la đà/ Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

b) Nội dung: Hs nêu cách hiểu của bài ca dao

c) Sản phẩm: Ca ngợi vẻ đẹp cảnh đẹp của Hồ Tây.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả, GV cùng HS nhận xét.

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

HSKT: Viết một vài câu theo cảm nhận của bản thân.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn , GV cùng HS nhận xét (GV chiếu tham khảo đoạn văn sau)

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận:GV bổ sung.

HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

a) Mục tiêu: Suu tầm, thiết kế được một cuốn tập San theo dự án.

b) Nội dung: Tranh, câu ca dao được tập hợp thành một cuốn tập San

c) Sản phẩm: Cuốn tập San của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm.

Mỗi nhóm hãy lựa chọn một địa danh mà mình yêu mến. Suu tầm các bức tranh câu ca dao về địa danh đó có hình ảnh minh họa để thiết kế một cuốn tập San. Thuyết trình về cuốn tập San của nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. Trình bày trước lớp ở tiết học sau.

- HS nhận xét.

- Giáo viên đánh giá, bổ sung (sử dụng công cụ rubrics).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Suu tầm thêm một số bài ca dao nói về quê hương đất nước (các bài ca dao nói về địa phương em)

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

+ Đọc trước các ví dụ sgk. Dựa vào kiến thức đã học ở tiểu học xác định các từ đồng âm và các từ đa nghĩa

+ Suu tầm 2, 3 ví dụ về từ đồng âm và từ đa nghĩa.

Phiếu học tập số 1

Đọc các bài ca dao 1, 2 và hoàn thiện bảng sau:

Câu hỏi	Trả lời
Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây.	
Em hãy nhận xét về cách sử dụng thể lục bát trong bài ca dao thứ 3? Tác dụng của cách dùng lục bát biến thể như thế nào? Cảm xúc, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài ca là gì?	

- HSKT nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài;
- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ;
- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chùm ca dao về quê hương đất nước*;
- HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chùm ca dao về quê hương đất nước*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh, các đoạn phim ngắn về các địa danh được giới thiệu trong bài học như Hà Nội, Huế, Lạng Sơn;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HSKT.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gợi dẫn và yêu cầu HS: + Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì? + Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- HS trả lời, chia sẻ về quê hương và các bài thơ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung; - GV dẫn dắt: <i>Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người. Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, ... Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu quê hương Việt Nam qua Chùm ca dao về quê hương đất nước.</i>	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. **Mục tiêu:** **HSKT** Đọc văn bản, tìm hiểu từ ngữ khó

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: + <i>GV đọc mẫu một lần, hướng dẫn ngữ điệu phù hợp với nội dung từng bài ca dao;</i> + <i>Gọi một vài HS lần lượt đọc thành tiếng VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. NV2:	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HSKT tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK: + Các từ chỉ địa danh: Trấn Võ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ; xứ Lạng, sông Tam Cờ; Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sình. + Các từ ngữ cổ: canh gà. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	2. Tìm hiểu từ ngữ khó - Các địa danh ở Hà Nội: + Trấn Võ + Thọ Xương + Yên Thái + Tây Hồ - Các địa danh ở Lạng Sơn: + xứ Lạng + sông Tam Cờ - Các địa danh ở Huế: + Đông Ba + Đập Đá + Vĩ Dạ + ngã ba Sình

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: HSKTMỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát? + Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Bài ca dao (1) - Thẻ lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng; - Cách gieo vần: <i>đà – gà, xương – sưng – gương...</i> Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo; - Ngắt nhịp: + Gió đưa/ cành trúc/ la đà

+HSKT Trong cụm từ <i>mặt gương Tây Hồ</i>, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó. + Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i>. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ <i>ai</i> hoặc có lời nhắn <i>Ai ơi...</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Câu trả lời của HS; + Một số câu ca dao có sử dụng từ <i>ai</i> hoặc có lời nhắn <i>Ai ơi...</i> • <i>Ai ơi chơi lấy kéo già</i> <i>Mãng mọc có lúa người ta có thì</i> <i>Chơi xuân kéo hết xuân đi</i> <i>Cái già sông sọc nó thì theo sau</i> • <i>Cày đồng đang buổi ban trưa</i> <i>Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày</i> <i>Ai ơi bưng bát cơm đầy</i> <i>Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần</i> Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS:	Tiếng chuông Trấn Võ/ canh gà Thọ Xương nhịp chẵn: 2/2/2; 2/4; 4/4; - Biện pháp tu từ: + Ấn dụ : <i>mặt gương Tây Hồ</i> về đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ấn dụ - so sánh ngầm) Về đẹp nên thơ vào sáng sớm 2. Bài ca dao (2) - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng - Cách gieo vần: <i>xa – ba, trông – sông</i> Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo; - Ngắt nhịp: + <i>Ai ơi/ đứng lại mà trông</i> Kìa thành núi Lạng/ kìa sông Tam Cờ nhịp chẵn: 2/4; 4/4 - Lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i>. Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng. 3. Bài ca dao (3) - Lục bát biến thể: + Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường; + Tính chất biến thể: hai dòng đầu:

+ So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v... + Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây? (gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh gợi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngà trắng chên, tiếng hò xa vọng, v.v...). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB <i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>.	Cả hai dòng đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng); Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc. - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước. 2. Nội dung - Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước.

- GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	

C – D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Tuần : 11 Tiết: 43	BÀI 4 : QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN	NS : 05/11/2023

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

HSKT: Nhận biết được số tiếng, số dòng.

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

- Biết và phân tích được một số đặc điểm nghệ thuật của thơ lục bát, cảm nhận được cảm xúc và thông điệp của người viết thông qua ngôn ngữ VB.

- Có ý thức vận dụng kiến thức để hiểu và phân tích các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV;
- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học;
- Máy chiếu, máy tính;
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học;
- Khám phá tri thức Ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

b) Nội dung: Chia sẻ kinh nghiệm bản thân

c) Sản phẩm:

- Những suy nghĩ chia sẻ của HS;
- Cảm xúc cá nhân của HS;
- Tri thức ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

d) Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

? Em hãy đọc đoạn VB thơ sau đây và cho biết thể thơ được sử dụng ở đây là gì?

? Em đã bắt gặp những đoạn thơ có cùng thể loại với đoạn thơ trên hay chưa? Hãy kể tên và đọc một đoạn cho cả lớp cùng nghe.

HS đọc bài thơ, suy nghĩ và trả lời.

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(Việt Nam quê hương ta – Nguyễn Đình Thi)

HSKT: nhận biết thể thơ

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Như thường lệ, mở đầu mỗi bài học, chúng ta sẽ tìm hiểu về phần tri thức ngữ văn. Tiết học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu về thơ lục bát.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

HSKT: Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ lục bát như: số tiếng, số dòng.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả

lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Chiếu Slide, yêu cầu HS đọc & đặt câu hỏi: <i>? Cho biết nội dung của bài thơ? Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì?</i> 2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK. 3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ: <i>? Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng?</i> <i>? Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám?</i> <i>? Xác định thanh điệu của các tiếng 4 –6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 4 –6 – 8 trong dòng tám tiếng?</i> <i>? Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó?</i> <i>? Giới thiệu ngắn gọn về thơ lục bát và chỉ ra những “dấu hiệu” của thể lục bát trong bài thơ đó đó?</i> HSKT: Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng? B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV+ HS) 1. HS đọc bài thơ, và suy nghĩ cá nhân. GV hướng dẫn HS đọc.	- Nội dung của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước. * Thơ lục bát. - Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. - Vần trong lục bát: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo. - Thanh điệu trong thơ lục bát: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại; - Nhịp thơ trong lục bát: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...). * Lục bát biến thể.

2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn 3. HS làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. GV khuyến khích HSKT ghi ra những ý ngắn gọn, các bạn tập trung hỗ trợ. B3: Báo cáo, thảo luận (HS) GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc - Ví dụ về lục bát biến thể: + Con cò lặn lội bờ sông Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non	- Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,...

+ Cưới vợ thì cưới liền tay Chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm viết về quê hương.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung chia sẻ của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ :
- + Tìm một số bài hát về quê hương.
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, chia sẻ nhóm đôi.
- Học sinh trình bày, nhận xét.
- GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Xem lại toàn bộ bài nội dung bài học.
- Hoàn thiện các bài tập
- Suu tầm thêm một số văn bản truyện hoặc thơ về chủ đề quê hương em.
- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về tình bạn (hay lòng nhân ái, khoan dung)
- Chuẩn bị bài mới: Chùm ca dao về quê hương, đất nước.

NS:16/11/2023

NG :20-25/11/2023

TUẦN 12 (Tiết 45-48)

TIẾT 45: BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

VĂN BẢN 1. CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC (TT)

TIẾT 46: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 47,48 VĂN BẢN 2. CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

TIẾT 45: BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

VĂN BẢN 1. CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC (TT)

I. MỤC TIÊU

- Biết đọc - hiểu về thơ lục bát
- Đọc trôi chảy, đọc – hiểu về ca dao.

HSKT: hiểu về thơ lục bát, hiểu về ca dao

- Viết được đoạn văn về chủ đề tình yêu quê hương đất nước.
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân.
- Nhận diện được thể loại ca dao.

HSKT: Viết được đoạn văn ngắn.

- Cảm nhận, suy nghĩ về chùm ca dao về quê hương đất nước; về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Yêu nước: Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.
- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp quê hương đến bạn bè. Ý thức giữ gìn và bảo vệ các di tích danh lam thắng cảnh.
- Chăm chỉ: Tìm tòi, sưu tầm các bài viết cùng chủ đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Phiếu học tập;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- Ti vi.

2. Chuẩn bị của HS:

SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát tranh và yêu cầu HS:
 - + Bốn bức tranh này giống nhau ở điểm nào ? Nêu cảm nhận của em ?
 - + Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?
 - + Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

GV khuyến khích HSKT trả lời câu hỏi: Bốn bức tranh này giống nhau ở điểm nào ?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;
- GV dẫn dắt: *Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người. Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, ... Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu quê hương Việt Nam qua **Chùm ca dao về quê hương đất nước**.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Đọc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản, tìm hiểu từ ngữ khó.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát VB, yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: +GV đọc mẫu một lần, hướng dẫn ngữ điệu phù hợp với nội dung từng bài ca dao; +Gọi một vài HS lần lượt đọc thành tiếng VB. +HS quan sát tranh, kết hợp SGK: Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? Ở mỗi bài, địa danh được nhắc đến là ở đâu, em hãy giải nghĩa cụ thể địa danh đó? + Nêu cách hiểu của em về ca dao? HSKT: quan sát tranh, kết hợp SGK: Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. Đọc văn bản * Tìm hiểu từ ngữ khó - Các địa danh ở Hà Nội: + Trần Võ + Thọ Xương + Yên Thái + Tây Hồ - Các địa danh ở Lạng Sơn: + xứ Lạng + sông Tam Cờ - Các địa danh ở Huế: + Đông Ba

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát VB, yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi + Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát? + Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2. +So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v... HSKT trả lời câu hỏi đầu tiên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	+ Đập Đá + Vĩ Dạ + ngã ba Sinh 1. Khái niệm về ca dao Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động. 2. Thể loại : lục bát - Bài 1, 2 : lục bát - Bài ca dao 1: + Gieo vần: đà – gà, Xương – sương - gương + Thanh điệu: Tiếng : đà - Xương - sương - Hồ là thanh bằng; tiếng trắc – Vỡ - tỏa - Thái là thanh trắc. + Nhịp thơ: 2/2/2, 2/4, 4/4 -Bài ca dao2: + Nhịp thơ: 2/4, 4/4, + Gieo vần:, xa –ba, đồng-trông-sôngđồng + Thanh điệu: Tiếng “xa”, “ba” , “đồng”, “trông”, “song” “Cờ”là thanh bằng; Tiếng "Lạng", "núi", "lại" là thanh trắc. - Bài 3: Lục bát biến thể (hai dòng đầu) + Số tiếng trong mỗi dòng: Bài thơ có tất cả 4 dòng. Số tiếng trong mỗi dòng lần lượt là: 8/8/6/8.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc, câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.	+ Nhịp :4/4, 4/4,2/2/2,4/4 + Cách gieo vần: tiếng "Ba" vần với tiếng "Đá"; tiếng "Dạ" vần với tiếng "ba". + Cách phối hợp thanh điệu: Tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám: "qua", "Sinh", "chênh". "tình" là thanh bằng; tiếng "Dạ", "ngả", "vọng" là thanh trắc, tuy nhiên tiếng "Ba" lại là thanh ngang.

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ, kết hợp xem tranh - GV yêu cầu HS: + <i>Vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long được gợi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào? Chỉ ra nét đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ?</i> + <i>Trong cụm từ mặt gương Tây Hồ, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ</i>	II. Khám phá văn bản 2. Bài ca dao (1) - Hình ảnh: “cành trúc la đà” “mịt mù khói tỏa ngàn sương” - Âm thanh “Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương” - Biện pháp tu từ: + Ấn dụ : <i>mặt gương Tây Hồ</i> vẻ đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương, (ẩn dụ - so sánh ngầm) vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm.

+ Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ? HSKT: Vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long được gọi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào? Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ đó. - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: Ai ơi, đứng lại mà trông. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ ai hoặc có lời nhắn Ai ơi...</i> + <i>Vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của con người mà em tưởng tượng được qua mỗi bài ca dao ?</i> + <i>Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ?</i> HSKT: Bài ca dao có mấy dòng ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	=>Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. -Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước 2. Bài ca dao (2) - Lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i> Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng. ->Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mênh mông và nên thơ của xứ Lạng - Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm:
- + Câu trả lời của HS;
- + Một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi...*

Ai ơi chơi lấy kéo già

Măng mọc có lứa người ta có thì

Chơi xuân kéo hết xuân đi

Cái già sòng sọc nó thì theo sau

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bung bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ, kết hợp xem tranh

- GV yêu cầu HS:

3. Bài ca dao (3)

+ Liệt kê các địa danh (chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, ngã Ba Sinh)

+ Hình ảnh, âm thanh : con đò, bóng trăng, tiếng hò, nước non.

- Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì, mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.

-Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế.

+ Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế?

+ Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?

(gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh gợi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngà trắng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v...).

+ Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ?

HSKT: Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ; Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước.

2. Nội dung

- Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước.

3. Ý nghĩa: nhắc nhở mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:

+ *Nêu những đặc sắc nghệ thuật của những bài ca dao mà em được học trong văn bản?*

+ *Nội dung, ý nghĩa chung của những bài ca dao ấy?*

- GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?

HSKT: Nêu nội dung của một bài ca dao trong chùm ca dao trên.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Nêu cách hiểu của em về bài ca dao

Gió đưa cành trúc la đà/ Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

b) Nội dung: Hs nêu cách hiểu của bài ca dao

c) Sản phẩm: Ca ngợi vẻ đẹp cảnh đẹp của Hồ Tây.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả, GV cùng HS nhận xét.

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

HSKT: Viết một vài câu theo cảm nhận của bản thân.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn , GV cùng HS nhận xét (GV chiếu tham khảo đoạn văn sau)

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận:GV bổ sung.

HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

a) Mục tiêu: Suu tầm, thiết kế được một cuốn tập San theo dự án.

b) Nội dung: Tranh, câu ca dao được tập hợp thành một cuốn tập San

c) Sản phẩm: Cuốn tập San của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm.

Mỗi nhóm hãy lựa chọn một địa danh mà mình yêu mến. Suu tầm các bức tranh câu ca dao về địa danh đó có hình ảnh minh họa để thiết kế một cuốn tập San. Thuyết trình về cuốn tập San của nhóm.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. Trình bày trước lớp ở tiết học sau.

- HS nhận xét.

- Giáo viên đánh giá, bổ sung (sử dụng công cụ rubrics).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Suu tầm thêm một số bài ca dao nói về quê hương đất nước (các bài ca dao nói về địa phương em)

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

+ Đọc trước các ví dụ sgk. Dựa vào kiến thức đã học ở tiểu học xác định các từ đồng âm và các từ đa nghĩa

+ Suu tầm 2, 3 ví dụ về từ đồng âm và từ đa nghĩa.

Phiếu học tập số 1

Đọc các bài ca dao 1, 2 và hoàn thiện bảng sau:

Câu hỏi	Trả lời
Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây.	
Em hãy nhận xét về cách sử dụng thể lục bát trong bài ca dao thứ 3? Tác dụng của cách dùng lục bát biến thể như thế nào? Cảm xúc, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài ca là gì?	

TIẾT 46: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận diện và hiểu được từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- Đặt câu, viết đoạn văn sử dụng từ đồng âm, từ đa nghĩa.

HSKT: Nhận diện được từ đồng âm, từ đa nghĩa.

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ: Tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập đầy đủ trên lớp.
- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD, máy tính;
- Phiếu bài tập;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Từ “đỗ” ở 2 câu trên có gì đặc biệt?
- +Mẹ tôi ngâm **đỗ** (1) để nấu chè;
- +Tôi sung sướng vì đã **đỗ** (2) đầu trong kỳ thi học sinh giỏi.

HSKT: Đọc 2 câu trên

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong các ví dụ trên, chúng ta thấy các từ có thể đồng âm nhưng khác nhau về nghĩa, chúng ta cũng thấy một từ có thể có nhiều nghĩa và các nghĩa đó có sự liên quan với nhau. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ đồng âm và từ đa nghĩa.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Trình bày được thế nào là từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- Phân biệt từ đồng âm, từ đa nghĩa.

b) Nội dung: HS thảo luận theo nhóm

c) Sản phẩm: Phiếu học tập. Kết quả các bài tập trong sgk.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? + Em hãy giải thích nghĩa của từ ăn (1) và nghĩa của từ ăn (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? HSKT: Em hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại thực vật; nghĩa của từ đỗ (2): chỉ trạng thái thi cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển. - Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau + Từ ăn trong câu (1) nghĩa là “tự cho thức ăn vào cơ thể để nuôi sống”. + Từ ăn trong câu (2) có nghĩa là “tiếp nhận cái cần thiết cho hoạt động”. -Hai nghĩa này có liên quan đến nhau. Ở đây có một từ ăn được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp từ đa nghĩa với những từ khác trong câu, người đọc (người	I. Từ đồng âm - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau II. Từ đa nghĩa - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau. Phân biệt từ đồng âm với từ đa nghĩa <table border="1"> <tr> <td>Từ đồng âm</td><td>Từ đa nghĩa</td></tr> </table>	Từ đồng âm	Từ đa nghĩa
Từ đồng âm	Từ đa nghĩa		

nghe) mới có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV khuyến khích HSKT trả lời, tuyên dương em trước lớp. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. - Qua 2 VD trên, em thấy từ đồng âm và từ đa nghĩa khác nhau như thế nào? - HS thảo luận theo nhóm bàn. - Đại diện HS trình bày kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, bổ sung	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1071 193 1276 420">Phát âm giống nhau những nghĩa khác nhau</td><td data-bbox="1276 193 1602 420">Các nét nghĩa có sự liên quan với nhau</td></tr> </table>	Phát âm giống nhau những nghĩa khác nhau	Các nét nghĩa có sự liên quan với nhau
Phát âm giống nhau những nghĩa khác nhau	Các nét nghĩa có sự liên quan với nhau		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

HSKT thực hiện 1/3 yêu cầu.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK. GV động viên các bạn trong nhóm giúp đỡ HSKT. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	II. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 92 a. Lờ mờ bóng ngả trắng chênh - bóng: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có; b. Bóng đã lặn ra khỏi đường biên dọc - bóng: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nảy, dùng làm đồ chơi thể thao; c. Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng - bóng: nhấn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương. Những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau, đây là từ đồng âm. Bài tập 2 SGK trang 92 – 93 a. - Đường lên xứ Lạng bao xa - đường: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác;

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; GV khuyến khích HSKT trình bày. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV động viên, tuyên dương, khuyến khích HSKT.	- Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm đường - đường: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm; b. – Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát - đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt; - Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng - đồng: đơn vị tiền tệ. Những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau, đây là từ đồng âm. Bài tập 3 SGK trang 93 a. Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều trái b. Bố vừa mua cho em một trái bóng c. Cách một trái núi với ba quãng đồng Trái trong ba ví dụ đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu Từ đa nghĩa. Bài tập 4 SGK trang 93 a. Con cò có cái cổ cao - Cổ: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân; b. Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao cổ - Cổ: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ Từ đa nghĩa. c. Phố cổ tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội - Cổ: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ cổ trong hai câu a. và b. Từ đồng âm. Bài tập 5 SGK trang 93 - Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non nặng: tính chất, mức độ nhiều tình cảm. - Một số ví dụ có từ nặng được dùng với nghĩa khác: + Túi hoa quả này nặng quá ; + Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.

HSKT viết một vài câu về tình yêu quê hương, đất nước.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Tìm một số từ ngữ được sử dụng trong ca dao, tục ngữ có sử dụng từ đồng âm, từ đa nghĩa.

HSKT tìm 1 câu ca dao, tục ngữ có từ đồng âm.

b. Nội dung: Chuẩn bị các câu ca dao, tục ngữ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS tìm, ghi chép lại các câu tục ngữ, ca dao có sử dụng từ đồng âm, từ đa nghĩa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ:

- Đọc và xem lại kiến thức lí thuyết và hoàn thành các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài mới: văn bản: *Chuyện cổ nước mình*

+ Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản.

TIẾT 47,48 VB2 CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nhận diện được thể thơ

- Cảm nhận về bài thơ, giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

HSKT: Nhận diện thể thơ, nội dung.

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về truyền thống văn hoá, giá trị văn hoá của dân tộc được thể hiện ở kho truyện cổ đặc sắc và đầy tính nhân văn. Kính trọng, biết ơn thế hệ cha ông.

- Nhân ái: Qua việc tìm hiểu về bài thơ và các câu chuyện cổ, học sinh được bồi dưỡng lòng nhân ái, độ lượng, yêu thương con người, tin vào quan niệm của cha ông “Ở hiền gặp lành”

- Trách nhiệm: Có ý thức tìm tòi, gìn giữ bảo tồn và phát huy giá trị của những câu chuyện cổ nói riêng và giá trị văn hoá tinh thần của dân tộc nói chung.
- Chăm chỉ: Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập, tìm tòi các câu chuyện cổ và ý nghĩa của những câu chuyện đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có nội dung liên quan đến VB *Chuyện cổ nước mình*, giới thiệu về các câu chuyện cổ,...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: GV chiếu một số hình ảnh về các câu chuyện cổ có xuất hiện/được nhắc đến trong VB *Chuyện cổ nước mình*, yêu cầu HS trả lời các hình ảnh đó đang nhắc đến chuyện cổ nào.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

GV khuyến khích HSKT trả lời.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta ai cũng thuộc một vài câu chuyện cổ với những kết thúc có hậu. Vẫn nhắc về những câu chuyện cổ với kết thúc có hậu ấy, nhưng Lâm Thị Mỹ Dạ lại thể hiện nó qua thể thơ lục bát – thể thơ mà chúng ta mới cùng tìm hiểu trong những tiết học trước. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ *Chuyện cổ nước mình* của Lâm Thị Mỹ Dạ để thấy được những câu chuyện cổ đã được tái hiện như thế nào và tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Đọc văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát tranh, kết hợp SGK, yêu cầu HS: giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Nêu tên tác giả, thể thơ.	1. Tác giả - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ; - Năm sinh: 1949; - Quê quán: Quảng Bình; - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đầm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV động viên HSKT báo cáo kết quả. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV tuyên dương tinh thần HSKT.	2. Tác phẩm - Xuất xứ: sáng tác 1979 , tập thơ “Bài thơ không năm tháng”
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Nhan đề <i>Chuyện cổ nước mình</i> được hiểu như thế nào? + Em hãy cho biết thể loại và phương thức biểu đạt của VB. (gợi ý: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Hãy cho biết những dấu hiệu giúp em nhận ra thể thơ đó). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	- Thể loại: thơ lục bát - Phương thức biểu đạt: biểu cảm

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	

Hoạt động 2 : Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chi tiết của bài thơ và nghệ thuật đặc sắc của *Chuyện cổ nước mình*

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể thơ lục bát thể hiện qua bài thơ;
- HS nhận xét, đánh giá được những nét độc đáo của bài thơ, thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ;
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hoá tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu dành cho những câu chuyện cổ.

HSKT: Nắm được nội dung bài thơ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, suy nghĩ, thảo luận để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức chơi trò Ai nhanh nhất: Dựa vào từ ngữ và các chi tiết được gợi nhắc trong bài thơ, các đội hãy nêu tên những câu chuyện cổ. HSKT: Nêu tên một câu chuyện cổ được nhắc trong bài thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	1. Những câu chuyện cổ được gợi ra từ bài thơ - Tấm Cám (<i>Thị thom thì giầu người thom/ Chăm làm thì được áo cơm của nhà</i>) - Đẽo cày giữa đường (<i>Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i>)

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Sự tích trầu cau (<i>Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người</i>)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Những câu chuyện cổ đã cho nhà thơ thấy những điều gì về vẻ đẹp tình người? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng? Tác dụng của nó ? +Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ được thể hiện như thế nào qua những dòng thơ sau. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng? Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình HSKT: Những câu chuyện cổ đã cho nhà thơ thấy điều gì về vẻ đẹp tình người? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động;	2. Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình <u>a. Những vẻ đẹp tình người</u> - Nghệ thuật : Điệp ngữ, liệt kê - Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,... Tôi yêu chuyện cổ nước tôi vì <i>vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa, vì rất công bằng, rất thông minh, vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.</i> <u>b. Sự tiếp nối, lưu truyền truyền thống, lời căn dặn từ ông cha đến con cháu</u> - “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha - Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” -Nghệ thuật : So sánh, hoán dụ - Chuyện cổ là nhân chứng, sự lưu giữ những lời căn dặn, những suy nghĩ của ông cha Là cái còn lại, còn mãi dấu ông cha có đi xa, dấu đời ông cha với đời tôi/ <i>Như con sông với chân trời đã xa. (Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa, con sông: dòng chảy, sự tiếp nối)</i>

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Hai dòng thơ sau gợi cho em những suy nghĩ gì? Tôi nghe chuyện cổ thăm thì Lời ông cha dạy cũng vì đời sau + Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm” + Qua lời thơ, tác giả muốn nhắn nhủ với chúng ta điều gì ? HSKT: Qua lời thơ, tác giả muốn nhắn nhủ với chúng ta điều gì ? (Em trả lời theo cảm nhận của bản thân)	Tình yêu chuyện cổ không những là tình yêu sự nhân văn, bao dung, nhân hậu, mà còn là yêu quê hương, tổ tiên, đất nước, yêu những giá trị tinh thần truyền thống. 3. Ý nghĩa của những câu chuyện cổ - “Tôi nghe chuyện cổ thăm thì Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” + “thăm thì”: thủ thi, tâm tình, nói nhỏ nhưng bền bỉ “chuyện cổ thăm thì”: mạch nguồn âm ỉ, bền bỉ; + “Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau. - Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”: những câu chuyện cổ không bao giờ cũ, là viên ngọc vẫn tiếp tục tỏa sáng trong cuộc sống hiện tại. Những bài học từ những câu chuyện cổ vẫn luôn đúng và vẹn nguyên giá trị. Yêu mến, tự hào những giá trị truyền thống dân tộc.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy nhận xét những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ? ? Bài thơ cho em hiểu được điều gì? HSKT: Bài thơ cho em hiểu được điều gì? B2: HS thực hiện nhiệm vụ	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.

- HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát B3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. Chốt kiến thức lên bảng	- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đầm sâu, nhưng đầy tự hào. 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

HSKT: Hoàn thành 2/3 yêu cầu

b) Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

- GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...

HSKT: Viết một vài câu.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng chủ đề của bài thơ để thực hiện bài tập.

GV khuyến khích HSKT thực hiện theo khả năng.

b) Nội dung: HS nêu cách hiểu của bản thân về truyện cổ.

c) Sản phẩm: Phần trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- B1: GV nêu những điều được gợi gắm qua các câu chuyện cổ tích.

- B2: HS thực hiện cá nhân
- B3: HS trình bày.
- B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG

- a) Mục tiêu: Giới thiệu vài truyện cổ của dân tộc.
- b) Nội dung: Sưu tầm các câu chuyện cổ.
- c) Sản phẩm: Phần chuẩn bị của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên cho HS sưu tầm một số chuyện cổ của dân tộc mình. Với mỗi chuyện sưu tầm được hãy vẽ tranh minh họa và nêu ý nghĩa của chuyện đó. Sau đó đại diện nhóm thuyết trình trước lớp về sản phẩm của dự án.

HSKT: sưu tầm một số chuyện cổ của dân tộc mình.

- HS thực hiện nhiệm vụ (linh động thời gian có thể dành cho học sinh khoảng 2-3 tuần).
- Giáo viên đánh giá, bổ sung

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học thuộc bài thơ, giá trị nội dung, nghệ thuật
- Hoàn thiện nhiệm vụ được giáo ở phần vận dụng
- Chuẩn bị bài mới: Cây tre Việt Nam
- + Đọc kĩ văn bản
- + Vẽ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào?
- + Tìm các chi tiết, hình ảnh khẳng định “Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam”

Phiếu học tập số 1: Qua lời thơ, em nhận thấy bóng dáng của những câu chuyện cổ nào?

STT	Lời thơ	Chuyện cổ
1	Thị thơm thì giấu người thơm...	Tấm Cám
2		
3		

Phiếu học tập số 2: Qua lời thơ, em thấy những câu chuyện cổ đã thể hiện những điều gì về vẻ đẹp tình người?

STT	Lời thơ	Vẻ đẹp tình người
1	Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa	Nhân hậu
2		
3		

NS:20/11/2023

NG :27/11-2/12/2023

TUẦN 13 (Tiết 49-52)

TIẾT 49,50: CÂY TRE VIỆT NAM

TIẾT 51: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 52 TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT

TIẾT 49,50: CÂY TRE VIỆT NAM.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, hiểu được văn bản kí hiệu đại có yếu tố miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, bình luận.

HSKT: Cảm nhận được giá trị nội dung của văn bản

- Đọc trôi chảy, đọc – hiểu về truyện kí.
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân.
- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về cây tre.

HSKT: đọc được văn bản.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất: - Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh, các đoạn phim ngắn giới thiệu về cây tre Việt Nam.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Em biết những sáng tác nghệ thuật nào có hình ảnh cây tre (bài hát, tranh vẽ, thơ, truyện, v.v...)? Hãy kể tên các vật dụng được làm bằng tre mà em biết.

+ GV chiếu một đoạn phim ngắn về chủ đề *Cây tre Việt Nam*;

HSKT: Hãy kể tên các vật dụng được làm bằng tre mà em biết.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Cây tre là hình ảnh gắn gũi với đời sống của người dân Việt Nam. “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”. Trong tiết học hôm nay, vẫn tiếp tục với chủ đề ***Quê hương yêu dấu***, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu VB ***Cây tre Việt Nam*** của Thép Mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

I. Đọc văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ & xem tranh - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về nhà văn Thép Mới và VB <i>Cây tre Việt Nam</i>. HSKT: Tự đọc thầm bằng mắt - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Dựa vào VB vừa đọc, em hãy nêu thể loại, phương thức biểu đạt và bố cục của VB.</i> HSKT: Dựa vào VB vừa đọc, em hãy nêu thể loại của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng	1. Tác giả - Họ tên: Hà Văn Lộc; - Năm sinh – năm mất: 1925 – 1991; - Quê quán: Nam Định - Là nhà văn, nhà báo nổi tiếng chuyên viết về đề tài Chiến tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam. 2. Tác phẩm - VB <i>Cây tre Việt Nam</i> là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan. - Thể loại: bút ký chính luận trữ tình, giới thiệu phim tài liệu; - Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm; - Bố cục: 3 phần: + <i>Từ đầu....chỉ khi như người:</i> Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam. + <i>Tiếp...của trúc, của tre:</i> Sự gắn bó của tre và người trong mọi hoàn cảnh. + <i>Còn lại:</i> Vị trí của tre trong tương lai

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Tìm được những chi tiết miêu tả hình ảnh cây tre; đánh giá vẻ đẹp của cây tre là vẻ đẹp của con người Việt Nam.

- Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần; hiểu được vị trí cây tre trong tương lai; tình yêu đối với thiên nhiên, quê hương đất nước;

HSKT: Nắm được nội dung văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động nhóm cho HS;

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu có).

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. Khám phá văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả cụ thể qua những chi tiết, hình ảnh nào? + Vì sao tác giả có thể khẳng định: “Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam”? HSKT: Em hãy tìm vài chi tiết miêu tả vẻ đẹp của cây tre? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	1. Vẻ đẹp của cây tre - Hình ảnh bên ngoài liên tưởng đến phẩm chất của con người: + <i>dáng vươn mọc mạc và thanh cao; mầm măng non mọc thẳng; Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng</i> từ măng đến tre đều mọc thẳng, dáng gầy, cao được nhân hóa, so sánh với phẩm cách của con người; + <i>màu tre tươi nhũn nhặn</i> màu xanh bình dị, vừa phải, dễ chịu, không thái quá, rực rỡ hay gay gắt tính cách khiêm tốn, nhún nhường;

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV khuyến khích HSKT trả lời. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Tiết 2 NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống vật chất của con người Việt Nam? + Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Khi nói về cây tre, tác giả đồng thời nói đến khung cảnh, cuộc sống, văn hóa của Việt Nam. Hãy chỉ ra những chi tiết đó trong bài. + Bên cạnh việc chỉ ra những yếu tố về nội dung, em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật (lối viết giàu nhạc tính, nhịp điệu) đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre. HSKT: Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống vật chất của con người Việt Nam? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	+ <i>có thể mọc xanh tốt ở mọi nơi, vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt</i> dễ thích nghi, không kén chọn; Đức tính của người hiền (hiền tài): thanh cao, giản dị, ngay thẳng. 2. Ý nghĩa của tre đối với nông dân, người dân Việt Nam <u>a. Tre gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam</u> - Đời sống vật chất: <i>giúp người hàng nghìn công việc khác nhau:</i> + cối xay tre + tre làm nhà + giang chẻ lạt, cho bóng mát + Từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay: chiếc nôi tre nằm trên giường tre. - Đời sống tinh thần: + giang chẻ lạt, cho bóng mát nghĩ đến tình cảm lứa đôi: <i>Lạt này gói bánh chưng xanh/ Cho mai lấy trúc, cho anh lấy nàng...</i> + Nguồn vui duy nhất của tuổi thơ: <i>máy que đánh chắt bằng tre;</i> + Khúc nhạc đồng quê: sáo tre, sáo trúc ; điều lá tre <u>Chú ý lối viết:</u> “Điều bay, điều lá tre bay lưng trời.../ Sáo tre, sáo trúc vang

- HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan tâm, nhắc nhở các bạn trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV khuyến khích HSKT trình bày. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy chỉ ra các chi tiết cho thấy tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam. + Phân tích câu văn: <i>Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí;</i> + Chọn những câu văn tương tự để phân tích tác dụng của cách sử dụng từ ngữ và lối viết giàu nhịp điệu.	lưng trời” Lối viết sóng đôi, tạo nhịp điệu ; “vang lưng trời” âm thanh vang xa, rộng khắp một vùng, một không gian bạt ngàn hình ảnh đẹp, lãng mạn, kỳ vĩ; + Văn hóa: <i>Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời; tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp</i> “nền văn hóa”: không phải một vài tập tục riêng rẽ, mà là cả một nền văn hóa từ ngàn xưa đến hiện tại, mang tính truyền thống, tính lịch sử (“lâu đời”); + Khi dân tộc Việt Nam giành chiến thắng: <i>điều mùa sạ có từ ngày chiến thắng Điện Biên.</i> <u><i>b. Tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam</i></u> <u>Phân tích câu văn:</u><i>Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí:</i> + Câu văn giàu nhịp điệu: có 4 đoạn ngắt, mỗi đoạn ngắt được kết thúc lần lượt bằng các thanh B – T (bằng – trắc) tạo nên nhịp điệu; + Sử dụng các từ ngữ giàu tính biểu cảm: “tất cả”. “Tất cả”: cuộc sống, gia đình, văn hóa, v.v... Tre là vũ khí bảo vệ <i>Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.</i> Câu văn có sử dụng nhịp điệu kết hợp với từ ngữ khẳng định giá trị của tre và cho thấy cảm xúc của người viết, khơi lên cảm xúc nơi người đọc.

HSKT: Em hãy chỉ ra một vài chi tiết cho thấy tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng NV5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy chỉ ra những hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai? + Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam? HSKT: Em hãy chỉ ra một hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	Tre là: + vũ khí + đồng chí chiến đấu + cái chông tre sông Hồng + chống lại sắt thép quân thù (chú ý: tre: vật liệu tự nhiên, thô sơ >< sắt thép: những vật liệu để làm vũ khí cao cấp hơn) + tre xung phong vào xe tăng; + tre hi sinh để bảo vệ con người; + gậy tầm vông dựng Thành đồng Tổ quốc; + anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu. <u>c. Vị trí của tre trong tương lai</u> - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau; tin tưởng vào truyền thống văn hóa: <i>uống nước nhớ nguồn</i>. + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được; + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam

GV quan tâm, nhắc nhở các bạn trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV khuyến khích HSKT trình bày. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn- Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Cây tre Việt Nam”? Ý nghĩa của văn bản. HSKT: ghi một vài ý thể hiện nội dung của văn bản theo cách cảm nhận của bản thân. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết. 2. Nội dung Văn bản thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;

cần) cho nhóm bạn. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

b. Nội dung: Em hãy tìm một bài ca dao, thơ về cây tre mà em biết

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

? Hãy tìm một số bài ca dao hoặc bài thơ về cây tre mà em biết?

HSKT: Hãy tìm một bài ca dao hoặc bài thơ về cây tre mà em biết?

- HS làm bài, báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về cây tre.

HSKT: Viết một vài câu theo cảm nhận của bản thân.

- HS làm bài, báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Vẽ tranh về hình ảnh cây tre Việt Nam.

b. Nội dung: Hình ảnh cây tre Việt Nam.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyên giao nhiệm vụ: HS vẽ hình ảnh cây tre Việt Nam

- HS vẽ, báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại nội dung bài đã học.

- Tìm đọc thêm bài thơ: “Tre VN” của Nguyễn Duy; bài “Cây tre bạn đường” của Nguyễn Tuân.

- Chuẩn bị bài mới : Thực hành Tiếng việt.

Phiếu số 1: Vẻ đẹp của cây tre được thể hiện như thế nào? Thể hiện phẩm chất gì của con người Việt Nam?

Hình dáng	Màu sắc	Môi trường

Phiếu số 2: Hình ảnh cây tre gắn bó với con người Việt Nam được thể hiện ở những phương diện nào?

Trong đời sống sinh hoạt, lao động	Trong chiến đấu	Trong đời sống tinh thần

TIẾT 51 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Nhận diện biện pháp tu từ hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ. Bước đầu sử dụng hoán dụ trong việc viết đoạn văn, bài văn.

HSKT: Nhận diện biện pháp tu từ hoán dụ

Nhận diện biện pháp tu từ hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động:

a) Mục tiêu:

- Giúp hs ôn lại các biện pháp tu từ đã học.

b) Nội dung:

- HS xem video “Con chim vành khuyên”. GV yêu cầu hs chỉ ra biện pháp tu từ có trong bài hát. HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

- + GV chuyển giao nhiệm vụ:
- GV cho học sinh cùng xem video bài hát “Con chim vành khuyên”

- GV nêu yêu cầu: chỉ ra các biện pháp tu từ mà em đã học có trong lời bài hát?

HSKT: Nêu một biện pháp tu từ mà em đã học có trong lời bài hát?

- HS tiếp nhận nghe và thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Các em ạ, trong bài hát, tác giả có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa và so sánh, khiến hình ảnh chú chim vành khuyên hiện lên thật đáng yêu với bộ lông mượt như tơ óng, và có nét đáng yêu, lễ phép, ngoan ngoãn giống như các bạn nhỏ. Các biện pháp nghệ thuật này các em đã học ở những tiết trước, và hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu rõ hơn về một biện pháp tu từ nữa, đó là biện pháp tu từ hoán dụ.

B. Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: BIỆN PHÁP TU TỪ HOÁN DỤ

a) Mục tiêu:

-HS tìm hiểu về biện pháp tu từ hoán dụ, nhận biết hoán dụ, hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

HSKT: Nhận diện biện pháp tu từ hoán dụ

b) Nội dung:

- Học sinh đọc thông tin trong SGK, hs tìm hiểu khái niệm hoán dụ, GV phát phiếu học tập cho học sinh tiến hành thảo luận 4 nhóm -> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về các kiểu hoán dụ và tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

c) Sản phẩm: - Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV –HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT đọc thầm bằng mắt.	I. Hoán dụ - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ GV nhắc nhở các HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện nhiệm vụ thảo luận. HSKT chỉ nêu hiểu biết về biện pháp tu từ hoán dụ, không nêu các kiểu hoán dụ. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp: + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể; + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng; + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật; + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

Hoạt động 2: NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

a) Mục tiêu: Giúp HS

Hiểu được thành ngữ và nghĩa của thành ngữ

HSKT: Hiểu được thành ngữ

b) Nội dung: sử dụng kỹ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về thành ngữ. GV cùng HS trong nhóm quan tâm, giúp đỡ HSKT. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	II. Thành Ngữ: là cụm từ cố định, khó thay đổi, thường hiểu theo nghĩa bóng.

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV động viên HSKT trình bày kết quả. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.	

C. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu:

- củng cố, khắc sâu kiến thức về hoán dụ, các kiểu hoán dụ, tác dụng của việc sử dụng hoán dụ, thành ngữ.
- Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập.

HSKT thực hiện 1/3 yêu cầu.

b) Nội dung:

- HS quan sát và đọc đề bài, hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu của GV

c) Sản phẩm:

- Bài làm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Hoàn thành trước các bài tập 1, bài tập 3 SGK trang 99 – 100;	II. Bài tập Bài tập 1 SGK trang 99 – 100 a. <i>Nhắm mắt xuôi tay</i> nói đến cái chết. b. <i>Mái nhà tranh, đồng lúa chín</i> thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.

HSKT thực hiện theo khả năng của mình, GV cùng các bạn trong nhóm quan tâm, giúp đỡ em. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 2 SGK trang 100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	c. <i>Áo com cửa nhà</i> nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. Bài tập 2 SGK trang 100 a. - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa <i>Đời cha ông với đời tôi</i> cũng xa như <i>con sông với chân trời</i>. Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách. b. - Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre chống lại sắt thép quân thù; Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người. Bài tập 3 SGK trang 100 <i>Đẽo cày theo ý người ta</i> <i>Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i> Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường; Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả.

D. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Tre già măng mọc là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy viết một đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.

HSKT viết một vài câu theo cảm nhận.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) miêu tả vẻ đẹp quê hương em, trong đoạn văn có sử dụng phép hoán dụ.

- Nắm khái niệm hoán dụ, nhận biết được tác dụng của hoán dụ.

- Chuẩn bị bài mới: Trả bài KT giữa HKI

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
a	<i>Suốt một đời người từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay nằm trên chiếc giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.</i> - Ý nghĩa:.....
b	<i>Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.</i> - Ý nghĩa:
c	<i>Thị thơm thị giầu người thơm</i> <i>Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.</i> - Ý nghĩa:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
a	<i>Đời cha ông với đời tôi</i> <i>Như con sông với chân trời đã xa.</i> - Biện pháp: - Tác dụng:
b	<i>Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.</i> - Biện pháp: - Tác dụng:

TIẾT 52 TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Phân tích một số yêu cầu đối với một bài thơ lục bát, các bước làm bài thơ lục bát.

HSKT: **Nắm được thể thơ lục bát về số tiếng trong các dòng thơ, gieo vần trong thơ lục bát.**

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Tự hào và yêu quý thể thơ dân tộc, từ đó làm sâu sắc tình yêu quê hương đất nước.
- Làm thể giới tình cảm thêm sâu sắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn, vở ghi.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: GV hỏi:

Bài ca dao số 1 và 2 thuộc “ Chùm ca dao về quê hương đất nước” thuộc thể thơ nào?

Đọc phần Tri thức Ngữ văn, nêu hiểu biết về thể thơ đó (Thể thơ, Đặc điểm, Số tiếng, Vần, Thanh điệu, Nhịp.)

HSKT: Bài ca dao số 1 và 2 thuộc “ Chùm ca dao về quê hương đất nước” thuộc thể thơ nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Quan sát hai bài ca dao và phần Tri thức Ngữ văn.
- Suy nghĩ cá nhân.
- HS chỉ rõ đặc điểm thể thơ lục bát.

GV:

- Chiếu lên màn hình hai bài ca dao và đặc điểm thể thơ lục bát.
- Dự kiến những khó khăn học sinh có thể gặp phải để giúp các em tìm ra đáp án chính xác.

VD: Giải thích hệ thống thanh điệu tiếng Việt: gồm 6 thanh: sắc, hỏi ngã, nặng, ngang, huyền

Thanh bằng: huyền và ngang.

Thanh trắc: còn lại.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

- HS trả lời

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS

- Kết nối với mục “Tập làm một bài thơ lục bát”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Theo em, yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát là gì? - GV gợi ý: + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không? + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào? HSKT: Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không?	1. Yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát - Đúng luật của thơ lục bát; - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành; - Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Thực hành tập làm một bài thơ lục bát theo các bước

- Mục tiêu: Nắm được cách làm một bài thơ lục bát.
- Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: GV gọi học sinh đọc phần Khởi động viết. 1. Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm để hoàn thiện hai khổ thơ: Tiếng chim vách núi nhỏ dần Rì rầm tiếng suối khi khi xa Ngoài thềm rơi chiếc lá Tiếng rơi rất mỏng như rơi nghiêng. (Trần Đăng Khoa)	<u>1. Khởi động viết</u> 1. Tập gieo vần Bài thơ của Trần Đăng Khoa: - gần. - đa. -là. Đoạn thơ của Tố Hữu: non. con.

Tre già yêu lấy măng Chắt chiu như mẹ yêu tháng ngày Mai sau con lớn hơn thầy Các con ôm cả đất tròn. (Tố Hữu) 2. Quan sát bức tranh sau, xác định chủ đề của bài thơ. HSKT hoàn thành khổ thơ thứ nhất. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc hai khổ thơ trong sgk – 109, 110. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. - HS đọc phẩm Thực hành viết. - Tiến hành thảo luận 7’ để tạo câu thơ đầu tiên. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) (yêu cầu 1, 2) - Các nhóm thi đua làm thơ theo tổ. + GV lựa chọn câu lục hay nhất. + Nhóm tiếp theo đến lượt làm câu bát. Mỗi nhóm có 5’ để suy nghĩ tạo câu thơ. Nếu sau 5’ không làm được sẽ bị mất quyền, quyền chơi thuộc về nhóm tiếp theo.	non sông 2.Xác định đề tài. Chủ đề bức tranh: đất nước Việt Nam / Việt Nam tươi đẹp <u>2.Thực hành viết</u> Bài thơ: Việt Nam tươi đẹp. <u>3. Chỉnh sửa</u>

Lần lượt các nhóm sẽ bàn bạc để tạo câu thơ phù hợp cả về nội dung và hình thức.

Nhóm nào làm được nhiều câu sẽ thắng cuộc.

-Cuối cùng GV tổ chức cho học sinh thi đặt nhan đề cho bài thơ.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS, công bố nhóm thắng cuộc và phần thưởng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Dựa vào phiếu chỉnh sửa, hãy chỉnh sửa lại bài thơ của em cho hoàn chỉnh.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

- Cho HS quan sát máy chiếu một bài thơ lục bát, đọc và phân tích đặc điểm....

- HS tìm một số văn bản thuộc thể thơ lục bát mà em biết? Giải thích tại sao em xác định đó là thể thơ lục bát.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân- HS nhận xét, giáo viên đánh giá, bổ sung.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

- a. Mục tiêu: Suu tầm một số bài thơ lục bát.
- b. Nội dung: Các bài thơ lục bát.
- c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:
 - * GV chuyển giao nhiệm vụ:
 - Yêu cầu HS trình bày
 - HS tìm một số bài thơ thuộc thể thơ lục bát.
 - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân
 - HS nhận xét, giáo viên đánh giá, bổ sung, kết luận.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học Các yêu cầu và các bước tiến hành làm một bài thơ lục bát.
- Chuẩn bị bài mới: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT
- + Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK

NS:25/11/2023

TUẦN 14 (TIẾT 53-56)

NG:4-8 /12/2023

TIẾT 53: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

TIẾT 54: THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT. ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

TIẾT 55 NÓI VÀ NGHE : TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

TIẾT 56 BÀI 3 : NHỮNG Nẻo ĐƯỜNG XỨ SỞ

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

TIẾT 53: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết.

HSKT: Nhận biết nội dung văn bản.

- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

HSKT viết được một vài câu.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống (thể thơ dân tộc).

- Chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu nhiều bài thơ lục bát hay.

- Trách nhiệm: Giữ gìn, lưu truyền thể thơ của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a) Mục tiêu: HS nhớ lại những câu thơ lục bát đã học từ tiết trước.
- b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi điền khuyết. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức trò chơi: Điền khuyết

GV chia lớp làm 4 đội, chiếu những câu thơ lục bát đã học ở những tiết trước còn khuyết một số từ, hs hoàn thiện những câu lục bát bằng việc bấm chuông. Đội nào có nhiều câu trả lời đúng dành chiến thắng.

GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện yêu cầu.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta đã được học và được đọc rất nhiều bài thơ lục bát, những hình ảnh, ngôn từ và nhạc điệu của mỗi bài thơ khiến chúng ta xao xuyến, rung động. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ ghi lại cảm nhận của mình về một bài thơ lục bát mà chúng ta yêu thích.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1:

- a) Mục tiêu:
 - HS tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;
 - HS xác định đề tài, tìm ý và lập dàn ý;
 - HS viết bài dựa trên dàn ý đã lập, chỉnh sửa bài viết đảm bảo.

HSKT: tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; viết được một vài câu theo yêu cầu

b) Nội dung:

Học sinh đọc thông tin trong SGK, trả lời câu hỏi của GV, GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm thảo luận hoàn thành các yêu cầu trong phiếu học tập số 1-> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Học sinh tham khảo bài viết trong SGK, phát phiếu học tập cho học sinh tiến tìm ý và lập dàn ý

-> Thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để xác định đề tài, tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SGK.

+ Làm việc nhóm đôi, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài cho nhau theo mẫu phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi cho HS: + Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả? + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? * HS tiếp nhận nhiệm vụ. - HS làm việc cá nhân. HSKT: Nêu một yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát? - HS báo cáo kết quả. GV khuyến khích HSKT trả lời, tuyên dương em trước lớp. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	I. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát - Giới thiệu được bài thơ, tác giả (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. - GV chuyển giao nhiệm vụ: + GV yêu cầu HS đọc văn bản trong SGK. <i>GV sử dụng ti vi: Cho HS quan sát nhiệm vụ trên màn hình. Phát phiếu học tập.</i> <i>GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm thảo luận hoàn thành các yêu cầu trong phiếu học tập số 1</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện yêu cầu. Em có thể thực hiện một phần nhỏ của yêu cầu. + HS trao đổi, thảo luận nhóm. + HS báo cáo kết quả thảo luận. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. ? Trình bày những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát? - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ. - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao nào? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Đoạn văn gồm mấy câu, hình thức đoạn như thế nào? 2. Câu nào giới thiệu tác giả bài ca dao? 3. Những câu nào nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao. Em hãy tái hiện lại nội dung ấy?	II. Phân tích bài viết tham khảo - Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao: “Anh đi anh nhớ quê nhà” - Đoạn văn gồm 7 câu. Hình thức tính từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng. - Câu 1: Giới thiệu tác giả. - Câu 2: Cảm nhận về nội dung.

4. Những câu nào nêu cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật của bài ca dao. Chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật ấy? GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời. GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện yêu cầu: Đoạn văn gồm mấy câu? Câu nào giới thiệu tác giả bài ca dao? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm. B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét	- Câu 3, 4, 5, 6,7 : cảm nhận về hình ảnh, ngôn từ, biện pháp nghệ thuật.

+ Câu trả lời của HS +Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau									
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chiếu bài ca dao lên bảng. <i>Trong đầm gì đẹp bằng sen</i> <i>Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng</i> <i>Nhị vàng bông trắng lá xanh</i> <i>Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.</i> Phát phiếu tìm ý số 2 Gọi HS đọc bài ca dao ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý. ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện nhiệm vụ: trả lời câu hỏi thứ nhất trong phiếu học tập. GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.	III. Thực hành viết 1. Trước khi viết a) Lựa chọn bài ca dao b) Tìm ý <table border="1" data-bbox="977 730 1572 1236"> <tr> <td>Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?</td><td></td></tr> <tr> <td>Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - <u>Mở đoạn</u> giới thiệu bài ca dao. - <u>Thân đoạn</u>: Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao. + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao. + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao. + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ....	Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?		Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?		Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?		Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?	
Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?									
Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?									
Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?									
Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?									

- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của theo bảng đánh giá rubic. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	- <u>Kết đoạn</u>: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao. 2. Viết bài - Viết đoạn văn theo dàn ý. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết của mình cho phù hợp, hay.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh.

c) Sản phẩm:

- Bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV gọi một số học sinh đọc bài viết, GV nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Rèn kĩ năng viết đoạn văn cho học sinh.
- Nội dung: Em hãy viết một đoạn văn (7-10 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao
- Sản phẩm: Đoạn văn mà HS đã viết.
- Tổ chức thực hiện:
 - GV chuyển giao nhiệm vụ:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Em hãy viết một đoạn văn (7-10 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao trên.

HSKT viết một vài câu.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Trình bày trước lớp.
- HS nhận xét.
- Giáo viên đánh giá, bổ sung (sử dụng công cụ rubrics).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình.
- Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.
- + Suu tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.
- Chuẩn bị bài Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; Đánh giá và sửa bài.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Văn bản trong SGK viết về bài cao dao nào? Bài ca dao ấy được viết theo thể thơ nào?

.....
.

	
Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung từng phần?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên:..... Lớp:

Nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát bằng cách trả lời (vào cột phải) các câu hỏi gợi ý (ở cột trái).

Nhan đề bài thơ là gì? Tác giả là ai?	
Em có cảm xúc gì khi đọc bài thơ?	
Nội dung của bài thơ có gì đặc biệt?	
Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu được bài thơ (câu thơ, bài ca dao) chưa?

.....

2. Bài viết có nêu được cảm xúc của người viết đối với bài thơ (câu thơ, ca dao,...)

3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).

HỒ SƠ DẠY HỌC

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Phiếu học tập	

TIẾT 54 THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết.
- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

HSKT viết được một vài câu theo yêu cầu.

- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống (thể thơ dân tộc).
- Chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu nhiều bài thơ lục bát hay.
- Trách nhiệm: Giữ gìn, lưu truyền thể thơ của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a) Mục tiêu: HS nhắc lại bố cục của một đoạn văn ghi lại cảm xúc của một bài thơ lục bát.
- b) Nội dung: GV cho HS chọn đáp án đúng. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức thực hiện bài tập nhanh:

GV trình chiếu các bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng.

GV khuyến khích HSKT trả lời.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chiếu bài ca dao lên bảng. Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.	III. Thực hành viết 1. Trước khi viết a) Lựa chọn bài ca dao b) Tìm ý

Phát phiếu tìm ý số 1 Gọi HS đọc bài ca dao ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý. -Sửa lại bài sau khi đã viết xong B2: Thực hiện nhiệm vụ GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện nhiệm vụ: Nhan đề bài thơ là gì? Tác giả là ai? GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn theo phiếu học tập số 2. B4: Kết luận, nhận định (GV)	Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?	
	Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?	
	Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?	
	Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?	

c) Lập dàn ý

- Mở đoạn giới thiệu bài ca dao.
- Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao.
 - + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao.
 - + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao.
 - + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ....
- Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao.

2. Viết bài

- Viết đoạn văn theo dàn ý.

3. Chỉnh sửa bài viết

- Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa.

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết của mình cho phù hợp, hay.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh.

c) Sản phẩm:

- Bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV gọi một số học sinh đọc bài viết, GV nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh.

b) Nội dung: Em hãy viết một đoạn văn (10-12 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao

c) Sản phẩm: Đoạn văn mà HS đã viết.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

“Nhiều điều phải lấy giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng”

Em hãy viết một đoạn văn (10 -12 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao trên.

HSKT viết một vài câu theo hướng dẫn của GV

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Trình bày trước lớp.
- HS nhận xét.
- Giáo viên đánh giá, bổ sung (sử dụng công cụ rubrics).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình.
- Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.
- + Suu tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.
- Hoàn thành phần củng cố, mở rộng / SGK – 106
- HS chuẩn bị: Trình bày suy nghĩ về tình vắm của con người với quê hương.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên:..... Lớp:

Nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát bằng cách trả lời (vào cột phải) các câu hỏi gợi ý (ở cột trái).

Nhan đề bài thơ là gì? Tác giả là ai?	
Em có cảm xúc gì khi đọc bài thơ?	
Nội dung của bài thơ có gì đặc biệt?	
Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu được bài thơ (câu thơ, bài cao dao) chưa?

.....
2. Bài viết có nêu được cảm xúc của người viết đối với bài thơ (câu thơ, ca dao,...) chưa?

.....
3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

.....
4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

.....
5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).

TIẾT 55 NÓI VÀ NGHE : TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Lập dàn ý bài viết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương

HSKT viết được một vài ý

- Với tư cách là người nói, HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương sao cho hấp dẫn và thuyết phục.
- Với tư cách là người nghe, HS biết cách lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác tư tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Yêu quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: Chuẩn bị dàn ý cho bài nói, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

GV khuyến khích HSKT trình bày.

Dự kiến câu trả lời: HS có thể ấn tượng với:

- Phong cảnh thiên nhiên quê hương
- Món ăn truyền thống của quê hương
- Lời ăn tiếng nói của con người quê hương.

GV dẫn dắt vào bài: Tình cảm của mỗi con người với quê hương- nơi chôn nhau cắt rốn là tình cảm thiêng liêng. Nhưng để cất lên thành lời để bày tỏ cho mọi người thì không phải ai cũng làm được. Có người dấu nhem trong tim, để đôi lúc rung rung thổn thức...Tình yêu quê hương là tình cảm tha thiết, sâu lắng và luôn tràn đầy trong tim mỗi người. Hôm nay, chúng ta sẽ tập nói và nghe những suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương nhé!

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Chuẩn bị bài nói

Trước khi nói: Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình: - Em sẽ lựa chọn đề tài nào? GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện nhiệm vụ: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:	1. Chuẩn bị nội dung nói Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày). Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói - Xác định đề tài: - Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp: + Nêu vấn đề: <i>Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương</i> (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người) + <i>Các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với quê hương</i> (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...) + Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con

+ HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Em hãy tự tập luyện bằng cách: - Đứng trước gương để tập trình bày ý kiến về một vấn đề - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt.... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói. - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.	người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...) Bước 3: Luyện tập và trình bày. + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân) + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày. Bước 4: Trao đổi, đánh giá. * Bảng tự kiểm tra bài nói. <table border="1" data-bbox="711 821 1430 1841"> <thead> <tr> <th>Nội dung kiểm tra</th><th>Đạt/ chưa đạt</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa.</td><td></td></tr> <tr> <td>- Mở bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ.</td><td></td></tr> <tr> <td>- Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề</td><td></td></tr> <tr> <td>- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn.</td><td></td></tr> <tr> <td>- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn.</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt	- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa.		- Mở bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ.		- Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề		- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn.		- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn.	
Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt												
- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa.													
- Mở bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ.													
- Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề													
- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn.													
- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn.													

	Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói.		

2. Trình bày bài nói

- Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.
- Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.
- Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:Gọi một số - HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV khuyến khích HSKT nói một vài câu theo cảm nhận cá nhân. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. - Giới thiệu rõ vấn đề định nói. - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những ý chính cần trình bày trong bài như: Biểu hiện, tác dụng, mong muốn của bản thân về vấn đề được nói. - Lấy những dẫn chứng về biểu hiện của tình cảm với quê hương làm minh chứng điều mình nói. - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói). - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc.	2. Trình bày bài nói

- Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày). - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp. - Tương tác cùng người nghe.	

3. Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: HS được rèn kỹ năng đánh giá bài nói, kỹ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói trước tập thể

b. Nội dung: HS chất lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Phiếu đánh giá bài nói .

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gọi một số - HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công *Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	3. Đánh giá bài nói - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm; giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn; trao đổi với bạn về những ý kiến khác biệt. - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục. - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

NHÓM.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa	Chưa có vấn đề để nói	Có vấn đề để nói nhưng chưa hay	Có vấn đề để nói ấn tượng
2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề	Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề.	Nội dung vấn đề hay, phong phú, hấp dẫn
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức trong bài học ở các văn bản *Chùm ca dao về quê hương đất nước*, *Chuyện cổ nước mình*, *Cây tre Việt Nam*.

- HS biết mở rộng phạm vi đọc và tìm hiểu các VB ngoài sách có cùng chủ đề, thể loại.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ**

- GV chiếu lên màn hình phiếu học tập hoặc phát phiếu học tập cho HS.

1. Em hãy điền thông tin ngắn gọn theo mẫu.

- HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

2. Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát.

GV và HS trong nhóm giúp đỡ HSKT thực hiện một phần yêu cầu.

*** HS thực hiện nhiệm vụ**

*** Báo cáo sản phẩm.**

*** Nhận xét và chuẩn kiến thức.**

*** Phiếu học tập:**

Văn bản Đặc điểm	<i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>	<i>Chuyện cổ nước mình</i>	<i>Chuyện cổ nước mình</i>
<i>Biện pháp tu từ nổi bật</i>			
<i>Tình cảm, cảm xúc của tác giả</i>			

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hoàn chỉnh bài nói khi ở nhà.

- Chuẩn bị cho chủ đề tiếp theo: Những nẻo đường xứ sở.

TIẾT 56 BÀI 3 : NHỮNG NỎ ĐƯỜNG XỨ SỞ
GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).

HSKT nắm được thể kí.

Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo tình huống/ vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

b. Nội dung hoạt động:

- GV phát phiếu, HS điền tên địa danh mình muốn trải nghiệm, khám phá

c. Sản phẩm: phiếu đã được HS điền tên địa danh mình muốn trải nghiệm, khám phá cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV phát cho mỗi HS một tờ giấy nhỏ (nhiều màu càng tốt) và yêu cầu:

Em hãy viết ra tờ giấy này tên một địa danh (một vùng quê, một vùng đất, một hòn đảo, hoặc bất cứ một nơi nào) em muốn đến, muốn tìm hiểu, khám phá.

Sau đó, cho các em gấp thành hình máy bay.

GV đếm 1, 2, 3. Đến số thứ 3 thì tất cả lớp cùng phi chiếc máy bay của mình đến bất cứ chỗ bạn nào mà em muốn nói điều đó, hoặc phi tự do trong lớp.

GV yêu cầu mỗi em nhặt chiếc máy bay gần mình nhất, và đọc tên vùng đất bạn em muốn đến.

GV yêu cầu 5-7 HS được đọc, còn lại, GV sẽ thu lại về đọc sau (không để giấy ra lớp học)

GV hỗ trợ HSKT hoàn thành nhiệm vụ

Từ những địa danh HS đọc lên, GV kết nối vào bài học: Thế giới thật rộng lớn nhưng những bước chân của con người lại nhỏ bé. Nhưng con người lại luôn có ước mơ khám phá, tìm hiểu những nẻo đường, những chân trời mới, và không phải ai cũng thực hiện ngay được. Văn học sẽ giúp chúng ta khám phá những chân trời mới, mở rộng tầm nhìn, để mỗi con người được hòa nhập mình với thế giới rộng lớn. Cô hi vọng với các VB ở bài 5, các em sẽ được đến, khám phá những nẻo đường mới mẻ của đất nước, để các em biết rằng đất nước Việt Nam của chúng ta rộng lớn và xinh đẹp như thế nào nhé!

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

a. Mục tiêu:

- HS nắm được chủ đề, nội dung của bài học.
- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thể kí, du kí.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về kí

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ: HS tự đọc phần giới thiệu bài học. Trình bày cách hiểu của em về phần bài học số 5: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là nội dung nào? - Qua phần đọc các VB trong bài, em hiểu được những nẻo đường xứ sở nhằm hướng tới nội dung gì? HSKT đọc thầm bằng mắt và trả lời: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo bàn. Trình bày trong nhóm bàn, rồi đứng lên trình bày trước lớp Bước 3. Đánh giá kết quả. Bước 4. Chuẩn kiến thức. Bước 1. GV giao nhiệm vụ Yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK trang 104 - Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng điều gì? Các tác phẩm kí thường viết để làm gì? - Trong kí, người kể chuyện thường ở ngôi thứ mấy? Người kể chuyện có vai trò gì? - Trình tự kể của các VB kí thường sắp xếp các sự việc theo trình tự nào?	I. Giới thiệu bài học - Chủ đề bài học hướng tới: Những nẻo đường xứ sở + Nội dung chủ đề gồm các VB viết về những nẻo đường, những xứ sở mới. Từ đó, bài học giúp chúng ta tạo niềm hứng khởi khám phá những nẻo đường xứ sở, tìm hiểu những chân trời mới qua các tác phẩm văn học. - Thẻ kí văn học: là thể loại chính được học trong bài. Chúng ta sẽ được du ngoạn, khám phá vẻ đẹp của những miền đất mới nhờ vào những trang ghi chép của các tác giả. II. Tìm hiểu chung về kí 1. Kí - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực. - Trong kí có: + kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. + Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;

- Vậy em đã từng viết một văn bản nào thuộc thể kí chưa, hãy chia sẻ. HSKT: Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng điều gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi để nhận biết những yếu tố cơ bản của thể kí Bước 3. Đánh giá kết quả. Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV có thể gợi mở những hình thức quen thuộc của thể kí: như nhật kí	- Ngôi kể thư nhất: với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. - Trình tự kể: theo trình tự thời gian. - Kí có nhiều loại: kí sự, phóng sự, du kí, hồi kí... 2. Du kí - Du kí là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày.

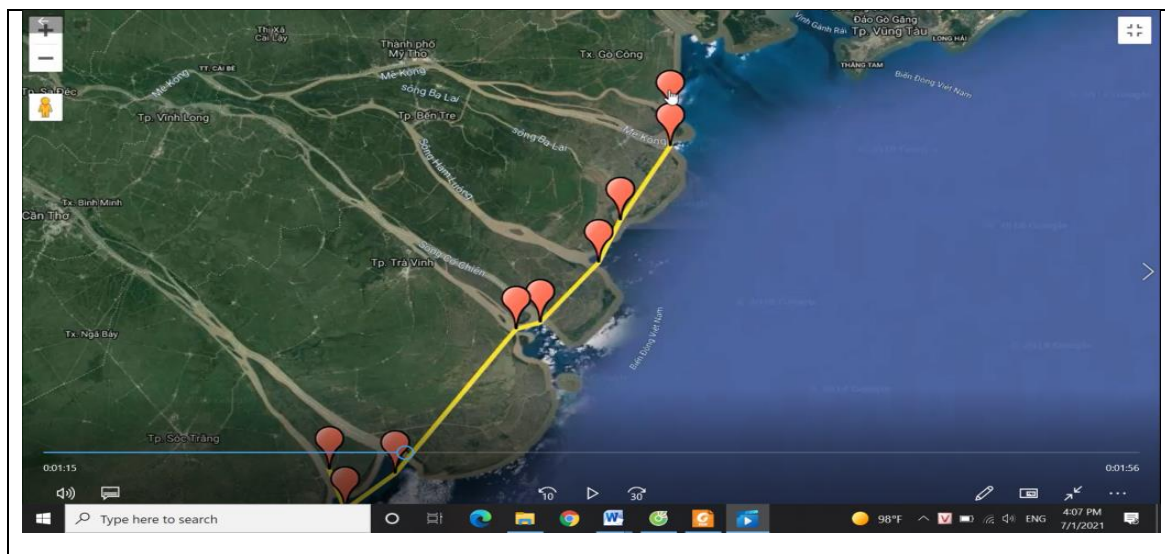
- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được câu hỏi cần tìm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, xem video *Chín cửa sông đổ ra từ sông Mê Công*, suy nghĩ cá nhân và trả lời.



c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của đoạn phim: Các nhánh của sông, cuộc sống của người dân miền Tây gắn với con sông Cửu Long.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

1. Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của đoạn phim? Đoạn phim gợi cho em cảm xúc gì?

2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:

? Hãy kể tên một số địa danh mà em đã được đến thăm? Em thích nhất địa danh nào?

? Giới thiệu những ghi chép, trải nghiệm của cá nhân em trong một chuyến tham quan?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

1. HS quan sát video và nêu suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát.

2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn

3. HS làm việc cá nhân 2', nhóm 5'

- + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.
- + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ: Hãy kể tên một số địa danh mà em đã được đến thăm? Em thích nhất địa danh nào?

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS: - Trả lời câu hỏi của GV.

- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức.
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm kĩ các kiến thức về tri thức ngữ văn.
- Đọc và chuẩn bị bài Cô Tô.

NS:9/12/2023

TUẦN 15 (TIẾT 57-60)

NG:11-15 /12/2023

TIẾT 57.58: CÔ TÔ

(Nguyễn Tuân)

TIẾT 59

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 60:

HANG ÉN

TIẾT 57.58: CÔ TÔ

(Nguyễn Tuân)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, tự tin trao đổi về các vấn đề trong bài học.
- Cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, biết viết đoạn văn liên quan đến văn bản.

HSKT: Nhận biết nội dung văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Biết viết đoạn văn liên quan đến văn bản.

HSKT viết được một vài câu.

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Tự hào về vẻ đẹp của vùng biển đảo thân yêu của Tổ quốc.
- Nhân ái: Biết yêu mến và bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên.
- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học để nâng cao nhận thức...
- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp của quê hương đất nước tới bạn bè và mọi người xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Tuân và văn bản “Cô Tô”
- Ti vi, kế hoạch bài dạy
- Giấy A1 để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu hình ảnh của đảo Cô Tô.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:
 - + Kể tên những nơi em từng được đến tham quan. Chia sẻ một số điều mà em quan sát được từ những chuyến đi đó?
 - + Chiếu bản đồ Việt Nam. Học sinh quan sát và tìm quần đảo Cô Tô trên bản đồ.
 - + Chiếu một số hình ảnh về đảo Cô Tô. Hãy giới thiệu về vị trí, đặc điểm của Cô Tô?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ và trả lời câu hỏi.

HSKT: Kể tên những nơi em từng được đến tham quan.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản Cô Tô (Nguyễn Tuân).

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu:

- Nắm được thông tin chính về nhà văn Nguyễn Tuân.
- Biết được những nét chung của văn bản (thể loại, ngôi kể, bố cục...)

HSKT nắm được thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.
- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Tuân? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	- Nguyễn Tuân (1910 – 1987) - Quê: Hà Nội - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. - Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: <i>Vang bóng một thời</i> (tập truyện ngắn), <i>Sông Đà</i> (tùy bút),...

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
	2. Tác phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn và yêu cầu HS: + Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang; + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bão biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo,...); + Dựa vào phân tri thức ngữ văn đã học, em hãy nêu thể loại và phương thức biểu đạt của VB; + Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì? Gợi ý: Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà	- <i>Cô Tô</i> được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập <i>Kí</i> , xuất bản lần đầu năm 1976. - Thể loại: Kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả. - Bố cục: 4 phần + Từ đầu... <i>quỷ khóc thần linh</i> : Con bão biển Cô Tô;

văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào? GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ: nêu thể loại của văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... lớn lên theo mùa sóng ở đây: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô); + Mặt trời... nhịp cánh: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo); + Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Liệt kê được những địa danh, nhân vật xuất hiện trong đoạn trích; thấy được cái nhìn rất độc đáo của tác giả về cơn bão biển.
- Vẻ đẹp của Cô Tô sau khi cơn bão đi qua, khi mặt trời lên, cuộc sống của người dân trên đảo Cô Tô và tình yêu của tác giả với thiên nhiên và con người nơi đây.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ở ngôi kể thứ nhất trong đoạn trích Cô Tô. Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích, các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc.

HSKT: Liệt kê được những địa danh, nhân vật xuất hiện trong đoạn trích.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ cá nhân, HS tiếp thu kiến thức để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá văn bản 1. Sự dữ dội của trận bão	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy kể tên những địa danh, nhân vật được xuất hiện trong đoạn trích? + Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả có chủ ý miêu tả trận bão giống như một trận chiến? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: + Em hãy kể tên những địa danh, nhân vật được xuất hiện trong đoạn trích?	- Những địa danh: Tô Trung, Tô Bắc, Tô Nam, Thanh Luân, đồn Khố Xanh - Nhân vật: anh hùng Châu Hòa Mãn, chị Châu Hòa Mãn. - Các danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận; - Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trời đất trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn; - Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước -> không gian rộng, bao la -> cho thấy sức gió mạnh, đẩy con người ra đi rất xa;

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV có thể bổ sung thêm: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, miêu tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ Hán Việt tinh anh (liên hệ với VB <i>Người lái đò sông Đà</i>).	- Các từ, cụm từ Hán Việt: hỏa lực, thủy tộc, quỷ khốc thần linh -> tăng màu sắc kì quái cho cơn bão. - Biện pháp so sánh: + mỗi viên cát như viên đạn mũi kim -> bắn vào má; + gió như người bắn: chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn; + sóng như vua thủy; + gió rú rít như quỷ khốc thần linh => so sánh làm nổi bật sự kì quái, rùng rợn của những trận gió. - Thủ pháp tăng tiến: <i>Gác đảo nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn [...] như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh:</i> + Từ vây => dồn => bung hết, ép => vỡ tung => Thủ pháp tăng tiến miêu tả sức mạnh và hành động của cơn gió, làm cho hình ảnh sống động như thật; + “càng”: cấp độ được tăng thêm => Từ miêu tả những cửa kính bị vỡ => miêu tả tiếng gió “ghê rợn” => so sánh với hình ảnh kì quái, sử dụng từ Hán Việt: “quỷ khốc thần linh”. => Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận => diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão => Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão. => Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.
Tiết 2	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS: + Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)?	2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão yên ả, tinh khôi - Cụm tính từ, động từ - Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng >< cảnh bão trời – trắng mù mù - Núi đảo, nước biển – Xanh mượt, lam biếc đậm đà - Cát – vàng giòn

+ Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh trong kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc? + Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô...theo mùa sóng ở đây.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ, trả lời những gì em tìm hiểu được: <i>Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)?</i> Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Cá – trong bão: biệt tăm biệt tích, bão tan: lưới càng thêm nặng mẻ cá già đôi => tài nguyên phong phú => Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các hình ảnh giàu màu sắc, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô. - Cảm xúc của tác giả: cách dùng từ gần gũi với dân chài: <i>động bão, mẻ cá già đôi, mùa sóng;</i> => Kể bằng hình ảnh trong kí có tác động lớn đến cảm nhận của người đọc.
3. Cảnh mặt trời mọc trên biển, đảo Cô Tô	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển? Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy? - Theo em để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển?	- Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ: + Khi mặt trời chưa nhú lên: chân trời trong, sạch như tấm kính => độ trong, sạch và sáng + Khi mặt trời bắt đầu nhú lên: + mặt trời như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thắm thắm => kết hợp từ mới lạ: hồng hào: chỉ màu sắc, thắm thắm: chỉ độ sâu; + bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh => hình ảnh nên thơ, tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa; => Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ => Tài quan sát, tưởng tượng

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	=> Bức tranh cực kỳ rực rỡ, lộng lẫy về cảnh mặt trời mọc trên biển; - Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngòai rình mặt trời lên => Cách đón nhận công phu và trang trọng => Thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên. - Để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở: + Cảnh và người đc nhìn từ trên cao: nóc đồn kho xanh, từ đầu mũi đảo (bờ đá đầu sù) + Nhìn từ nhiều vị trí khác nhau: toàn cảnh (bốn phương tám hướng), cận cảnh (giếng nước ngọt)=> vừa toát lên vẻ đẹp bao la, hùng vĩ, vừa làm bật lên vẻ đẹp đời thường sôi động mà bình dị của Cô Tô. + Thời gian dịch chuyển theo sự quan sát của nhà văn: bão lúc chiều, lúc đêm; trước bão, trong bão, sau bão, ngày thứ tư, thứ 5, thứ 6, lúc mặt trời chưa mọc, mặt trời mọc, mặt trời cao bằng con sào,... => cách kể theo trình tự thời gian của kí.
4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng? + Kết thúc bài <i>Kí Cô Tô</i> là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hòa Mãn: “Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó địu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.	- Cái giếng nước ngọt giữa đảo; - Rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang, gôm, các thuyền chờ mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để ra khơi đánh cá; - Nước ngọt chỉ để uống, vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt → Nước ngọt rất quý => Nguồn nước ngọt sinh hoạt chính của người dân Cô Tô; => Chi tiết không thể thiếu khi miêu tả Cô Tô - Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh: + Biển cả – người mẹ hiền + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển => Kết thúc bằng tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo

GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Cô Tô”? HSKT: Nêu vài ý về nội dung văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả tinh tế chính xác, giàu hình ảnh, cảm xúc. 2. Nội dung - Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. - Bài văn cho ta thấy được tình cảm của tác giả, những hiểu biết về một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Trong Cô Tô, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cảnh miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).
- HS: hình dung hình ảnh mặt trời lúc mới mọc, từ đó thấy được mối liên hệ giữa sự vật so sánh và sự vật được so sánh.
- HS lí giải tại sao tác giả lại so sánh như vậy.

HSKT: Viết được một vài câu.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống

b. Nội dung: Vẽ tranh, làm thơ, sưu tầm các bài văn viết về cảnh bình minh trên biển.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Lựa chọn và hoàn thành một trong các nhiệm vụ sau:

- + Em hãy tưởng tượng và vẽ tranh về cảnh mặt trời mọc trên biển?
- + Sưu tầm các bài văn, thơ viết về cảnh bình minh trên biển.
- + Sáng tác bài thơ ngắn về bình minh trên biển.
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm vào giờ học sau.

GV gợi ý cho HSKT có thể vẽ tranh ở nhà.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Ghi nhớ các nội dung chính của bài. Hoàn thành phiếu học tập số 1 bài Cô Tô.
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

Phiếu học tập số 1

Nội dung	Đặc điểm chính
1. Sự dữ dội của trận bão.	
2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão	
3. Cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô	
4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô	

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
	Quan sát	Câu hỏi	

Đánh giá thường xuyên	Vấn đáp	Bài tập	
	Sản phẩm học tập	Rubric	
	Hồ sơ học tập		

Rubric (đánh giá đoạn văn phân luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 - 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 - 5 điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung kết, nêu được tác dụng của hình ảnh so sánh	(7 – 8 điểm) - Đã xác định được nội dung kết, nêu được tác dụng của hình ảnh so sánh. Baid viết có sự liên tưởng, tưởng tượng...
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

TIẾT 59

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Học sinh phát huy năng lực sáng tạo trong việc cảm nhận vẻ đẹp của hình ảnh ẩn dụ, so sánh trong tạo lập văn bản.

HSKT: Nắm kiến thức cơ bản về ẩn dụ, so sánh.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Có khả năng tưởng tượng, liên tưởng cảm nhận được giá trị của việc sử dụng ẩn dụ, so sánh.
- HS đọc rõ ràng nội dung bài học, sử dụng so sánh, ẩn dụ trong nói và viết.

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học, rèn luyện để diễn đạt đúng, hay.
- Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy
- Giấy A1 để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết các biện pháp tu từ
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- Tổ chức thực hiện:
 - Ở tiết học trước, trong phần thực hành tiếng Việt, em đã được học các biện pháp tu từ nào, hãy kể tên?
 - Hãy nối các từ ở cột A với các khái niệm ở cột B ở cho phù hợp.

A	B
Ẩn dụ	Đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng, để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
Hoán dụ	Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng.
So sánh	Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương cận
Nhân hóa	Là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt

HSKT: Em hãy kể tên các biện pháp tu từ đã học?

- HS trả lời.
- GV kết nối: Như vậy ở các tiết thực hành tiếng Việt trước, các em đã làm quen các biện pháp tu từ. Hôm nay, tiết thực hành tiếng việt này, chúng ta sẽ tiếp tục củng cố và ôn luyện các kiến thức về phép tu từ nhé!

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

- Mục tiêu: HS củng cố và ôn luyện các kiến thức về phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung đã học bằng hình thức cặp đôi chia sẻ. GV gợi nhắc cho HS nhớ lại kiến thức đã học về biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ GV nêu câu hỏi. Yêu cầu HS trả lời. - Thế nào là so sánh? Lấy ví dụ minh họa. - Nhân hóa là gì? Đọc một câu thơ, câu ca dao...mà em biết có sử dụng phép tu từ nhân hóa. - Ẩn dụ và hoán dụ có điểm gì giống và khác nhau. - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. HSKT: nhắc lại kiến thức về so sánh, nhân hoá theo cách hiểu của mình. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, trình bày cá nhân vào giấy nháp. - Giáo viên: nghe, quan sát, gợi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	I. Nhắc lại lí thuyết. 1. So sánh. 2. Nhân hóa 3. Ẩn dụ. 4. Hoán dụ. Phân biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ: - Điểm giống: gọi tên sự vật hiện tượng này (A) bằng tên sự vật hiện tượng khác (B) - Điểm khác: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Ẩn dụ.</th><th>Hoán dụ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau)</td><td>Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau)</td></tr> </tbody> </table>	Ẩn dụ.	Hoán dụ	Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau)	Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau)
Ẩn dụ.	Hoán dụ				
Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau)	Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau)				

C: VẬN DỤNG- LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về biện pháp tu từ thể hiện cụ thể trong VB Cô Tô.

HSKT thực hiện 1/3 yêu cầu.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
NV1: Bài 1 * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 1 Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài . a. Những từ ngữ in đậm trên các câu trên ngầm chỉ những sự vật nào?	II. Luyện tập Bài 1 SGK trang 114 a. <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ</td><td>mặt trời</td></tr> <tr> <td>mâm bạc</td><td>bầu trời sáng và lấp lánh</td></tr> <tr> <td>Mâm bế</td><td>mặt biển</td></tr> </tbody> </table>	Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ	mặt trời	mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh	Mâm bế	mặt biển
Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ	mặt trời						
mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh						
Mâm bế	mặt biển						

b. Trong những câu trên tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó? GV tổ chức cho HS trò chơi điền từ ngữ vào cột bên phải tương ứng với từ ngữ ở cột bên trái để chỉ ra về ẩn của biện pháp tu từ ẩn dụ GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT xác định được biện pháp tu từ ở bt này. <table border="1"> <tr> <td>quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bê</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>mâm bạc</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>mâm bễ</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>cái chất nén bạc</td><td>..... .</td></tr> </table> * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, trả lời ra phiếu, trình bày - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. NV2: Bài 2 * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 2 Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài - Chỉ ra biện pháp tu từ, tác dụng. HSKT: Tìm một biện pháp tu từ so sánh * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét	quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bê		mâm bạc		mâm bễ		cái chất nén bạc		<table border="1"> <tr> <td>Cái chất nén bạc</td><td>độ sáng và sự lấp lánh</td></tr> </table> b. Phép tu từ ẩn dụ Tác dụng: - Làm cho câu văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển trở nên sinh động, hấp dẫn. - cảnh mặt trời mọc trên biển tuyệt đẹp. Mặt trời mang vẻ đẹp ấm áp, tráng lệ, kì vĩ. Mặt biển bao la trong trẻo, với ánh ban mai tinh khôi. - Ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân. Bài 2 SGK trang 114 a. - Biện pháp tu từ: so sánh. - So sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào - Tác dụng: + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. + Hình ảnh so sánh giúp ta hình dung ra cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô. b. - Biện pháp tu từ : ẩn dụ “trận địa cánh cung”: sự nguy hiểm của bão biển, cát bay mạnh, rất nguy hiểm. “gió tăng thêm hỏa lực”: gió tăng tốc độ, rất mạnh Tác dụng: + Ngầm ví trận bão biển dữ dội như một trận chiến đấu thực sự. Nhấn mạnh tính chất ghê gớm, sự tàn phá của bão biển. + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. Bài 3 SGK trang 114 . Những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB Cô Tô: - Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. - Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.	Cái chất nén bạc	độ sáng và sự lấp lánh
quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bê											
mâm bạc											
mâm bễ											
cái chất nén bạc											
Cái chất nén bạc	độ sáng và sự lấp lánh										

* Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. NV3: Bài 3 * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 3. HSKT: Tìm một câu có biện pháp tu từ so sánh Yêu cầu 1: Trong Cô Tô, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động. Hãy tìm những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản . GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. GV yêu cầu viết câu văn có sử dụng so sánh ra phiếu. Ai viết được nhiều, chính xác sẽ là người chiến thắng. Yêu cầu 2: Nêu tác dụng của phép so sánh trong mỗi trường hợp cụ thể. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. NV4: Bài 4 (nếu không còn thời gian GV hướng dẫn cho HS về nhà làm) * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ.	- Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. * Tác dụng: + Khắc họa vẻ đẹp của biển Cô Tô sau trận bão. + Tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương của tác giả. + Câu văn sinh động, gợi hình, gợi cảm. - Trông chị Châu Hoà Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành. Bài 4 SGK trang 114 * Yêu cầu nội dung : + Thể loại: Miêu tả + Đối tượng: một cảnh đẹp thiên nhiên (dòng sông, cánh đồng, thắng cảnh mà em biết...) - Mở đoạn: Em đã giới thiệu đó là cảnh gì, ấn tượng của em về cảnh đó như thế nào - Thân đoạn: 3- 5 câu văn: + Miêu tả cảnh thiên nhiên: Có những gì nổi bật? + Hình ảnh nào hiện lên trong cảnh thiên nhiên đó. Hình ảnh đó như thế nào? (Màu sắc, đường nét, âm thanh...). Em dùng từ ngữ nào để tái hiện cảnh đẹp này? + Trình tự tả như thế nào? - Kết đoạn: Cảm nghĩ về cảnh thiên nhiên được tả *Hình thức đoạn văn: có dùng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ.

HSKT viết một vài câu có biện pháp so sánh. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời các yêu cầu cần đạt cho đoạn văn (hình thức, nội dung) - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét - HS viết * Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở.	

D.VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Hệ thống và nâng cao kiến thức đã học.

b. Nội dung: Giáo viên nêu yêu cầu, học sinh sưu tầm câu thơ, ca dao, tục ngữ sử dụng biện pháp tu từ đã học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

* GV Yêu cầu HS:

- Hãy tìm các câu thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ mà em đã được học, đọc có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ.

HSKT: Hãy tìm các câu thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ mà em đã được học, đọc có sử dụng biện pháp tu từ so sánh.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. HS nhận xét, giáo viên đánh giá.

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Hoàn thiện các nội dung bài tập vào vở.

* Hướng dẫn tự học:

- Chuẩn bị bài mới: Hang Én

+ HS đọc và tóm tắt văn bản.

+ GV làm phiếu học tập và yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập ở bài Hang Én

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	Quan sát	Câu hỏi	
	Vấn đáp	Bài tập	

	Sản phẩm học tập	Phiếu bài tập	
	Hồ sơ học tập		

Phiếu học tập: Điền từ ngữ ở cột phải tương ứng với các từ ngữ ở cột trái để chỉ ra các sự vật đã ngầm được nhắc đến.

A	B
Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ	
Mâm bạc	
Mâm bễ	
Cái chắt bạc nén	

NS:11/12/2023

TUẦN 16 (TIẾT 61-64)

NG:18-23 /12/2023

TIẾT 61: HANG ÉN

TIẾT62:

TIẾT 63

TIẾT 64

TIẾT 61: HANG ÉN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Cảm nhận được giá trị dung và nghệ thuật của văn bản, trình bày suy nghĩ cảm nhận của bản thân về văn bản, phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề, nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản cụ thể: Cách dùng biện pháp nghệ thuật tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả....

HSKT: cảm nhận được giá trị dung.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*, thảo luận trình

bày được quan điểm của cá nhân, tự tin nói trước nhóm về vấn đề được đưa ra bàn luận.

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: HS yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các khu bảo tồn thiên nhiên nói riêng và tự nhiên nói chung.
- Chăm chỉ: Ham học, có tinh thần tự giác trong học tập, tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ, hữu ích...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

Kế hoạch bài dạy; phiếu bài tập, ti vi, tranh ảnh,Vi deo

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

GV cho HS xem một khu bảo tồn thiên nhiên – nên lấy ở địa phương mình dạy nếu có (3 phút). Em có cảm xúc gì khi xem những hình ảnh ấy (khơi gợi cảm xúc với thiên nhiên: yêu thích, ngỡ ngàng...)

GV khuyến khích HSKT trả lời.

Em thử tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá các khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa từng đặt chân tới.

Trong hoàn cảnh ấy, các em có nhiều cách khám phá thiên nhiên hoang sơ như: lên mạng tìm kiếm vi deo, sưu tầm kiến thức... và một trong những cách thám hiểm mà hôm nay cô bật mí cho cả lớp đó là du lịch qua các VB kí. Vb Hang Én sẽ đưa chúng ta đến với vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng ở Quảng Bình. Hang Én có điểm gì hấp dẫn? Du lịch khám phá hang Én đem lại cho chúng ta những gì thú vị nào? (Chiếu vài hình ảnh về hang Én)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

HSKT: nhận biết vài nét về tác giả, tác phẩm, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

b. Nội dung hoạt động:

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Đọc Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm: Đọc: - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức của người kể, chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng. - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp. - GV lưu ý một số từ khó: Tờ- róc- kinh, hồ điệp, ra ràng, thương hải tang điền... * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. NV2: Tìm hiểu chung Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB (VB do ai viết, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB) - Đối chiếu với đặc điểm thể kí ở phần tri thức ngữ văn thì VB Hang Én có được xếp vào thể du kí không? Vì sao? - Nhân vật tôi đã kể về hành trình khám phá Hang Én theo trình tự nào? - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần?	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Đọc, từ khó 2. Tìm hiểu chung a. Xuất xứ: - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020 - Tác giả: Hà My. b. Thể loại: du kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Ngôi kể thứ nhất: “Tôi” là tác giả - Trình tự kể: + Không gian: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én. + Thời gian: từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi bóng tối trùm xuống Hang Én.

- Đọc thầm nhan đề VB, nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì? Em có biết những thông tin về lịch sử, khoa học liên quan đến hang Én không, hãy chia sẻ? GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ: Nêu thể loại của VB * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB. HS căn cứ vào đặc điểm của thể du kí. Ngôi kể thứ nhất: tôi- đồng thời là tác giả *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV dùng bổ sung một số thông tin lịch sử, khoa học về hang Én cho HS quan sát.	c. Bố cục: 2 phần chính: - Phần 1: Từ đầu đến “lòng hang chính”: Hành trình đi đến hang Én. - Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én: + Tiếp theo đến “trần hang cao vài trăm mét”: Kích thước của hang Én. + Tiếp theo đến “đôi cánh ấy sẽ lạnh hắt”: Cuộc sống của bầy én trong hang. + Tiếp theo đến “tạo tác của tự nhiên”: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. + Tiếp theo đến “tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”: Hang Én khi trời tối. + Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau. d. Nhan đề: - Hang có nhiều én sinh sống. - Ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én, một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thần phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...
- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của tác giả.

HSKT: Nhận biết được vài nét về vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

b. Nội dung hoạt động:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm.
- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

NV1: Hành trình đến hang Én

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt? - Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào? HSKT: Tác giả di chuyển vào hang Én bằng phương tiện gì? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/Hấp dẫn? *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức * Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: HS làm việc theo hình thức cặp đôi chia sẻ. - Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én. - Em chỉ ra nét đặc sắc trong các chi tiết miêu tả thiên nhiên của rừng nguyên sinh (từ ngữ, biện pháp tu từ, cách bộc lộ cảm xúc của tác giả...) - Những chi tiết miêu tả thiên nhiên gợi cho em cảm giác gì về rừng nguyên sinh. Xúc cảm của tác giả được bộc lộ như thế nào trong hành trình khám phá hang Én? HSKT: Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/Hấp dẫn? *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	II. Khám phá văn bản 1. Hành trình đến hang Én - Cách thức di chuyển vào hang Én “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông”. Đây là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục. - Cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh: một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai; + cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc; + con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người; + Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rậm, liêu xiêu, ...” tạo ra các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn. * Cảnh rừng nguyên sinh hiện lên sống động. Thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức, mà cũng gần gũi, bao dung và mê hoặc. - Tác giả gửi gắm cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây.

Tiết 2

2. Vẻ đẹp của hang Én

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Kĩ thuật mảnh ghép Vòng chuyên sâu: (8 phút) TỔ CHỨC HD NHÓM: Chia lớp làm 3 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm. - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ cho các nhóm Nhóm 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì? Nhóm 2: Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá ? Nhóm 3: Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người? * Vòng mảnh ghép: (8 phút) -Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới + Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu. Tại sao tác giả lại ví Hang Én như cái tổ...không khí và ánh sáng? Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ: trả lời một vài ý đơn giản. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.	2. Vẻ đẹp của hang Én a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên - Số liệu cụ thể: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; - Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng. Hang Én rất cao, rộng, dài (thứ 3 thế giới). Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn b. Sự “sống” của đá: + Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ. + Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang... + Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên. Hang Én tuyệt đẹp, đá vốn là vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất. Qua cách miêu tả, thiên nhiên trở nên có hồn, thân thiết, gần gũi với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người: + Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người. + Bốn bên dày đặc én. + Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi móm mòi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng. + Én xuống kiếm ăn, gảy cánh: ung dung mổ com trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...

* Bước 4. Chuẩn kiến thức. - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm. - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần 3	- Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Ớn bố mẹ, Ớn anh chị, Ớn ra ràng, ... - Loài Ớn ở đây còn nguyên sự nguyên sơ, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá; + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên. * Cách gọi hang Ớn: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. Tác giả muốn bày tỏ thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên.

3: Con người với hang Ớn

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Ớn có dấu tích của con người? - Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Ớn, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào? HSKT: Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Ớn có dấu tích của con người? * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	3. Con người với hang Ớn - Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Ớn, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn Ớn”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt. - Đoàn người hiện tại: + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị. + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú Ớn ngủ nướng, chú Ớn bị gãy cánh.... + Ai nấy nhào khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết. => Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

III. Tổng kết.

a. Mục tiêu:

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB Hang Ớn

HSKT: nắm vại nét về nội dung của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài kí Hang Én? - Qua bài kí, Hang Én mang vẻ đẹp gì, em nhận thấy cách tác giả cảm nhận cuộc sống thiên nhiên hoang dã như thế nào? * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	1. Nghệ thuật. - Lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc - VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm. 2. Nội dung - Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng. - Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- b. Nội dung: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện một số câu hỏi. Câu 1: Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ không? Vì sao? Câu 2: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người? HSKT: Em có yêu thích hang én không? Vì sao? * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả	III. Luyện tập Câu 1: - Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã không làm cho người đọc khiếp sợ. Nguyên nhân: Cuộc sống hoang dã được tác giả khắc họa vừa thanh bình, lại thơ mộng. Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người. Câu 2: - Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người - Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả	

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Em có suy nghĩ gì từ việc tìm hiểu văn bản “Hang Én”?
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt
- + Yêu cầu học sinh đọc và chuẩn bị bài.

Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

Rubric (Đánh giá phần luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 – 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 – 5 điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung rõ ràng, cảm nhận chưa sâu sắc.	(7 – 8 điểm) - Xác định được nội dung, các câu văn diễn tả được cảm nhận sâu sắc, rõ mạch cảm xúc qua

				văn bản Hang Én.
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

NS:11/12/2023

TUẦN 16 (TIẾT 61-64)

NG:18-23 /12/2023

TIẾT 61: HANG ÉN

TIẾT 62: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

TIẾT 63: CỬU LONG GIANG TA OI.

TIẾT 64: ÔN TẬP HỌC KÌ I.

TIẾT 61: HANG ÉN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Cảm nhận được giá trị dung và nghệ thuật của văn bản, trình bày suy nghĩ cảm nhận của bản thân về văn bản, phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề, nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản cụ thể: Cách dùng biện pháp nghệ thuật tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả....

HSKT: cảm nhận được giá trị dung.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*, thảo luận trình

bày được quan điểm của cá nhân, tự tin nói trước nhóm về vấn đề được đưa ra bàn luận.

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: HS yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các khu bảo tồn thiên nhiên nói riêng và tự nhiên nói chung.
- Chăm chỉ: Ham học, có tinh thần tự giác trong học tập, tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ, hữu ích...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

Kế hoạch bài dạy; phiếu bài tập, ti vi, tranh ảnh,Vi deo

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

GV cho HS xem một khu bảo tồn thiên nhiên – nên lấy ở địa phương mình dạy nếu có (3 phút). Em có cảm xúc gì khi xem những hình ảnh ấy (khơi gợi cảm xúc với thiên nhiên: yêu thích, ngỡ ngàng...)

GV khuyến khích HSKT trả lời.

Em thử tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá các khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa từng đặt chân tới.

Trong hoàn cảnh ấy, các em có nhiều cách khám phá thiên nhiên hoang sơ như: lên mạng tìm kiếm vi deo, sưu tầm kiến thức... và một trong những cách thám hiểm mà hôm nay cô bật mí cho cả lớp đó là du lịch qua các VB kí. Vb Hang Én sẽ đưa chúng ta đến với vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng ở Quảng Bình. Hang Én có điểm gì hấp dẫn? Du lịch khám phá hang Én đem lại cho chúng ta những gì thú vị nào? (Chiếu vài hình ảnh về hang Én)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

HSKT: nhận biết vài nét về tác giả, tác phẩm, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

b. Nội dung hoạt động:

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Đọc Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm: Đọc: - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức của người kể, chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng. - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp. - GV lưu ý một số từ khó: Tờ- róc- kinh, hồ điệp, ra ràng, thương hải tang điền... * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. NV2: Tìm hiểu chung Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB (VB do ai viết, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB) - Đối chiếu với đặc điểm thể kí ở phần tri thức ngữ văn thì VB Hang Én có được xếp vào thể du kí không? Vì sao? - Nhân vật tôi đã kể về hành trình khám phá Hang Én theo trình tự nào? - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần?	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Đọc, từ khó 2. Tìm hiểu chung a. Xuất xứ: - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020 - Tác giả: Hà My. b. Thể loại: du kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Ngôi kể thứ nhất: “Tôi” là tác giả - Trình tự kể: + Không gian: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én. + Thời gian: từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi bóng tối trùm xuống Hang Én.

- Đọc thầm nhan đề VB, nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì? Em có biết những thông tin về lịch sử, khoa học liên quan đến hang Én không, hãy chia sẻ? GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ: Nêu thể loại của VB * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB. HS cần căn cứ vào đặc điểm của thể du kí. Ngôi kể thứ nhất: tôi- đồng thời là tác giả *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV dùng bổ sung một số thông tin lịch sử, khoa học về hang Én cho HS quan sát.	c. Bố cục: 2 phần chính: - Phần 1: Từ đầu đến “lòng hang chính”: Hành trình đi đến hang Én. - Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én: + Tiếp theo đến “trần hang cao vài trăm mét”: Kích thước của hang Én. + Tiếp theo đến “đôi cánh ấy sẽ lạnh hắt”: Cuộc sống của bầy én trong hang. + Tiếp theo đến “tạo tác của tự nhiên”: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. + Tiếp theo đến “tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”: Hang Én khi trời tối. + Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau. d. Nhan đề: - Hang có nhiều én sinh sống. - Ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én, một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thần phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...
- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của tác giả.

HSKT: Nhận biết được vài nét về vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

b. Nội dung hoạt động:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm.
- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

NV1: Hành trình đến hang Én

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt? - Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào? HSKT: Tác giả di chuyển vào hang Én bằng phương tiện gì? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/Hấp dẫn? * Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức * Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: HS làm việc theo hình thức cặp đôi chia sẻ. - Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én. - Em chỉ ra nét đặc sắc trong các chi tiết miêu tả thiên nhiên của rừng nguyên sinh (từ ngữ, biện pháp tu từ, cách bộc lộ cảm xúc của tác giả...) - Những chi tiết miêu tả thiên nhiên gợi cho em cảm giác gì về rừng nguyên sinh. Xúc cảm của tác giả được bộc lộ như thế nào trong hành trình khám phá hang Én? HSKT: Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/Hấp dẫn? * Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	II. Khám phá văn bản 1. Hành trình đến hang Én - Cách thức di chuyển vào hang Én “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lộ khoảng ba mươi quãng suối và sông”. Đây là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục. - Cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh: một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai; + cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc; + con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người; + Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rậm, liêu xiêu, ...” tạo ra các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn. * Cảnh rừng nguyên sinh hiện lên sống động. Thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức, mà cũng gần gũi, bao dung và mê hoặc. - Tác giả gửi gắm cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây.

Tiết 2

2. Vẻ đẹp của hang Én

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Kĩ thuật mảnh ghép Vòng chuyên sâu: (8 phút) TỔ CHỨC HD NHÓM: Chia lớp làm 3 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm. - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ cho các nhóm Nhóm 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì? Nhóm 2: Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá ? Nhóm 3: Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người? * Vòng mảnh ghép: (8 phút) -Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới + Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu. Tại sao tác giả lại ví Hang Én như cái tổ...không khí và ánh sáng? Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ: trả lời một vài ý đơn giản. * Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.	2. Vẻ đẹp của hang Én a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên - Số liệu cụ thể: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; - Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng. Hang Én rất cao, rộng, dài (thứ 3 thế giới). Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn b. Sự “sống” của đá: + Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ. + Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang... + Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên. Hang Én tuyệt đẹp, đá vốn là vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất. Qua cách miêu tả, thiên nhiên trở nên có hồn, thân thiết, gần gũi với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người: + Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người. + Bốn bên dày đặc én. + Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi móm mòi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng. + Én xuống kiếm ăn, gảy cánh: ung dung mổ com trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...

* Bước 4. Chuẩn kiến thức. - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm. - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần 3	- Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Ớn bố mẹ, Ớn anh chị, Ớn ra ràng, ... - Loài Ớn ở đây còn nguyên sự nguyên sơ, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá; + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên. * Cách gọi hang Ớn: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. Tác giả muốn bày tỏ thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên.

3: Con người với hang Ớn

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Ớn có dấu tích của con người? - Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Ớn, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào? HSKT: Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Ớn có dấu tích của con người? * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	3. Con người với hang Ớn - Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Ớn, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn Ớn”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt. - Đoàn người hiện tại: + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị. + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú Ớn ngủ nướng, chú Ớn bị gãy cánh.... + Ai nấy nhào khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết. => Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

III. Tổng kết.

a. Mục tiêu:

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB Hang Ớn

HSKT: nắm vại nét về nội dung của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài kí Hang Én? - Qua bài kí, Hang Én mang vẻ đẹp gì, em nhận thấy cách tác giả cảm nhận cuộc sống thiên nhiên hoang dã như thế nào? * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	1. Nghệ thuật. - Lời ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc - VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm. 2. Nội dung - Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng. - Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- b. Nội dung: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện một số câu hỏi. Câu 1: Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ không? Vì sao? Câu 2: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người? HSKT: Em có yêu thích hang én không? Vì sao? * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả	III. Luyện tập Câu 1: - Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã không làm cho người đọc khiếp sợ. Nguyên nhân: Cuộc sống hoang dã được tác giả khắc họa vừa thanh bình, lại thơ mộng. Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người. Câu 2: - Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người - Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả	

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Em có suy nghĩ gì từ việc tìm hiểu văn bản “Hang Én”?
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt
- + Yêu cầu học sinh đọc và chuẩn bị bài.

Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

Rubric (Đánh giá phần luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 – 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 – 5 điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung rõ ràng, cảm nhận chưa sâu sắc.	(7 – 8 điểm) - Xác định được nội dung, các câu văn diễn tả được cảm nhận sâu sắc, rõ mạch cảm xúc qua

				văn bản Hang Én.
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

TIẾT 62: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực.

a. Năng lực chung

- Nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- Nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó trong ngữ cảnh.
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lời miêu tả và xây dựng hình ảnh,...
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

HSKT: Nhận diện được dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang, biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

2. Phẩm chất.

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập và sưu tầm những đoạn văn, thơ có sử dụng các biện pháp tu từ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của GV:** Kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập, ti vi

2. **Chuẩn bị của HS:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn, gợi mở về công dụng của dấu ngoặc kép.

Yêu cầu:

Câu văn: Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.

1- Dấu ngoặc kép đánh dấu từ nào?

2-Từ “ngược dòng” hiểu theo nghĩa thông thường là gì? Trong câu văn này, nghĩa của từ “ngược dòng” có được hiểu như vậy không? Vậy hiểu là gì?

3- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng gì?

HSKT nhận diện được dấu ngoặc kép trong câu văn.

Dự kiến câu trả lời của HS

Dấu ngoặc kép đánh dấu ngược dòng

Nghĩa thông thường của từ “ngược dòng” là bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.

- Trong câu văn trên “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.

- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

- GV kết nối: Như vậy, mỗi một loại dấu câu được dùng khi viết đem lại hiệu quả rất lớn cho việc diễn đạt. Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nắm được công dụng của các loại dấu câu quen thuộc như dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu phẩy và cùng ôn lại các biện pháp tu từ đã học.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. DẤU CÂU

a. Mục tiêu: HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

HSKT: Nhận diện được một công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Dấu ngoặc kép * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu ví dụ: a, b, c, d Đọc các ví dụ và cho biết dấu ngoặc kép trong mỗi câu văn trên dùng để làm gì? GV cho HS chọn đáp án để nối với công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép: Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật. Đánh dấu từ ngữ hiệu theo nghĩa đặc biệt. Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình. Từ những ví dụ đó, em rút ra dấu ngoặc kép có công dụng gì? - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT chỉ ra được một công dụng của dấu ngoặc kép. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, xác định công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá NV: Dấu phẩy * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 2 nhóm: Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, em hãy nêu công dụng của dấu phẩy, dấu gạch ngang. Lấy một vài ví dụ minh họa Nhóm 1: Nêu công dụng của dấu phẩy. Nhóm 2: Nêu công dụng của dấu gạch ngang. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, xác định công dụng thích hợp của dấu phẩy, dấu gạch ngang.	I. Dấu câu 1. Dấu ngoặc kép. Ví dụ: a. Cộng đồng loài én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mấy may nghĩ đến sự hiện diện của nhóm du khách. b. Văn bản “Hang Én” trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020. c. Người xưa có câu: “Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”. a.2 b.3 c.1 b. Công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép: - Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật. - Đánh dấu từ ngữ hiệu theo nghĩa đặc biệt. - Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình. 2. Dấu phẩy - Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ. - Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.

GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT nêu được một công dụng của dấu phẩy, dấu gạch ngang. * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Ngăn cách các vế của một câu ghép. 3. Dấu gạch ngang - Dấu gạch ngang dùng trước trích dẫn lời nói của nhân vật - Dấu gạch ngang dùng để liệt kê - Dấu gạch ngang để nối các từ

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang.
- HS nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

HSKT thực hiện một phần yêu cầu.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Bài 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm Thực hiện các yêu cầu ở các bài tập 1, 2, 3 GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của mỗi bài: Nhóm 1 – Bài 1: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì? Nhóm 2 – Bài 2a: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì? Nhóm 3 – Bài 2b: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì? Nhóm 4 – Bài 3: tìm thêm những câu văn sử dụng dấu ngoặc kép trong VB Hang Én và giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong từng trường hợp? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận	II. Luyện tập 1. Dấu câu Bài 1 SGK trang 119 Dấu ngoặc kép trong câu a,b đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. a. (nt) b. - Nghĩa thông thường của “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo. - Trong câu văn: không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ Bài tập 2 SGK trang 118 a. Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1): Ngăn cách thành phần phụ của câu với bộ phận chính. + Dấu phẩy (2) (3): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt.

HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện một phần yêu cầu của bài tập * Bước 3. Báo cáo kết quả: Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” b. Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1) (3): ngăn cách thành phần chú thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ, vị ngữ của câu). + Dấu phẩy (2): ngăn cách thành phần 2 chú thích của câu. + Dấu phẩy (4) (5): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Dấu ngoặc kép: + “Sống” được để trong ngoặc kép trong. Dấu ngoặc kép đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài. Bài tập 3 SGK trang 118 Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB Cô Tô, Hang Én: - VB Cô Tô: + Anh quây 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, ...bằng nước biên thôi” - tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. - Vb Hang Én: + “thương hải tang điền” Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. - Tác dụng khi sử dụng ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch. 2. Biện pháp tu từ Bài 4 SGK trang 118 a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”. b. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”.

Yêu cầu: Bài 4: Chỉ ra biện pháp nhân hóa trong các câu văn - tác dụng của phép nhân hóa. HSKT chỉ ra biện pháp nhân hóa trong câu a Bài 5: Chỉ ra biện pháp nhân hóa, so sánh trong các câu văn - tác dụng của phép nhân hóa, so sánh. HSKT chỉ ra biện pháp so sánh trong câu c * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận * Bước 3. Báo cáo kết quả: Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	→ Tác dụng : làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động, quen thuộc như những người bạn. Bài tập 5 SGK trang 118 a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”. → Tác dụng: làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động b. - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất. → Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rục rờ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp. c. - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ. - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo

D. TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: củng cố và nâng cao kiến thức về dấu câu và biện pháp tu từ

b. Nội dung: Giáo viên nêu yêu cầu, học sinh sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV yêu cầu HS:

? Đặt 1 câu (chủ đề tự chọn) có sử dụng biện pháp so sánh hoặc nhân hóa.

? Viết đoạn văn từ 5 đến bảy dòng có sử dụng dấu ngoặc kép và biện pháp so sánh.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

HSKT: Đặt 1 câu (chủ đề tự chọn) có sử dụng biện pháp so sánh hoặc nhân hóa.

- HS nhận xét.

- Giáo viên đánh giá, bổ sung.

Hướng dẫn tự học:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Khái niệm của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã được học.
- Làm bài tập 3 SGK/118
- Chuẩn bị văn bản “Cửu Long giang ta ơi” – Nguyên Hồng.

HỒ SƠ DẠY HỌC

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Phương pháp quan sát - Phương pháp hỏi - đáp. - Đánh giá hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập	

Phiếu học tập

+ Phiếu học tập số 1: Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:

- Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.
- Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lưng.

TIẾT 63: CỬU LONG GIANG TA OI.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực.

a. Năng lực chung

- Biết những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyên Hồng.
- Hiểu mạch cảm xúc của bài thơ.
- Hiểu vẻ đẹp của dòng Cửu Long Giang và con người Nam bộ trong cảm nhận của nhà văn, nhà thơ Nguyên Hồng.
- Niềm tự hào về quê hương, đất nước của tác giả được thể hiện qua nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh, ...
- Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long và con người Nam bộ qua nhịp thơ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận xét được tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước

- Liên hệ và so sánh Cửu Long Giang xưa kia hiện tại từ đó nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

HSKT: Hiểu về đẹp của dòng Cửu Long Giang và con người Nam bộ trong cảm nhận của nhà văn, nhà thơ Nguyễn Hồng.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

2. Phẩm chất.

- Yêu nước, yêu thương con người và cuộc sống
- Trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ và xây dựng tổ quốc
- Lòng biết ơn

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- SGK, SGV, Kế hoạch bài dạy
- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Hồng và Tập thơ “Trời xanh”
- Ti vi
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS nghe một đoạn bài hát “Mùa xuân trên dòng sông Mê Kông”

*“Trọn niềm tin ước mơ mùa xuân rạng rỡ đẹp
Những mùa hoa và ước mơ đã về cùng với ta
Dòng nước êm như lụa mượt mà đẹp ý thơ đẹp
Cùng sát vai xây nền độc lập
Phù sa sông nước bồi cho cây ra muôn hoa
Sông nước Mê Kông soi trời xanh bao la.*

? Con sông nào được nhắc đến trong bài hát? Em biết gì về con sông đó?

HSKT: Con sông nào được nhắc đến trong bài hát ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS
- GV kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: GV chuẩn bị sẵn bản đồ địa lí để giới thiệu về sông Mê Kông, sông Cửu Long, một số thông tin lịch sử, khoa học liên quan đến sông Cửu Long và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Nguyễn Hồng và tác phẩm “Cửu Long Giang ta ơi”. b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động. d. Tổ chức:	
Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Hồng? HSKT: Nêu được tên khai sinh, quê quán của tác giả. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	- Tên khai sinh: Nguyễn Nguyên Hồng (1918 – 1982) - Quê quán: Nam Định - Ông sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. - Nguyễn Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi kí, thơ, v.v... - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Những ngày thơ ấu</i> (hồi kí), <i>Bỉ vỏ</i> (tiểu thuyết), <i>Trời xanh</i> (thơ), <i>Cửa biển</i> (tiểu thuyết), <i>Bước đường viết văn</i> (hồi kí), v.v... - Trang viết của Xuân Hồng tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.

2. Tác phẩm
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, PTBD, bố cục, nhan đề) b) Nội dung: Thảo luận nhóm đôi - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT thảo luận nhóm đôi. c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động. d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS cách đọc và tìm hiểu chú thích. - HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 2p + Thề thơ + PTBD chính + Ý nghĩa nhan đề bài thơ + Bố cục của VB và nội dung từng phần B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản, chú thích - Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi HSKT: Nắm được thể thơ. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: Nhận xét cách đọc của HS. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	a) Đọc và tìm hiểu chú thích b) Văn bản - Xuất xứ: Trích trong tập thơ “Trời xanh” (1960) - Thể loại: Thơ tự do - PTBD chính: Biểu cảm Ý nghĩa nhan đề: Tiếng gọi yêu thương, tha thiết dòng Cửu Long Giang, đồng thời thể hiện ý thức sở hữu, niềm tự hào dân tộc. - Bố cục: 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến “cây số mộng mên” (Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ) + Phần 2: Từ “Mê Kông chảy”...đến “chia cắt” (Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương. + Phần 3: Phần còn lại (Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả).

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ	
a) Mục tiêu: - Cắt nghĩa một số hình ảnh đặc sắc, từ đó phân tích tâm trạng của tác giả khi được tới trường và lắng nghe bài giảng của thầy. - Nhận xét về vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua cái nhìn tác giả b) Nội dung: Thảo luận nhóm lớn - GV tổ chức học sinh thảo luận nhóm với những câu hỏi đã được chuẩn bị - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động d) Tổ chức thực hiện:	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV chia lớp thành 4 nhóm	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Phổ biến nội quy giờ thảo luận: + Tất cả các thành viên đều tham gia thảo luận + Tuân thủ nguyên tắc thời gian + Chỉ một người nói trong nhóm tại một thời điểm - Phát phiếu thảo luận số 1 cho HS B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại phiếu cá nhân đã chuẩn bị trước (trong thời gian 1 phút) - HS thảo luận, thống nhất ý kiến vào phiếu lớn (5 phút) HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện một phần nhỏ của yêu cầu. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục sau	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Câu hỏi</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td> Em hiểu như thế nào về những hình ảnh sau: + Tấm bản đồ rực rỡ: Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng. Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiếm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp đẽ lạ thường. + Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò. Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc </td></tr> <tr> <td>2</td><td> Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo? Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò. </td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi		1	Em hiểu như thế nào về những hình ảnh sau: + Tấm bản đồ rực rỡ: Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng. Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiếm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp đẽ lạ thường. + Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò. Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc	2	Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo? Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.
Câu hỏi							
1	Em hiểu như thế nào về những hình ảnh sau: + Tấm bản đồ rực rỡ: Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng. Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiếm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp đẽ lạ thường. + Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò. Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc						
2	Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo? Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.						

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương

a) Mục tiêu:
 - HS nhận ra và liệt kê được những chi tiết miêu tả vẻ đẹp trù phú của dòng sông Mê Kông.
 - HS chỉ ra được những chi tiết thể hiện vẻ đẹp của người nông dân Nam Bộ
 - HS nhận thấy được sự thay đổi trong cái nhìn và cảm nhận về dòng sông Mê Kông của tác giả so với thời ấu thơ.

b) Nội dung: Tổ chức Nhóm chuyên gia
 - Nhóm chuyên gia trình bày những hiểu biết của mình về nét đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ, trao đổi, làm rõ những thắc mắc của các nhóm còn lại.

c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động

d) Tổ chức thực hiện: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV phổ biến nội quy khi thực hiện hoạt động: + HS chỉ được đặt câu hỏi sau khi Nhóm chuyên gia đã trình bày xong. + Chỉ một người nói tại một thời điểm + Thời gian dành cho phần trình bày là 5p, phần “hỏi chuyên gia” là 5 phút. - GV mời nhóm chuyên gia lên trình bày. Chú ý: GV phải phát trước bộ câu hỏi gợi ý, dẫn dắt để HS khai thác đúng hướng. * 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”.... “chân trời buồm trắng” 1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Ta đi...Bản đồ không nhìn nữa”? 2. Em có nhận xét gì về không khí được diễn tả trong đoạn thơ “<i>Ta đi...chân trời buồm trắng</i>” và tâm trạng của tác giả? Tâm trạng đó nói lên tình cảm gì? Nghệ thuật của đoạn thơ có gì đặc sắc? * 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả” 1. Trong đoạn thơ tiếp theo tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua những chi tiết nào? 2. Đoạn thơ có những nét nghệ thuật nào đặc sắc? * Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quận đẽ” đến “không bao giờ chia cắt” 1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Mê Kông quận đẽ chín nhánh sông vàng”? 2. Người dân Nam Bộ đã làm gì để đón nhận và phát triển, gìn giữ nguồn tài nguyên vô giá từ sông mẹ Mê Kông? B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) - Các nhóm hội ý trong vòng 2 phút:	* 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”.... “chân trời buồm trắng” Tâm trạng của tác giả thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào, trái tim nhiệt thành dành cho quê hương đất nước. Đoạn thơ sử dụng thành công nghệ thuật nhân hoá khiến cho dòng Mê Kông như mang tâm trạng của con người, vui sướng, hứng khởi khi được hoà mình với cuộc sống của con người. * 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả” => Dòng Cửu Long chính là nguồn sống màu mỡ, dạt dào, mang lại sự ấm no cho toàn bộ cư dân ĐBSCL. Nghệ thuật tu từ liệt kê, kết hợp với các động từ mạnh, tính từ đặc tả đã cho thấy nguồn tài nguyên quý giá, vô hạn mà dòng Cửu Long Giang đã đem đến cho chúng ta. * Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quận đẽ” đến “không bao giờ chia cắt” 1. Dòng Mê Kông tự xẻ thân mình thành 9 nhánh sông con, truyền đi nguồn sống cho một vùng đồng bằng rộng lớn. 2. Đón nhận sự ưu ái từ sông mẹ Mê Kông, người dân Nam Bộ không ngại gian nan, cực nhọc cùng bùn đất để xây dựng quê hương. Họ còn là những con người biết đoàn kết để gìn giữ đất đai, sông núi

+ Nhóm chuyên gia chuẩn bị thuyết trình + Các nhóm còn lại thống nhất các vấn đề cần giải đáp. B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Nhóm chuyên gia cử đại diện trình bày, các thành viên khác trong lớp lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi cần giải đáp. - Các thành viên của nhóm chuyên gia lần lượt trả lời câu hỏi của các bạn. GV: Lắng nghe, quan sát học sinh, hỗ trợ giải đáp những vấn đề nhóm chuyên gia chưa giải quyết được. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	

3.Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả	
a) Mục tiêu: - Phân tích được sự thay đổi trong giọng điệu thơ, thể hiện tâm trạng của tác giả. - Cảm nhận được những hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ b) Nội dung: Hoạt động cá nhân - GV đặt câu hỏi gợi dẫn học sinh tìm hiểu - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động d) Tổ chức thực hiện:	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Giáo viên đặt câu hỏi cho HS 1. Giọng điệu của đoạn thơ cuối có gì khác so với những phần trước? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả? 2. Em hiểu như thế nào về suy tư của tác giả qua các hình ảnh: + “<i>Ta đã lớn, Thầy giáo già đã khuất</i>” + “<i>Thước bảng to nay thành cán cò sao</i>” + “<i>Những tên làm man mác tuổi thơ xưa/ Đã thấm máu của bao hồn bất tử</i>” B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) - HS lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ trả lời B3: Báo cáo, thảo luận	Đoạn thơ cuối là những suy tư của tác giả về quá khứ, hiện tại. Giọng điệu thơ trở nên thâm trầm, sâu lắng, buồn vui xen lẫn tự hào.

- HS trình bày ý kiến cá nhân - GV lắng nghe, gợi dẫn câu trả lời cho HS B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	

III. TỔNG KẾT	
a) Mục tiêu: HS khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản b) Nội dung: GV đặt câu hỏi, các nhóm thảo luận, thống nhất và báo cáo. c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động d) Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Sau vòng thảo luận chuyên gia, GV cho học sinh giữ nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập mới. - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”? HSKT nắm được nội dung của bài thơ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy. - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất) GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV)	1. Nghệ thuật - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm, giọng điệu phong phú gợi nhiều cảm xúc cho người đọc - Sử dụng hình ảnh sinh động, giàu tính hình tượng - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, liệt kê. 2. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào vô hạn của tác giả với dòng sông Mê Kông, với quê hương, đất nước.

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	

C. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể. b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao. c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động d) Tổ chức thực hiện B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong toàn bài thơ. (Chính là mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ) HSKT viết một vài câu B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”. HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định: - GV đọc và chữa bài cho 1 vài học sinh (Tùy thuộc thời gian). - GV chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau	

C. TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- a) **Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Kết quả hoạt động
- d) **Tổ chức thực hiện**
- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao nhiệm vụ)
HS được chọn một trong 2 nhiệm vụ sau:

- Tìm đọc một vài bài thơ trong tập thơ “Trời xanh” của Nguyên Hồng, ghi chép vào sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.
- Sưu tầm một số bài thơ viết về thiên nhiên, đất nước cùng giai đoạn với bài “Cửu Long Giang ta ơi” của Nguyên Hồng, ghi chép và sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp lại sổ tay văn học để giáo viên kiểm tra, đánh giá.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

* Hướng dẫn tự học:

-HS chuẩn bị những nội dung cần học ở nhà.

- Chuẩn bị cho tiết: Ôn tập HKI

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
	Câu hỏi
1	Em hiểu như thế nào về những hình ảnh sau: + Tắm bồn đồ rực rỡ: + Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ:.....
2	Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?

TIẾT 64:

ÔN TẬP HỌC KÌ I.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch dạy học, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.
- Một số VB đọc mới thuộc thể loại truyện đồng thoại (hiện đại), thơ liên quan đến chủ đề của các bài học.
- Phim ngắn, tranh ảnh minh họa phù hợp với các chủ đề được học.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Nhắc lại những chủ đề và thể loại chính mà em đã học trong chương trình ngữ văn 6 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. GV hỗ trợ HSKT thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và dẫn vào bài.	- Bài 1: Chủ đề: Tình bạn Thể loại chính: Truyện đồng thoại. - Bài 2: Chủ đề: Tình cảm gia đình. Thể loại chính: Thơ - Bài 3: Chủ đề: Yêu thương và chia sẻ Thể loại chính: Thơ. - Bài 4 : Chủ đề: Quê hương yêu dấu

	Thể loại chính: Thơ lục bát -Bài 5: Chủ đề : Những nẻo đường xứ sở Thể loại chính: Kí, du kí

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hệ thống kiến thức đã học

- Mục tiêu:** Nhắc lại các kiến thức đã học và vận dụng nó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Ở học kỳ I, em đã học các bài: <i>Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở</i> Hãy chọn một bài văn mà em cho là tiêu biểu và lập theo phiếu học tập số 1. HSKT: chọn một văn bản em yêu thích, nêu tên văn bản, tên tác giả và thể loại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	I. Phần văn. (Phiếu học tập số 1- Bảng 1)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Nhắc lại những đơn vị kiến thức đã học trong những bài mà em đã học. HSKT: - Nhắc lại một đơn vị kiến thức đã học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	II. Phần Tiếng Việt - Từ đơn, từ ghép, từ láy. - Nghĩa của từ. - So sánh. - Nhân hóa. - Ẩn dụ. - Hoán dụ. - Điệp ngữ. - Cụm DT, cụm ĐT, cụm TT - Từ đồng âm, từ đa nghĩa
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS:	III. Phần Tập làm văn 1. Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.

Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây: a. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài. b. Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV hướng dẫn em chọn một đề tài thích hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	- Mở bài: Giới thiệu câu chuyện - Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện - Kết bài: Kết thúc của câu chuyện và cảm xúc của người viết 2. Viết đoạn văn biểu cảm về một bài thơ, đoạn thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Mở đoạn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết. - Thân đoạn: Bài thơ gợi lên câu chuyện gì? Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật? Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao? - Kết đoạn: Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Nắm lại kiến thức đã học về 3 phân môn: Văn học, tiếng Việt, Tập làm văn.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Cho HS làm tham khảo 1 đề kiểm tra giữa kì văn lớp 6. (phiếu học tập số 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức trong nửa đầu học kì I để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cs.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Chia sẻ những khó khăn, thắc mắc của em trong quá trình học bộ môn ngữ văn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV đánh giá và mở rộng kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Nắm toàn bộ nội dung kiến thức văn bản đọc, thực hành tiếng Việt
- Luyện tập nói, viết kê lại một trải nghiệm của em
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập toàn bộ kiến thức, chuẩn bị kiểm tra giữa học kì I

Phiếu học tập số 1

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

Câu 1(Bảng 1)

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung
Tôi và các bạn	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>	Tô Hoài	Truyện đồng thoại	- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn. - Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc. - Ngôn ngữ chính xác, giàu tạo hình	- Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. - Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. - Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình. - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè;
Gỗ cửa trái tim	<i>Chuyện cổ tích về loài người</i>	Xuân Quỳnh	Thơ 5 chữ	- Thể thơ 5 chữ, với giọng thơ tâm tình. - Dùng yếu tố tự sự, miêu tả .	- Từ những lí giải về nguồn gốc loài người, nhà thơ nhắc nhở mọi người cần

				- yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích. - Sử dụng nhiều phép tu từ .	yêu thương, sự chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng trẻ. - Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ của nhà thơ.
Yêu thương và chia sẻ	<i>Cô bé bán diêm</i>	An-đéc-xen	Truyện ngắn	- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, với các tình tiết diễn biến hợp lí - Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập	- Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa. - Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc.
Quê hương yêu dấu	Chuyện cổ nước mình	Lâm Thị Mỹ Dạ	Thơ lục bát	- Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn. - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đậm sâu, nhưng đầy tự hào.	- Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.
Những nẻo đường xứ sở	Cô Tô	Nguyễn Tuân	Kí	- Ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả tinh tế chính xác, giàu hình ảnh, cảm xúc.	- Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. - Bài văn cho ta thấy được tình cảm của tác giả, những hiểu

					biết về một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

Phiếu học tập số 2.

PHẦN I: ĐỌC- HIỂU

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

“Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi càng tôi trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.”

(Ngữ văn 6- Tập 1)

Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Vì sao em biết ?

Câu 2. Tìm các câu văn có sử dụng phép tu từ so sánh? Hãy cho biết phép tu từ so sánh đó thuộc kiểu so sánh nào?

Câu 3. Tác dụng của phép tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 4. Cho biết nội dung của đoạn trích trên?

HSKT: Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Vì sao em biết ?

Câu 2. Tìm một câu văn có sử dụng phép tu từ so sánh?

NS:18/12/2023

TUẦN 17 (TIẾT 65-68)

NG:25-30 /12/2023

TIẾT 65-66: KIỂM TRA HỌC KỲ I.

TIẾT 67: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT.

TIẾT 68: THỰC HÀNH : VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT .

TIẾT 65-66: KIỂM TRA HỌC KỲ I.

I- Mục tiêu cần đạt:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ học kì I .
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II- Tài liệu và phương tiện:

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề bài, đáp án, biểu điểm.

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỎI TẬP KÈM THEO)

III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN

- Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
- Thời gian: 90 phút

TIẾT 67: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.
- Tả bao quát quang cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.
- Cảm xúc của người viết về cảnh sinh hoạt.
- Biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.
- Biết quan sát cảnh sinh hoạt quanh mình, có khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

HSKT: Giới thiệu được một cảnh sinh hoạt ngắn gọn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.
- Biết quan sát cảnh sinh hoạt quanh mình, có khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên, con người.
- Chăm chỉ: Tìm tư liệu trên mạng internet để mở rộng hiểu biết.
- Trung thực: đánh giá khách quan, công bằng.
- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân và mọi người xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: MỞ ĐẦU:

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

a) Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài tả về một cảnh sinh hoạt.
- Nhận biết được các bước tả trong văn miêu tả.
- Biết sử dụng từ ngữ phù hợp với văn miêu tả để có bài văn rõ nét, sinh động.

HSKT: Nhận biết được kiểu bài tả về một cảnh sinh hoạt.

b) Nội dung:

- GV hỏi, HS trả lời. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Trong bài “Cô Tô” của Nguyễn Tuân có miêu tả cảnh sinh hoạt không? ? Em thấy người quan sát và miêu tả ở đây có tâm thế như thế nào? ? Người quan sát yêu thích cảnh đó hay tò mò muốn khám phá và bắt ngờ nhận ra... ? HSKT: Trong bài “Cô Tô” của Nguyễn Tuân có miêu tả cảnh sinh hoạt không? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát vb “Cô Tô”. - Suy nghĩ cá nhân - HS tả lại một cảnh sinh hoạt mà em đã thấy. GV: - Dự kiến KK HS gặp: không biết tả về cảnh sinh hoạt. - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: ? Cảnh sinh hoạt đó diễn ra ở đâu (nhà, trường, ...)? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả vào thời điểm nào? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả như thế nào?... B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời GV khuyến khích HSKT trả lời theo cách hiểu, cảm nhận của bản thân. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt”.	Văn bản : “Cô Tô” của Nguyễn Tuân.

HD 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT
a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt: - Sử dụng phù hợp với đề bài yêu cầu.

- Biết cách quan sát, nhận xét và có trí tưởng tượng. HSKT: Biết được một vài yêu cầu cơ bản đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt. b) Nội dung: - GV chia nhóm lớp - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? ? Người viết cần phải làm như thế để có bài văn hay và có sức thuyết phục ? ? Văn tả cảnh sinh hoạt cần sử dụng ngôn từ như thế nào? ? Văn tả cảnh có cần bộc lộ cảm xúc của người viết không ? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhớ lại văn bản “Cô Tô”. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện yêu cầu: Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau.	- Tả cảnh sinh hoạt. - Quan sát, lựa chọn đối tượng cụ thể, những chi tiết phù hợp (Thời gian, địa điểm, không gian, quang cảnh...) - Văn tả: sử dụng ngôi từ cần rõ nét, sinh động. - Cảm xúc của bản thân...

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO
a) Mục tiêu: - Bài viết tham khảo tả chợ phiên vùng cao. - Biết được cách bước tả cảnh sinh hoạt và lựa chọn hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn tả cảnh chợ phiên ở vùng cao. - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). HSKT: Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). b) Nội dung: - HS đọc SGK - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Bài viết tả cảnh sinh hoạt ở đâu? Cảnh sinh hoạt đó được tác giả miêu tả như thế nào? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định bố cục trong bài văn? (PHT SỐ 1) 2. Phần nào giới thiệu cảnh sinh hoạt? 3. Phần nào tập trung vào các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu của chợ phiên vùng cao ? Đó là những hình ảnh nổi bật nào? 4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được tả? GV yêu cầu: HS tả lại ngắn gọn cảnh chợ phiên vùng cao theo các sự việc được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT thực hiện một phần yêu cầu. GV: - Hướng dẫn HS trả lời. - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau. Nhiệm vụ 2:	Bài mẫu: - Tả cảnh sinh hoạt ở chợ phiên vùng cao. - Bố cục: 3 phần. - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu cảnh sinh hoạt. + Đoạn 2, 3: tả quang cảnh chung. + Đoạn 4: tả hoạt động cụ thể của con người. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc, thái độ của người viết. - Các hình ảnh, chi tiết nổi bật: + Cảnh chợ phiên thú vị nhất là họp vào buổi sáng thứ Bảy hằng tuần. + Từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ khắp nẻo đường mòn xuống chợ phiên để trao đổi hàng hóa, giao lưu, gặp gỡ lẫn nhau. + Cảnh họp chợ đông vui, náo nhiệt và đủ các sắc màu của các sắc tộc khác nhau. + Cảnh buôn bán, giao đổi hàng hóa, gia súc. + Cảnh chợ tan tầm trưa. - <u>Mở bài</u>: giới thiệu cảnh sinh hoạt. - <u>Thân bài</u>: Miêu tả cảnh sinh hoạt. + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt. + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia.

Bước 1: - Từ bài mẫu, yêu cầu HS rút ra bố cục của bà văn tả cảnh. Bước 2: HS chuẩn bị nội dung phần trả lời. Bước 3: HS trình bày cá nhân. Bước 4: Nhận xét, kết luận	+ thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. - <u>Kết bài</u>: nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết.

HD 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn miêu tả

HSKT viết một đoạn ngắn.

b. **Nội dung:** chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

c. **Sản phẩm:** câu trả lời học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm cho đề: Viết đoạn văn tả cảnh chuẩn bị đón tết ở quê em. HSKT viết được một vài câu đơn giản. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm kĩ các bước làm bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Hoàn chỉnh đề văn tả cảnh chuẩn bị đón tết ở quê em.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bố cục của bài văn tả cảnh sinh hoạt:

TIẾT 68: THỰC HÀNH : VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Biết nhận diện yêu cầu đề văn tả cảnh sinh hoạt.
- Nắm được quy trình trước khi viết, khi viết và sau khi viết.
- Có ý thức rèn luyện kĩ năng miêu tả cảnh, yêu cảnh vật, yêu con người, yêu quê hương.

HSKT: Biết nhận diện yêu cầu đề văn tả cảnh sinh hoạt.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.
- Biết quan sát cảnh sinh hoạt quanh mình, có khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên, con người.
- Chăm chỉ: Tìm tư liệu trên mạng internet để mở rộng hiểu biết.
- Trung thực: đánh giá khách quan, công bằng.
- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân và mọi người xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD.
- SGK, SGV, ti vi.
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: MỞ ĐẦU:

a) Mục tiêu: - Tạo hứng thú cho bài học. b) Nội dung: - GV hỏi, HS trả lời. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Chúng ta đã học được kiểu dạng bài miêu tả nào? Chia sẻ một số cảnh mà em thích? B2: Thực hiện nhiệm vụ B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Thực hành viết bài văn tả cảnh”.	
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	
THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết viết bài theo các bước. - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.	

- Tập trung vào những chi tiết cụ thể và đặc sắc.

- Sử dụng từ ngữ miêu tả phù hợp.

HSKT viết một đoạn ngắn, đơn giản.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT động não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến												
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Liệt kê những chi tiết đặc sắc? ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT: Tìm một vài chi tiết đơn giản. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý bằng Pht số 1 HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn bằng Pht số 2 B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table border="1"> <tr> <td>Em tả cảnh gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?</td><td></td></tr> <tr> <td>Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: giới thiệu cảnh sinh hoạt. - <u>Thân bài</u>: Miêu tả cảnh sinh hoạt. + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt. + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia. + thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. - <u>Kết bài</u>: nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết. 2. Viết bài Khi viết bài em cần chú ý: + Tả những gì em đã quan sát.	Em tả cảnh gì?		Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?		Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?		Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?		Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?		Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	
Em tả cảnh gì?													
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?													
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?													
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?													
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?													
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?													

	+ Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị, ... chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để bài viết thêm sinh động. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại bài viết theo gợi ý.

HD 4: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn miêu tả
- Nội dung:** chốt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm:** câu trả lời học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm cho đề: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt Tết Trung thu ở lớp/ trường em. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích GV khuyến khích HSKT trình bày, tuyên dương em trước lớp. *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm kĩ các bước làm bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Hoàn chỉnh đề văn tả cảnh chuẩn bị đón tết ở quê em.

PHT SỐ 1

Em tả cảnh gì?	
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?	
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?	
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?	
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?	
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu được bài thơ (câu thơ, bài ca dao) chưa?

.....

2. Bài viết có nêu được cảm xúc của người viết đối với bài thơ (câu thơ, ca dao,...) chưa?

.....

3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

.....

.....

4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

.....
.....
5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).
.....
...

NS:1/1/2024

TUẦN 18 (TIẾT 69-72)

NG:8-13- /1/2024

TIẾT 69: ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

TIẾT 70: NÓI VÀ NGHE : CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN.

TIẾT 71 : ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HK I

TIẾT 69: ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Trình bày đúng bố cục của một bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- HS xác định được phạm vi, đối tượng cần tả.
- Hiểu được trình tự tả.
- Có thể hiện cảm xúc khi câu chuyện diễn ra và khi tả lại.

HSKT: Trình bày được một đoạn ngắn.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

2. Phẩm chất:

- Có lòng nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch BD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a) Mục tiêu: HS nhắc lại bố cục của một bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- b) Nội dung: GV cho HS chọn đáp án đúng. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức thực hiện bài tập nhanh:

GV trình chiếu các bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

GV hướng dẫn HSKT chọn đáp án.

- Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết), trả bài cho HS.

- Nội dung: chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 *Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS <i>xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng ở Phiếu học tập số 1) HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Nhiệm vụ 2 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát bài, yêu cầu HS xem lại bài kiểm tra, phát hiện nhưng ưu và nhược điểm của bài làm. - Thực hiện nhiệm vụ: Hs xem bài viết tìm ưu, nhược điểm của bài. - Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. - Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	I. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. * Kiểm tra, điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). II. Trả bài

HD 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn mở hoặc kết hoặc 1 ý thân bài.

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HD 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS xây dựng đoạn văn tả cảnh chào cờ ở trường em.

HSKT viết một vài câu đơn giản.

b) Nội dung:

- HS làm bài.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xây dựng đoạn văn tả lại cảnh chào cờ ở trường em. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân GV hướng dẫn HSKT viết một vài câu đơn giản. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Bài viết của HS

HD 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức đã học.

b. Nội dung: Tìm tòi những bài viết tả cảnh sinh hoạt.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả tìm tòi của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS sưu tầm một số bài viết theo yêu cầu

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình.

- Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.

+ Sưu tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.

- Hoàn thành phần củng cố, mở rộng / SGK – 106

- Chuẩn bị bài Nói và nghe: Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.

- HS chuẩn bị: Trình bày bài chia sẻ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên:..... Lớp:

Nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho đoạn văn tả cảnh sinh hoạt bằng cách trả lời (vào cột phải) các câu hỏi gợi ý (ở cột trái).

Cảnh sinh hoạt cần tả là cảnh nào?	
Cảnh diễn ra vào thời điểm nào? Ở đâu? Không gian ra sao?	
Trình tự cảnh thế nào?	
Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu cảnh cần tả chưa?

.....

2. Bài viết có nêu được phạm vi, đối tượng cần tả chưa?

.....

3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

.....

.....

4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

.....

.....

5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).

.....

.....

TIẾT 70: NÓI VÀ NGHE : CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Ngôi kể và người kể chuyện.
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm.

HSKT: Nói được vài câu theo cảm nhận bản thân.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

2. Phẩm chất

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- SGK, SGV.
- Ti vi, bảng phụ, phiếu bài tập, kế hoạch bài dạy
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS lắng nghe một đoạn ngữ liệu (câu chuyện) và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đọc cho HS nghe một đoạn ngữ liệu và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn văn bản? Nhân vật trong đoạn văn bản kể về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định:GV nhận xét và kết nối vào bài

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TRƯỚC KHI NÓI	
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói HSKT chuẩn bị một vài câu đơn giản. Nội dung: - GV hỏi và nhận xét sâu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Em sẽ nói về nội dung gì? B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b	CHUẨN BỊ BÀI NÓI a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói ? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra? ? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó. ? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì? ? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành động, lời nói như thế nào? ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em? - GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị bài nói - HS luyện nói tại chỗ B3: Thảo luận, báo cáo - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm B4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói.	b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện. * <u>HS chuẩn bị được bài nói</u> bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh. * <u>Tập luyện</u> - HS nói một mình - HS luyện nói cùng cặp đôi

TRÌNH BÀY NÓI	
Mục tiêu: - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị. - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút).	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.

- GV hướng dẫn HS nói GV khuyến khích HSKT trình bày một vài câu đơn giản. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	+ Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

HĐ 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

“Kể về một chuyến du lịch của gia đình em.”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.
- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần nói và nghe của HS.

HD 4: TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy quay lại bài nói của em về “Một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến” thành một video

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS lắng nghe và ghi chép

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành: gửi video về địa chỉ mail của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

* Hướng dẫn tự học:

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.
- Chuẩn bị: Đọc mở rộng.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

TIẾT 71:

ĐỌC MỞ RỘNG.

I. MỤC TIÊU

- HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học;
- HS nêu được nội dung cơ bản của VB đọc; trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí.
- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...
- Những phẩm chất được gọi ra từ nội dung của VB đọc;

- Ý thức tự giác, tích cực của HS.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:
- + Trong các bài học vừa qua, chúng ta đã được thầy/cô hướng dẫn đọc 1 VB cụ thể. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tự chọn ra các VB đã được yêu cầu để tiến hành đọc mở rộng.
- + Các em đã lựa chọn ra những VB nào?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;
- GV nhận xét, đánh giá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học (trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí).

b. Nội dung: HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1 bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: <i>Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng</i>	

chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB. - GV gợi ý: + Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật; + Đối với VB thể kí, chú ý các kể, tả sự kiện cho mang tính chất chân thật hay không (người kể chuyện có tham gia vào câu chuyện hay không)? Cách kể chuyện có gì đặc biệt? (tuyến tính – theo thời gian hay phi tuyến tính)? Nêu tác dụng của cách kể này. + Đối với VB thơ lục bát, chú ý phân tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.	

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung; - Hấp dẫn, sinh động; - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;	- Báo cáo thực hiện công việc; - Phiếu học tập; - Hệ thống câu hỏi và bài tập;	

	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Trao đổi, thảo luận.	

TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HK I

I- Mục tiêu cần đạt:

- Qua bài viết này học sinh nắm: Giúp HS nhận thức rõ và sâu sắc hơn bài làm của mình về các mặt lập luận giải thích. Tìm hiểu về bài, tìm ý, lập dàn ý, phát triển, dùng dẫn chứng, liên kết thành bài văn hoàn chỉnh.
- Tích hợp phân tích và phân tích lập luận. Nhận diện có năng phân tích về.
- Giáo dục ý thức tôn trọng giá trị chất lượng bài làm của mình về trình độ, năng lực, thói quen đọc hiểu khác biệt, sửa chữa những sai sót, hạn chế về những bài viết có chất lượng tốt hơn

II. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

1. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong tiết học

2. Bài mới: GV ghi về lên bảng

H1:GV cho HS nhớ lại về bài

- Xác định trọng tâm về bài.
- Nêu các bước lập bài.
- Tìm những ý và lập dàn bài (dàn bài ô chữ bài viết)

1. Ôn lại: Về số các em nắm vững những nét tính cách của bài.

- Nắm vững thể loại và cách lập bài. Nội dung bài làm này nêu ý nghĩa, nêu những suy nghĩ liên hệ cho bản thân và việc vận dụng bài học vào cuộc sống.

+ Chỗ viết rõ ràng, sạch sẽ.

+ Bài viết có bố cục hoàn chỉnh, lập luận chặt chẽ

2. Những bài: Một số em chưa biết cách lập bài văn giải thích, cần lập và vận dụng câu nói, từ ngữ, hoặc phân tích văn bản.

- + Laäp luaän chöa chaët, yù rôøi raïc, daän chöùng daøi.
- + Chöa ñi ñuùng ñaéc trồng.
- + Baøi vieát qua loa, ñoái phoù.

HÑ3: Höòùng daän hs söua loãi sai

Giaùo vieân choïn nhöõng baøi HS ñaët ñieäm cao → HS ruùt kinh nghieäm laøm baøi.

- Ñoïc baøi ñieäm keùm → Chæ roõ nhöõng phaàn sai soùt ñeå HS bieát ñeå traùnh sai tieáp vaøo baøi vieát sau:
- + Söua chöõa nhöõng loãi sai thöôøng gaëp: Vieát taét k^o → khoâng, luaän → löôïng.
- + Caâu daøi (baøi laøm cuûa HS yeáu)
- + Chöa bieát caùch môû baøi (moät soá baøi yeáu keùm ñaõ neâu treân)
- *Phaùt baøi vaø laáy ñieäm vaøo soã.

NS:9/1/2024

TUẦN 19 (TIẾT 73-76)

NG:15-19 /1/2024

CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG.

TIẾT 73-74: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

VĂN BẢN 1 THÁNH GIÓNG.

TIẾT 75: : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

TIẾT 76: Văn bản 2; SƠN TINH THUYẾT TINH

TIẾT 73-74 :GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

VĂN BẢN1 THÁNH GIÓNG.

A/GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

- Tri thức ngữ văn (truyền thuyết, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).
- Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.
- Công dụng của dấu chấm phẩy.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, chủ đề văn bản).
- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp).
- HSKT Kể được một đoạn truyện truyền thuyết.**
- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe video bài hát “Thánh Gióng ra trận” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c. Sản phẩm: HS nêu được

- Nội dung của bài hát: Ca ngợi anh hùng Thánh Gióng.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).
- Tri thức ngữ văn (truyền thuyết, thể giới nghệ thuật của truyền thuyết; văn bản thông tin thuật một sự kiện; dấu chấm phẩy).

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* Hoạt động cá nhân chia sẻ.

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?

- Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

* Chia nhóm và giao nhiệm vụ:

HSKT Hãy kể tên một số truyền thuyết mà em đã đọc? Em thích nhất truyền thuyết nào?

? Em hãy kể tóm tắt truyền thuyết mà em đã đọc và xác định nhân vật chính của truyền thuyết?

? Xác định các yếu tố cơ bản của truyền thuyết đó như cốt truyện, nhân vật, lời kể?

? Chỉ ra các yếu tố hoang đường, kì ảo trong truyền thuyết mà em đề cập đến?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

- Đọc phần tri thức Ngữ văn.

- Thảo luận nhóm:

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, c
phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV:

- Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát.
- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động c
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

B/ THÁNH GIÓNG

I. MỤC TIÊU

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo...
- HS nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.

- HS xác định từ ghép, từ láy; cụm động từ, cụm tính từ; phép tu từ so sánh và cấu tạo của từ Hán Việt theo mô hình “A + giả”.

-HSKT Xác định được chủ đề của truyện.

- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyền thuyết Thánh Gióng và những truyền thuyết khác.

- Vận dụng phương pháp học tập vào Đọc - Hiểu những truyền thuyết khác.

- Nhận biết nghệ thuật sử dụng các yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.

- Vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.

- Tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV: Chiếu 2 hình ảnh yêu cầu HS quan sát, miêu tả hành động của Thánh Gióng trong hình ảnh đó-> hoạt động cá nhân (1')

- GV quan sát HS hoạt động -> mời HS trả lời, chia sẻ

- HS: Hoạt động cá nhân (1') -> trả lời, chia sẻ

(+ Hình ảnh1: TG cầm gậy tre đánh giặc Ân

+ Hình ảnh 2: TG cưỡi ngựa sắt về trời...).

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

Trong trường ca Theo chân Bác, nhà thơ Tố Hữu viết:

Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng

Vươn vai, lớn bóng dậy nghìn cân

Cười lưng ngựa sắt bay phun lửa

Nhỏ bụi tre làng, đuổi giặc Ân!....

Ngay từ buổi đầu dựng nước Văn Lang, nhân dân ta đã phải chống trả giặc ngoại xâm (giặc Ân, giặc mũi đỏ ...) để giữ yên bờ cõi. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về truyền thuyết **Thánh Gióng** để hiểu hơn về người anh hùng Thánh Gióng và một thời kì lịch sử của dân tộc...

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
Mục tiêu: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính; nắm được khái niệm, đặc điểm (các yếu tố) của thể loại truyền thuyết; ngôi kể, bố cục của văn bản... Nội dung: - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi	
Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - HS chia sẻ ý kiến cá nhân: HSKT Nhân vật chính là ai? ? Truyện có những sự việc chính nào? Em hãy kể tóm tắt lại câu chuyện dựa trên các sự việc chính đó?	I. Tìm hiểu chung về văn bản 1. Đọc - tóm tắt và giải thích từ khó a) Đọc - kể tóm tắt - Nhận vật chính: Thánh Gióng - Sự việc chính: (1) Sự ra đời kì lạ (2) Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc

? Giải thích nghĩa của từ “ tàn quân, núi Ninh Sóc, huyện Gia Bình, làng Cháy”? ? Văn bản thuộc thể loại truyện gì trong VHDG? (Thể nào là truyền thuyết; nêu một số yếu tố của truyền thuyết) ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? ? Văn bản chia làm mấy phần? ? Nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - HS chia sẻ ý kiến cá nhân (theo phần chuẩn bị ở nhà) GV: - GV nêu câu hỏi, bổ sung (nếu cần: Đọc diễn cảm, chú ý chi tiết kì lạ cần nhấn mạnh. Cách đọc và giọng điệu của mỗi đoạn: + Đoạn TG ra đời: Giọng ngạc nhiên, hồi hộp + Lời Gióng trả lời sứ giả: Giọng đĩnh đạc, trang nghiêm + Đoạn cả làng nuôi Gióng: Giọng háo hức, phấn khởi + Gióng đánh giặc: Giọng khản trương mạnh mẽ, nhanh mạnh, gấp + Gióng về trời: Giọng chậm, nhẹ, thanh thản, xa vời huyền thoại) - Đọc đoạn Gióng ra đời. - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. HS: 1, 2 kể -> nhận xét B3: Báo cáo, thảo luận	(3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt (4) Gióng vươn vãi trở thành tráng sĩ (5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc (6) Gióng bay về trời b) Giải thích từ khó/SGK 2. Thể loại - Truyền thuyết; một số yếu tố của truyền thuyết/ SGK/Trang 5. - Truyền thuyết Thánh Gióng thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thời kì giữ nước. - Sử dụng ngôi kể thứ 3. 3. Bố cục: - <u>Phần 1</u>: Từ đầu đến “...đặt đầu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng) - <u>Phần 2</u>: Tiếp đến “...cứu nước” (Sự lớn lên của Thánh Gióng) - <u>Phần 3</u>: Tiếp đến “...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời) - <u>Phần 4</u>: Còn lại (các dấu tích còn lại

HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.	

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Sự ra đời của Thánh Gióng	
Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu truyện; Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng. Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Nêu câu hỏi và giao nhiệm vụ: (CH 1, 2/SGK/Trang 9) ? Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu truyện? ? Thánh Gióng đã ra đời kì lạ như thế nào? ? Sự ra đời kì lạ đó báo hiệu hiệu điều gì? - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ: B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2' (đọc SGK, tìm chi tiết)	- Thời gian: Đời Hùng Vương thứ 6. - Địa điểm: Tại làng Gióng. + bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai. + mười hai tháng sau sinh một cậu bé.... + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy. -> Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường

- Làm việc nhóm cặp 3' (trao đổi, chia sẻ và thống nhất nội dung trả lời). - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	
2. Sự lớn lên của Thánh Gióng	
Mục tiêu: Giúp HS - Hiểu được, phân tích, cảm nhận được ý nghĩa chi tiết về sự lớn lên của Thánh Gióng. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi qua phiếu bài tập, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ: ? Từ những chi tiết sau: + Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc + Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt + Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng ? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến khó khăn : câu hỏi số 2 - Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (2) bằng cách gợi dẫn. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chi tiết</th><th>Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc</td><td> -> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... +Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng. </td></tr> <tr> <td>Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt</td><td>-> Vũ khí hiện đại.</td></tr> <tr> <td>Bà con góp gạo nuôi Gióng</td><td>->Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.</td></tr> </tbody> </table>	Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết	Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	-> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... +Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.	Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	-> Vũ khí hiện đại.	Bà con góp gạo nuôi Gióng	->Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.
Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết								
Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	-> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... +Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.								
Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	-> Vũ khí hiện đại.								
Bà con góp gạo nuôi Gióng	->Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.								

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.			
3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời			
Mục tiêu: Giúp HS			
- Hiểu được, phân tích, cảm nhận được ý nghĩa chi tiết về việc Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời.			
Nội dung:			
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi qua phiếu bài tập, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.			
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần).			
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: ? Từ những chi tiết sau: + Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ + Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc + Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời ? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân	Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết	
	Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	-> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.	
	Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc	-> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.	

- 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến khó khăn: Câu hỏi số 2 - Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ gợi dẫn (nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó?). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời	-> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. - Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng	
4. Những dấu tích còn lại			
Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết về những dấu tích còn lại và hiểu được ý nghĩa.			

Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc chung cả lớp, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hoạt động chung cả lớp - Nêu câu hỏi và giao nhiệm vụ: (CH 6/SGK/Trang 9) ? Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân GV: Dự kiến khó khăn: - Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (2) bằng cách gợi ý (Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?) B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ. - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần). HS - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung.... B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS.	- Đèn thờ Phù Đổng Thiên Vương - Bụi tre đặng ngà - Ao hồ liên tiếp - Làng Cháy ☐ Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Chủ đề? Nội dung chính của văn bản? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ H S: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5'(trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo, chia sẻ kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường) 2. Nội dung – Ý nghĩa * <i>Nội dung:</i> Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta. * <i>Ý nghĩa:</i> Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mụcsau.	

2.1Viết kết nối với đọc

a. Mục tiêu:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Lời kể là lời của nhân vật.

b. Nội dung: HSviết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

TIẾT 75:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

I. Nghĩa của từ ngữ (Từ Hán Việt)	
Mục tiêu: Giúp HS: - Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố “giả” nhằm phát triển vốn từ Hán Việt. Nội dung: - GV chia nhóm cặp đôi - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp & giao nhiệm vụ: <i>Bài tập 1/SGK/trang 9.</i> - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	Bài tập 1 <table><tr><th>STT</th><th>Yếu tố Hán Việt A</th><th>Từ Hán Việt (A + giả)</th><th>Nghĩa của từ Hán Việt</th></tr><tr><td>1</td><td>tác</td><td>tác giả</td><td>người tạo ra tác phẩm, sản phẩm (bài thơ, bài văn,...)</td></tr><tr><td>2</td><td>độc</td><td>độc giả</td><td>người đọc</td></tr><tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr></table>	STT	Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (A + giả)	Nghĩa của từ Hán Việt	1	tác	tác giả	người tạo ra tác phẩm, sản phẩm (bài thơ, bài văn,...)	2	độc	độc giả	người đọc	...	...	...	...
STT	Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (A + giả)	Nghĩa của từ Hán Việt														
1	tác	tác giả	người tạo ra tác phẩm, sản phẩm (bài thơ, bài văn,...)														
2	độc	độc giả	người đọc														
...	...	...	...														
II. Từ ghép và từ láy																	
Mục tiêu: Giúp HS - Luyện tập về từ ghép, từ láy, biết phân biệt hai loại từ này. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời																	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm bàn & đặt câu hỏi: <i>Bài tập 2/SGK/Trang 10</i> - Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân chia sẻ ? Xác định từ ghép và từ láy trong những câu sau: Mặt mũi, xâm phạm, lo sợ, tài giỏi, vội vàng, gom góp, hoảng hốt, đền đáp. Cho biết cơ sở để xác định như vậy?	Bài tập 2 - Từ ghép: xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp. - Từ láy: vội vàng, hoảng hốt.																

B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc yêu cầu bài tập và thực hiện. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Báo cáo, chia sẻ kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Chốt kiến thức. - Chuyển dẫn sang câu hỏi 3.	
III. Cụm từ (cụm động từ, cụm tính từ)	
Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được ý nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ. Nội dung: GV đưa yêu cầu BT, HS thực hiện.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Chỉ ra cụm động từ và tính từ trong những cụm từ sau: Chăm làm ăn, xâm phạm bờ cõi, cất tiếng nói, lớn nhanh như thổi, chạy nhò, oai phong lẫm liệt. Chọn một cụm động từ, một cụm tính từ và đặt câu với mỗi cụm từ được chọn. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS nhận diện cụm động từ, cụm tính từ trong các cụm từ đã cho bằng cách xác	Bài tập 3 - Cụm động từ: xâm phạm/ bờ cõi, cất/ tiếng nói, lớn/ nhanh như thổi, chạy/ nhò. - Cụm tính từ: chăm/ làm ăn. - Đặt câu: Ví dụ: Giặc Ân đã <u>xâm phạm bờ cõi</u> nước ta.

định được: Cấu tạo của cụm từ (thành phần trung tâm, thành phần phụ), từ loại của thành phần trung tâm... B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	
IV. Biện pháp tu từ (so sánh)	
Mục tiêu: HS luyện tập về biện pháp so sánh, biết sử dụng trong khi nói và viết. Nội dung: GV đưa yêu cầu BT, HS thực hiện.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nêu biện pháp tu từ được dùng trong những cụm từ sau: <i>Lớn nhanh như thổi, chết như ngả rạ</i>. Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kể trong truyện Thánh Gióng? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm câu có biện pháp so sánh. GV hướng dẫn HS phát hiện ra cấu trúc của phép so sánh trong cụm từ và vận dụng theo yêu cầu bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 4 - Cấu trúc của phép so sánh trong cụm từ: <i>lớn nhanh như thổi, chết như ngả rạ</i> là “A như B”. - Vận dụng: + Giặc Ân chết như ngả rạ. + Thánh Gióng lớn nhanh như thổi

3. HĐ 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

? Nếu đóng vai sứ giả kể ngắn gọn truyện Thánh Gióng thì em sẽ kể như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS: Cách xác định ngôi kể, sự việc, giọng kể...

HS xác định ngôi kể, giọng kể, liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- HS xung phong trả lời câu hỏi

- Tham gia nhận xét, bổ sung...

B4: Kết luận, nhận định:

- Kể theo ngôi thứ nhất. Đảm bảo những sự việc chính.

+ Giọng kể truyền cảm, thay đổi phù hợp.

* GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực vẽ tranh, sử dụng CNTT trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Suu tầm thêm các dị bản về truyền thuyết Thánh gióng?

? Tìm hiểu về gương anh hùng trong cuộc sống đời thường? (gần đây)

? Vẽ tranh minh hoạ cho truyện - Nhóm có thể tạo thành tập truyện tranh.

- HS chọn 2 trong 3 nội dung trên làm và nộp sản phẩm.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho **GV** qua hệ thống CNTT mà **GV** hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết tiếp theo.

TIẾT 76: Văn bản 2; SƠN TINH THỦY TINH

(Truyền thuyết)

1. MỤC TIÊU

- Yếu tố truyền thuyết được thể hiện trong văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.
- Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hệ quả và giải pháp?
- Cuộc giao chiến của hai vị thần và ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- Phép tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy, của điệp ngữ và cấu tạo của từ Hán Việt theo mô hình.
- **HSKT tìm được những chi tiết kể về hai vị thần và nhận xét về hai vị thần.**
- Chỉ ra được phép tu từ điệp ngữ và nêu công dụng của nó trong văn cảnh cụ thể.
- Vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.
- Yêu mến và ngợi ca cái tốt, lên án cái xấu.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1 HĐ 1: Xác định vấn đề

Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu hình ảnh video về lũ lụt và đặt câu hỏi:

? Nội dung của video? Cảm xúc của em khi xem xong video?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

3.2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
a. Mục tiêu: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích. b. Nội dung: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi. - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc: + Đọc phán đoán + Đọc theo dõi - Yêu cầu HS đọc theo hướng dẫn và chia sẻ ý kiến cá nhân ? Giải thích nghĩa của từ “cầu hôn, Tản Viên, lạc hầu, phán, sinh lễ, hồng mao, nao núng...”? ? HSKT Văn bản thuộc thể loại truyện gì trong VHDG? ? Nhân vật chính là ai? ? Liệt kê các sự việc chính? ? Văn bản chia làm mấy phần? ? Nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và giải thích nghĩa của từ khó.	1. Đọc, kể tóm tắt và giải thích từ khó a. Đọc, kể tóm tắt - Đọc phán đoán - Đọc theo dõi - Sự việc chính: 1. Vua Hùng kén rể. 2. Sơn Tinh-Thủy Tinh đến cầu hôn. 3. Vua Hùng ra điều kiện chọn rể. 4. Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương. 5. Thủy Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh. 6. Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua. 7. Hàng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh. b) Giải thích nghĩa của từ khó 2. Tìm hiểu về văn bản

HS nghe hướng dẫn cách đọc của gv, quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi HS đọc và trả lời câu hỏi của GV - chia sẻ ý kiến cá nhân theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang đề mục sau.	- Thể loại: truyền thuyết - Nhân vật: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Hùng Vương, Mị Nương... - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. - Các sự việc - Bố cục: 3 phần + P1: Từ đầu ... “mỗi thứ 1 đôi” + P2: tiếp... “thần nước đành rút quân về”. + P3: còn lại

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Vua Hùng kén rể	
a. Mục tiêu: Giúp HS hoàn cảnh, mục đích, hình thức của việc vua Hùng kén rể. b. Nội dung: - GV sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (1) Đặt câu hỏi: ? Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hình thức kén rể? Kết quả ra sao? (2) Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ: - Hoàn thành phiếu học tập	a. Hoàn cảnh của việc kén rể - Vua có một người con gái tên là Mị Nương. - Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. - Vua Hùng rất mực yêu con. b. Mục đích: Muốn chọn cho con một người chồng thật xứng đáng.

P/điện ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh
Nguồn gốc		
Tài năng		
Nhận xét		

? Vua Hùng đưa ra giải pháp gì? Qua giải pháp đó, em thấy thái độ của Vua Hùng nghiêng về ai? Vì sao em lại có nhận xét như vậy?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.
- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của cá nhân và các nhóm.
- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.

→ Việc chọn dâu, kén rể là mô típ mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích.

c. Hệ quả: Hai chàng trai đến cầu hôn

P/điện ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh
Nguồn gốc	- Chúa vùng non cao.	- Chúa vùng nước thấp.
Tài năng	- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi. - Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.	- Gọi gió gió đến. - Hô mưa, mưa về.
Nhận xét	→ Ngang tài ngang sức. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).	

d. Giải pháp: Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn.

* Lễ vật: “100 ván cơm nếp, 100 nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.

→ Giải pháp kén rể có lợi cho Sơn Tinh. Vì đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh cai quản.

	→ Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thủy Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.			
1. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh				
a. Mục tiêu: Giúp HS				
- Tìm được chi tiết tái hiện lại cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.				
- Nhận xét được ý nghĩa của từng nhân vật.				
+ Sơn Tinh đại diện cho sức mạnh của nhân dân và thể hiện khát vọng chiến thắng thiên tai, lũ lụt.				
+ Thủy Tinh đại diện cho sức mạnh của lũ lụt, tàn phá mùa màng và đời sống của dân.				
b. Nội dung:				
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.				
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)				
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.				
d. Tổ chức thực hiện				
HD của thầy và trò		Sản phẩm dự kiến		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)			Cuộc giao chiến	
		Nguyên nhân	Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.	
			Thủy Tinh	Sơn Tinh
			- Hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, rung	- Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất

? Kết quả của cuộc chiến thể hiện ước mơ gì của nhân dân? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp kể hay tả để tái hiện hình ảnh Dế Mèn?). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	Diễn biến	chuyển cả đất trời. - Dâng nước đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, thành Phong Châu nổi lên bênh trên biển nước.	ngăn chặn dòng nước lũ. - Nước dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.
	Nhận xét	=> Sức mạnh và sự tàn phá ghê gớm. Thế gian ngập nước, không còn sự sống con người. - Thủy Tinh tượng trưng cho sức mạnh của thiên tai bão lụt, sự đe dọa thường xuyên của thiên tai với cuộc sống con người.	=> Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh là hành động tự bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhà cửa, đất đai và cuộc sống muôn loài trên mặt đất. - Sơn Tinh có nhiều sức mạnh hơn: Chàng có sức mạnh tinh thần của vua Hùng; có sức mạnh vật chất: trận địa, đồi núi cao hơn,

			vững chắc hơn; có tinh thần bền bỉ. - Sơn Tinh tượng trưng sức mạnh chế ngự thiên tai, bão lụt của nhân dân.
	Kết quả	Cuối cùng Thủy Tinh đã mệt mà Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đành rút quân về. Hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.	
	Nhận xét	⇒ Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: -Đọc lại nội dung trong vở ghi. -Ghi kết quả ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).		III. Tổng kết 1- Nghệ thuật Truyện được xây dựng bằng trí tưởng tượng hồn nhiên với những yếu tố hoang đường kì lạ, có sức hấp dẫn để giải thích hiện tượng tự nhiên. 2- Nội dung -Truyện nhằm giải thích hiện tượng mưa gió bão lụt hàng năm vẫn diễn ra ở vùng sông Hồng, đồng thời thể hiện	

B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Trình bày sản phẩm cá nhân - HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	ước mơ chiến thắng thiên tai bão lụt của người Việt cổ. - Ca ngợi công lao trị thủy dựng nước của cha ông ta. → Dân gian tạo dựng 2 hình tượng kì vĩ mang tính tượng trưng cho sức mạnh ghê gớm của thiên tai và sức mạnh trị thủy thắng lợi của con người. Điều đó rất gần với cuộc sống hôm nay.

3.2.2 Viết kết nối với đọc

a. Mục tiêu: Giúp HS

- HS viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Lời kể là lời của nhân vật.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp từng viết về Sơn Tinh và Thủy Tinh như sau:

“Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì
Một thân phi bạch hổ trên cạn
Một thân cười lung rỗng uy nghi”

Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta đều có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh theo cách riêng. Hãy viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) ghi lại sự tưởng tượng của em về hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

NS:15/1/2024

TUẦN 20

NG:22-26/1/2024

TIẾT 77 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Nhận biết và hiểu được công dụng và cách sử dụng dấu chấm phẩy; cấu tạo và nghĩa của từ Hán Việt, thành ngữ thông dụng; củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ.

2. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Nhắc lại được các dấu câu và tác dụng của các dấu câu đã học. Từ đó, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

b) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Khi đọc một văn bản, em thường thấy có những</i>	HS lắng nghe và huy động kiến thức

<i>dấu câu nào? Hãy kể tên và nêu tác dụng của những dấu câu đó?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV dẫn dắt: Các dấu câu có vai trò quan trọng trong tạo lập văn bản. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về dấu chấm phẩy. <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i>	đã có về dấu chấm phẩy, từ HV, phép tu từ điệp ngữ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ

a. Mục tiêu: HSKTNắm được các khái niệm về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Em hãy nêu hiểu biết của mình về dấu chấm phẩy?</i> - GV đưa ra bài tập mẫu: Tìm dấu chấm phẩy trong câu sau và nêu tác dụng <i>a) Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.</i> (Thạch Lam) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của câu ghép. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV chuẩn kiến thức: Có thể thay bằng dấu phẩy và nội dung của câu không bị thay đổi.	I. Dấu chấm phẩy - Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê. - Vị trí: đặt ở cuối dòng có tính liệt kê.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. HS đọc đoạn văn, thảo luận nhóm, trình bày nhận xét về vị trí, công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn, tương quan của hai bộ phận trước và sau dấu chấm phẩy. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2 GV hướng dẫn HS: để viết đoạn văn cần trả lời hai câu hỏi + Em dự định viết đoạn văn chủ đề gì? + Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào, câu nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm và nêu cấu tạo từ HV bài 3 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ +Dự kiến sản phẩm: thủy canh, thủy sản... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. Gv yêu cầu HS dựa vào VB đọc có chứa các từ ngữ	II. Luyện tập Bài tập 1/ trang 13 HS tự làm vào vở Bài 2/ trang 13 Bài 3/ trang 13 <table><tr><th>STT</th><th>Yếu tố HV A</th><th>Từ HV thủy+A</th><th>Nghĩa của từ</th></tr><tr><td>1</td><td>Cư</td><td>Thủy cư</td><td>Sống ở trong nước</td></tr><tr><td>2</td><td>quái</td><td>Thủy quái</td><td>Quái vật sống dưới nước</td></tr><tr><td></td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table> Bài 4/ trang 13 Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được. Thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự đó là: Góp gió thành bão, đội trời đạp đất, dãi	STT	Yếu tố HV A	Từ HV thủy+A	Nghĩa của từ	1	Cư	Thủy cư	Sống ở trong nước	2	quái	Thủy quái	Quái vật sống dưới nước				
STT	Yếu tố HV A	Từ HV thủy+A	Nghĩa của từ														
1	Cư	Thủy cư	Sống ở trong nước														
2	quái	Thủy quái	Quái vật sống dưới nước														
																	

liên quan đến các thành ngữ để hiểu ý nghĩa của chúng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bản	nắng dầm mưa, chân cứng đá mềm, chém to kho măn.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập trong sách bài tập. Từ đó, củng cố kiến thức cho hs.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) sử dụng phép tu từ điệp ngữ.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

TIẾT 78 | VĂN BẢN 3 ; AI OI MÔNG 9 THÁNG 4

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện.
- HSKT: Hiểu những thông tin cơ bản về lễ hội Gióng về lễ hội đền Gióng.**
- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản, về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản thông tin.
- Phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản thông tin với các văn bản khác có cùng chủ đề.

2. Phẩm chất:

- Biết nhớ ơn và tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc qua các lễ hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Xem video lễ hội Gióng, gợi nhắc đến văn bản Thánh Gióng. Từ đó, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS quan sát video về lễ hội Gióng và đặt câu hỏi: <i>Lễ hội trên gợi nhắc em đến văn bản nào đã học?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt: Từ truyền thuyết Thánh Gióng, nhân dân ta tổ chức hội Gióng nhằm nhớ ơn công lao của Gióng và cũng để nhắc nhở con cháu mai sau về truyền thống đấu tranh hào hùng, tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: HSKT **Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.**

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>phổng, phù giá, xà cạp</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu chú thích

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <i>Xác định bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV2	2. Bố cục: 3 phần - P ₁ : Từ đầu -> <i>đồng bằng Bắc Bộ</i> : giới thiệu về hội Gióng - P ₂ : Tiếp theo -> <i>viên hầu cận</i> : Tiến trình hội Gióng. - P ₃ : Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: 1. Văn bản này thuật lại sự kiện gì? 2. Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: 1. VB này thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9/4 âm lịch tại xã Phù Đồng – Gia Lâm - Hà Nội 2. Đoạn mở đầu của VB cho biết các thôn tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa, mưa dông), tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong hững lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng BB). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt tiếp câu hỏi: + Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào? + Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết TG? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Một số địa danh diễn ra hội Gióng như Cổ Viên, Miếu Ban, Đền Mẫu, Đền Thương. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: cho HS xem thêm một số tranh ảnh về các di tích này với học sinh. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu bài tập để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Giới thiệu hội Gióng - Tên: lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đồng. - Thời gian: 9/4 âm lịch - Địa điểm: xã Phù Đồng – Gia Lâm - Hà Nội - Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn.

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS nêu được thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: + <i>Hãy tìm một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS liệt kê các hình ảnh, hoạt động: Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội đã được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng như: Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, ngày mùng 8: tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc; Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc; 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù; 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta; Dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng; Cảnh chia nhau những đồ tế lễ tượng trưng cho việc xin lộc Thánh để được may mắn trong cả năm; Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho việc báo tin thắng trận với trời đất, thiên hạ hưởng thái bình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NV6	2. Tiến trình của hội Gióng - Thời gian chuẩn bị: 1/3-5/3 - Lễ hội bắt đầu + Mùng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng + Mùng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân + Mùng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận. → Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động. - Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc. 3. Ý nghĩa của hội Gióng

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Theo em, hội Gióng có ý nghĩa gì ?</i> -Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV chuẩn kiến thức: Lễ Hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế... Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy để giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời. NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản ?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	- Di sản văn hoá vô giá của văn hoá dân tộc. → cần được bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của muôn đời. III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: - Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện được nét đẹp văn hoá tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc. 2. Nghệ thuật - Sử dụng các phương thức thuyết minh, ngắn gọn, súc tích.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy lập sơ đồ tư duy và thuyết minh ngắn gọn về lễ hội Gióng ở nước ta.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

TUẦN 20-21- TIẾT 80-82- VIẾT

VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ KIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS thấy được chức năng của kiểu VB thuyết minh thuật lại một sự kiện trong đời sống cũng như đặc điểm cơ bản của nó.
- HS viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem qua, nghe sách báo, truyền hình, truyền thanh.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Các em vừa đọc xong một Vb tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Các em cũng đã đọc lời dẫn trong sách. Bây giờ các em đã sẵn sàng để viết một bài văn tương tự chưa? Chúng ta sẽ cùng nhau tiến hành công việc này ngay bây giờ.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh lại một sự kiện

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh lại một sự kiện.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Đó là sự kiện gì? Xảy ra khi nào? Mục đích tổ chức sự kiện là gì?	
Sự kiện xảy ra khi nào? Ở đâu	
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?	
Sự kiện đã diễn ra theo trình tự như thế nào?	
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì? + HS lấy dẫn chứng từ VB Ai ơi mùng 9 tháng 4 để minh họa cho những yêu cầu đó. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	I. Tìm hiểu chung 1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp. Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian). Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc. Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:** Hiểu được các đặc điểm của bài văn thuyết minh
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo kể về một hội chợ xuân được tổ chức ở trường học mà người viết từng tham gia, trải nghiệm. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về sự kiện, kèm theo cả những nhận xét, đánh giá, cảm nghĩ của người viết về sự kiện. - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau: + Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất? + Phần nào đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện? + Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?	2. Phân tích bài viết tham khảo

+ Bài viết tường thuật theo trình tự nào? + Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật? - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Người thuyết minh xưng “tôi”: <i>trường tôi, tôi được tham gia, tôi được thấy lần đầu tiên,...</i> + Phần mở đầu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân. + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; không gian: trong sân trường; diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi,... + Trật tự thời gian: <i>8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều</i>; trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc + <i>ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi;...</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các viết bài văn

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh lại một sự kiện Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một sinh hoạt văn hoá) PHIẾU TÌM Ý <table border="1"> <tr> <td>Sự kiện gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Những ai đã tham gia sự kiện? ? Họ đã nói và làm gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?</td><td>.....</td></tr> </table> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS viết bài tại lớp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	Sự kiện gì?		Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?		Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?		Những ai đã tham gia sự kiện? ? Họ đã nói và làm gì?		Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?		Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?		2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>
Sự kiện gì?													
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?													
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?													
Những ai đã tham gia sự kiện? ? Họ đã nói và làm gì?													
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?													
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?													

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

TIẾT 82 : ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

Mục tiêu: Giúp HS

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.

- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.	Bài viết đã được sửa của HS

TIẾT 83& 84- NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ ba.
- Biết cách nói và nghe phù hợp tường thuật theo lời kể chuyện thông thường.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt (Dưới 5 điểm)	Đạt (Từ 5-7 điểm)	Tốt (Từ 8-10 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyền thuyết.	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

I

II. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- **HSKT quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.**

c. Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là kể lại một truyền thuyết

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Em học được điều gì khi kể chuyện qua đoạn video trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung theo dõi video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI
a. Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b. Nội dung: - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? ? Em cần chuẩn bị những gì cho bài nói của mình? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết; lập bảng tóm tắt những sự việc chính, xác định giọng kể. 2. Tập luyện - Tập nói một mình. - Luyện nói theo nhóm cặp. - Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ...

TRÌNH BÀY NÓI	
a. Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. b. Nội dung: GV yêu cầu: - HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết & nhận xét HD nói của bạn. c. Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS d. Tổ chức thực hiện	
HD của GV & HS	Dự kiến sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết). + Nội dung nói đảm bảo các sự việc chính theo trình tự nhất định, có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau.	

HĐ 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai một trong các nhân vật Thánh Gióng, Sơn tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng...kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: Liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Suu tầm một số bản kể của các truyền thuyết đã học. So sánh và nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	

4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

Bài tập 2: Viết đoạn văn tưởng tượng cách kết thúc khác của truyền thuyết *Thánh Gióng* và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy và nêu tác dụng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)...

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b. Nội dung:

- GV ra bài tập
- HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Tìm hiểu, giới thiệu một số tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện *Thánh Gióng* và truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*?

Bài tập 2: Theo em vì sao hội thi thể thao trong trường phổ thông thường được đặt tên là *Hội khỏe Phù Đổng*?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định(GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI 1

Phiếu số

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt (Dưới 5đ)	Đạt (Từ 5-7 điểm)	Tốt (Từ 8-10 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyền thuyết.	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

	cảm không phù hợp.	dung câu chuyện.	
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

Phiếu số

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

Tuần: 22 Tiết: 85	BÀI 7. THỂ GIỚI CỔ TÍCH GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN	NS: 05/01/2024

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.
- Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

HSKT: Nhận biết một vài yếu tố: nhân vật, lời người kể chuyện, yếu tố kì ảo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.
 - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.
 - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
 - Tranh ảnh minh họa cho các truyện cổ tích
 - Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
 - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c) Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Ngày nhỏ, em có từng được nghe bà hoặc mẹ kể chuyện cổ tích không? Em thích nhất truyện cổ tích nào? Hãy chia sẻ cùng cả lớp?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: <i>Nêu tên một truyện cổ tích mà em biết?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	HS kể tên được một số truyện cổ tích đã học

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Truyện cổ tích đã gắn với tuổi thơ mỗi người qua những lời kể của bà, của mẹ. Những sáng tác dân gian ấy trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: <i>Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</i> HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Gv chuẩn kiến thức: + Ý thứ nhất giới thiệu thể loại của bài học thông qua các VB đọc hiểu. Lời giới thiệu phác hoạ đặc điểm, tinh thần cơ bản của thể giới truyện cổ tích với nhân vật cổ tích (thiện ác rõ ràng, thưởng phạt phân minh), yếu tố hoang đường kì ảo (những phép màu, những điều kì lạ, khác thường), cốt truyện (li kì, huyền ảo). + Ý thứ hai hướng chúng ta đến việc tự đọc và khám phá, rút ra những bài học đời sống, những triết lí nhân sinh rất thực, rất rõ	1. Giới thiệu bài học - Giới thiệu đặc điểm của truyện cổ tích: nhân vật, cốt truyện cổ tích. - Truyện cổ tích với những bài học cuộc sống, những triết lí nhân sinh sâu sắc.

ràng từ thế giới cổ tích hoang đường, kì ảo. Sau khi đọc, thưởng thức các truyện cổ tích, các em có thể kể lại được những câu chuyện đó bằng ngôn ngữ của các em (bài văn kể lại truyện cổ tích).	

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về cổ tích, kể tên các truyện cổ tích đã đọc.

HSKT: Nắm được một vài yếu tố của truyện cổ tích.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Truyện cổ tích là gì? Những yếu tố như nhân vật, người kể chuyện, cốt truyện, yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích có đặc điểm gì?</i> GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Em đã biết những truyện cổ tích nào? Em biết các truyện trong hoàn cảnh nào? + Hãy tóm tắt và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích. + Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo trong các truyện đã học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Em hãy nêu một yếu tố của truyện cổ tích? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	Truyện cổ tích Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa. Một số yếu tố của truyện cổ tích - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ. - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác). - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo. - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện. - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tùy thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Chọn 1 truyện cổ tích yêu thích và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc:

- Tóm tắt cốt truyện
- Xác định nhân vật chính
- Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo sử dụng trong truyện

HSKT: Xác định nhân vật chính trong truyện.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Theo em, tại sao truyện cổ tích lại có các yếu tố kì ảo, hoang đường?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học:

- Nắm kiến thức về truyện cổ tích

- Chuẩn bị bài: Thạch Sanh:

+ Đọc văn bản

+ Trả lời câu hỏi ở phần gợi ý.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Tuần: 22 Tiết: 86	VĂN BẢN 1. THẠCH SANH	NS: 05/01/2024

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nêu được ấn tượng chung về văn bản.
- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.
- HS tóm tắt được câu chuyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại truyện cổ tích: các kiểu nhân vật, các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, lời kể chuyện...
- HS nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

HSKT: Nhận biết được kiểu nhân vật, một vài yếu tố kì ảo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện Thạch Sanh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: <i>Hãy tưởng tượng, vẽ một con vật kì ảo trong truyện cổ tích em đã đọc và giới thiệu về con vật đó.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt:	- HS nêu suy nghĩ về người anh hùng. - Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Thạch Sanh thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm?</i> - GV hướng dẫn cách đọc: to, rõ ràng, nhấn mạnh những chiến công của Thạch Sanh. Thể hiện giọng của từng nhân vật: Thạch Sanh thật thà, tin người; mẹ con Lí Thông nham hiểm, độc ác. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó GV hỗ trợ HSKT. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV bổ sung: Tuy Thạch Sanh mồ côi, nhưng chủ yếu truyện khắc họa hình ảnh người dũng sĩ tài năng dũng cảm cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: Thuộc truyện cổ tích kể về người dũng sĩ tài năng dũng cảm.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

HSKT: *Nắm nội dung văn bản một cách ngắn gọn nhất.*

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:	2. Đọc- kể tóm tắt - Nhận vật: + Nhân vật chính: Thạch Sanh + Nhân vật phụ: Mẹ con Lí Thông, vua, công chúa...

+ Tóm tắt văn bản Thạch Sanh bằng cách sắp xếp đúng thứ tự các sự kiện (theo PHT) + <i>Truyện Thạch Sanh có những nhân vật nào? Nhân vật nào là chính? Vì sao em xác định như vậy?</i> + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>Hãy xác định bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: <i>Truyện Thạch Sanh có những nhân vật nào? Nhân vật nào là chính?</i> <i>+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Tóm tắt văn bản 1. Thạch Sanh là thái tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai làm con của hai ông bà lão nghèo ở quận Cao Bình. - Bà mẹ mang thai TS mấy năm mới sinh. Lớn lên cậu được thiên thần dạy võ nghệ và phép thần thông. 2. Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông, bị Lí Thông lừa đi canh miếu thờ thế mạng, TS giết chằn tinh chặt đầu đem về, lại bị Lí Thông lừa, TS trở về gốc đa sống bằng nghề kiếm củi. 3. Lí Thông cướp công TS, được vua ban thưởng phong cho làm quận công. 4. Công chúa bị đại bàng bắt đi, vua sai LT đi tìm. LT nhờ Thạch Sanh giúp đỡ, TS xuống hang giết đại bàng cứu công chúa, bị Lí Thông lấp kín cửa hang. 5. TS cứu Thái Tử con vua Thủy Tề, được thưởng cây đàn thần. 6. Hồn chằn tinh và đại bàng lập mưu hãm hại, TS bị bắt vào ngục. Chàng gảy đàn, tiếng đàn chữa	- Ngôi kể: ngôi thứ ba Bố cục: 4 phần - Đoạn 1: Từ đầu => <i>mọi phép thần thông</i>: Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh. - Đoạn 2: Tiếp => <i>phong cho làm quận công</i>: Thạch Sanh chiến thắng Chằn Tinh, bị Lý Thông cướp công. - Đoạn 3: Tiếp => <i>Hoá kiếp thành bọ hung</i>: Thạch Sanh đánh nhau với đại bàng, cứu công chúa và con trai vua Thủy Tề; Lý Thông bị trừng phạt. - Đoạn 4: Phần còn lại: Hạnh phúc đến với Thạch Sanh.

khỏi bệnh tâm cho công chúa. Thạch Sanh được giải oan. TS tha tội cho mẹ con LT nhưng chúng đã bị sét đánh chết và biến thành bọ hung. 7. TS cưới công chúa, hoàng tử các nước chư hầu kéo quân tiến đánh, TS đem đàn ra gảy, quân lính ... các hoàng tử cởi giáp xin hàng. 8. TS mời cơm quân sĩ 18 nước chư hầu, nhiều cơm tí xiu mà ăn mãi không hết. 9. Vua nhường ngôi cho TS. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - GV đặt câu hỏi chuyển ý bằng câu hỏi: Sau khi đọc xong truyện, em có thích truyện Thạch Sanh không? Vì sao? GV khuyến khích HS bày tỏ chân thật, hồn nhiên cảm xúc và suy nghĩ của mình NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh</i> GV khuyến khích HS bày tỏ chân thật, hồn nhiên cảm xúc và suy nghĩ của mình - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt được các chi tiết về hoàn cảnh ra đời của TS Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nhân vật Thạch Sanh a. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh - Nhà nghèo, sống một mình, làm nghề đốn củi kiếm ăn. => gần gũi với nhân dân, có nguồn gốc từ nhân dân lao động.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Gv bổ sung: Chi tiết khác thường: Nhân vật mồ côi, nhà nghèo là một kiểu dạng nhân vật điển hình, xuất hiện trong những câu chuyện cổ tích VN. Đó cũng là sự hình tượng hoá kiểu thân phận điển hình trong xã hội phong kiến VN trước đây. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận theo nhóm: Phiếu bài tập số 1 (bài 1,2) a. Hãy liệt kê những chi tiết miêu tả hành động của TS. Qua những lần thử thách ấy, em thấy TS bộc lộ những phẩm chất gì? b. Nếu sau khi trở về cung, công chúa không bị câm thì theo em điều gì sẽ xảy ra? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT: Nêu một thử thách mà TS trải qua? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi +Dự kiến sản phẩm: a. TS trải qua 4 thử thách 1. TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng. TS giết chết chằn tinh. 2. TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang, TS cứu thái tử con vua Thủy Tề và được vua Thủy Tề tặng cây đàn thần. 3. Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. Tiếng đàn của Thạch Sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa. 4. Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. TS gảy đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.	b. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh - TS đã trải qua 4 thử thách : 1. TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng.TS giết chết chằn tinh. 2. TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần. 3. Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa. 4. Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. TS gảy đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng. => Qua các thử thách, TS đã bộc lộ nhiều phẩm chất đáng quý: + Thật thà chất phác, + Dũng cảm, tài giỏi, + Nhân ái, yêu hoà bình.

b. Nếu công chúa không bị câm, có thể nhà vua đã gả cho Lí Thông. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức và bổ sung: - Nàng công chúa không nói, không cười thuộc mô-típ <i>người câm</i> quen thuộc trong truyện cổ tích. Đây là một sự hình tượng hoá các nhân vật đang mang chịu một nỗi uất ức hay che giấu một điều bí mật nào đó chưa thể hoặc không thể tiết lộ ra. Đó cũng là một hình thức “giãn cách” thời gian tạm thời để chờ đợi sự xuất hiện của nhân vật chính. Nàng công chúa trong truyện <i>Thạch Sanh</i> không nói gì như một hình thức từ chối/ không nhận kẻ giả mạo Lí Thông. Chỉ đến khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh (nhân vật chính đã xuất hiện trở lại), công chúa mới lên tiếng để trao cho Thạch Sanh cơ hội vạch mặt kẻ giả mạo. - Nếu công chúa không bị câm thì có thể nàng sẽ nói cho nhà vua biết toàn bộ sự thật và câu chuyện sẽ đi theo một kết cục khác. Tuy nhiên, đó không phải là dụng ý của tác giả dân gian. Chúc năng giải mã bí mật, phơi bày sự thật, vạch mặt kẻ giả mạo trong câu chuyện này không được đặt ở nhân vật công chúa. Gv chuyển ý: Đối lập với TS là LT, một kẻ xảo trá, hèn nhát bất tài, ích kỉ, tham lam, độc ác (biểu hiện của kẻ ác) NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : - GV yêu cầu HS: 1. Hãy liệt kê các chi tiết miêu tả hành động của Lí Thông? Qua đó em nhận xét gì về nhân vật này?	2. Nhân vật Lí Thông Tính cách của LT bộc lộ qua các hành động : - Gian trá, xảo quyệt

2. Hãy chỉ ra sự đối lập giữa TS và LT - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Chỉ ra một chi tiết miêu tả hành động của LT? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi + Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức: - GV bổ sung: Như vậy, Thạch Sanh và Lí Thông đại diện cho 2 tuyến nhân vật thiện và ác trong truyện cổ tích. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 1 trong PBT: <i>Liệt kê các con vật và đồ vật kì ảo xuất hiện trong truyện?</i> <i>Ý nghĩa của các chi tiết</i> - HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Chỉ ra một con vật, đồ vật kì ảo xuất hiện trong truyện? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Các con vật kì ảo: chằn tinh, đại bàng các đồ vật thần kì: chiếc cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Tàn nhẫn, vô lương tâm - Tiểu nhân, bạc nhược, thấp hèn 3. Ý nghĩa của một số chi tiết thần kì - Tiếng đàn ... là đại diện cho công lý, thể hiện ước mơ về lẽ công bằng trong xã hội và tinh thần yêu hoà bình của nhân dân ta. - Niêu cơm dù nhỏ nhưng ăn mãi không hết thể hiện ước mơ về một cuộc sống no ấm, tượng trưng cho tấm lòng nhân ái, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta. Các chi tiết tưởng tượng kì ảo mang lại cho truyện màu sắc thần kì, đồng thời thể hiện sự tư tưởng của nhân dân: những người hiền

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: <i>Truyện kết thúc như thế nào? Qua kết thúc này nhân dân ta muốn thể hiện điều gì? Kết thúc này có phổ biến trong truyện cổ tích không? Hãy nêu 1 số ví dụ....</i> <i>Mẹ con Lý Thông dù được TS tha mạng nhưng vẫn bị sét đánh chết, biến thành bọ hung. Cách kết thúc này có ý nghĩa gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Truyện kết thúc như thế nào? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức: Truyện kết thúc có hậu, thể hiện tư tưởng của nhân dân “ở hiền gặp lành”. Kết hôn và lên ngôi là mô-tip quen thuộc thường thấy ở nhiều câu chuyện. Là phần thưởng mà tác giả dâ gian dành cho nhân vật tốt bụng, tài năng. Đồng thời, những kẻ gieo gió ắt gặp bão. Mẹ con LT dù được TS bao dung, độ lượng tha tội nhưng vẫn bị trời trừng phạt. Thể hiện thái độ kiên quyết: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi, thì chưa đủ. Hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật... sống ở những nơi ... Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con LT không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có	lành, lương thiện sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ. 4. Kết thúc truyện - TS cưới công chúa, lên làm vua. - Mẹ con LT bị sét đánh chết => Kết thúc có hậu thể hiện ước mơ công lý xã hội (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người... - Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện. b. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường)

đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ. NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Nắm vài ý về nội dung văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV chuẩn kiến thức:	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Đóng vai các nhân vật để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: chia lớp thành 3 tổ, yêu cầu hoạt động cá nhân theo tổ

- Mỗi nhóm chọn một lá thăm trong đó có ghi lại một trong những chiến công của TS: giết chằn tinh, bắn đại bàng bị thương, đuổi giặc chư hầu bằng tiếng đàn.

- Hãy đóng vai các nhân vật kể lại những chiến công của TS.

HS trong tổ và GV hỗ trợ HSKT.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Trong cuộc sống, đôi khi có người thốt lên câu nói:

Thời buổi của khó người khôn

Thạch Sanh thì ít, Lí Thông thì nhiều

Theo em, những người như thế nào được gọi là Lí Thông? Thái độ của em với những hạng người đó như thế nào?

2. (Bài tập về nhà) Dũng sĩ là người có lòng dũng cảm, chiến đấu diệt trừ cái ác, bảo vệ cuộc sống của cộng đồng. Viết đoạn văn 5-7 câu kể về một dũng sĩ mà em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.

HSKT: Viết được một vài câu.

GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, cảm xúc chân thật.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học: Nắm nội dung bài học, chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhiệm vụ: đọc truyện Thạch Sanh và thực hiện các yêu cầu.

1. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống.

Con vật kì ảo:	Đặc điểm/ ý nghĩa:
Đồ vật kì ảo:	Đặc điểm/ ý nghĩa:

2. Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Thạch Sanh:

3. Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Lý Thông:

4. Từ kết quả của bài tập 2 và 3, hãy lập bảng so sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:

Thạch Sanh	Lý Thông

Tuần: 22 Tiết: 87	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	NS: 05/01/2024

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.
- Thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

HSKT: nhận biết được một vài nghĩa của từ trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Khi gặp từ khó trong một văn bản, chúng ta sẽ dùng những cách nào để hiểu nghĩa của chúng? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	HS nêu được cách giải nghĩa: sử dụng từ điển, đoán dựa vào những từ xung quanh.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: củng cố kiến thức đã học

a. Mục tiêu: Nắm được các cách giải nghĩa của từ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	I. Ôn tập lí thuyết

- GV đặt câu hỏi: Khi đọc một văn bản, các em làm thế nào để hiểu được nghĩa của những từ ngữ mà em thấy khó hiểu? Cho ví dụ? - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh: Từ “tứ cố vô thân” trong câu văn sau có ý nghĩa gì? Em giải nghĩa từ đó dựa vào cách nào <i>Vì sớm mồ côi cha mẹ, <u>tứ cố vô thân</u>, nay lại có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và từ giã gốc cây đa đến sống chung với mẹ con Lí Thông.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ GV giải thích cho HSKT hiểu. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ + Dự kiến sản phẩm: <u>tứ cố vô thân</u> (không có ai thân thích, họ hàng) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - GV củng cố kiến thức: Các em có thể suy đoán nghĩa dựa vào những từ xung quanh. Trong ví dụ trên, nghĩa của từ “tứ cố vô thân” có thể dựa vào nội dung của từ xung quanh “vì mồ côi cha mẹ” để suy đoán nghĩa.	
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh Bài tập thêm: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: sôi động, náo nhiệt, tốt, kém, cao, thấp? Giải nghĩa các từ vừa điền <i>Giờ trả bài tập làm văn là giờ /.../ nhất và thầy giáo thường đọc cho cả lớp nghe hai bài, bài được điểm /.../ nhất và bài điểm /.../ nhất.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ	Giải thích nghĩa của các từ vừa điền: - Sôi động: nhiều biến động không ngừng. - Cao: Hơn hẳn mức trung bình về số lượng hay chất lượng. - Thấp: Dưới mức trung bình về trình độ, chất lượng.

Dự kiến sản phẩm: Giờ trả bài tập làm văn là giờ sôi động nhất và thầy giáo thường đọc cho cả lớp nghe hai bài, bài được điểm cao nhất và bài điểm thấp nhất. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT làm một vài câu đơn giản.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.	Bài tập 1/ trang 30			
	Yếu tố HV A	Nghĩa của yếu tố HV A	Từ HV A + giả	Nghĩa của từ
	Tiên	Trước, sớm nhất	Gia tiên	Tổ tiên của gia đình
	Truyền	Trao, chuyển	Gia truyền	Được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình
	Cảnh	Hiện trạng nhìn thấy	Gia cảnh	Hiện trạng của gia đình
	Sản	Của cải	Gia sản	Tài sản trong gia đình
	súc	Các loại thú nuôi	Gia súc	Các loại vật nuôi trong gia đình

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: làm bài tập 2, xác định nghĩa của từ trong câu nhờ phương pháp suy đoán.

GV giải thích và phân tích ví dụ, để HS rút ra được nghĩa của từ “khéo léo”

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận
+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Gv lưu ý HS: để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển để giải thích nhưng để tra nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn nên dựa vào các từ.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3, giải thích nghĩa của từ ngữ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:

Bài 2/ trang 30

STT	Từ ngữ	Nghĩa của từ
1	Hiện nguyên hình	Trở về hình dạng vốn có
2	Vu vạ	Đổ tội cho người khác
3	Rộng lượng	Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những sai lầm của người khác
4	Bủn rủn	Không thể cử động được do gân cốt rã rời ra

Bài 3/ trang 31

STT	Từ ngữ	Ý nghĩa
1	Khoẻ như voi	Rất khoẻ
2	Lân la	Từ từ đến gần, tiếp cận ai đó

- Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ. - Cụm tính từ: chăm/làm ăn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. - GV hướng dẫn HS căn cứ vào đoạn kể trong truyện Thạch Sanh (từ TS sai dạn.... ăn hết lại đầy) để suy đoán được nghĩa của thành ngữ niêu cơm TS - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. Các đội trong thời gian 2 phút tìm được những thành ngữ được hình thành từ các truyện kể. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: là niêu cơm ăn không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô hạn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	3	Gạ	Chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó
	4	Hí hửng	Vui mừng thái quá
	5	Khôi ngô tuấn tú	Diện mạo đẹp đẽ, sáng láng
	6	Bất hạnh	Không may, gặp phải những rủi ro khiến phải gặp đau khổ
	7	Buồn rười rượi	Rất buồn
Bài 4/ trang 31 - Niêu cơm Thạch Sanh: là niêu cơm ăn không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô hạn. - Một số thành ngữ hình thành từ các truyện kể: hiền như cô Tấm,...			

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức:	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Chọn một từ và giải nghĩa từ có trong đoạn văn đó.

HSKT viết một vài câu, không giải thích nghĩa của từ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học:

- Nắm nội dung bài học

- Chuẩn bị bài: *Cây khế*

+ Đọc văn bản

+ Trả lời câu hỏi ở phần gợi ý.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Tổ chức trò chơi	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Tuần: 22, 23 Tiết: 88, 89	VĂN BẢN 2. CÂY KHẾ	NS: 05/01/2024

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS tóm tắt và nêu được ấn tượng chung về VB.
- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, không gian kì ảo*; công thức mở đầu; lời kể chuyện,...
- HS biết nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

HSKT: Nhận biết được một vài yếu tố kì ảo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây khế*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây khế*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện *Cây khế*
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) **Nội dung:** HS chia sẻ

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị: Hãy tưởng tượng em có một chuyến phiêu lưu đến hòn đảo kì diệu. <i>GV đặt câu hỏi: Vì sao không gian đảo xa thường có nhiều điều bất ngờ, kì diệu? Em đã từng đặt chân đến một hòn đảo ngoài biển khơi xa lắc lư nào chưa?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Đảo xa, nơi con người chưa khám phá chắc hẳn sẽ hấp dẫn các em bởi nơi ấy hoang sơ và còn nhiều điều kì bí. Hòn đảo xa mà chim thần đưa người em và người anh trong truyện Cây khế đã làm thay đổi cuộc sống của họ? Vậy ý nghĩa của sự thay đổi ấy là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.	- HS kể ngắn gọn những suy nghĩ, tưởng tượng của mình.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Cây khế thuộc thể loại nào trong truyện dân gian?</i> - GV hướng dẫn cách đọc: GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại - Truyện <i>Cây khế</i> thuộc thể loại truyện cổ tích

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>làm rẽ, ta thán, tru tréo, ăn ráo ăn tiệt.</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung:	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

HSKT: *Nắm được một vài ý về nội dung.*

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Tóm tắt văn bản Cây khế? Chi tiết nào khiến em thích nhất?</i> + <i>Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy? Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: <i>Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Ngôi kể: ngôi thứ ba - Tóm tắt:	2. Đọc- kể tóm tắt - Ngôi kể: ngôi thứ ba 3. Bố cục: 3 phần - P₁: Từ đầu -> <i>không đi lại với em nữa</i>: Giới thiệu về người anh và người em - P₂: Tiếp theo -> <i>cho chim bay về</i>: cuộc sống của người em và người anh thay đổi - P₃: Còn lại: người anh phải trả giá

1. Hai anh em nhà nọ cha mẹ mất sớm, ở với nhau. Người anh lấy vợ, tham lam, lấy hết tài sản trong gia đình, chỉ để lại cho người em gian nhà lụp xụp và cây khế ngọt. 2. Một hôm, có con chim lớn đến ăn khế. Chim nói ăn khế sẽ trả vàng. Vợ chồng người em nghe theo và may túi theo ba gang. 3. Chim đưa người em đến hang ngoai đảo xa, người em chỉ nhặt ít vàng, kim cương rồi về. 4. Người anh biết chuyện vợ chồng người em giàu có, nên đến đổi gia sản. Người em ưng thuận. 5. Người anh gặp chim thần và may một túi to như tay nải. Vì tham lam đựng nhiều vàng, kim cương nên nặng, chim buông xuôi đâm xuống biển. Người anh tham lam đã chết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV bổ sung: NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: 1. <i>Truyện được giới thiệu xuất hiện vào thời gian nào? Em có nhận xét gì về thời gian trong truyện.</i> 2. <i>Chi tiết nào giới thiệu về hoàn cảnh sống? Qua đó em có nhận xét gì về tính cách của các nhân vật.</i> - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 2 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT trả lời câu hỏi ngắn, đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Giới thiệu về người anh và người em - Người anh: lười biếng, tham lam, độc ác. - Người em: chịu khó làm ăn, hiền lành, thật thà

- Thời gian : ngày xưa ngày xưa, ở một nhà kia - Hoàn cảnh: cha mẹ mất sớm, hai anh em ở với nhau chịu khó làm lụng. Người anh lấy vợ, sinh ra lười biếng, sợ em tranh công nên chia tài sản cho vợ chồng người em một túp lều và 1 cây khế. Người em: thức khuya dậy sớm, cố gắng làm lụng, chia ít tài sản cũng không ta thán Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo PHT số 2. - GV đặt câu hỏi: + Con chim đến ăn khế có phải con vật kì ảo không? Vì sao? + Hòn đảo xa có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Con chim đến ăn khế có phải con vật kì ảo không? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS hoàn thành phiếu học tập + Con chim đến ăn khế và nói “ăn một quả khế....” + Con chim là con vật kì ảo trong truyện cổ tích vì có đặc điểm biết nói tiếng người, có phép thần kì: biết chỗ cất giấu của cải... + Vợ chồng người em trở nên giàu có Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	2. Chim thần xuất hiện - Chim đến ăn khế và đền đáp cho người em. - Người em may túi ba gang, chim thần đưa đến đảo xa và nhặt một ít vàng, kim cương ngoài cửa hang, người em trở nên giàu có - Người anh: may túi to gấp ba lần, vào hắt trong hang để nhặt và nhét đầy túi, ống tay áo, ống quần người anh rơi xuống biển.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức . GV chuẩn kiến thức: Truyện cổ tích Cây khế thuộc kiểu truyện có nhân vật bất hạnh người em út hiền lành, lương thiện, chịu nhiều thiệt thòi đã được đền đáp xứng đáng. Qua đó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội. Con chim thần xuất hiện là chi tiết kì ảo, tưởng tượng, đã mang đến điều kì diệu, thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật. Đồng thời cũng trừng phạt nhân vật người anh vì tham lam vật chất mà độc ác, vô nhân tính, quay lưng với chính người em của mình. Đảo xa cũng là một không gian thần kì, kì ảo mang lại cho nhân vật những điều may mắn. Chi tiết này giúp cho truyện mang màu sắc thần bí, huyền diệu. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : <i>Em có suy nghĩ gì về kết thúc truyện?</i> + <i>Em rút ra được bài học gì qua truyện Cây khế?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Em rút ra được bài học gì qua truyện Cây khế? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bài học rút ra cần sống hiền lành, lương thiện, không tham lam, độc ác, coi trọng tình cảm anh em trong gia đình. cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	- Nhận xét: Truyện thể hiện ước mơ của nhân dân lao động, những người hiền lành, lương thiện sẽ được hưởng may mắn, hạnh phúc. Những người tham lam, độc ác sẽ bị trừng trị thích đáng. III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng. * <i>Ý nghĩa:</i> Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác. b. Nghệ thuật

- GV đặt câu hỏi: <i>Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT nêu một vài ý về ý nghĩa. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chuẩn kiến thức:	- Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

- Đóng vai một trong các nhân vật người em hoặc người anh để kể lại câu chuyện?
- Hiện tượng anh em trong gia đình tranh giành tài sản có còn trong xã hội không? Em có suy nghĩ gì về điều này?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) về một kết thúc khác cho truyện Cây khế.

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thể giới cổ tích.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập	

	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhiệm vụ: đọc truyện *Cây khế* và thực hiện các yêu cầu.

1. Hoàn thiện các ô trong bảng sau:

Nhân vật	Người anh	Người em
Đặc điểm		
Hành động		
Kết cục		

2. Nhận xét về sự đối lập trong hành động và đặc điểm của hai anh em:

.....

3. Bài học mà tác giả dân gian muốn gửi gắm:

.....

TIẾT 90 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.	
NGHĨA CỦA TỪ	
Mục tiêu: Giúp HS - Hiểu được nghĩa của các từ dùng trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng. - Học sinh củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của bài tập

- Thảo luận theo bàn & Gv giao nhiệm vụ:

? Em hiểu gì về nghĩa các từ được in đậm trong bài tập 1/41?

? Hãy kẻ bảng theo mẫu sau để hoàn thành bài tập 1?

Từ ngữ	Ý nghĩa	Từ thay thế
(xanh) mơn mớn		
lúc lỉu:		
ròng rã		
vội hăn		

? Qua các bài tập em thấy để tìm được từ thay thế trong văn bản ta làm thế nào?

Phải hiểu được nghĩa của từ đó trong văn bản (dựa vào vốn hiểu biết từ, từ điển, phân tích từ và nhất là phải đặt từ đó trong hoàn cảnh để hiểu) rồi từ mới tìm một từ có ý nghĩa và sắc thái tương đồng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc yêu cầu bài tập.

Bài tập 1/41

Từ ngữ	Ý nghĩa	Từ thay thế
(xanh) mơn mớn	Xanh non và tươi tốt.	Non tươi
lúc lỉu	(trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành	Trĩu trĩu
ròng rã	(thời gian) kéo dài liên tục	Đằng đẳng
vội hăn	Giảm đi (bớt đi) đáng kể	Ít hăn, bớt hăn, giảm hăn

+ Nhóm 4 làm ý 3 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi lên lưng chim theo mẫu phiếu học tập. + Nhóm 4 làm ý 4 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi lấy vàng bạc trên đảo theo mẫu phiếu học tập. - Vòng mảnh ghép (Các nhóm tạo ra 4 nhóm mới) GV giao nhiệm vụ: + Trao đổi nội dung đã thảo luận ở vòng trước + Thông qua các từ ngữ em hiểu gì về tính cách của vợ chồng người em, người anh và thái độ của người kể qua hai bài tập trên? Gv có thể gợi ý cho học sinh tra cứu, suy nghĩ và giải thích những động từ cụm động từ nhất là những cụm động từ khó như tốt, cuống quýt, mê mẩn tinh thần, nghe lời chim...để suy ra đặc điểm về hành động tính cách của nhân vật và thái độ của người kể truyện đối với nhân vật đó. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc yêu cầu bài tập. - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận - Kẻ bảng và hoàn thiện bảng. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận - Trình bày kết quả làm việc nhóm	ăn khế	xong), đứng đợi (chim ăn)		đến), hốt hải chạy, tru tréo	nóng, tính toán
	Chuẩn bị theo chim ra đảo	may một túi (theo đúng lời chim)	Từ tốn, biết điểm dừng	Cuống quýt bàn cãi (về việc may túi, định may nhiều túi)	Tham lam, nôn nóng
	Lên lưng chim ra đảo	trèo lên lưng	Ôn tồn, bình tĩnh	(chồng) tốt lên, (vợ) vái lấy vái để	vội vàng, sổ sàng, thô lỗ
	Lấy vàng bạc trên đảo	Không dám vào, chỉ dám nhặt ít	Cẩn trọng, từ tốn, không tham lam	hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy thêm,	Tham lam vô độ, mất hết lí trí

</

B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - Thảo luận với bạn về kết quả làm được B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	hết... đến..." thể hiện sự bao la, rộng lớn với những nơi mà chim thần bay qua. Bài 5: - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai → GV giúp HS sửa lại).

3. HĐ 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên cho HS làm bài trắc nghiệm.

Đọc lại văn bản *Cây khế* trong SGK (tr. 32 - 34) và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:

1. Trong việc chia gia tài, người anh đã tỏ ra:

- a. Thương em.
- b. Công bằng.
- c. Tham lam và ích kỉ.
- d. Độc ác.

2. Qua việc may túi theo lời chim dẫn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện:

- a. Là một người đại dột.
- b. Là một người có khao khát giàu sang
- c. Là một người ham được đi đây đi đó.
- d. Là một người trung thực

3. Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của:

- a. Sự tham lam.
- b. Thời tiết không thuận lợi.

- c. Sự trả thù của chim. c. Quãng đường chim phải bay xa xôi quá
4. Dòng đúng với ý nghĩa có thể rút ra từ truyện "Cây khế" là:
- a. Tham một miếng, tiếng cả đời. c. Tham một bát bỏ cả mâm
- b. Tham thì thâm. d. Tham vàng bỏ ngãi
5. Từ nghe trong câu "Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bề dọc bề ngang vừa đúng ba gang" có nghĩa là:
- a. Thu nhận bằng tai những lời chim nói. b. Làm đúng theo lời chim.
- c. Chấp nhận điều chim nói. d. Tán thành điều chim nói.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khoanh đáp án đúng.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- Yêu cầu HS đổi bài cho nhau và chấm chéo.
- GV trình chiếu đáp án đúng.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

Bài tập 2:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS yêu cầu học sinh thảo luận trong vòng 3 phút:

Hãy cho biết nghĩa nào của từ chín được dùng trong các câu sau bằng cách nối hai cột với nhau:

Nghĩa của từ "chín"	Câu có sử dụng từ "chín"
(1) (Quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương vị thơm ngon, trái với xanh	a. Trước khi quyết định, anh phải suy nghĩ cho chín.
(2) (Thức ăn) được nấu đến mức ăn được, trái với sống	b. Anh ấy ngượng chín cả mặt
(3) (Sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả	c. Cơm sắp chín, con có thể dọn cơm được rồi.
(4) (Màu da mặt) đỏ ửng lên	d. Gò má em bé chín như quả bồ quân.

		e. Vườn cam chín đỏ cả một khoảng sân

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thảo luận

HS thảo luận theo yêu cầu nhiệm vụ được giao

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

(1)-e; (2)-c; (3)- a; (4)-d,

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm -> chốt kết quả bài tập.

4. HĐ 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng sáng tạo trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy viết một đoạn văn ghi lại suy nghĩ của em về nhân vật người em trong câu chuyện “Cây khế” và trong đoạn văn đó sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ?

Nộp sản phẩm về gmail của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp, hoặc nộp vở trong tiết học sau.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

TIẾT 91-92

VUA CHÍCH CHÒE

(Truyện cổ Gờ- rim (Grimm))

1. MỤC TIÊU

Học sinh học được các kiến thức về:

- Các sự việc diễn ra trong câu chuyện.
- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ...
- Đặc điểm của thể loại truyện cổ tích được thể hiện qua truyện.
- Học sinh xác định được chủ đề của truyện.
- Học sinh nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật, công thức mở đầu, kết thúc truyện...
- Học sinh biết nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

Khiêm tốn, chăm chỉ, biết sai và sửa lỗi, bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV. Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về Anh em nhà Grimm, Jacob và Wilhelm và văn bản “Vua chích chòe”
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm. Phiếu học tập.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Hãy kể tên một số câu chuyện cổ tích mà em đã được học và đọc?

? Trong những câu chuyện đó những nhân vật mắc lỗi hay có tính cách không tốt thường có kết thúc như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

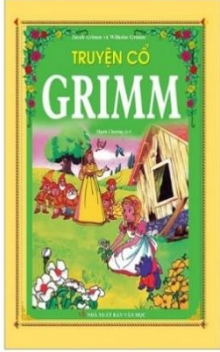
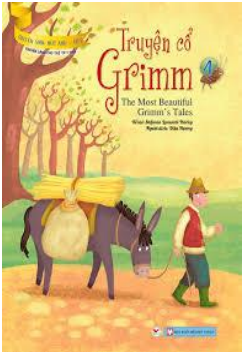
B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản:

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)	
a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những hiểu biết cơ bản về truyện cổ Gờ- rim (Grimm): truyện cổ Gờ- rim (Grimm) là thể loại truyện như thế nào, ra đời lần đầu ở đâu vào năm nào, do ai sưu tầm và xuất bản. Ảnh hưởng của nó như thế nào đối với văn hóa hiện đại phương Tây . b. Nội dung: - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và đặt câu hỏi. - Hs tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đã dặn tìm hiểu ở nhà. ? Nêu những hiểu biết của em về Truyện cổ tích Gờ-rim? (GV gợi ý: thể giới cổ tích có gì đặc biệt, nhân vật thường là ai và mục đích của những câu chuyện ấy là gì?) B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK.	- Là truyện kể gia đình cho trẻ em là một tập hợp các <u>truyện cổ tích</u> tiếng <u>Đức</u> lần đầu tiên được xuất

B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	bản năm 1812 bởi <u>Anh em nhà Grimm, Jacob và Wilhelm</u>. - <u>UNESCO</u> chính thức công nhận Truyện cổ Grimm là di sản văn hóa thế giới.		
			
Tượng đài anh em Grimm tại chợ ở Hanau. (Hessen, Đức)	Bìa của số đầu tiên (1812)	Truyện cổ tích Gờ-rim được xuất bản ở Việt Nam	

2. Tác phẩm	
a. Mục tiêu: Giúp HS Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...) b. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chia nhóm lớp thực hiện kỹ thuật khăn trải bàn, giao nhiệm vụ:	a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Tìm hiểu chung

? Truyện “ Vua chích chòe” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó? ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Việc sử dụng ngôi kể như vậy có gì đặc biệt? ? Câu truyện trên được kể theo trình tự nào và sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì? ? Trong truyện có những nhân vật nào? Nhân vật nào là nhân vật chính? - GV Tổ chức học sinh thảo luận nhóm theo bàn và chuyển giao nhiệm vụ: 1. Sắp xếp các sự kiện theo trình tự hợp lí. 1.Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua. 2. Vua cha mở buổi yến tiệc, mời các chàng trai đến dự tiệc để tìm phò mã. 3. Công chúa tiếc nuối vì không cưới Vua chích chòe khi thấy rùng, thảo nguyên, thành phố của vua. 4. Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp. 5. Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện. 6. Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau. 7. Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà. 8. Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng.	- Văn bản là truyện cổ tích - Ngôi kể: ngôi thứ ba - Kể theo trình tự thời gian và sử dụng PTBD tự sự. - Các sự việc chính + Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng. + Vua cha mở buổi yến tiệc, mời các chàng trai đến dự tiệc để tìm phò mã. + Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện kiến. + Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà. + Công chúa tiếc nuối vì không cưới Vua chích chòe khi thấy rùng, thảo nguyên, thành phố của vua. + Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp. + Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua. + Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau. - Truyện có bố cục 3 phần theo công thức của truyện cổ tích (giới thiệu nhân vật và tính huống truyện, các thử thách, kết thúc có hậu)

2. Kể tóm tắt lại câu chuyện “Vua chính chèo” theo những sự việc được sắp xếp? Gv giao nhiệm vụ cho học sinh suy nghĩ và trả lời: Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần? ? Em có nhận xét gì về phần mở đầu và kết thúc của câu truyện trên? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. - Học sinh tự suy nghĩ và trả lời GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Trình bày suy nghĩ cá nhân GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi	

B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.	

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT				
1. Đặc điểm các nhân vật				
a. Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết nói về xuất thân, ngoại hình, hành động, lời nói suy nghĩ và ngôn ngữ của nhân vật truyện - Đánh giá tính cách của nhân vật và bài học rút ra.				
b. Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).				
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp ra làm 6 nhóm thực hiện kĩ thuật mảnh ghép - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4,5,6 - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ yêu cầu các em hoàn thành. Vòng 1: Chuyên gia GV giao nhiệm vụ Nhóm 1, 3, 5 sẽ tìm hiểu nhân vật công chúa, nhóm 2,4, 6 sẽ tìm hiểu nhân vật vua chích chòe bằng cách hoàn thành phần phiếu học tập được giao.		Nội dung	Công chúa	Vua chính chòe
		Xuất thân	con gái duy nhất của nhà vua	Vua một nước
		Ngoại hình	Xinh đẹp tuyệt trần	Giống chim chích chòe
		Lời nói, hành động	Từ chối hết người này đến người khác còn	Giả làm người ăn mày, tạo ra các thử thách

Vòng 2: Mảnh ghép từ 6 nhóm tạo thành 6 nhóm mới và chia sẻ nội dung đã trao đổi ở vòng 1 và giao nhiệm vụ ? Trao đổi với nhau về kết quả đã thảo luận ở vòng 1. ? Em đánh giá như thế nào về hai nhân vật này sau nội dung thảo luận? B 2 Thực hiện nhiệm vụ HS: * Vòng 1 Thảo luận nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). * Vòng 2 HS: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng 1. 2. Mỗi chuyên gia ở vòng 1 sẽ có 2 phút để trình bày vấn đề của mình cho nhóm mới. 3. Thảo luận vấn đề mới 3. Các thành viên trong nhóm mới sẽ ghi kết quả vào phiếu học tập. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận: GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.		chế giễu, nhạo báng họ.	
	Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích	Kiểu nhân vật có tính tình không tốt hoặc mắc lỗi sai	Nhân vật người ra thử thách, người giả mạo
	Đánh giá về tính cách của nhân vật	->Kiêu ngạo và nông cuồng vì quá được nuông chiều	->Thông minh, kiên nhẫn, điềm tĩnh

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2	
2. Ý nghĩa của việc trừng phạt và những thử thách	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được chi tiết về những thử thách mà công chúa cần vượt qua. - Hiểu được ý nghĩa của những thử thách tác giả dân gian muốn truyền đạt và nhận ra đây là mô típ quen thuộc của thể loại truyện này. - Rút ra bài học cho bản thân. b. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV giao nhiệm vụ học sinh suy nghĩ cá nhân và thảo luận theo bàn trong 5' 1. Nhà vua đã trừng phạt công chúa như thế nào sau những hành động của nàng ở buổi kén rể? Em có nhận xét gì về hình phạt này? 2. Ai là người hát rong? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những việc yêu cầu đó?	- Nhà vua quá tức giận nên đã gả công chúa cho người ăn mày -> Hình phạt nặng nề để trừng trị con gái. - Người hát rong đã yêu cầu công chúa:

3. Kể những câu chuyện cổ tích khi nhận vật chính mắc sai lầm nên phải chịu trừng phạt và thử thách? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả. - Thảo luận nhóm 5 phút Gv hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện hoạt động nhóm (khi cần) B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức, mở rộng & chuyển dẫn sang mục khác	+ trở thành thường dân ra khỏi cung. + Sống trong một căn lều nhỏ không có người hầu hạ. + Dậy sớm nhóm bếp, nấu ăn, đan sọt, dệt sợi, bán sành sứ, phụ bếp => trừng phạt tính kiêu căng, nông cuồng, thể hiện tình yêu, giúp công chúa nhận ra những điều sai trái của mình mà biết sửa sai. => mô típ quen thuộc trong truyện cổ tích
3. Kết thúc và bài học rút ra	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được chi tiết về kết thúc truyện - Hiểu được bài học thông qua câu chuyện mà tác giả dân gian muốn truyền đạt. - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học. b. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.	

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV giao nhiệm vụ cho học sinh suy nghĩ và trả lời cá nhân ? Câu chuyện kết thúc như thế nào? ? Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới". Theo em, điều này có hợp lý không? Vì sao? ? Em có nhận xét gì về kết thúc ? Vấn đề bàn luận: ? Qua câu em thấy tác giả dân gian muốn gửi gắm điều gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Thảo luận nhóm và ghi lại kết quả - Thực hiện kĩ thuật 634 (kĩ thuật XYZ) Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 4 phút về cách giải quyết vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh; Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác trong thời gian 4 phút GV: Hướng dẫn, theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét,	- Kết thúc có hậu: công chúa nhận ra sai lầm của mình và biết sửa lỗi và kết hôn với vua chích chòe. - Câu “ tôi tin...lễ cưới”-> lời nói bông đùa, cho thấy đây chỉ là một câu chuyện hư cấu. => Công thức kết truyện quen thuộc trong truyện cổ tích nước ngoài. - Bài học: khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng, nhạo báng người khác, phải biết tôn trọng và sống hòa nhã, phải cố gắng hoàn thiện bản thân và thay đổi mình phù hợp với hoàn cảnh, biết nhận ra sai lầm và sửa lỗi.

đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần) HS: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 2 - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Vua chích chòe”? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Truyện cổ tích có nhiều tình tiết hấp dẫn, cuốn hút, lời kể hấp dẫn, khéo léo, sử dụng biện pháp điệp cấu trúc. 2. Nội dung <i>Vua chích chòe</i> khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương.

GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	

2.2. VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC:

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Viết được đoạn văn kể tóm tắt một câu chuyện có nội dung về kiểu nhân vật như công chúa mà em đã từng đọc trong sách, trên internet hay nghe người khác kể. (Có thể là truyện cổ tích hoặc một câu chuyện trong đời sống)
- Sử dụng ngôi kể thứ ba.
- Lời kể là lời của học sinh.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) về một nhân vật, tóm tắt một câu chuyện có nội dung về kiểu nhân vật như công chúa mà em đã từng đọc.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Ngày soạn: 21/2 /2024

Ngày giảng: 26/2/2024

TUẦN 24

TIẾT 93 VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.
- Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích
- Yếu tố tưởng tượng, sáng tạo khi kể truyện.
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể
- **HSKT biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.**
- HS hiểu được khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lệch nội dung vốn có của truyện.
- HS biết sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- HS biết bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SGV. Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp. Phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học sinh:

- Soạn bài, SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai.
- Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

Mục tiêu: Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

Nội dung: GV tổ chức hoạt động này thành phần thi khởi động cho cuộc đua “Đường lên đỉnh Olympia”. HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

Tổ chức thực hiện:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: Chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu HS hoạt động nhóm tìm câu trả lời cho các câu hỏi trắc nghiệm sau trong vòng 1 phút.

* *Luật chơi:* GV đọc nhanh các câu hỏi và các đáp án trắc nghiệm để HS theo dõi trong vòng 1 phút. HS làm việc nhóm, ghi lại kết quả của nhóm mình vào bảng phụ nhóm. Sau khi GV đọc xong đề nghị HS đưa ngay bảng của nhóm lên. Mỗi câu trả lời đúng được cộng 10 điểm. Điểm tối đa là 50 điểm.

<i>Hệ thống câu hỏi</i>
Câu 1: Các em đã học những văn bản truyện cổ tích nào trong chương trình Ngữ văn 6 tập 2? A. Thạch Sanh B. Cây khế C. Vua chích choè D. Cả ba đáp án trên
Câu 2: Các truyện cổ tích vừa học được kể theo ngôi kể thứ mấy? A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ 2 C. Ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ 4
Câu 3: Theo em nhân vật trong truyện cổ tích có thể tự kể về cuộc đời, sự kiện trong đời mình không? A. Có B. Không
Câu 4: Em thấy kiểu kể chuyện trên có gì độc đáo, thú vị? A. Nhân vật trực tiếp kể lại và bộc lộ cảm xúc của mình qua các sự việc, làm cho câu chuyện trở lên sinh động, hấp dẫn hơn. B. Người kể giấu mình, giấu đi cảm xúc của mình. C. Người kể đóng vai trò người chứng kiến kể lại câu chuyện nhưng bản thân thì giấu mình.
Câu 5: Nếu được chọn, em sẽ chọn văn bản nào để đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích?

A. Thạch Sanh	B. Cây khế	C. Vua chích choè

- HS: Tiếp nhận

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV đọc câu hỏi
- HS suy nghĩ tìm câu trả lời và ghi lên bảng nhanh.

***B3: Báo cáo kết quả**

- HS đưa phần đáp án trên bảng phụ nhóm.
- GV nghe HS trình bày và đưa đáp án để HS tự so sánh kết quả.
- Dự kiến sản phẩm: D, C, A, A,

***B4: Đánh giá kết quả**

- + HS tự đánh giá
- + HS đánh giá lẫn nhau.
- + Giáo viên nhận xét đánh giá → GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH	
Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi của phần thi “Vượt chướng ngại vật”	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm: Luật chơi: Có 8 từ hàng ngang, cũng chính là 8 gợi ý để các nhóm tìm ra một chướng ngại vật của cô. Mỗi nhóm sẽ có hai lượt lựa chọn từ hàng ngang. Thời gian suy nghĩ: 15	1. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích. - Đóng vai một nhân vật trong truyện để kể lại câu chuyện từ ngôi thứ nhất. - Kể một cách sáng tạo, phát huy trí tưởng tượng: Vừa căn cứ trên truyện gốc

giây/câu. Các nhóm cùng trả lời bằng việc viết ra bảng. Trả lời đúng được 10 điểm, nếu chọn từ hàng ngang thì được thêm 10 điểm nữa. Các nhóm có thể giơ tay trả lời chương ngại vật bất cứ lúc nào. Trả lời đúng chương ngại vật trước khi bắt đầu từ hàng ngang thứ 3 được 80 điểm, trước gọi ý cuối cùng được 40 điểm, sau gọi ý cuối cùng thì chỉ được 20 điểm. Trả lời sai chương ngại vật, thí sinh sẽ bị loại khỏi phần chơi này. Điểm tối đa cho 1 thí sinh trong phần thi này là 140 điểm, nếu trả lời đúng cả 8 từ hàng ngang và trả lời đúng trước gọi ý cuối cùng. - Hàng ngang thứ nhất gồm 4 chữ cái: Đây là từ Hán Việt chỉ số 1? (Nhất) - Hàng ngang thứ hai gồm 7 chữ cái: Đây là từ chỉ hoạt động tạo ra bất cứ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi? (Sáng tạo) - Hàng ngang thứ ba gồm 11 chữ cái: Đây là từ trái nghĩa với từ “sai lạc”? (Không sai lạc) - Hàng ngang thứ tư gồm 5 chữ cái: Đây là từ chỉ sự phù hợp, hợp lí, đúng trình tự? (logic) - Hàng ngang thứ năm gồm 4 chữ cái: Đây là yếu tố nghệ thuật luôn xuất hiện trong truyện cổ tích? (Kì ảo) - Hàng ngang thứ sáu gồm 6 chữ cái: Đây là phương thức biểu đạt dùng để tái hiện	vừa có những yếu tố mới (Nhưng không làm sai lệch nội dung chính vốn có). - Có trình tự hợp lí, logic, có các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. - Thêm một số yếu tố miêu tả, biểu cảm từ nhân vật kể chuyện.

lại hình ảnh của nhân vật hoặc sự kiện? (Miêu tả) 7. Hàng ngang thứ bảy gồm 7 chữ cái: Đây là PTBD dùng để bộc lộ cảm xúc của nhân vật, người kể chuyện...? (Biểu cảm) 8. Hàng ngang thứ tám gồm 8 chữ cái: Đây là câu chuyện nào? (Thạch Sanh) <i>? Từ đây em rút ra những yêu cầu gì khi làm bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng.	

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO
Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi bằng việc tham gia vòng “Tăng tốc”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm: Luật chơi: Có 4 câu hỏi tư duy logic với thời gian suy nghĩ 30 giây/câu. Các nhóm cùng trả lời bằng việc viết ra bảng, viết xong hô Bingo để GV biết nhóm nào trả lời xong đầu tiên. + Trả lời đúng và nhanh nhất được 40 điểm. + Trả lời đúng và nhanh thứ hai được 30 điểm. + Trả lời đúng và nhanh thứ ba được 20 điểm. + Trả lời đúng và nhanh thứ tư được 10 điểm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV đọc hệ thống câu hỏi sau: 1. Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi” hay “mình”? 2. Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn,... có thu hút người đọc không? 4. Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào? (Đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của người kể chuyện) - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng/ Chiếu Slide.	2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo
TIẾT 94.95:	

THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH.

Mục đích: Nắm được cách viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.

Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi phần thi “Về đích”.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.

- Hướng dẫn HS tìm ý.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em

PHIẾU BÀI TẬP

- 1/ Nhóm em chọn văn bản để đóng vai kể lại truyện.
- 2/ Ngôi kể và đại từ xưng hô sẽ sử dụng là
- 3/ Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể:
- 4/ Kể về xuất thân của các nhân vật:
- 5/ Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện:
- 6/ Liệt kê diễn biến chính (Các sự việc):
- 7/ Những sáng tạo em sẽ đưa vào trong bài:
- 8/ Kết thúc câu chuyện:
- 9/ Bài học được rút ra từ câu chuyện là:

- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Dự kiến sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

3. Các bước tiến hành

3. 1. Trước khi viết

a. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng:

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.

- Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ,... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.

b. Chọn lời kể phù hợp:

- Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.

- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.

c. Ghi những nội dung chính của câu chuyện

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.

- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.

- HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng.	- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại. <i>d. Lập dàn ý</i> * Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. * Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện: - Xuất thân của các nhân vật. - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. - Diễn biến chính: + SV1: + SV2: + SV3: * Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Mục tiêu: Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

Nội dung: Sử dụng phiếu học tập đã làm ở hoạt động trên viết thành bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.

<i>Tổ chức thực hiện</i>	<i>Sản phẩm</i>
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài văn theo các ý đã lập. - HS: Tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ:	3.2. Viết bài - Nhất quán về ngôi kể. - Kể lại câu chuyện: + Dựa vào truyện gốc: nhân vật, sự kiện, ngôn ngữ...

- HS thực hành viết bài văn - GV quan sát, hỗ trợ. * Báo cáo kết quả - HS trình bày cá nhân. - GV nghe Hs trình bày. *Đánh giá kết quả + HS tự đánh giá + HS đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá. -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide.	+ Có thể sáng tạo: chi tiết hoá những chi tiết còn chung chung; gia tăng yếu tố kì ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; tăng thêm miêu tả, bình luận, liên tưởng...

TIẾT 96

NÓI VÀ NGHE:

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI MỘT NHÂN VẬT

I. MỤC TIÊU:

- Ngôi kể và người kể chuyện
- Truyện cổ tích đã học, đã đọc
- Biết đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích
- Nói (kể) được về một câu chuyện cổ tích
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài nhập vai kể lại một câu chuyện cổ tích
- Chăm chỉ đọc, tìm hiểu truyện cổ tích dân gian
- Trân trọng và có trách nhiệm lưu truyền giá trị của truyện cổ tích đối với đời sống con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b. Nội dung:

- GV đặt câu hỏi, HS lắng nghe câu hỏi của GV

- HS trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là đóng vai nhân vật trong truyện kể lại một câu chuyện cổ tích được học, được đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi và giao nhiệm vụ cho HS:

NSKT Kể tên một số truyện cổ tích mà em được học và đã đọc?

? Em hiểu “đóng vai” có nghĩa là gì?

? Khi đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện thì em xưng như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa chú ý (nếu có)

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói
Nội dung:

- GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? HSKT Những người nghe là ai? ? Em sẽ nói về nội dung gì? Hãy đánh dấu vào những từ ngữ, những câu quan trọng ? Để có một bài nói tốt em cần luyện tập ở nhà như thế nào và cần lưu ý những điều gì? GV chia nhóm đôi thực hành nói B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - HS thực hiện tập nói - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung nói - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Đọc lại (nhiều lần) bài viết. Đánh dấu những nội dung quan trọng của bài viết mà khi trình bày không thể bỏ qua. 2. Tập luyện - Nói một mình trước gương, nói cho người thân nghe - Tập nói trước nhóm/tổ.

TRÌNH BÀY BÀI NÓI
Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói đúng nội dung yêu cầu của bài và biết thể hiện một số kĩ năng nói trước đám đông. Nội dung: GV yêu cầu: - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết- Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói trước lớp - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích, yêu cầu (đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích). Biết lựa chọn những sự việc, chi tiết tiêu biểu. + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Kể to, rõ ràng, truyền cảm. Giọng kể linh hoạt phù hợp. + Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể để câu chuyện được kể sinh động, hấp dẫn.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.	

- GV thực hiện chia nhóm, yêu cầu các nhóm đánh giá bài nói theo tiêu chí: GV có thể hỏi HS: ? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì trong bài nói đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

HĐ 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Kết quả bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

GV yêu cầu HS lập ý ra vở nội dung cần trình bày

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 4 nhóm

- GV chiếu phiếu học tập và phát phiếu học tập cho các nhóm.

- HS đọc, tìm hiểu và hoàn thành những nội dung trong phiếu học tập

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, nhắc lại cách đóng vai nhân vật (xưng “tôi”)

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày dàn ý thảo luận trong phiếu học tập trước lớp
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho dàn ý của nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài nói của HS.

HĐ 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại trước lớp sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em các yêu cầu trước khi nói
- HS nghe và xác định yêu cầu nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS kể lại câu chuyện trước lớp
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

Hoạt động 4: Tìm tòi & mở rộng:

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b. Nội dung:

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy thử phác họa “Thế giới cổ tích” như em biết bằng một đoạn văn khoảng 5- 7 câu có sử dụng biện pháp điệp ngữ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

<u>TUẦN 25</u>	Ngày soạn: 5/3/2023
<u>TIẾT 97</u>	ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

I/ HOẠT ĐỘNG

Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

Nội dung: GV tổ chức cho HS chỉnh sửa bài viết của bạn.

<i>Tổ chức thực hiện</i>	<i>Sản phẩm</i>
HDHS * Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS: + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu: - HS: Tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiến hành đổi bài cho bạn để đọc và sửa lỗi bằng cách ghi ra phiếu nhận xét và dùng bút chì gạch chân lỗi sai. - GV quan sát, hỗ trợ. * Báo cáo kết quả - HS trình bày cá nhân về phần sửa lỗi cho bạn. - GV nghe Hs trình bày. - Dự kiến sản phẩm: * Đánh giá kết quả + HS tự đánh giá + Hs đánh giá lẫn nhau.	3.3. Chỉnh sửa bài viết - Ngôi kể thứ nhất - Người kể chuyện đóng vai nhân vật. - Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm không thoát li khỏi truyện. - Có sắp xếp hợp lí các chi tiết và đảm bảo có sự kết nối giữa các phần. - Có bổ sung thêm các yếu tố miêu tả, thể hiện cảm xúc của nhân vật. - Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.

+ Giáo viên nhận xét đánh giá. -> GV chốt kiến thức và ghi bảng.	
TIẾT 98-99	Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GÀN GỮ

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.
- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác.
- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c) Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Giữa em và người bạn thân của mình, có những điểm nào giống nhau và những điểm nào khác nhau?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + <i>GV dẫn dắt:</i> Điều kì diệu nhất trên thế gian này đó là dù có gần 8 tỉ người trên Trái Đất nhưng không có ai là bản sao 100% của ai cả. Mỗi người là một sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng giữa mọi người vẫn có sự tương đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi.	HS kể trước lớp

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: <i>Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</i> HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.	1. Giới thiệu bài học - Các văn bản trong chủ đề nhằm khẳng định trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt, về mặt này mặt kia nhưng giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. Gv chuẩn kiến thức: + Ý thứ nhất giới thiệu các VB được chọn đều gắn với chủ đề bài học, nhằm khẳng định: trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt về mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi. - Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm về loại VB nghị luận. Đó là loại VB tập trung bàn bạc về một vấn đề nào đó (các VB đọc trong bài đều chứa đựng một vấn đề' cụ thể). Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động đọc.	- Văn bản nghị luận: loại VB tập trung bàn bạc một vấn đề cụ thể nào đó.

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuyết đã đọc.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Văn bản nghị luận là gì? + Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	Văn bản nghị luận Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận • Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. • Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Trong bài học này, chúng ta sẽ được học hai văn bản nghị luận và một văn bản truyện. Sự khác nhau giữa hai kiểu văn bản đó là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: VB nghị luận và VB truyện có gì khác nhau? Hãy đọc các văn bản trong bài 8 để chỉ ra điểm khác biệt với các VB truyện đã học trước đó.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy nêu vai trò của văn bản nghị luận trong đời sống.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

VĂN BẢN 1. XEM NGƯỜI TA KÌA!

(Lạc Thanh)

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
- Nhận biết được vấn đề VB đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- HSKTNắm được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.

2. Tiến trình dạy học

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: 1. Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em có suy nghĩ gì? 2. Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Mỗi người là một sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng không có nghĩa là chúng ta chọn cách sống khác thường. Giữa mọi người vẫn có	- HS nêu suy nghĩ về người anh hùng. - Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ.

sự tượng đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Văn bản Xem người ta kìa! thuộc thể loại nào trong văn học?</i> + <i>Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó</i> - GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>hiếu thuận, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học.... Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Văn bản nghị luận

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>HSKT Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? + <i>Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Người mẹ thường nói với con điều gì khi không hài lòng điều gì đó với đứa con?</i> + <i>Tâm trạng của người con ra sao mỗi lần nghe mẹ nói? Em đã bao giờ nghe những câu nói tương</i>	3. Đọc- kể tóm tắt - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi” - PTBD: nghị luận Bố cục: 4 phần - Đoạn 1: <i>Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề):</i> cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác. - Đoạn 2: <i>Tiếp => mười phân vẹn mười:</i> Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác - Đoạn 3: <i>Tiếp => trong mỗi con người:</i> Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người. - Đoạn 4: <i>Phần còn lại (kết luận vấn đề):</i> hoà đồng, gần gũi mọi người nhưn cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nêu vấn đề : cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kia!” - Mục đích : để con bằng người, không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca → Mong ước rất giản dị, đời thường của mọi người mẹ.

tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa? + Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ muốn con làm gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Người con cảm thấy không thoải mái, cổ sức vâng lời, cảm thấy không hề dễ chịu khi nghe mẹ nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv bổ sung: Mọi bậc cha mẹ đều mong con cái mình khôn lớn, trưởng thành bằng bạn bè. Có lẽ vì vậy, cha mẹ thường lấy tấm gương sáng để con mình học hỏi, noi theo. Tuy nhiên sự áp đặt đó có thể khiến chúng ta cảm thấy không hài lòng. Vậy theo em, tác giả đồng tình hay không đồng tình với quan điểm của người mẹ? Chúng ta cùng tìm hiểu phần tiếp theo. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt tiếp câu hỏi: + Khi đã lớn, đủ nhận thức, tác giả có đồng tình với quan điểm của người mẹ không? Câu văn nào nói lên điều đó? + Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Tác giả cho rằng điều mẹ mình mong muốn là có lí, thể hiện qua câu: <i>Mẹ tôi không phải không</i>	2. Lí lẽ : Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau. - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm. 2. Dẫn chứng : Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người. - Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người, tạo nên một xã hội đa dạng, sinh động - Các dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao - Nghệ thuật : dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp

<i>có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức và bổ sung: Dù giữa chúng ta có nhiều điều khác biệt nhưng vẫn có những điểm chung. Đó là những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội hướng đến, là những giá trị sống mà nhân loại đều phấn đấu: được tin yêu, tôn trọng, sự thông minh, giỏi giang, thành đạt. Vì vậy, cha mẹ đều luôn mong con cái sẽ cố gắng, nỗ lực vượt lên chính mình, noi theo những tấm gương sáng. Nhưng nếu ai cũng giống ai, có lẽ đó chỉ là một xã hội của những bản sao được lặp lại. Phần tiếp theo của văn bản này, tác giả đã đưa ra quan điểm gì? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : + Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó + Tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào để chứng minh? + Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài văn nghị luận? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Câu văn nêu quan điểm của tác giả: Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người Dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao + ngoại hình + sở thích + tính cách	3. Kết luận vấn đề - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - GV bổ sung: Như vậy, mỗi cá nhân là một màu sắc riêng biệt, mỗi người có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Mọi người sẽ bù trừ cho nhau những ưu khuyết đó. Chính sự đa dạng ấy tạo nên một xã hội đa dạng, phong phú, làm nên những điều kì diệu cho thế giới này. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS: + Tác giả đã nêu lên quan điểm như thế nào ở phần kết? Em đồng ý hay không đồng ý với quan điểm đó? GV hướng dẫn HS đưa ra quan điểm cần dựa trên cơ sở lập luận, có lí lẽ, bằng chứng, không nói cảm tính, hời hợt - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người. b. Nghệ thuật - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Đóng vai các nhân vật để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ việc đọc hiểu văn bản, em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của bài văn nghị luận.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: ***Ai cũng có cái riêng của mình.***

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

TIẾT 100:

ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ yêu cầu cần đạt:

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB trong bài 6 và bài 7.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: chuẩn bị các VB cùng loại (VB nghị luận hoặc VB thông tin) hoặc cùng chủ đề.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: <i>Qua các tiết học bài 6, bài 7, các em đã sưu tầm và tìm đọc thêm được những văn bản nào? Cảm xúc của em khi đọc những tác phẩm đó?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- HS chia sẻ về những văn bản đã tìm đọc thêm được.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + <i>GV dẫn dắt:</i> Trong bài 6 và bài 7, chúng ta đã được tìm hiểu các văn bản thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích. Chúng ta cùng tìm hiểu các văn bản cùng chủ đề.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trao đổi kết quả tự đọc

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nhắc lại các đặc điểm của VB truyền thuyết, cổ tích. - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	1. Truyện truyền thuyết
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV nhắc lại những đặc điểm của truyện cổ tích.	2. Truyện cổ tích

- GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Trình bày kết quả tự đọc

- Mục tiêu:** Nắm được đặc trưng thể loại, nội dung và nghệ thuật văn bản.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	2. Trình bày kết quả

Hoạt động 3: Nhận xét hoạt động đọc

- a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm, trao đổi cho nhau những hiểu biết.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung.	3. Nhận xét, rút kinh nghiệm

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập:

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin và văn bản nghị luận ?

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV đọc nhanh kết quả bài viết của một vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Tuần: 26 Tiết: 101	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.	NS: 08/03/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.

- HS nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

HSKT: Nắm được một vài trạng ngữ đơn giản: thời gian, nơi chốn.

2. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS chơi trò chơi: Nhanh như chớp: HS sử dụng thẻ màu đỏ, GV đọc câu hỏi, ai có câu trả lời sẽ giơ thẻ, bạn nào nhanh nhất sẽ được gọi. Người chiến thắng sẽ là người có câu trả lời chính xác. <i>Câu 1. Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu tiếng Việt có mấy thành phần chính? Kể tên?</i> <i>Câu 2. Trạng ngữ là thành phần chính hay thành phần phụ?</i> <i>Câu 3. Trạng ngữ của câu: Trên sân trường, các bạn nô đùa ầm ĩ là ...?</i> <i>Câu 4. Trạng ngữ trong câu trên bổ sung thông tin về mặt nào cho sự việc được nói đến trong câu?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ	
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ	

- HS quan sát, lắng nghe, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động Câu trả lời của HS Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài học.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới

- a. Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm, các chức năng của trạng ngữ.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- HSKT:** Hiểu được một vài trạng ngữ đơn giản: thời gian, nơi chốn.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu về trạng ngữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập số 1, yêu cầu HS thảo luận nhóm. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT, chỉ ra một trạng ngữ trong câu bất kì em tìm được. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT	I. Nhắc lại lí thuyết về trạng ngữ. 1. Ví dụ 2. Kết luận: a. Chức năng. - Là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm, thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc. - Có nhiều loại trạng ngữ: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ

- Gv quan sát, bổ sung, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	noi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích... - Bổ sung ý nghĩa cho câu, trạng ngữ còn có chức năng liên kết các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liền mạch b. Hình thức: trạng ngữ thường đứng ở đầu câu, giữa hoặc cuối câu nhưng phổ biến nhất là ở đầu câu.
NV 2. Ôn lại cách giải thích nghĩa của từ ngữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại các cách giải thích nghĩa của từ ngữ. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời cá nhân - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	II. Cách giải thích nghĩa của từ: - Dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo nên từ ngữ đó. - Dựa vào những từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của nó. - Tra từ điển.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1. GV phát phiếu học tập số 2 - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó. - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT: GV hướng dẫn em xác định trạng ngữ chỉ thời gian ở câu b. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận nhóm - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT trả lời	III. Luyện tập. Bài tập 1/ trang 56 a. TN: Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ → TN chỉ thời gian b. TN: giờ đây → TN chỉ thời gian c. TN: Dù có ý định tốt đẹp → TN chỉ điều kiện

những câu hỏi đơn giản ở các bài tập còn lại.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: làm bài tập 2, xác định nghĩa của trạng ngữ thêm vào. So sánh câu bỏ thành phần TN và câu giữ nguyên TN.

GV phát phiếu học tập số 3.

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi, thảo luận nhóm

- Gv quan sát, bổ sung, cố vấn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Gv tổ chức

- HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3

- GV hướng dẫn HS, với mỗi câu thử thêm nhiều trạng ngữ với các chức năng khác nhau.

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bài 2/ trang 57

a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.

b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”: câu văn mất đi tính phổ quát

c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu văn sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu

Bài 3/ trang 57

a. Hoa đã bắt đầu nở

- Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.

- Thời tiết ấm dần, hoa đã bắt đầu nở.

- Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở.

- Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.

b. bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận nhóm - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận nhóm - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Chủ nhật, bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước. c. Mẹ rất lo lắng cho tôi. - Trời đã tối nên mẹ rất lo lắng cho tôi. Bài 4/ trang 57 a. chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí b. mười phen vten mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV5: Bài tập 5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận nhóm - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Bài 5/ trang 57 a. thua em kém chị: nghĩa là thua kém mọi người nói chung b. mỗi người một vẻ: mỗi người có những điểm riêng, khác biệt, không giống ai c. nghịch như quỷ: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT viết một vài câu đơn giản. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời, viết đoạn văn - Gv lắng nghe, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs báo báo kết quả - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	<i>Một năm... hai năm... ba năm... đã lâu lắm rồi tôi mới trở về quê hương vào một ngày cuối năm. Mùa xuân, bầu trời quê tôi như bớt đi những sắc mây u ám, lộ dạng những tia nắng vàng ấm áp. Trên cành, những chồi non đang dần hé nở sau một giấc ngủ đông dài. Cánh hoa xuân khẽ rung rinh trong làn gió nhẹ, khoe sắc hương đón chào mùa mới sang. Những chú chim non uống những giọt sương đêm còn sót lại trên cành lá rồi lú lo cất tiếng hót vang xa. Quê hương ơi! Xuân đã về trong náo nức của muôn loài.</i>

Phụ lục.

Phiếu học tập số 1

Ví dụ	Trạng ngữ	Vị trí	Chức năng
<i>(1) Để trở thành học sinh giỏi, em cần phải không ngừng cố gắng tự học.</i>			
<i>(2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ.</i>			

(3) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.			
(4) Rón rén, chị Dậu bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm.			

PHT số 2

Câu	Trạng ngữ	Chức năng
a		
b		
c		

PHT số 3

Trạng ngữ	Câu đã lược bỏ trạng ngữ	So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ
Câu a:		
Câu b:		

Câu c:		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm vững phần lí thuyết về trạng ngữ
- Hoàn thành bài tập phân vận dụng
- Chuẩn bị bài: Hai loại khác biệt
- + Đọc văn bản
- + Trả lời câu hỏi phần gợi ý

Tuần: 26 Tiết: 102, 103	VĂN BẢN 2. HAI LOẠI KHÁC BIỆT (Giọng-mi Mun)	NS: 08/03/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS hiểu được sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”, văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.
- HS nắm được cách thức trình bày ý kiến, từ đó vận dụng vào việc viết văn bản nghị luận đúng yêu cầu.
- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

HSKT: hiểu được văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

2. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV
- PHT
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Cách 1.</i> + Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao? + Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng có những ưu điểm vượt trội?	- HS chia sẻ quan điểm, suy nghĩ

Cách 2: Nhận xét về thông điệp từ hình ảnh sau?



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời

- Gv lắng nghe, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Hs báo cáo kết quả

- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
+ GV dẫn dắt:

C1: Lứa tuổi dậy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên

thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. C2: Sẽ có lúc nào đó, một mình ta đi một con đường trong khi những người khác có chung sự lựa chọn. Vậy có phải lúc nào đơn độc, khác biệt cũng là sai lầm không? Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay?	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra. + GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: phiên bản, quái đản, quái dị + Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? + Bố cục của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi - Bày tỏ cảm xúc về truyện 2. Chú thích 3. Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi” 4. Bố cục: 4 phần - Đoạn 1: Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề): Mỗi người cần có sự khác biệt

HSKT: Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Đoạn 2: <i>Tiếp => mười phân vẹn mười:</i> Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J - Đoạn 3: <i>Tiếp => trong mỗi con người:</i> Cách để tại nên sự khác biệt - Đoạn 4: <i>Phần còn lại (kết luận vấn đề):</i> Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

HSKT: Tìm được một bằng chứng trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn hs tìm hiểu mục đích của văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Gv phát PHT số 1 (phiếu này sẽ hỏi ngược, để học sinh thấy được mục đích của văn bản không phải là kể lại câu chuyện mà mục đích chính là rút ra bài học từ câu chuyện: có 2 loại khác biệt); hs làm việc nhóm đôi PHT số 1 <i>Câu 1: Điều em ấn tượng nhất sau khi đọc văn bản Hai loại khác biệt?</i> <i>Câu 2: Tác giả có tham gia trong câu chuyện đó không? Vì sao em biết?</i> <i>Câu 3: Văn bản kể về chuyện gì?</i> <i>Câu 4: Tên văn bản là gì?</i> <i>Câu 5: Mục đích tác giả viết văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT, giúp em trả lời một câu hỏi đơn giản: Tên văn bản là gì?	II. Khám phá văn bản 1. Mục đích của văn bản - Văn bản <i>Hai loại khác biệt</i> không hướng đến mục đích chính là kể chuyện mà rút ra bài học mới là điều quan trọng - Tên văn bản không toát lên từ câu chuyện mà được lấy từ lời bàn luận của tác giả. => Văn nghị luận

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bằng chứng, lý lẽ và kết luận thể hiện hai loại khác biệt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Hs làm việc nhóm 4-6 em. + Em hãy tìm những bằng chứng thể hiện hai loại khác biệt? + Em hãy cho biết tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều bàn luận và rút ra thực tế? Nhận xét tác dụng của trình tự triển khai đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Chỉ ra một bằng chứng nói về sự khác biệt. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.	2. Bằng chứng thể hiện hai loại khác biệt - Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường. - Học sinh J chọn cách thể hiện sự khác biệt khác với ngày thường mình: thay vì nhút nhát, ít nói, cậu đã giơ tay và phát biểu trong các tiết học, xưng hô lễ độ với mọi người → Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau.

- GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức + Số đông học sinh chọn cách mặc những trang phục kì dị, để kiểu tóc kì quặc, mặc quần áo kì lạ, làm trò quái đản với trang sức hoặc phấn trang điểm, tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý → bộc lộ cá tính + Bạn học sinh J: chọn cách ăn mặc bình thường nhưng bạn chọn cách giơ tay trong tất cả các tiết học, trả lời chân thành và xung hô lễ độ với thầy cô, bạn bè. → Sự khác nhau: cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người. NV3: Hướng dẫn học sinh rút ra bài học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức thảo luận	3. Lí lẽ dẫn đến hai sự khác biệt - Ý kiến của tác giả: Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa. - Lí lẽ + Số đông +) Khi quyết định mặc đồ quái dị đến trường, biết mình không phải là người duy nhất nhưng chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn +) Với lựa chọn này, dù là vô nghĩa nhưng không hề đơn độc mà đây là lựa chọn của số đông + Học sinh J +) Hs J đã hoàn toàn thay đổi +) J là người duy nhất chọn loại khác biệt có nghĩa 4. Kết luận vấn đề - Sự khác biệt vô nghĩa sẽ bị loại bỏ, chỉ có sự khác biệt có nghĩa mới được chú ý. => Trình tự triển khai: Ở Vb này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng. 5. Thông điệp của văn bản và bài học kinh nghiệm

+ Tác giả phân chia sự khác biệt thành hai loại. Em có đồng ý với cách phân chia như thế không? Vì sao? + Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này? + Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì? + Em rút ra được bài học gì cho bản thân? Theo em bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với lứa tuổi học sinh không? Vì sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Tác giả phân chia sự khác biệt thành hai loại, đó là loại nào? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV + Câu hỏi 1: Hs trình bày ý kiến cá nhân	Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có được. => Có ý nghĩa thiết thực với học sinh nói riêng và tất cả mọi người nói chung

+ Câu hỏi 2: Hs lí giải và chia sẻ quan điểm cá nhân	

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <i>HSKT: Văn bản có ý nghĩa gì?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	III. Tổng kết 1. Nội dung Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự. b. Nghệ thuật - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí.
Cách tổng kết 2	

PHT	
Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

Bài học này được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả, có giá trị đối với bất cứ ai.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ C1: Viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: <i>Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.</i> HSKT viết một vài câu. C2: Câu 1. Giông-mi Mun là người A. Mĩ. B. Triều Tiên. C. Nhật. D. Hàn Quốc. Câu 2. Thầy giáo đã giao cho cả lớp cái gì?	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng

A. Quyền sách. B. Bài tập. C. Món quà. D. Tập viết. Câu 3. Thời gian hoàn thành bài tập là bao lâu? A. 24 giờ B. 12 giờ C. 4 giờ D. 2 giờ. Câu 4. Mục đích của bài tập là gì? A. Làm vệ sinh trong trường. B. Học sinh phải bộc lộ bản thân, trở nên khác biệt. C. Không được rời khỏi phòng họcD. Phải tập luyện thể dục, thể thao. D. Phải tập luyện thể dục, thể thao. Câu 5. Văn bản “Hai loại khác biệt” thuộc thể loại nào? A. Biểu cảm. B. Tự sự. C. Thuyết minh. D. Nghị luận. Câu 6. Số đông chọn cách thể hiện sự khác biệt qua A. giữ trật tự. B. cử chỉ.	

C. ngoại hình, trang phục, hành động quái dị. D. Làm bài tập toán. Câu 7. Học sinh J đã thể hiện sự khác biệt của mình bằng cách A. Ngồi im lặng. B. Giơ tay phát biểu trong tất cả các tiết học. C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai. Câu 8. Tác giả đã phân chia sự khác biệt làm mấy loại? A. 1. B. 2. C. 3. D. 4. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ GV hỗ trợ HSKT Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: <i>Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng <i>Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa vì nó tốn thời gian vô ích. Khác biệt vô nghĩa là khác biệt không mang lại giá trị gì cho cuộc sống của bạn hay những người xung quanh. Khác biệt vô nghĩa có thể là: ăn mặc dị hợm khác biệt với mọi người một cách vô lối, không chủ đề, chủ đích; kêu to những câu nói không đầu không cuối, gây rối trật tự công cộng... Thay vào đó bạn hãy tận hưởng thời gian của riêng mình với những khác biệt có nghĩa. Khác biệt có nghĩa là việc đầu tư thời gian nghiên cứu ý nghĩa, rèn dũa hành động của bản thân để tạo nên những giá trị về vật chất và tinh thần cho bản thân và người khác. Khác biệt có nghĩa có thể là: bạn yêu thích môn học, bạn nghiên cứu về môn học đó, bạn học giỏi môn học đó rồi chia sẻ kiến thức với mọi người; bạn đưa</i>
Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ	
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét	<i>ra được chính kiến của mình giữa những ý kiến trái chiều nhau trong khi bàn luận 1 vấn đề, bạn bảo vệ ý kiến của mình tới cùng;... Khác biệt có nghĩa không phải là điều khó khăn, khác biệt có nghĩa là bạn chứng tỏ được những giá trị hữu dụng của bản thân bạn.</i>

Hướng dẫn học ở nhà: - Nắm nội dung bài học.

- Hoàn thành đoạn văn.

- Chuẩn bị bài: Ôn tập giữa học kì II.

TIẾT 104:

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch dạy học, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.
- Một số VB đọc mới thuộc thể loại truyện truyền thuyết, có liên quan đến chủ đề của các bài học.

- Tranh ảnh minh họa phù hợp với các chủ đề được học.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

I/ PHẦN ĐỌC HIỂU:

-Khái niệm: Truyền thuyết là loại truyện kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kỳ ảo, thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật và sự kiện lịch sử được kể.

- Thể loại: Truyền thuyết

- Sử dụng ngôi kể thứ 3.

-Khái niệm: Truyện cổ tích Là thể loại văn học dân gian kể về những kiểu nhân vật như:

bất hạnh, nhân vật có tài năng kì lạ, thông minh, ngốc nghếch, nhân vật là động vật. Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

- Thể loại: Truyện cổ tích

- Ngôi kể: thứ ba.

- Năm dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích, truyền thuyết: ngôi kể, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, ...

- Nắm được cốt truyện.

- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.

- Nắm đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

- Nắm chủ đề của văn bản.

- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng.

- Từ xét về cấu tạo (từ đơn, từ phức, từ láy)

- Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.

- Rút ra được bài học từ văn bản.

II/ PHẦN LÀM VĂN:

- Nắm cách viết bài văn: Đóng vai nhân vật kể lại một truyện (truyền thuyết, cổ tích) .

***Bố cục bài văn kể chuyện**

1. *Mở bài*: Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.
2. *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.
 - + Xuất thân của các nhân vật
 - + Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện
 - + Diễn biến chính:
 - Sự việc 1
 - Sự việc 2
 - Sự việc 3...
3. *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.

Tuần: 27 Tiết: 105, 106	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2	

I. Mục tiêu cần đạt:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và LV) ở chương trình từ đầu học kì II đến tuần 26.
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra học kì đảm bảo theo nội dung, cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II.Tài liệu và phương tiện:

ĐỀ KIỂM TRA (GỞI TẬP KÈM THEO)

III. Hình thức, thời gian

Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận

Thời gian: 90 phút

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức								Tổng % số điểm
1			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	
	Tỉ lệ		20		15	10		10		5	
2	Viết	Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại 1 truyện truyền thuyết hoặc cổ tích.		1*		1*		1*		1*	
	Số câu		0	1*	0	1*	0	1*	0	1	1
	Tỉ lệ			10		15		10		5	40
	Tỉ lệ % các mức độ			70				30			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương /chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)	Nhận biết: - Thể loại - Ngôi kể - Nhân vật chính - Từ láy Thông hiểu: - Các chi tiết tiêu biểu. - Hiểu được CDT Vận dụng: - Rút ra được bài học từ văn bản. - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.	4TN 1*	3TN 1TL 1*	1TL 1*	1TL 1*
2	Viết	Viết bài văn đóng vai một	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề				

		nhân vật kể lại 1 truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đã học.	văn đóng vai kể lại một truyện cổ tích hoặc truyện thuyết đã học. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức. (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) Vận dụng thấp: Viết được bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, đặt câu, cách diễn đạt.				
Tổng				4TN 1*	3TN 1TL 1*	1TL 1*	1TL 1*
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC	KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn – Lớp 6 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

SỰ TÍCH CÂY TRE TRĂM ĐỐT

“Ngày xưa có một chàng trai hiền lành, khỏe mạnh tên là Khoai đi cày thuê cho vợ chồng ông phú hộ. Hai vợ chồng phú hộ hứa: “Con chịu khó làm lụng giúp ta, ba năm nữa ta sẽ gả con gái ta cho”. Anh Khoai tin vào lời hứa của 2 vợ chồng phú hộ, ra sức làm việc chăm chỉ, không ngại khó nhọc, vất vả.

Thời gian 3 năm trôi qua, anh đã giúp cho hai vợ chồng phú hộ có mọi thứ của cải trên đời. Đến lúc phải thực hiện lời hứa thì ông bèn trở mặt, không giữ lời hứa. Ông đưa ra một điều kiện là anh Khoai phải tìm được một cây tre có đủ trăm đốt tre, để làm nhà cưới vợ thì ông mới đồng ý gả con gái cho. Anh Khoai đồng ý lên rừng và quyết tâm tìm được một cây tre đủ trăm đốt. Nhưng tìm mãi, tìm mãi vẫn không thấy, anh bèn thất vọng ngồi sụp xuống khóc. Bỗng nhiên, một Ông Bụt hiện lên và bảo anh cứ đi tìm và chặt đủ 100 đốt tre lại đây, rồi đọc hai câu thần chú: “Khắc nhập, khắc nhập!” lập tức 100 đốt tre nhập lại thành một cây tre trăm đốt và khi đọc “Khắc xuất, khắc xuất!” thì lập tức cây tre trăm đốt tách rời ra thành từng đốt như cũ. Anh Khoai mừng rỡ cảm ơn Ông Bụt và gánh 100 đốt tre về làng ra mắt ông phú hộ. Ông phú hộ nhìn thấy liền cười và bảo: “Ta nói cây tre trăm đốt, không phải trăm đốt tre”. Anh Khoai liền đọc câu thần chú “khắc nhập” “khắc nhập” như lời Bụt đã dạy. Ông phú hộ không tin vào những gì mình nhìn thấy, ông sờ tay vào cây tre và phép màu của Bụt đã hút ông dính luôn vào cây tre.

Khi ông đồng ý giữ lời hứa, anh Khoai mới đọc “khắc xuất” “khắc xuất” để giải thoát cho cha vợ của mình. Sau khi được anh Khoai cứu giúp, ông phú hộ đồng ý giữ lời hứa, gả con gái cho anh.

Từ đấy, anh và con gái ông phú hộ sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi”.

(Tóp 20 truyện cổ tích Việt Nam hay nhất)

Từ câu 1 đến câu 7: Em hãy chọn đáp án đúng trong các câu dưới đây bằng cách ghi chữ cái trước câu trả lời đó vào giấy bài làm.

Câu 1. Truyện *Sự tích cây tre trăm đốt* thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết	B. Truyện đồng thoại
C. Truyện cổ tích	D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất	B. Ngôi thứ ba

C. Ngồi thứ hai

D. Cả ngồi thứ nhất và ngồi thứ ba

Câu 3. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Anh Khoai

B. Ông Bụt

C. Hai vợ chồng phú hộ

D. Con gái phú hộ

Câu 4. Xác định từ láy trong câu sau: *“Từ đấy, anh và con gái ông phú hộ sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi”*.

A. từ đấy

B. phú hộ

C. hạnh phúc

D. mãi mãi

Câu 5. Tình cảnh của anh Khoai trong đoạn trích trên ứng với tục ngữ nào sau đây?

A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

B. Ở hiền gặp lành.

C. Một mặt người bằng mười mặt của.

D. Giấy rách phải giữ lấy lề.

Câu 6. Không tìm được cây tre trăm đốt, lúc này anh Khoai như thế nào?

A. Anh bèn thất vọng, ngồi sụp xuống khóc.

B. Anh bỏ cuộc và trở về.

C. Anh bỏ đi không bao giờ trở về làng.

D. Anh động viên bản thân cố gắng.

Câu 7. Câu văn: *“Ngày xưa có một chàng trai hiền lành, khỏe mạnh tên là Khoai đi cày thuê cho vợ chồng ông phú hộ”*, cụm danh từ là: *“một chàng trai hiền lành”*

A. Đúng

B. Sai

Từ câu 8 đến câu 10: Em hãy ghi câu trả lời của mình vào giấy bài làm.

Câu 8 (1.0đ). Theo em, kết cục câu chuyện như vậy đã thỏa đáng hay chưa? Vì sao?

Câu 9 (1.0đ). Nếu chọn một trong hai nhân vật anh Khoai hoặc Bụt kể lại phần chuyện trong đoạn trích trên, em sẽ chọn nhân vật nào? Vì sao?

Câu 10 (0.5đ). Từ truyện “Sự tích cây tre trăm đốt”, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em đã học.

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 6

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

Lưu ý HSKT chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành yêu cầu bài kiểm tra giữa kỳ II.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần I: Nội dung đọc hiểu

3. Trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Phương án trả lời	C	B	A	D	B	A	A
Điểm	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5

4. Trắc nghiệm tự luận

Câu 8: (1.0đ) HS nêu được các ý sau:

HS đồng ý với kết thúc của truyện.

- Lí giải được lí do đồng ý với kết thúc của truyện.

Mức 1 (1.0đ)	Mức 2 (0.75đ)	Mức 4 (0.5đ)	Mức 4 (0.25đ)	Mức 5 (0.0đ)
-HS nêu được đầy đủ các ý như trên; diễn đạt rõ ràng mạch lạc.	HS nêu được đầy đủ các ý như trên; diễn đạt chưa rõ ràng mạch lạc.	-HS nêu được một trong hai ý trên, diễn đạt rõ ràng mạch lạc.	- HS nêu được một trong hai ý trên, diễn đạt chưa rõ ràng mạch lạc.	-Trả lời không đúng hoặc không trả lời.

*** HS có thể diễn đạt cách khác, miễn sao thể hiện được các ý trên.**

Câu 9: (0.75 điểm)

-HS đưa ra lựa chọn và có những lý giải hợp lý.

Ví dụ: Trong đoạn trích, ông Bụt chỉ xuất hiện khi anh Khoai cần giúp đỡ, còn anh Khoai mới là người trong cuộc, biết hết mọi việc xảy ra với mình. Cho nên chọn nhân vật anh Khoai làm người kể chuyện thì hợp lí hơn. Học sinh có thể nêu được những điều nhận ra khác nhau, song cần phù hợp với nội dung văn bản, đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

Mức 1 (0.75đ)	Mức 2 (0.5đ)	Mức 3 (0.25đ)	Mức 4 (0.0đ)

- HS nêu được nhân vật anh Khoai làm người kể chuyện thì hợp lí hơn, những điều nhận ra khác nhau, song cần phù hợp với nội dung văn bản, đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	- HS nêu được những điều nhận ra một cách sâu sắc; diễn đạt chưa mạch lạc.	- HS nêu được những điều nhận ra nhưng chưa sâu sắc, diễn đạt chưa mạch lạc.	- Trả lời không phù hợp hoặc không trả lời.

Câu 10: (0.75 điểm)

- Học sinh có thể nêu những việc làm khác nhau, song cần phù hợp với nội dung văn bản, đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

- + Giữ lời hứa, quý trọng chữ tín
- + Biết yêu thương giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn
- + Sống hòa đồng, trung thực, thật thà

Mức 1 (0.75đ)	Mức 2 (0.5đ)	Mức 3 (0.25đ)	Mức 4 (0.0đ)
HS nêu được những việc làm chân thành, phù hợp; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	HS nêu được những việc làm chân thành, phù hợp; diễn đạt tương đối rõ ràng, mạch lạc.	HS nêu được việc làm phù hợp, diễn đạt chưa rõ ràng, chưa mạch lạc.	Trả lời không phù hợp hoặc không trả lời.

Phần II. LÀM VĂN: (4.0 điểm)

A. BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI:

Tiêu chí	Điểm
Cấu trúc bài văn	0.5
Nội dung	2.5
Trình bày, diễn đạt	0.5
Sáng tạo	0.5

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Bài viết đủ 3 phần: Phần mở bài, thân bài, kết bài; phần thân bài; biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau.	* Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. * Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện. * Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.
0.25	Bài viết đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có một đoạn.	
0.0	Chưa tổ chức bài văn gồm 3 phần (thiếu phần mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn.	
2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0 - 2.5	* HS thuật đóng vai nhân vật kể lại một sự kiện bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: - Giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. - Kể truyện theo trình tự thời gian. + Xuất thân của các nhân vật. + Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. + Diễn biến chính: Sự việc 1, sự việc 2, sự việc 3, ... + Tưởng tượng, sáng tạo thêm một số chi tiết, sự kiện nhưng không thoát li truyện gốc. + Khi kể nhấn mạnh các chi tiết tưởng tượng. + Bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. - Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.	

1.0-1.75	- HS đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích hoặc truyền thuyết nhưng chưa rõ ràng cụ thể, chưa sâu sắc.	
0,25-0,75	- HS đóng vai nhân vật kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích nhưng còn chung chung.	
0.0	- Bài làm quá sơ sài hoặc không làm bài.	
3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.5	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa.	
0,25	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ, ...	
0.0	- Mắc quá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Vốn từ thuyết minh còn hạn hẹp. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ, ...	
Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.5	- Có sáng tạo trong cách thể hiện và diễn đạt.	
0.25	- Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét.	
0.0	- Chưa có sáng tạo.	

2. Trắc nghiệm tự luận:

Câu 8: (1.0đ) HS nêu được các ý sau:

HS đồng ý với kết thúc của truyện.

- Lí giải được lí do đồng ý với kết thúc của truyện.

Mức 1 (1,0đ)	Mức 2 (0,75đ)	Mức 4 (0,5đ)	Mức 4 (0,25đ)	Mức 5 (0,0đ)
- HS nêu được đầy đủ	- HS nêu được đầy đủ các ý như trên;	- HS nêu được một trong hai ý	- HS nêu được một trong hai	- Trả lời không đúng

các ý như trên; diễn đạt rõ ràng mạch lạc.	diễn đạt chưa rõ ràng mạch lạc.	trên, diễn đạt rõ ràng mạch lạc.	ý trên, diễn đạt chưa rõ ràng mạch lạc.	hoặc không trả lời.

*** HS có thể diễn đạt cách khác, miễn sao thể hiện được các ý trên.**

Câu 9: (0,75 điểm)

-HS đưa ra lựa chọn và có những lý giải hợp lý.

Ví dụ: Trong đoạn trích, ông Bụt chỉ xuất hiện khi anh Khoai cần giúp đỡ, còn anh Khoai mới là người trong cuộc, biết hết mọi việc xảy ra với mình. Cho nên chọn nhân vật anh Khoai làm người kể chuyện thì hợp lý hơn. **Học sinh có thể nêu được những điều nhận ra khác nhau, song cần phù hợp với nội dung văn bản, đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật.**

Mức 1 (0,75đ)	Mức 2 (0,5đ)	Mức 3 (0,25đ)	Mức 4 (0,0đ)
- HS nêu được nhân vật anh Khoai làm người kể chuyện thì hợp lý hơn, những điều nhận ra khác nhau, song cần phù hợp với nội dung văn bản, đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	- HS nêu được những điều nhận ra một cách sâu sắc; diễn đạt chưa mạch lạc.	- HS nêu được những điều nhận ra nhưng chưa sâu sắc, diễn đạt chưa mạch lạc.	- Trả lời không phù hợp hoặc không trả lời.

Câu 10: (0,75 điểm)

- Học sinh có thể nêu những việc làm khác nhau, song cần phù hợp với nội dung văn bản, đảm bảo chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

+ Giữ lời hứa, quý trọng chữ tín

+ Biết yêu thương giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn

+ Sống hòa đồng, trung thực, thật thà

Mức 1 (0,75đ)	Mức 2 (0,5đ)	Mức 3 (0,25đ)	Mức 4 (0,0đ)
- HS nêu được những việc làm chân thành, phù hợp; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	- HS nêu được những việc làm chân thành, phù hợp; diễn đạt tương đối rõ ràng, mạch lạc.	- HS nêu được việc làm phù hợp, diễn đạt chưa rõ ràng, chưa mạch lạc.	- Trả lời không phù hợp hoặc không trả lời.

Phần II. LÀM VĂN: (4.0 điểm)

A. BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI:

Tiêu chí	Điểm
Cấu trúc bài văn	0.5
Nội dung	2.5
Trình bày, diễn đạt	0.5
Sáng tạo	0.5

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Bài viết đủ 3 phần: Phần mở bài, thân bài, kết bài; phần thân bài; biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau.	* Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. * Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện. * Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.
0.25	Bài viết đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có một đoạn.	
0.0	Chưa tổ chức bài văn gồm 3 phần (thiếu phần mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn).	
2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú

2.0 - 2.5	* HS thuật đóng vai nhân vật kể lại một sự kiện bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: - Giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. - Kể truyện theo trình tự thời gian. + Xuất thân của các nhân vật. + Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. + Diễn biến chính: Sự việc 1, sự việc 2, sự việc 3, ... + Tưởng tượng, sáng tạo thêm một số chi tiết, sự kiện nhưng không thoát li truyện gốc. + Khi kể nhấn mạnh các chi tiết tưởng tượng. + Bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. - Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.	
1.0- 1.75	- HS đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích hoặc truyền thuyết nhưng chưa rõ ràng cụ thể, chưa sâu sắc.	
0,25- 0,75	- HS đóng vai nhân vật kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích nhưng còn chung chung.	
0.0	- Bài làm quá sơ sài hoặc không làm bài.	
3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.5	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa.	
0,25	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ, ...	

0.0	- Mắc quá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Vốn từ thuyết minh còn hạn hẹp. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ, ...
Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)	
Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	- Có sáng tạo trong cách thể hiện và diễn đạt.
0.25	- Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét.
0.0	- Chưa có sáng tạo.

Tiết: 107	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	NS:29/03/2024

I- Mục tiêu cần đạt : Giúp HS :

1- Về kiến thức :

- Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của mình về phương diện: nội dung kiến thức ở cả ba phân môn.

HSKT: Tìm những lỗi sai về chính tả trong bài làm của mình.

2- Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Đánh giá lại các kĩ năng làm bài cơ bản về văn bản, TV, TLV, đặc biệt là TLV.

b. Năng lực riêng biệt

Phát hiện và sửa chữa nhược điểm trong bài làm của mình.

3- Về phẩm chất:

- Phẩm chất: trách nhiệm với bài viết của mình.

II- Thiết bị và học liệu:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục, bài kiểm tra giữa kì II.

III- Tổ chức các hoạt động dạy và học

Hoạt động 1: Khởi động.

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm yêu cầu của tiết trả bài

b- Nội dung: Tiết trả bài.

c-Sản phẩm: Trả lời của HS

d-Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Gv nêu yêu cầu. Theo em tiết trả bài có vai trò như thế nào đối với môn Ngữ văn? HSKT trả lời theo cách hiểu của bản thân. B2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nhận xét, dẫn dắt yêu cầu bài	

Hoạt động 2: Tổ chức trả bài

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm lại yêu cầu đề bài; lập dàn ý cho đề bài.

b- Nội dung: Bài kiểm tra giữa kì.

c- Sản phẩm: Bài viết của HS.

d- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>NV 1</i> <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - GV chiếu lại đề bài, yêu cầu HS đọc lại đề bài. - GV yêu cầu HS phân tích đề: chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức từng câu trong đề bài. <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chỉ ra yêu cầu về nội dung và hình thức của của từng câu trong đề. <i>Báo cáo, thảo luận:</i> HS trình bày cá nhân yêu cầu.	I- Tìm hiểu những yêu cầu của đề 1- Đề bài.

<i>Nhận xét, kết luận:</i> Nhận xét, bổ sung, kết luận. NV 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv nhận xét, trả bài cho Hs. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem bài B3: Báo cáo, thảo luận: HS nêu nhận xét. B4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, bổ sung phần trả lời của HS và kết luận và trả bài cho HS. NV 3: B1: GV cho HS tự nhận xét bài viết của mình (ưu, nhược điểm) từ việc đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu vừa nêu. GV quan tâm, chỉ ra những lỗi sai trong bài của HSKT. B2: HS tự nhận xét B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nêu nhận xét của mình về bài viết của HS : NV 4: B1: GV thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi. - GV lưu ý giúp HS nắm kĩ những hạn chế của bài kiểm tra, phát huy ưu điểm của bài. + Ưu điểm:	2- Chữa bài (theo HDC đề kiểm tra giữa kì II) II- Trả bài III- Nhận xét 1- Hs đọc và tự nhận xét 2- Gv nhận xét chung - a- Ưu điểm: - Phần Đọc- hiểu. - Phần Tập làm văn. - b- Tồn tại: - Phần TLV IV- Chữa lỗi điển hình - Chính tả. - Chấm câu. - Diễn đạt.

- Đa số các em nắm được cách đóng vai kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích. - Chữ viết của 1 số bạn rõ ràng, đẹp, có ý tưởng cho bài làm. + Hạn chế: nhiều em còn sai lỗi chính tả, ngữ pháp, chữ viết cầu thả... B2: HS theo dõi B3: HS nêu những lỗi đã mắc ở bài làm. B4: GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. NV 5: B1: GV chọn một bài viết tốt cho HS đọc, bình để học tập. GV cho học sinh đọc bài viết tốt và bài viết yếu kém. B2: HS chuẩn bị nội dung bài đọc. B3: HS đọc B4: Nhận xét, tuyên dương.	V- Đọc, bình các bài viết tốt và bài viết yếu - Bài tốt - Bài nhiều hạn chế

Hoạt động 3: Vận dụng.

e- Mục tiêu: Vận dụng nội dung trả bài

f- Nội dung: Xây dựng đoạn văn đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện cổ tích hoặc truyền thuyết.

g- Sản phẩm: Bài làm của HS

h- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Áp dụng phần rút kinh nghiệm để chữa lỗi trong bài. Viết lại đoạn văn hoàn chỉnh sau khi đã sửa chữa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HĐ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận:

- + HS báo cáo.
- + HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định:

Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng

- Học, nắm chắc lại kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết.
- Đọc thêm một số truyện truyền thuyết, cổ tích.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Kiểm tra lại bài làm.
- Rút kinh nghiệm, học hỏi những các bài làm tốt.
- Chuẩn bị bài: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

Tuần: 28 Tiết: 108	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	NS: 29/03/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS hiểu được vì sao khi viết/nói, người ta phải lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. Dù lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu có sự khác biệt về thao tác, nhưng có chung một mục đích: để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.
- HS nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/nói cụ thể.

HSKT: hiểu được vì sao khi viết/nói, người ta phải lựa chọn từ ngữ.

2. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” <i>Câu 1: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “Cháu mời bà...com ạ.”</i> <i>A. chén B. xài C. ăn D. làm bát</i> <i>Câu 2: Mười ba chiến sĩ đã...ở thủy điện Rào Trăng</i> <i>A. hi sinh B. chết C. ra đi D. mất</i> <i>Câu 3: Em bé...tập nói</i> <i>A. lú lo B. riu rít C. bi bô D. tía lia</i> <i>Câu 4: Nước mắt rơi...</i>	- Hs sinh tham gia trò chơi và chia sẻ suy nghĩ

<i>A. lã chã B. lộp độp C. bì bõm D. thánh thót</i> <i>Câu 5: Thời gian trôi qua...</i> <i>A. lê thê B. lê la C. lê lét</i> + Từ trò chơi em rút ra được bài học gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh GV khuyến khích HSKT trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV dẫn dắt: Trong quá trình nói và viết, việc lựa chọn từ ngữ là vô cùng cần thiết.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nắm được cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong tạo lập văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm: + Trong nói và viết, em có thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không? + Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì? + Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Củng cố lí thuyết 1. Lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản - Cần lựa chọn, sử dụng từ phù hợp nhất trong nói và viết. 2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản - Khi viết, cần chú ý những yếu tố: tạo câu đúng ngữ pháp, chú ý ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1, 2	II. Luyện tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, 2 theo nhóm đôi GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.	Bài tập 1/ trang 61 a. Trong câu: “<i>Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao</i>”, không thể dùng từ <i>kiểu</i> để thay cho <i>vẻ</i> được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ <i>kiểu</i> thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi <i>vẻ</i> thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...). b. Từ <i>khuất</i> được dùng trong câu: “<i>Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.</i>” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: <i>mất, từ trần, hi sinh</i>. Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ <i>khuất</i> thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát. c. Trong tiếng Việt, <i>xúc động, cảm động, xúc cảm</i> là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. <i>Xúc động</i> biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với <i>cảm động</i> hay <i>xúc cảm</i>. Vì thế, từ <i>xúc động</i> là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu “<i>Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi</i>” Bài 2/ trang 62 a. phản ứng

NV2: Bài tập 3 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3. - GV hướng dẫn HS làm bài thông qua trả lời các câu hỏi: + Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao? + Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh	b. hoàn hảo c. quan sát d. nỗ lực Bài 3/ trang 62 a. cụm từ <i>giờ đây khi hồi tưởng lại</i> là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào. b. Câu văn “<i>Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.</i>” cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “<i>Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên.</i>” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế. c. Câu c: “<i>Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lắng.</i>” miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “<i>Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lắng và tiến lên phía trước.</i>” thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa. Bài 4/ trang 36

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV3: Bài tập 4 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm Gv gợi ý HS để thực hiện bài tập số 4 có thể thực hiện theo các thao tác: - Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc. - Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản. - Kiểm tra xem có phù hợp không - Kiểm tra xem câu có phù hợp không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV gọi học sinh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	a. Câu “Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhấn nhủ với chúng tôi.” có hai vế, vế đầu nêu băn khoăn về một điều chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu trúc thành “Có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhấn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.” thì lời giải thích lại xuất hiện trước điều băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí. b. Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt về nghĩa. Hai vế: <i>điều quá nghiêm trọng</i> và “<i>căn bệnh</i>” hết cách chữa được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn.

- HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi ở trường em. Chú ý sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT viết một vài câu Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng <i>Sau một tiết học hăng say, tiếng trống trường vang lên giòn dã báo hiệu một đã tiết học kết thúc. Từ các lớp học, chúng tôi ủa ra sân trường như một đàn chim vỡ tổ. Các bạn nam, bạn nữ cười nói vui vẻ. Giữa sân trường các bạn nam chơi đá cầu. Mấy bạn nữ đang nhảy dây. Đàng xa, dưới gốc phượng già, các bạn khác ngồi trò chuyện và đọc sách.... Tuy rất ngắn, nhưng giờ ra chơi là quãng thời gian mà mỗi chúng tôi đều mong đợi vì chúng tôi tìm thấy niềm vui của tuổi học trò ở khoảng thời gian ấy</i>

- Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

Hướng dẫn học ở nhà:

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị ôn tập kiểm tra giữa HKII

Tiết: 109, 110	VĂN BẢN 3. BÀI TẬP LÀM VĂN (Trích <i>Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể</i> , Rơ-nê Gô-xi-nhi, Giảng-giác Xăng-pê)	NS: 1/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

HSKT: Hiểu được ý nghĩa của văn bản.

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết.

2. Phẩm chất:

- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng cuộc sống.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: trung thực, thật thà, lương thiện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS chia sẻ kỉ niệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: + Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài, nhất là những bài khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?	

+ Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/ kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không? - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe, suy nghĩ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác trình bày về kết quả của mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu cách đọc văn bản: + Đọc to, rõ, rành mạch. + Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn. + Lời đối thoại giữa các nhân vật có nhiều sắc thái, tùy vào trạng thái tâm lí của các nhân vật trong từng tình huống cụ thể. - GV đọc mẫu, HS đọc phân vai.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm -Thể loại:Truyện. - Ngôi kể: Thứ ba.

- GV yêu cầu học sinh đọc thông tin về tác giả trong SGK thời gian 1 phút. - Tổ chức trò chơi : “Ai nhanh hơn, ai hiểu hơn” để tìm hiểu về tác giả tác phẩm + <i>Tác giả của văn bản này là ai? Họ là người nước nào?</i> + <i>Văn bản “Bài tập làm văn” trích từ tác phẩm nào?</i> + <i>Nhân vật trong đoạn trích là ai?</i> + <i>Đoạn trích thuộc thể loại gì?</i> + <i>Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?</i> - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: <i>Gượng, chầu, phật ý...</i> - GV yêu cầu HS: + <i>Nêu những yếu tố cơ bản của truyện?</i> + <i>Những nhân vật chính của văn bản này là ai? Kể tên các sự việc chính của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV và các bạn trong nhóm hỗ trợ em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản, thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận.	- Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu đến “ông ta nói với bố”: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập làm văn. + Phần 2: Đoạn còn lại: Ni-cô-la tự mình làm bài tập làm văn.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung cách đọc của bạn, câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi: <i>Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?</i> - GV nêu yêu cầu: + <i>Bố Ni-cô-la được các thầy cô giáo đánh giá như thế nào khi còn đi học?</i> + <i>Bố có đồng ý làm bài tập làm văn giúp Ni-cô-la không?</i> + <i>Bố Ni-cô-la có cho rằng, việc làm bài thay cho con là điều cần thiết không?</i> + <i>Bố có muốn tiếp tục làm bài thay cho con sau lần này nữa không? Câu văn nào cho em biết điều đó?</i>	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Ni-cô-la nhờ sự trợ giúp của bố khi làm bài tập làm văn - Thái độ của bố: + Đồng ý, sốt sắng.

+ Giọng điệu của bố ở đây như thế nào? => Vì bất cứ lí do gì đi chăng nữa, việc Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn cho mình là việc làm có đúng hay không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV và các bạn trong nhóm hỗ trợ em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV bổ sung: Học tập là việc làm hằng ngày, suốt đời của mỗi chúng ta. Chúng ta phải tự học, tự rèn luyện để tích lũy kiến thức cho bản thân mình. Tuyệt đối không được vì bất cứ lí do gì mà nhờ người khác làm thay, làm hộ cho mình. Bởi tự học là con đường ngắn nhất và duy nhất để giúp bản thân hoàn thiện, để biến ước mơ thành hiện thực. Có lẽ vậy mà Lê-nin đã đặt ra một phương châm “Học, học nữa, học mãi”. Củng cố dặn dò: -Bước đầu biết được một số thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm. - HS ôn tập kiến thức phần kiến thức: Ni-cô-la nhờ sự trợ giúp của bố khi làm bài tập làm văn.	+ Đây là lần cuối cùng. - Giọng kể hài hước, dí dỏm. => Không được nhờ người khác làm bài tập cho mình.

- Chuẩn bị tìm hiểu câu hỏi còn lại trong SGK. NV 2: Như vậy để giúp Ni-cô-la làm bài tập làm văn về nhà, bố đã hướng dẫn Ni-cô-la làm bằng cách nào? Chúng ta cùng đi vào tìm hiểu tiếp. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Với yêu cầu của đề: “Hãy miêu tả người bạn thân nhất của em” việc đầu tiên cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi muốn làm hộ bài tập làm văn là gì? Vì sao vậy? + Nếu không biết ai là người bạn thân nhất của Ni-cô-la mà bố hay ông Blê-đúc vẫn làm bài, thì bài văn ấy sẽ nói về người nào? Nó có thể đáp ứng yêu cầu đề ra của cô giáo không? + Vì sao sau khi Ni-cô-la đã kể ra nhiều người bạn của mình mà bố của cậu vẫn thấy khó viết? GV gợi mở thêm: + Bố Ni-cô-la có phải là bạn của những người mà cậu bé nêu tên không? + Bố có biết gì về sinh hoạt hằng ngày, tính nết, sở thích, sở trường, hoàn cảnh gia đình và các mối quan hệ của họ không?	

+ <i>Viết về một đối tượng hoàn toàn xa lạ thì có thể viết được không?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV và các bạn trong nhóm hỗ trợ em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Cả bố và ông Blê-đúc có giúp cho Ni-cô-la làm xong bài tập làm văn về nhà không? Vì sao? Có chuyện gì đã xảy ra với họ?</i> + <i>Để hoàn thành bài tập làm văn của mình, Ni-cô-la đã làm bằng cách nào? Kết quả ra sao?</i> + <i>Nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài? Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Cách giải bài tập làm văn: + Xác định người bạn thân nhất là ai. + Sắp xếp các ý (ngoại hình, tính cách, sở thích..) theo một bố cục rõ ràng, rành mạch.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV bổ sung: Bài học này không chỉ đúng với riêng Ni-cô-la, mà đúng với mọi HS chúng ta. Chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, bằng cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi, giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên, viết một bài tập làm văn phải là hoạt động của cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác. NV 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Theo em, ý nghĩa mà văn bản muốn gửi gắm đến chúng ta là gì? + Em cần làm gì để thực hiện tốt bức thông điệp mà Ni-cô-la gửi đến chúng ta? + Để thể hiện nội dung trên, tác giả đã sử dụng những đặc sắc nghệ thuật nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	2. Ni-cô-la tự làm bài tập làm văn của mình

[illegible]

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ việc đọc hiểu văn bản, em hãy cho biết để làm một bài văn với đề bài “Người bạn thân nhất của em” thì cần phải làm như thế nào?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Miêu tả người bạn thân nhất của em.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm nội dung văn bản
- Hoàn thiện bài tập phần vận dụng
- Chuẩn bị phần viết

Tuần: 28, 29 Tiết: 111-114	VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM	NS: 1/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

HSKT: Viết được một đoạn ngắn.

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Hàng ngày xung quanh chúng ta còn có bao nhiêu điều đáng suy nghĩ về các hiện tượng hay vấn đề đời sống, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm muốn thể hiện ý kiến không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Các em đã được đọc hai văn bản: “Xem người ta kia!” và văn bản “Tiếng cười không muốn nghe” thuộc loại văn bản nghị luận..... - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	

+ Em cho biết văn bản “Xem người ta kia!” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong văn bản không? Vì sao? + Từ việc rút ra đặc điểm của văn bản đọc, các em có thể thực hành viết văn bản nghị luận nêu ý kiến của bản thân trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống. HSKT: Em cho biết văn bản “Xem người ta kia!” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Mục đích: GD con và mong con trưởng thành.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nêu được một hiện tượng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố: + <i>Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận trong văn bản?</i> + <i>Người viết bày tỏ thái độ gì trước vấn đề đặt ra?</i> + <i>Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào được sử dụng?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. HSKT: GV và HS trong nhóm hỗ trợ để em thấy được vấn đề được nêu ra trong văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	* Yêu cầu: Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận phải rõ ràng. - Bài viết phải thể hiện ý kiến riêng của người viết. - Bài viết phải có các lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục người đọc.

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần ngữ liệu trong SGK - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó?</i> + <i>Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?</i> + <i>Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?</i> + <i>Em hãy xác định bố cục của văn bản “Câu chuyện đồng phục” và cho biết nhiệm vụ của mỗi phần?</i> HSKT: Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì?	- Bài văn nêu vấn đề quy định HS mặc đồng phục khi đến trường. - Người viết đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với HS. - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường; đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người. - Bố cục 3 phần: + Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. + Thân bài: Đưa ra các ý kiến bàn luận (Lí lẽ + dẫn chứng)

+ Từ việc tìm hiểu văn bản trên, em hãy cho biết các bước khi làm bài văn nghị luận. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. * Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống: 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc, bài viết được viết theo các bước của bài văn nghị luận.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Viết một đoạn ngắn, có thể một vài câu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài. - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. + <i>Em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hằng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn thể hiện ý kiến?</i> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau: <u>Nhiệm vụ:</u> Tìm ý cho bài văn: Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng. Gợi ý: HS trả lời phiếu học tập sau: <table border="1"> <tr> <td>- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>- Tôn trọng người khác là gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Được người khác tôn trọng là gì?</td><td>.....</td></tr> </table>	- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?		- Tôn trọng người khác là gì?		- Được người khác tôn trọng là gì?		* Các bước tiến hành: 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết
- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?							
- Tôn trọng người khác là gì?							
- Được người khác tôn trọng là gì?							

- Vì sao phải tôn trọng người khác?		
- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?		
- Ngược lại với những người biết tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào?		
- Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? (Bản thân em cần phải làm gì?)		
- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - GV hướng dẫn HS viết đoạn văn triển khai các ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT, giúp em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng yêu cầu của GV.		

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung phần bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hoàn thiện bài viết cho đề bài ở phần thực hành: Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

GV hỗ trợ HSKT.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Văn bản nghị luận thường bàn về những hiện tượng (vấn đề) gì của cuộc sống? Hãy nêu hai biểu hiện (vấn đề) đời sống được bàn trong hai văn bản nghị luận mà em biết?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

Dặn dò: Chuẩn bị tiết sau: Nói và nghe

Tuần: 28, 29 Tiết: 111-114	VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM	NS: 25/03/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

HSKT: Viết được một đoạn ngắn.

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Hàng ngày xung quanh chúng ta còn có bao nhiêu điều đáng suy nghĩ về các hiện tượng hay vấn đề đời sống, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm muốn thể hiện ý kiến không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Các em đã được đọc hai văn bản: “Xem người ta kìa!” và văn bản “Tiếng cười không muốn nghe” thuộc loại văn bản nghị luận..... - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + Em cho biết văn bản “Xem người ta kìa!” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong văn bản không? Vì sao? + Từ việc rút ra đặc điểm của văn bản đọc, các em có thể thực hành viết văn bản nghị luận nêu ý kiến của bản thân trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống. HSKT: Em cho biết văn bản “Xem người ta kìa!” được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Mục đích: GD con và mong con trưởng thành.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nêu được một hiện tượng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố: <i>+ Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận trong văn bản?</i> <i>+ Người viết bày tỏ thái độ gì trước vấn đề đặt ra?</i> <i>+ Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào được sử dụng?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. HSKT: GV và HS trong nhóm hỗ trợ để em thấy được vấn đề được nêu ra trong văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	* Yêu cầu: Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận phải rõ ràng. - Bài viết phải thể hiện ý kiến riêng của người viết. - Bài viết phải có các lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục người đọc.

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ , dẫn chứng thuyết phục người đọc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần ngữ liệu trong SGK - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó?</i> + <i>Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?</i> + <i>Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?</i> + <i>Em hãy xác định bố cục của văn bản “Câu chuyện đồng phục” và cho biết nhiệm vụ của mỗi phần?</i> HSKT: Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? + <i>Từ việc tìm hiểu văn bản trên, em hãy cho biết các bước khi làm bài văn nghị luận.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận.	- Bài văn nêu vấn đề quy định HS mặc đồng phục khi đến trường. - Người viết đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với HS. - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường; đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người. - Bố cục 3 phần: + Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. + Thân bài: Đưa ra các ý kiến bàn luận (Lí lẽ + dẫn chứng) + Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. * Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống: 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nêu được hiện tượng vấn đề cần bàn luận, thể hiện được ý kiến của người viết, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc, bài viết được viết theo các bước của bài văn nghị luận.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Viết một đoạn ngắn, có thể một vài câu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài. - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. + Em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hằng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn thể hiện ý kiến? - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn: Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng. Gợi ý: HS trả lời phiếu học tập sau:	* Các bước tiến hành: 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài 3. Chỉnh sửa bài viết

- Vấn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào?		
- Tôn trọng người khác là gì?		
- Được người khác tôn trọng là gì?		
- Vì sao phải tôn trọng người khác?		
- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?		
- Ngược lại với những người biết tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào?		
- Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? (Bản thân em cần phải làm gì?)		
- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - GV hướng dẫn HS viết đoạn văn triển khai các ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT, giúp em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận.		

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung phần bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hoàn thiện bài viết cho đề bài ở phần thực hành: Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

GV hỗ trợ HSKT.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Văn bản nghị luận thường bàn về những hiện tượng (vấn đề) gì của cuộc sống? Hãy nêu hai biểu hiện (vấn đề) đời sống được bàn trong hai văn bản nghị luận mà em biết?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp	Công cụ đánh giá	Ghi chú

	đánh giá		
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Gắn với thực tế. - Tạo cơ hội thực hành cho người học.	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. - Hấp dẫn, sinh động. - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học. - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập. - Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Trao đổi, thảo luận.	

Dẫn dò: Chuẩn bị tiết sau: Nói và nghe

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu tìm ý phần thực hành viết (dự kiến sản phẩm)

- Vấn đề bàn luận	- Tôn trọng người khác
- Tôn trọng người khác là gì?	- Tôn trọng người khác là: sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người.
- Vì sao phải tôn trọng người khác?	- Nếu biết tôn trọng người khác thì bản thân cũng nhận lại được sự tôn trọng của họ và luôn được mọi người tin tưởng và yêu quý. - Tôn trọng người khác thể hiện chúng ta là người có văn hóa, có lòng tự trọng và giàu lòng trắc ẩn. - Sống trong một tập thể, nếu biết tôn trọng những người xung quanh sẽ làm cho mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc và cuộc sống.

- Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào?	- Trong thái độ, lời nói + Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh: không phân biệt độ tuổi, trình độ hay giàu nghèo. Mỗi người trong xã hội đều đáng được tôn trọng. + Lời nói luôn giữ đúng chuẩn mực: lễ phép chào hỏi những người lớn tuổi, nói chuyện nhẹ nhàng lịch sử nơi công cộng... - Trong cử chỉ, hành động: + Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung: nhường ghế trên xe buýt cho người già, trẻ em và phụ nữ có thai, vứt rác đúng nơi quy định... + Chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung...
- Ngược lại với những người biết tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào?	- Không biết tôn trọng: Bạn bè coi thường nhau; Con cái đánh đập, chửi bới cha mẹ; Chồng đánh đập vợ...
- Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? (Bản thân em phải làm gì?)	- Với gia đình: chào hỏi bố mẹ trước và sau khi đi học, nói chuyện với người lớn trong gia đình thưa hỏi lễ phép không được cãi lại, với các em nhỏ thì đối xử nhẹ nhàng không nên đánh mắng... - Với nhà trường: lễ phép với thầy cô, giúp đỡ bạn bè trong học tập, không coi thường hoàn cảnh gia đình bạn...

TUẦN29 Tiết: 115	NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG	NS: 01/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Quy trình thực hiện bài trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống
- Kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng đời sống.

HSKT: Nói được một vài ý.

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

2. Phẩm chất:

- HS biết sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.
- Biết tóm tắt nội dung bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kỹ năng của người trình bày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV
- Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: + Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận là gì? Các yếu tố ấy có mối liên hệ với nhau như thế nào? + Theo em, trong tình huống nào thì chúng ta cần thực hiện bài nói: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài Bày tỏ ý kiến là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống. Vậy làm thế nào để việc trình bày ý kiến một cách phù hợp, được mọi người ghi nhận? Tiết học hôm nay sẽ giúp các em rèn luyện kỹ năng này.	- Hs chia sẻ ý kiến: Trong cuộc sống, có những tình huống thực tế trong đời sống cần đến kỹ năng trình bày ý kiến: ứng cử chức lớp trưởng, đóng góp ý kiến cho việc may đồng phục của lớp, những đóng góp cho các hoạt động lễ kỉ niệm ngày 20/11...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

- a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS			DỰ KIẾN SẢN PHẨM															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1</i> PHT số 1 <table><tr><td>Yếu tố</td><td>Dự kiến của tôi</td><td>Cách thức trình bày phù hợp</td></tr><tr><td>Mục đích bài nói</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Người nghe</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thời gian</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Không gian</td><td></td><td></td></tr></table> + Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em chọn một đề tài đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động			Yếu tố	Dự kiến của tôi	Cách thức trình bày phù hợp	Mục đích bài nói			Người nghe			Thời gian			Không gian			1. Chuẩn bị bài nói - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói. - Tìm ý và lập dàn ý
Yếu tố	Dự kiến của tôi	Cách thức trình bày phù hợp																
Mục đích bài nói																		
Người nghe																		
Thời gian																		
Không gian																		

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, chốt ý	

Hoạt động 2: Luyện tập và trình bày

- a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày</i> + <i>Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.</i> + <i>GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.</i> - Hs tiếp nhận Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS luyện nói GV hỗ trợ HSKT nói một vài ý ngắn gọn. - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	2. Luyện tập và trình bày bài nói a. Luyện tập - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói - Sử dụng những từ ngữ nối: mặt khác, hơn nữa, bên cạnh đó... - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc hấp dẫn như chiếu hình ảnh hoặc video, đưa ra một sự vật để khơi dậy trí tò mò... b. Trình bày - Căn dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước - Trình bày từ khái quát đến cụ thể - Kết nối các tư liệu trực quan - Chú ý cách tương tác với khán giả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

- Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	3. Trao đổi về bài nói

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói
- Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói
- Sản phẩm học tập:** Video của học sinh
- Tổ chức thực hiện:**

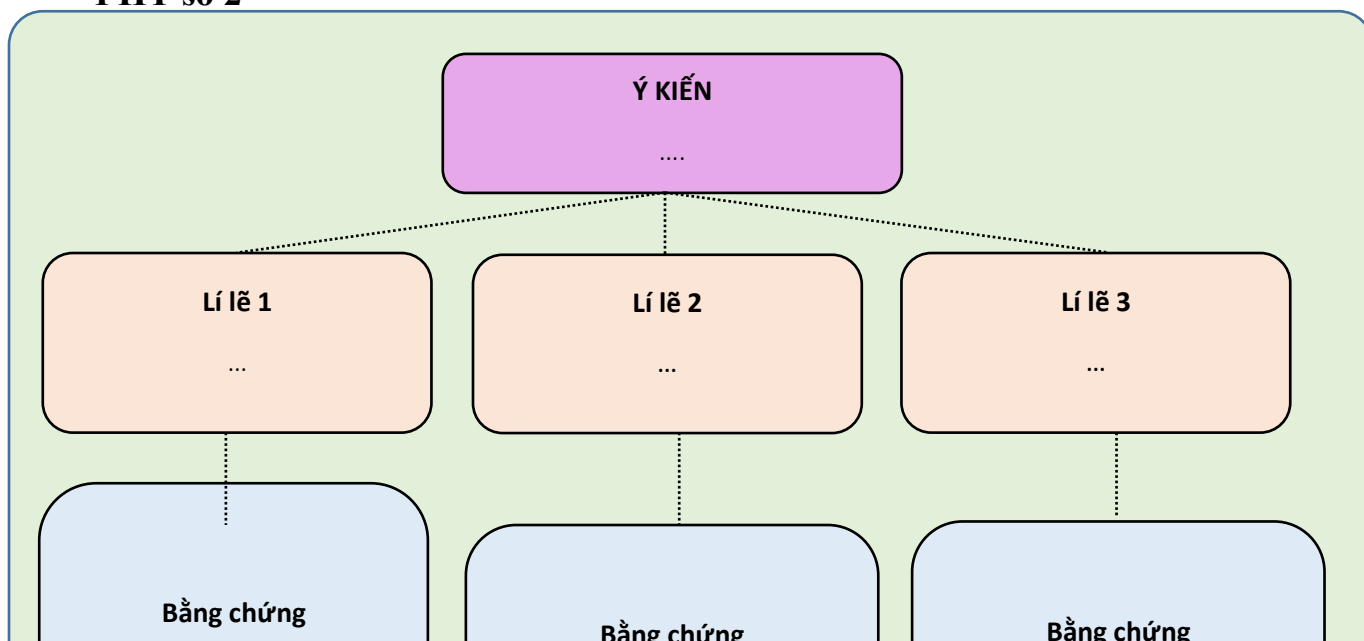
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

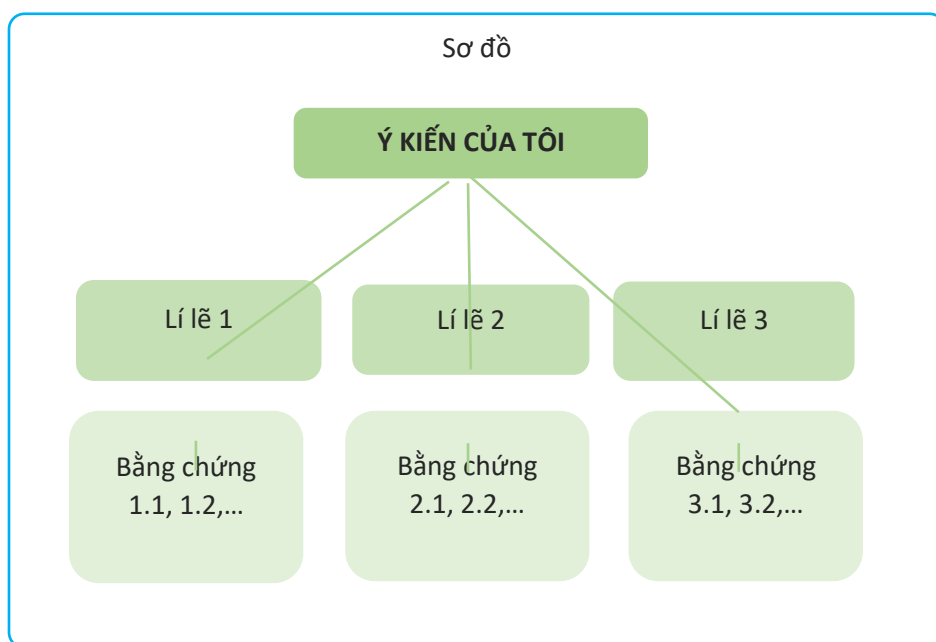
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh...) hoặc thiết kế infographic - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs thực hiện ở nhà	- Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên

Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống

Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.	
Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định.	
Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.	
Người trình bày ghi nhận và phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả.	

PHT số 2





Tuần: 30 Tiết: 116,117	BÀI 9: TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN	NS: 01/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực.

a. Năng lực chung.

- Tri thức ngữ văn: khái niệm văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin, văn bản đa phương thức, từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một VB thông tin có nhiều đoạn.
- Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...

HSKT: Nắm được một vài ý cơ bản của văn bản thông tin.

b. Năng lực chuyên biệt.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết.

2. Phẩm chất.

- Trách nhiệm: tự nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chung- Trái đất.
- Chăm chỉ: ham học và chăm làm các công việc giúp ích cho bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho HS về các đơn vị kiến thức trong bài.

2. Nội dung: HS nhận diện các tri thức ngữ văn: văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin, văn bản đa phương thức, từ mượn.

3. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

4. Tổ chức hoạt động học tập:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV sử dụng kỹ thuật dạy học KWL

Câu hỏi: dựa vào sự chuẩn bị bài các em hãy nêu những hiểu biết của em về các thuật ngữ được nêu trong phần tri thức ngữ văn?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

HS đưa ra những hiểu biết của mình dựa vào phần chuẩn bị bài

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

1 - 2 HS trình bày

B4: Đánh giá kết quả và nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá kết quả các bạn.

- GV chốt nội dung và hướng dẫn vào bài: *Dựa trên sự chuẩn bị bài của các em về các thông tin liên quan đến tri thức ngữ văn trong bài học số 9 là điều đáng khen ngợi. Để làm rõ hơn những thuật ngữ trong phần tri thức ngữ văn chúng ta cùng nhau trao đổi trong tiết học ngày hôm nay.*

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Mục tiêu: Nhận biết vấn đề được đề cập đến toàn bộ bài 9.

HSKT: Nhận biết được một vài vấn đề cơ bản ở bài 9.

2. Nội dung: Tìm hiểu về đề từ, nội dung phần giới thiệu bài 9 và tri thức ngữ văn.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS qua phiếu học tập và phần trình bày của HS, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

4. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Tìm hiểu *Đề từ* và *Giới thiệu bài học*

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh đọc đề từ và giới thiệu bài 9. Sơ đồ những nội dung tiếp nhận được từ phần cung cấp của SGK B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc <i>Đề từ</i> (1) và phần <i>Giới thiệu bài học</i>. - HS thảo luận với nhau về cách hiểu <i>Đề từ</i> và về những gì được gợi lên từ phần <i>Giới thiệu bài học</i>. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập 2-3 HS báo cáo nội dung đọc hiểu B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét chốt vấn đề GV mở rộng: giải thích về đề từ của bài:	1. Đề từ và giới thiệu bài học a. <i>Đề từ</i>: Kêu gọi tinh thần biết chung sống với nhau, tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng muôn loài, hướng tới việc duy trì và phát triển tính thống nhất mà đa dạng của sự sống trên Trái Đất. b. <i>Giới thiệu bài học</i>: Ý thứ nhất xuất hiện dưới dạng câu hỏi, lưu ý về chủ đề của bài học: sự sống trên Trái Đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất. Ý thứ hai: báo trước thể loại trọng tâm của bài học là <i>VB thông tin</i> – một loại VB có những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức.

Nội dung 2: Khám phá tri thức ngữ văn

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 9. GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm <u>Nhóm 1:</u> Nêu khái niệm về văn bản thông tin? đoạn văn trong văn bản thông tin? <u>Nhóm 2:</u> Hãy chỉ ra các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin? Các văn bản truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là văn bản thông tin không? <u>Nhóm 3:</u> Văn bản đa phương thức là loại văn bản như thế nào? Hãy lấy ví dụ về văn bản đa phương thức mà em đã từng đọc? <u>Nhóm 4:</u> Nêu khái niệm về từ mượn và hiện tượng vay mượn từ? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc <i>phần tri thức ngữ văn</i> - HS thảo luận theo nhóm HS trong nhóm hỗ trợ HSKT B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm GV: chốt vấn đề	2. Tri thức ngữ văn a. Văn bản: b. Đoạn văn trong văn bản: c. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin d. Văn bản đa phương thức e. Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.
Một số hình ảnh minh họa cho thông tin tri thức ngữ văn về văn bản đa phương thức	



TUYỂN DỤNG

CƠ HỘI CỦA BẠN, TƯƠNG LAI CỦA BẠN!

VỊ TRÍ CẦN TUYỂN

- Quản lý/ Trợ lý rạp chiếu phim
- Giám sát rạp chiếu phim
- Nhân viên bảo trì
- Nhân viên phòng chiếu kiểm IT
- Trưởng thu ngân/ Nhân viên kho
- Nhân viên kế toán kiểm nhân sự
- Nhân viên thu ngân
- Bán thời gian/ Toàn thời gian

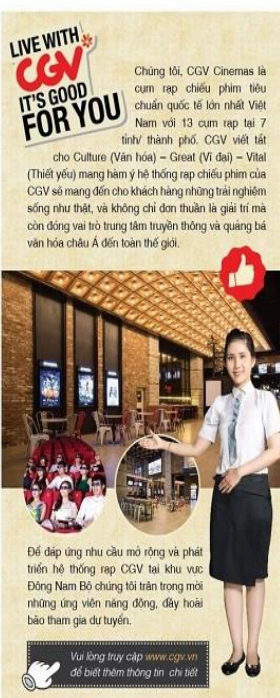
ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC

Thảo Điền Pearl • BigC Đồng Nai
Khánh Gia Thủ Đức • Aeon Canary Bình Dương

NỘP HỒ SƠ
Email: cvgtalent@cg.net

Gomaddgt Tower
Lầu 10 & 11, 230-44 Lê Thánh Tôn,
Quận 1, TP-Hồ Chí Minh

www.cgv.vn



LIVE WITH CGV IT'S GOOD FOR YOU

Chúng tôi, CGV Cinemas là cụm rạp chiếu phim tiêu chuẩn quốc tế lớn nhất Việt Nam với 13 cụm rạp tại 7 tỉnh/ thành phố. CGV viết tắt cho Culture (Văn hóa) – Great (Vĩ đại) – Vital (Thiết yếu) mang đến hệ thống rạp chiếu phim của CGV sẽ mang đến cho khách hàng những trải nghiệm sống như thật, và không chỉ đơn thuần là giải trí mà còn đóng vai trò trung tâm truyền thông và quảng bá văn hóa châu Á đến toàn thế giới.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển hệ thống rạp CGV tại khu vực Đông Nam Bộ chúng tôi cần tuyển dụng những ứng viên năng động, đầy hoài bão tham gia dự tuyển.

Vui lòng truy cập www.cgv.vn để biết thêm thông tin chi tiết



CHUNG SỐNG AN TOÀN VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19

THÔNG ĐIỆP 5K

- K**HOẢNG CÁCH: Giữ khoảng cách khi tiếp xúc với người khác
- K**HẨU TRANG: Đeo khẩu trang vải thường xuyên tại nơi công cộng, nơi tập trung đông người; Đeo khẩu trang y tế tại các cơ sở y tế, khu cách ly
- K**HAI BẢO Y TẾ: Khi có dấu hiệu Sốt, Ho, Khó thở gọi Đường dây nóng của Bộ Y tế **19009095** hoặc cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn đi khám bệnh an toàn
- K**HU KHUẨN: Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay; Vệ sinh các bề mặt/ vật dụng thường xuyên tiếp xúc
- K**HÔNG TỤ TẬP: Không tụ tập đông người

Thực hiện khai báo y tế trên App NCQVI

Cài đặt ứng dụng Bluezone tại địa chỉ <https://www.bluezone.gov.vn> để được cảnh báo nguy cơ lây nhiễm COVID-19

Hãy giữ an toàn cho bạn và chúng ta trước Đại dịch COVID-19

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TỈNH
Số 229 - Nguyễn Huy Tự - Thành phố Hà Tĩnh

C. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức về các nội dung đề cập đến trong bài 9
- Nội dung:** Sơ đồ hóa các kiến thức trọng yếu của bài 9
- Sản phẩm học tập:** sơ đồ của HS, HS hoàn thành phần củng cố và luyện tập bài
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến

B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV: yêu cầu học sinh sơ đồ hoá các nội dung cơ bản của bài 9

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- HS hoạt động cá nhân tự hoàn thiện phần nội dung đã tìm hiểu ở hoạt động 2 dựa trên sơ đồ hóa

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

-HS trình bày sơ đồ

B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các sản phẩm

GV: Sửa các sơ đồ chưa hoàn chỉnh, tuyên dương các sơ đồ đã khá hoàn chỉnh và rõ ràng.



D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: HS bày tỏ quan điểm về nội dung đề từ của bài 9

2. Nội dung: Chúng ta phải học cách có mặt trên hành tinh này

3. Sản phẩm học tập: Đoạn văn ngắn của HS

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự định
B1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	Sản phẩm của HS

GV: yêu cầu học sinh viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói: “Chúng ta phải học cách có mặt trên hành tinh này” B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS viết đoạn văn B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - 2 HS trình bày B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày GV: chốt vấn đề	<i>Trái Đất đang ngày càng nóng lên, nhiều hiện tượng như thiên tai, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường đang đe dọa đến sự sống của con người trên trái đất. Mà nguồn gốc của tất cả những hiện tượng trên chủ yếu do con người, ý thức và hành động của con người đã khiến Trái đất ngày càng biến đổi theo chiều hướng tiêu cực. Trách nhiệm của chúng ta là gì? Nếu chúng ta không ý thức bảo vệ ngôi nhà chung. Bởi vậy mỗi chúng ta phải học cách có mặt đúng nghĩa trên hành tinh này.</i>

E. HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

- Mục tiêu:** Giúp HS mở rộng kiến thức về bài học
 - Nội dung:** HS về nhà dựa trên các phương tiện thông tin và xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường viết thành đoạn văn ngắn 5-7 câu.
 - Sản phẩm học tập:** Đoạn văn ngắn của HS
 - Tổ chức thực hiện:** HS ghi yêu cầu vào vở bài tập và về nhà hoàn thiện
- Hướng dẫn học tập ở nhà.
- Nắm nội dung bài học
 - Hoàn thành đoạn văn
 - Chuẩn bị bài: Trái Đất – cái nôi của sự sống

Tuần: 30 Tiết: 117	VĂN BẢN 1: TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG	NS: 10/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực.

a. Năng lực chung.

- HS nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...
- HS nhận biết và phân tích được cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.
- HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.
- Nêu được nhan đề, đề mục,....VB thông tin
- Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin..
- HS hiểu được các nhân tố đe dọa môi trường

Viết được đoạn văn có chủ đề

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

b. Năng lực đặc thù.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết.

2. Phẩm chất.

- Trách nhiệm: tự nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chung- Trái đất.
- Chăm chỉ: ham học và chăm làm các công việc giúp ích cho bảo vệ môi trường.

HSKT: -Nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...

- Thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.**

II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương tiện dạy học

- GV chuẩn bị các ấn phẩm, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... nói về Trái Đất, về đời sống muôn loài, đồng thời hướng dẫn HS tìm trước các tư liệu cùng loại để có thể sử dụng ngay trong giờ học.
- GV thiết kế “bài giảng” điện tử với bản trình chiếu.

2. Hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;
- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận...

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

1. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho HS.
2. **Nội dung:** HS nhận diện vấn đề môi trường trên trái đất.
3. **Sản phẩm:** câu trả lời của HS, HS hoàn thành phần khởi động
4. **Tổ chức hoạt động học tập:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho HS quan sát tranh ảnh về trái đất với 2 cách phản đề: Trái đất xanh và trái đất bị ô nhiễm



Câu hỏi: Từ các hình ảnh trên em hãy nêu những suy nghĩ của bản thân về ngôi nhà chung của chúng ta?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

HS quan sát và thảo luận cặp đôi đưa ra những suy nghĩ của bản thân về vấn đề.

HS trong nhóm hỗ trợ HSKT.

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Mỗi nội dung 1 – 2 HS trình bày .

B4: Đánh giá kết quả và nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các cặp đôi

- GV chốt nội dung và hướng dẫn vào bài: *Môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm nặng nề, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Và còn là một vấn đề cấp bách đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Nó gây ra những hiểm họa khôn lường, hiện tượng biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người trên thế giới. Việt Nam chúng ta mức độ ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi đang ở mức báo động. Chúng ta cần nhận thức vấn đề này như thế nào? Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp để tìm hướng giải quyết đúng đắn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm của chúng ta về ngôi nhà chung của chúng ta – Trái đất.*

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC

1. Mục tiêu: HS nhận biết về thể loại văn bản và hiểu được nội dung của văn bản thông tin

2. Nội dung: HS đọc hiểu được văn bản thông tin

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phiếu HT, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

HSKT: Nhận biết một vài đặc điểm về thể loại văn bản và hiểu được nội dung của văn bản thông tin

4. Tổ chức hoạt động học tập:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh đọc hiểu văn bản và thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm học tập <u>Nhóm 1:</u> Kiểu văn bản? Nhan đề văn bản là gì? Đây là phần sậpô của văn bản? văn bản có mấy đề mục, đó là những đề mục nào? Em có thích đọc những VB thông tin có minh họa không? Vì sao? <u>Nhóm 2:</u> Nêu những đặc điểm về trái đất trong hệ mặt trời? (HS sơ đồ tư duy) <u>Nhóm 3:</u> Tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất? <u>Nhóm 4:</u> Sự sống trên trái đất phong phú như thế nào? (HS sơ đồ tư duy)	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản - Đọc văn bản - Tìm hiểu chú thích 2. Thể loại: Văn bản thông tin - Nhan đề của văn bản: “Trái đất – cái nôi của sự sống”-> - Sậpô: <i>Vì sao Trái Đất thường được gọi là hành tinh xanh? Trên hành tinh xanh ấy, sự sống đã nảy nở những dòng chữ in đậm tốt đẹp như thế nào? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất?</i> 3. Đề mục của văn bản: 5 đề mục 4. Tranh ảnh trong văn bản: trong VB thông tin, tranh ảnh là một phương tiện

<u>Nhóm 5:</u> Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên trái đất? <u>Nhóm 6:</u> Tình trạng trái đất hiện ra sao? Câu hỏi cuối đoạn gợi lên trong em những suy nghĩ gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc văn bản - HS chia nhóm: 4HS/1 nhóm - HS thảo luận, viết phiếu học tập, sơ đồ tư duy - GV quan sát, giúp đỡ các nhóm. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm trình bày theo thứ tự nhóm từ 1-6 giá - Các thành viên nghe và xây dựng bằng những nhận xét, đánh B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày - GV tuyên dương các nhóm hoạt động tích cực GV: chốt vấn đề	giao tiếp phi ngôn ngữ thường được sử dụng để cụ thể hoá, hình tượng hoá những mệnh đề khái quát, để khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ đắc lực cho trí nhớ,... II. Tìm hiểu văn bản 1. Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời. - Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-líp (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày). 2. Nước và sự sống trên Trái Đất - Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống. - Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. - Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. - Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú. 3. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài - Kích thước của sinh vật tồn tại trên Trái Đất vô cùng đa dạng. - Động vật được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình. - Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn. 4. Con người trên Trái Đất - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?</i> + <i>Theo em, chủ đề của văn bản là gì?</i> + <i>Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Nắm được nội dung của văn bản.	- Con người cải tạo tự nhiên khiến nó "người" hơn, thân thiện hơn. - Đáng buồn thay, con người đã khai thác thiên nhiên bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến sự sống trên Trái Đất. 5. Tình trạng Trái Đất - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người. - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấn chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài. - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn. III. Tổng kết 1. Nội dung Văn bản đề cập đến vai trò của Trái Đất với sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của TĐ hiện nay. Qua đó nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. 2. Nghệ thuật - VB đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của VB thông tin : nhan đề, sa-pô, số liệu, hình

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức về các thông tin được nhắc đến trong văn bản
- Nội dung:** Luyện tập thông qua nội dung văn bản thông tin
- Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Đề bài: Từ việc đọc hiểu văn bản: Trái đất-cái nôi của sự sống em rút ra được kinh nghiệm gì từ việc đọc hiểu 1 văn bản thông tin? Gợi ý: VB vừa đọc và tìm hiểu nói với chúng ta điều gì về đặc điểm của VB thông	- Cần xác định đúng thông tin cơ bản của VB thông tin dựa vào nhan đề và phần sa pô (nếu có) - Đánh giá hiệu quả của cách triển khai VB thông tin mà tác giả đã chọn

<i>tin? Hãy nhớ lại và kể ra những thao tác em đã dùng khi giải quyết yêu cầu của các câu hỏi sau đọc (lúc soạn bài ở nhà và lúc tham gia hoạt động trên lớp). Liệu những thao tác ấy có cần được dùng để đọc những VB thông tin khác không? Điều quan trọng nhất khi đọc VB thông tin là gì?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS hoạt động cá nhân-> sau đó thảo luận cặp đôi. GV hỗ trợ HSKT. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập -HS trình bày các kinh nghiệm của các cặp đôi B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các sản phẩm GV: sơ đồ hóa các ý từ câu trả lời của HS- giúp các em tập hợp được nhiều thông tin.	- Đánh giá tính chính xác và tính mới của VB, thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh,... đã được tác giả sử dụng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS kết nối phần viết với đọc
- Nội dung:** Chúng ta phải làm gì để hành tinh xanh mãi xanh
- Sản phẩm học tập:** Đoạn văn ngắn của HS
- Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt và kết quả dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV: yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề: “Để hành tinh xanh mãi xanh..”	Sản phẩm của HS - Đoạn văn cần nêu được các ý về bảo vệ môi trường, nêu được các biện pháp bảo

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS viết đoạn văn GV hỗ trợ HSKT viết một vài câu. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập: GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày GV: chốt vấn đề	vệ môi trường ở ngay tại địa phương mình sinh sống

HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

- Mục tiêu:** Giúp HS mở rộng kiến thức về bài học
 - Nội dung:** HS về nhà dựa trên các phương tiện thông tin tìm hiểu về ngày môi trường thế giới. Thu thập một số tranh ảnh về các hoạt động về ngày môi trường.
 - Sản phẩm học tập:** Hình ảnh và phần trình bày của HS
 - Tổ chức thực hiện:** HS ghi yêu cầu vào vở bài tập và về nhà hoàn thiện
- Hướng dẫn học ở nhà:
- Nắm nội dung bài học
 - Hoàn thành bài tập
 - Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt

Tiết: 118	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN	NS: 10/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn
- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như *nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá,...*) khi đối diện với đoạn văn hay VB.

b. Năng lực riêng biệt

Bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực tư duy, vận dụng...

2. Phẩm chất

Có ý thức học tập nghiêm túc, thực hành nhóm hiệu quả.

HSKT: Nắm được đặc điểm của văn bản và đoạn văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: SGK NV 6, SGV NV 6, Phiếu bài tập, Máy chiếu...

2. Chuẩn bị của HS: SGK Ngữ văn 6, Vở ghi bài, Vở soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VĂN BẢN

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a. Mục tiêu Nắm được khái niệm văn bản và đoạn văn trong văn bản b. Nội dung GV đặt câu hỏi → HS trả lời câu hỏi c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Cho Hs chơi trò chơi: Ai nhanh hơn? Nói các hình ảnh ở cột A (hình ảnh liên quan tới các văn bản đã học) với nội dung cột B (tên các văn bản đã học) trong thời gian nhanh nhất. ? Từ kết quả trò chơi, em hiểu văn bản là gì?	- Văn bản là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc... - <i>Đoạn văn</i> là một bộ phận cấu thành quan trọng của VB, gồm một tập hợp câu có sự thống nhất về chủ đề. Trong VB viết, đoạn văn thường được trình bày thành một khối dễ nhận biết bằng mắt: chữ đầu tiên được viết lùi đầu

? Mỗi văn bản em học được tạo thành từ rất nhiều đoạn văn. Quan sát các văn bản, em thấy các đoạn văn có đặc điểm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi GV hỗ trợ HSKT Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “Tìm hiểu đặc điểm, chức năng văn bản, đoạn văn”	dòng; sau chữ cuối cùng có dấu ngắt xuống dòng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG VĂN BẢN	
a. Mục tiêu Nắm được đặc điểm, chức năng văn bản b. Nội dung - Hs hoạt động cá nhân - GV cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập c. Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại văn bản “ Trái Đất – cái nôi của sự sống” Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	- <i>Trái Đất - cái nôi của sự sống</i> thực sự là một văn bản hoàn chỉnh, trọn vẹn, do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề' chính: Trái Đất – cái nôi của sự sống”.

- HS đọc vb “Trái Đất – cái nôi của sự sống” - HS trả lời câu hỏi: + Nêu bằng chứng cụ thể để khẳng định “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản? + Hãy liệt kê những bộ phận tạo thành văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống”? <i>Em có nhận xét gì khi đối chiếu số lượng các yếu tố, bộ phận tạo thành VB này với số lượng các yếu tố, bộ phận tạo thành một VB khác đã học? Theo em, những yếu tố, bộ phận nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập VB?</i> + Có thể cắt bỏ các tranh ảnh trong bản được không? Vì sao? HSKT: GV khuyến khích và hỗ trợ HSKT nêu một vài ý đơn giản. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 HS đọc - GV gọi 1 - 2 HS trả lời Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với đề mục sau “Tìm hiểu đặc điểm của đoạn văn”	- Văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” gồm: nhan đề, sa-po, đề mục, đoạn in chữ đậm, hình ảnh, số liệu... - Tranh ảnh trong văn bản: tranh ảnh được sử dụng để cụ thể hoá, hình tượng hoá những mệnh đề khái quát, để khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ đắc lực cho trí nhớ,... >> Văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là văn bản thông tin, đa phương thức.

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐOẠN VĂN
a. Mục tiêu - Nắm được đặc điểm và chức năng của đoạn văn HSKT: Nắm được đặc điểm của đoạn văn

b. Nội dung - HS đọc lại văn bản “Trái Đất – Cái nôi của sự sống” - HS trả lời câu hỏi gợi mở của giáo viên c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d. Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc văn bản - GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho các nhóm: + <i>VB vừa học gồm có mấy đoạn văn? Nhờ vào những dấu hiệu nào mà ta nhận biết được một đoạn văn nói chung hay phân biệt được đoạn văn này với đoạn văn khác? Có phải mọi đoạn văn trong VB đều đảm nhiệm một chức năng giống nhau? Theo em, có thể gọi là “đoạn văn quan trọng” và “đoạn văn thứ yếu” không?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: + Đọc văn bản + Trả lời câu hỏi <i>HSKT: VB vừa học gồm có mấy đoạn văn?</i> - Giáo viên: + Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Học sinh: + Trả lời câu hỏi của GV	- Văn bản có 9 đoạn văn khác nhau. Ta có thể dựa vào dấu hiệu hình thức: chữ đầu tiên và chữ cuối cùng trong đoạn để phân biệt đoạn văn này với đoạn văn khác. - Mỗi đoạn văn đảm nhiệm một trong các chức năng khác nhau: mở đầu văn bản, trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc văn bản hoặc mở rộng, liên kết vấn đề.

- Giáo viên: Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, thái độ làm việc của HS - GV chốt kiến thức và kết nối với hoạt động sau “Luyện tập”	

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG	
a. Mục tiêu: - Hs nhận diện được đoạn văn, đặc điểm, chức năng của đoạn văn - Biết cách viết một đoạn văn HSKT: nhận diện được đoạn văn b. Nội dung: - GV cho học sinh thảo luận nhóm - HS thảo luận nhóm, làm việc nghiêm túc, có hiệu quả c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận của học sinh d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv đưa câu hỏi thảo luận cho học sinh: ? Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống”? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: Hướng dẫn HS đọc lại văn bản, chú ý các đề mục trong văn bản, theo dõi quá trình làm việc nhóm của HS	1. Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời. - Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-líp (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày). 2. “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất - Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.

- Học sinh: + Đọc văn bản + Thảo luận viết câu trả lời trong 5p HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS: Trả lời câu hỏi của GV + Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày rồi nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần) - Giáo viên: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm trước tập thể lớp Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, thái độ làm việc nhóm của HS, sản phẩm của các nhóm - GV chốt kiến thức và kết nối với mục sau.	- Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. - Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. - Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú. 3. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài - Kích thước của sinh vật tồn tại trên Trái Đất vô cùng đa dạng. - Động vật được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình. - Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn. 4. Con người trên Trái Đất - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, - Con người cải tạo tự nhiên khiến nó "người" hơn, thân thiện hơn. - Đáng buồn thay, con người đã khai thác thiên nhiên bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến sự sống trên Trái Đất. 5. Tình trạng Trái Đất - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người. - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấn chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài. - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn.

Vận dụng	
a. Mục tiêu: Giúp học sinh: - Hs nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn - Biết viết một đoạn văn ngắn, đơn giản HSKT: Viết được một vài câu. b. Nội dung: - GV phát phiếu học tập, giao nhiệm vụ - HS điền phiếu học tập, viết đoạn văn c. Sản phẩm: Phiếu học tập, bài làm của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ BT1: Phát phiếu học tập (theo mẫu bài tập 5) BT2: : <i>Giả định VB vừa học cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó sẽ được đặt trong VB.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn hs viết đoạn văn cuối bài với các giải pháp bảo vệ Trái Đất - HS làm việc cá nhân GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS nộp phiếu học tập, bài làm - HS nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài viết của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định	Khôi phục Trái Đất của chúng ta - Tiết kiệm nước - Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng - Phân loại, tái sử dụng, tái chế rác thải - Sử dụng phân sinh học hay phân trộn - Sử dụng đèn LED thay cho bóng đèn sợi đốt - Sử dụng năng lượng một cách thông minh - Sử dụng các thực phẩm bền vững - Trồng nhiều cây xanh - Loại bỏ đồ nhựa, bao bì nilong

GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết	

- Chuẩn bị VB2: Đọc vb, trả lời các câu hỏi trong SGK

Tuần: 30 Tiết: 119,120	VĂN BẢN 2. CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO? (Ngọc Phú)	NS: 10/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn, nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả.

- Hs nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- HS nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Chỉ ra được những vấn đề trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân

2. Phẩm chất:

- Yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài

- Có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất

HSKT: Nắm được nội dung của văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

- Dự án giới thiệu về tác giả, tác phẩm (tranh vẽ, video, Inforgraphic, ppt...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

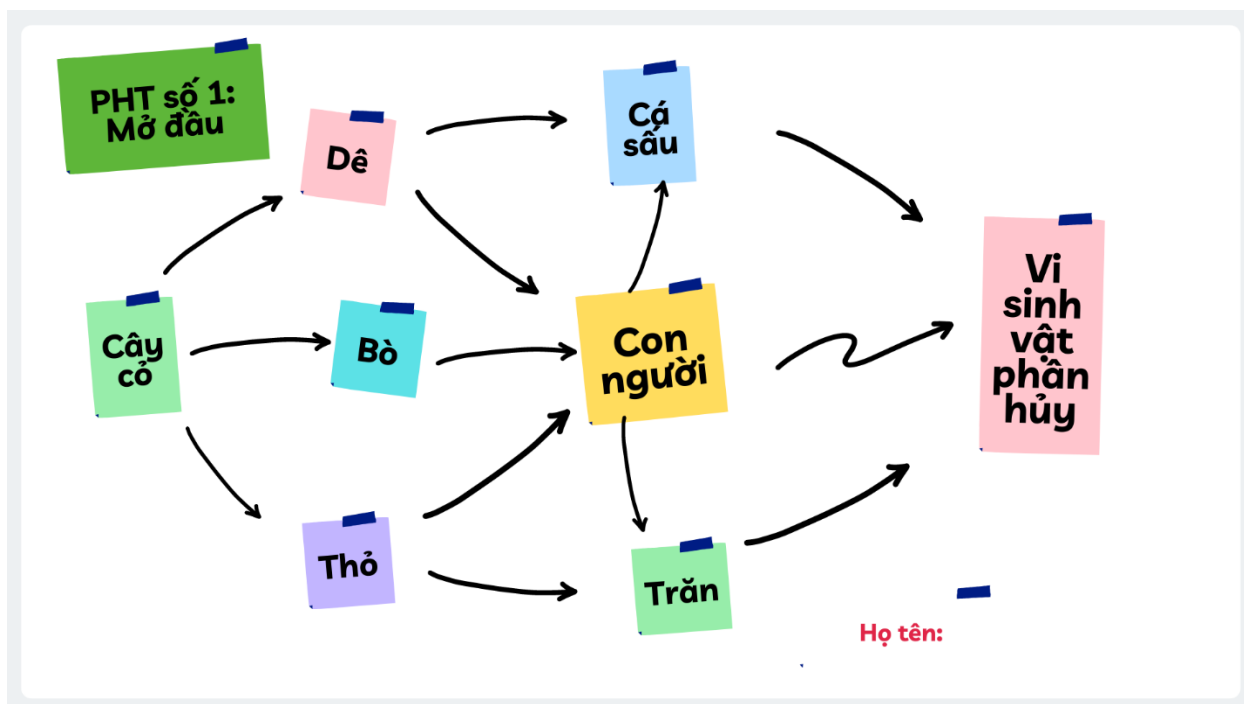
a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) **Nội dung:** HS chia sẻ

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**





HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ 1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-to-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em yêu thích chương trình nào nhất? 2. GV phát PHT số 1, yêu cầu học sinh nói các từ khóa thể hiện mối quan hệ giữa các từ khóa - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- HS kể ngắn gọn những chương trình đã xem, ví dụ như: khám phá động vật, thế giới quanh em, 10 vấn đề vì sao?... và nêu suy nghĩ về chương trình mà HS yêu thích.

+ GV dẫn dắt: Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để TĐ có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: HS nắm được thông tin chung của văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

HSKT: Nắm được một vài nét về thông tin chung của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật</i> + <i>GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</i> + <i>GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi suy luận, theo dõi</i> + <i>Trình bày vài thông tin về tác giả, tác phẩm</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi suy luận - HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc, phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật 2. Chú thích - Tiến hóa - Quần xã - Biome - Kí sinh 3. Tác giả, tác phẩm - Tác giả: Ngọc Phú - Tác phẩm + Thể loại: Văn bản thông tin + Bố cục + Đoạn 1: từ đầu => <i>tồn thương của nó</i>: đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	+) Đoạn 2: <i>Tiếp => đẹp đẽ này</i> : Nội dung chính (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ) +) Đoạn 3: <i>Phần còn lại</i> : Kết luận vấn đề): Kết luận vấn đề

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn, nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo quan hệ nhân quả
- HS nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.
- HS nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.
- Chỉ ra được những vấn đề trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân
- Yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài
- Có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất

HSKT: Có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự đa dạng của các loài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?</i>	II. Khám phá văn bản 1. Thông tin chính của văn bản a. Sự đa dạng của các loài - Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú: có khoảng hơn 10000000 loài sinh vật, hiện nay con người mới chỉ nhận biết được hơn

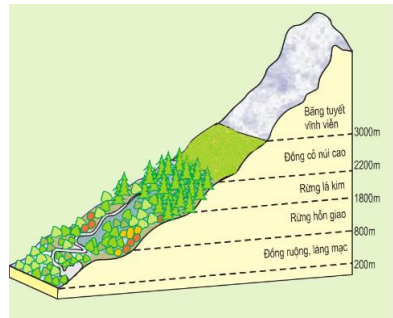
+ Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì? + Hãy quan sát ảnh minh họa và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết: + Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao? Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật? + Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ HSKT: Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TD? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	1.400.000 loài, trong đó hơn 300.000 loài thực vật và 1.000.000 loài động vật. → Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản. - Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau. - Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự cạnh tranh, mối quan hệ con mồi, vật ăn thịt... b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài - Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong

NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tính trật tự trong đời sống của muôn loài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?</i> + <i>Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?</i> + <i>Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, gợi mở GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định. - Biểu hiện : + Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã : loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng... + Loài ưu thế (như cây thông trong quần xã rừng thông) đóng vai trò quan trọng trong quần xã do số lượng nhiều và có khả năng hoạt động mạnh. + Loài chủ chốt (như sư tử ở các đồng cỏ hay cá sấu ở đầm nước châu Phi) đóng vai trò kiểm soát, khống chế hoạt động của các loài khác và duy trì sự phát triển ổn định của quần xã. + Sự phân bố các loài trong không gian sống chung, hoặc theo chiều thẳng đứng (như sự phân tầng của thực vật trong rừng mưa nhiệt đới), hoặc theo chiều ngang (trải ra theo bề rộng của địa hình), để giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài có thể sử dụng nguồn sống của môi trường một cách hiệu quả nhất.

SỰ PHÂN TẦNG CỦA QUẦN XÃ THEO CHIỀU THẲNG ĐỨNG



Sự phân tầng theo chiều ngang



c. Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã

- Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.

NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ HS hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách chung sống của loài người Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ	- Ngược lại, nếu quan hệ hỗ trợ luôn cùng tồn tại bên quan hệ đối kháng thì mọi thứ đạt đến sự cân bằng và vạn vật đều có cơ hội sống d. Cách chung sống của loài người - Con người can thiệp vào thiên nhiên + Trong quá trình lịch sử lâu dài, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo, phát minh ra nhiều thứ, trong có có những thứ ảnh hưởng tiêu cực đến tự nhiên: thuốc trừ sâu, bom nguyên tử, chất độc dioxin... + Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng (chặt phá

+ Con người đã tác động, can thiệp đến tự nhiên như thế nào? Lấy ví dụ cụ thể? + Những tác động đó đã để lại hậu quả gì? + Trước những tác động ngược trở lại của tự nhiên, con người đã làm gì ? + Đoạn văn được triển khai theo cách nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ HSKT: Con người đã tác động, can thiệp đến tự nhiên như thế nào? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	rừng, xây dựng nhiều nhà máy, nhiều công trình thủy điện, bê tông hóa.... → Sự cân bằng trong đời sống muôn loài ít nhiều bị xáo trộn, phá vỡ, thêm vào đó những yếu tố vô sinh của môi trường (không khí, nước, nhiệt độ, lượng mưa...) chịu tác động xấu từ con người. → Bản thân cuộc sống con người bị tác động trở lại - gây ô nhiễm: trái đất nóng lên dẫn đến băng tan, mực nước biển dâng cao; lũ lụt, hạn hán, thủng tầng ozon, chất lượng không khí xấu.... - Những nỗ lực thay đổi của con người: + Con người bắt đầu tỉnh ngộ + Biết nhìn vấn đề một cách sáng suốt hơn + Biết tìm cách sống chung với muôn loài => Đoạn văn triển khai theo mối quan hệ nhân- quả 5. Nhận xét về cách mở đầu và kết thúc

NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần đặt vấn đề Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Phần mở đầu và kết thúc có gì đặc sắc?Nêu tác dụng của cách mở đầu và kết thúc đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Sự đặc sắc trong cách mở đầu và kết thúc của văn bản thông tin này là: Cả đoạn mở đầu và kết thúc, tác giả đều nêu và kết thúc vấn đề bằng cách đề cập đến bộ phim hoạt hình Vua Sư tử và nhắc lại câu nói "Tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận"- một câu nói cho thấy sự am hiểu bản chất cuộc sống và sự ứng xử khôn ngoan với đời sống của muôn loài. → Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là bài học ý nghĩa cho loài người được gợi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”. 6. Chia sẻ bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của bản thân - Sống hài hòa hòa với muôn loài - Bảo vệ môi trường - Giảm rác thải, đặc biệt là rác thải nhựa

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV chuẩn kiến thức: NV6: Hướng dẫn học sinh Chia sẻ bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của bản thân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV chuẩn kiến thức:	- Không chặt phá rừng làm xói mòn đất đá,.... - Không sử dụng bừa bãi hóa chất độc hại - Không săn bắt động vật trái phép - Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên - Không xả nước thải trực tiếp ra sông ngòi, kênh rạch - Cải thiện hồ chứa nước...

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?</i> + <i>Theo em, chủ đề của văn bản là gì?</i> + <i>Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: Nêu một vài ý về nội dung của văn bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TD và trật tự trong đời sống muôn loài. * <i>Ý nghĩa :</i> VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TD. b. Nghệ thuật - Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục. - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.

Cách tổng kết 2

PHT số ...

Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn

..

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.</i> Câu 1: Trong văn bản: <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> tác giả đã nhắc đến bộ phim nào? A. Vua Sư Tử B. Đi tìm Nemo	1- A 2- A 3-B 4- D 5-B 6-B 7-B 8-A

C. Đô-rê-mon Câu 2: Thể loại của văn bản: <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> A. Văn bản thông tin B. Văn bản nghị luận C. Tiểu thuyết D. Truyện ngắn Câu 3: Theo văn bản <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> hiện nay có bao nhiêu loài sinh vật trên Trái Đất? A. > 1.000.000 B. > 10.000.000 C. > 3.000.000 Câu 4: Văn bản <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> được trích từ? A. Báo Tuổi trẻ B. Báo Thanh niên C. Báo Nhân dân D. Báo Đất Việt Câu 5: Tự sự là phương thức biểu đạt chính của Văn bản <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> Đúng hay sai? A. Đúng	9-A 10-D 11-A

B. Sai

Câu 6: Từ “quần xã” trong văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* được hiểu là?

A. Tập hợp muôn loài, trừ người

B. Tập hợp tất cả các sinh vật cùng sống trong một khu vực và thời gian nhất định

C. Một xã hội

D. Tập hợp muôn loài trên Trái Đất

Câu 7: Trong văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*, tính đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào diện tích lãnh thổ sử dụng.

Đúng hay sai

A. Đúng

B. Sai

Câu 8. Tác giả Ngọc Phú đã đặt vấn đề cho văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* bằng cách

A. Kể lại cuộc trò chuyện giữa vua sư tử Mupha-sa và Xim-ba trong bộ phim hoạt hình *Vua sư tử*.

B. Thống kê các số liệu về các loại động vật trên Trái Đất.

C. Cung cấp các thông tin khoa học về vòng đời của các loài sinh vật.

D. Giới thiệu trực tiếp vấn đề.

Câu 9. Nội dung chính được đề cập tới trong văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* Là gì?

A. Muôn loài trên Trái Đất đều được sắp xếp theo một trật tự và tuân theo quy luật của tạo hóa.

B. Con người là chúa tể của thế giới, có thể tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hóa gây dựng.

C. Sự đa dạng của các quần xã sinh vật trên Trái Đất.

D. Các quần xã sinh vật luôn tồn tại các mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng.

Câu 10. Sự đa dạng, phong phú của các quần xã khác nhau không phụ thuộc vào yếu tố nào?

A. Sự cạnh tranh giữa các loài.

B. Mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt.

C. Mức độ thay đổi của các yếu tố vật lí – hóa học.

D. Kích thước của các loài trong quần xã.

Câu 11. Trong đoạn “Giữa các loài trong quần xã... thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia”, việc duy trì trật tự trong cuộc sống của muôn loài có ý nghĩa gì?

A. Tạo sự cân bằng, đảm bảo cho loài nào cũng có đủ điều kiện sinh trưởng.

B. Đảm bảo và duy trì sự chọn lọc tự nhiên của tạo hóa.

C. Mang lại cuộc sống tốt đẹp cho con người.

D. Là đặc điểm tự nhiên của quần xã.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: đoạn văn của HS

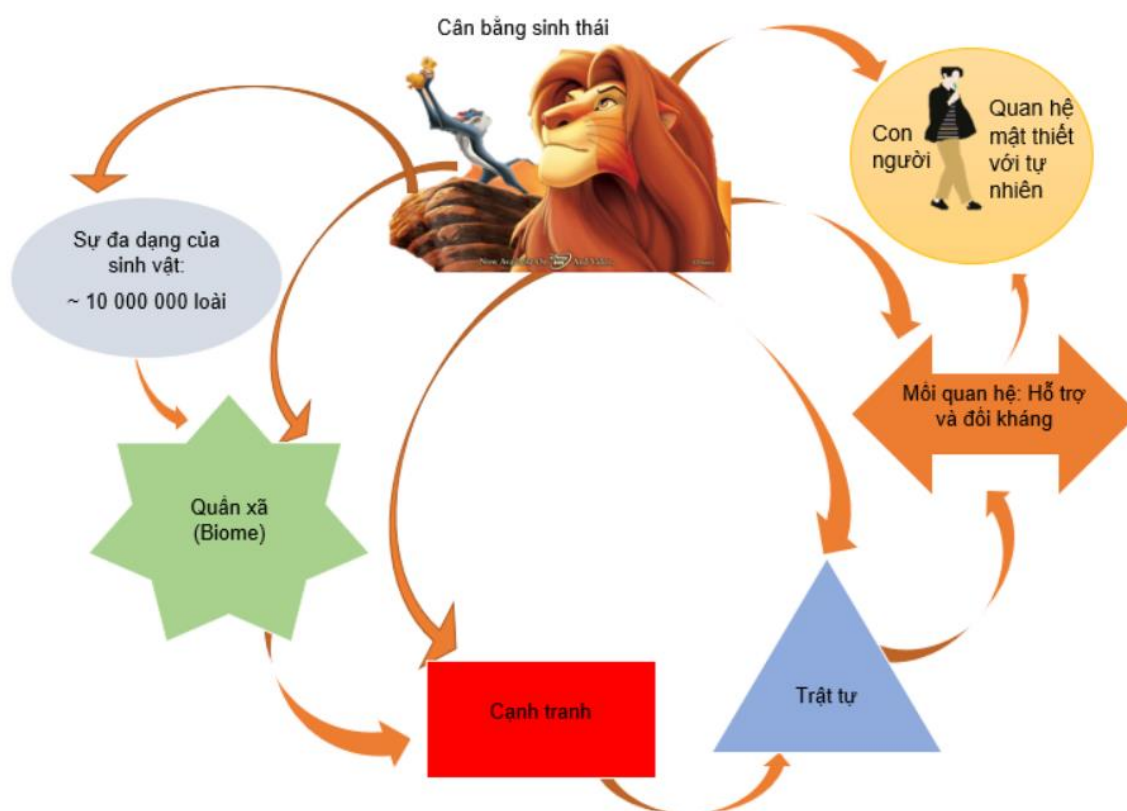
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: <i>Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện	Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau. Các loài sinh vật khi sống trong cùng một khu vực môi trường sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới nhau thông qua chuỗi thức ăn. Chỉ cần một trong những mắt xích của chuỗi có sự tăng giảm đều làm ảnh hưởng tới các mắt xích còn lại. Vì thế, để cho một hệ sinh thái được cân bằng về sinh vật, con người cần làm tốt vai trò của mình trong hệ sinh thái đó, đừng tác động tiêu cực để làm mất cân bằng của hệ sinh thái rồi từ đó dẫn tới mất cân bằng sinh quyển. Không có gì quá cao

câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	xa, các em có thể cùng bố mẹ: giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoá học, giảm sử dụng đồ nhựa, bao bì nilon, tăng cường trồng cây xanh,... để giúp lấy lại cân bằng sinh thái ngay quanh chúng ta.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm nội dung bài học
- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt



Tuần: 31 Tiết: 121	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	NS: 15/04/2024

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được các từ mượn trong văn bản.
- Xác định đúng nguồn gốc của các từ mượn.
- Viết đúng những từ mượn.
- Sử dụng từ điển để hiểu nghĩa từ mượn.
- Sử dụng từ mượn trong nói và viết.

HSKT: Xác định được một vài từ mượn trong văn bản.

2. Phẩm chất

- Tự xác định và có thái độ đúng khi sử dụng mượn trong giao tiếp hằng ngày.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu học sinh:

1. Em hãy kể tên các bộ phận của xe đạp?

2. Em thấy từ “nhi đồng” và “đề nghị” trong 2 câu sau dùng đã phù hợp chưa?

a) Nhi đồng đang vui chơi ngoài sân.

b) Con đề nghị mẹ thưởng cho con một phần quà.

→ Chưa phù hợp, nên thay bằng *Trẻ em, muốn*.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Chúng ta nói và viết hôm nay, không phải hoàn toàn là từ thuần Việt, mà chúng ta còn mượn thêm một số từ ngữ của các nước khác. Vậy thế nào là từ mượn? Chúng ta mượn như thế nào? Các em sẽ được tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Hiểu được thế nào là từ mượn.

- Biết cách sử dụng từ mượn trong nói và viết phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

HSKT: Hiểu được thế nào là từ mượn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Từ mượn là gì? Nguồn gốc vay mượn? + Nguyên tắc vay mượn? Cách sử dụng từ mượn? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ HSKT: Từ mượn là gì? Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại	I. Hình thành kiến thức 1. Khái niệm từ mượn và hiện tượng vay mượn từ - Từ mượn: là từ có nguồn gốc ngôn ngữ khác, vay mượn của nước ngoài để tạo ra sự phong phú và đa dạng cho tiếng Việt.... - Hiện tượng vay mượn từ: trong sự tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ giữa các dân tộc, các ngôn ngữ thường vay mượn từ của nhau để làm giàu cho ngôn ngữ của mình. 2. Nhận biết và lưu ý khi sử dụng từ mượn * TỪ MUỐN TIẾNG HÁN - Được sử dụng nhiều và đóng vai trò quan trọng nhất - Lưu ý những từ: đầu, phòng, cao, tuyết, bang, thần..... - Những từ gây khó hiểu: nhi đồng, phụ lão, địa cực...

kiến thức GV tổ chức TRANH LUẬN về vấn đề: 1. Mặt tích cực của việc mượn từ 2. Mặt hạn chế của việc mượn từ	* TỪ MUỐN NGÔN NGỮ CHÂU ÂU - Gần như được Việt hóa: sấm, lốp, bom, tăng... - Nhiều từ: xà phòng, xi măng, cà phê... được dùng phổ biến, cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt * TỪ MUỐN TIẾNG PHÁP, ANH - Viết nguyên dạng ngôn ngữ gốc: video, smartphone, internet - Viết theo từng âm tiết, có dấu gạch nối: ô-xi, a-xit, ki-lô-gam * NHỮNG LƯU Ý KHI SỬ DỤNG TỪ MUỐN - Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe. - Không lạm dụng quá nhiều để tránh mất đi sự trong sáng của Tiếng Việt

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

HSKT: Làm một vài câu đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh làm bài tập Bài tập 1 Hình thức: chia lớp làm 2 nhóm, trong thời gian 3 phút, lần lượt các thành viên trong nhóm sẽ lên bảng để hoàn thành yêu cầu Yêu cầu: + Các yếu tố như <i>không, nhiễm</i> không chỉ xuất hiện trong <i>không khí, ô nhiễm</i> mà còn được dùng để tạo nên nhiều từ khác mà chúng ta	Bài tập 1 a.- Các từ vay mượn tiếng Hán: <i>kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm</i> ➔ Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa. - Các từ vay mượn tiếng Anh: <i>băng, ô-dôn</i> ➔ <i>băng</i> là từ mượn đã được Việt hóa hoàn toàn <i>ô-dôn</i> là từ có gạch nối giữa các âm tiết gây ấn tượng về từ mượn rõ nhất b. - Từ <i>ô-dôn</i> cho em cảm giác từ mượn rõ nhất.

vẫn sử dụng hằng ngày. Hãy kể thêm một số từ có những yếu tố ấy. + Sau thời gian 3p, các thành viên giải thích ý nghĩa các từ đó. Bài tập 2 Bài tập 3 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành bài tập GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Bài tập nhanh: Phân loại các từ mượn sau và dịch sang từ thuần Việt: <i>phụ mẫu, huynh đệ, pi-a-nô</i> → Từ Hán Việt phụ mẫu = cha mẹ huynh đệ = anh em. → Ngôn ngữ Ấn- Âu pi-a-nô = đàn dương cầm.	- Vì từ ngữ này có phần gạch nối rất dễ nhận biết. c. <table border="1" data-bbox="748 289 1468 982"> <tr> <th>Từ có yếu tố không</th><th>Nghĩa của từ</th></tr> <tr> <td><i>Không trung</i></td><td>Chỉ khoảng không gian ở trên cao</td></tr> <tr> <td><i>Không gian</i></td><td>hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao</td></tr> <tr> <td><i>Không quân</i></td><td>Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia</td></tr> <tr> <td><i>Không tưởng</i></td><td>Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện</td></tr> </table> <table border="1" data-bbox="748 1031 1468 1581"> <tr> <th>Từ có yếu tố nhiễm</th><th>Nghĩa của từ</th></tr> <tr> <td><i>lây nhiễm</i></td><td>Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.</td></tr> <tr> <td><i>miễn nhiễm</i></td><td>Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm</td></tr> <tr> <td><i>truyền nhiễm</i></td><td>Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh</td></tr> <tr> <td><i>nhiễm khuẩn</i></td><td>Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể</td></tr> </table> Bài tập 2 Qua việc thực hiện các yêu cầu trên, em rút ra nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt: tiếng Việt có vốn từ đa dạng và phong phú. Trong đó có từ mượn và từ thuần Việt. Từ mượn được	Từ có yếu tố không	Nghĩa của từ	<i>Không trung</i>	Chỉ khoảng không gian ở trên cao	<i>Không gian</i>	hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao	<i>Không quân</i>	Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia	<i>Không tưởng</i>	Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện	Từ có yếu tố nhiễm	Nghĩa của từ	<i>lây nhiễm</i>	Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.	<i>miễn nhiễm</i>	Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm	<i>truyền nhiễm</i>	Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh	<i>nhiễm khuẩn</i>	Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể
Từ có yếu tố không	Nghĩa của từ																				
<i>Không trung</i>	Chỉ khoảng không gian ở trên cao																				
<i>Không gian</i>	hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao																				
<i>Không quân</i>	Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia																				
<i>Không tưởng</i>	Chỉ sự viển vông, không thiết thực hoặc việc khó thực hiện																				
Từ có yếu tố nhiễm	Nghĩa của từ																				
<i>lây nhiễm</i>	Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.																				
<i>miễn nhiễm</i>	Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm																				
<i>truyền nhiễm</i>	Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh																				
<i>nhiễm khuẩn</i>	Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể																				

vay mượn từ nhiều ngôn ngữ khác, vay mượn nhiều của tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh. Chính sự vay mượn ngôn ngữ này, làm giàu thêm vốn từ tiếng Việt.

Bài tập 3

	Từ mượn	Từ thay đổi
1	fan (cuồng)	người hâm mộ
2	Idol	Thần tượng
3	Chuyên cơ	Máy bay
4	Phi trường	Sân bay

Thay đổi: Những người hâm mộ thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy thần tượng của mình xuất hiện trên cửa chiếc máy bay vừa đáp xuống sân bay.

D. VẬN DỤNG.

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
 - Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
 - Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
 - Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu học sinh: **Viết 1 đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một người bạn của em, trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ mượn.**
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV hướng dẫn HSKT viết một vài câu.**
- *Hướng dẫn học ở nhà:*
- Hoàn thành bài tập
 - Chuẩn bị bài: Trái đất

Tuần: 31 Tiết: 122	TRÁI ĐẤT <i>- Ra-xun Gam-da-tốp-</i>	NS: 15/04/2024

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin.
- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.
- Học sinh xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta

2. Phẩm chất:

- Nhân ái: Tình yêu thương giữa con người với con người, sự giúp đỡ lẫn nhau...để bảo vệ Trái đất, bảo vệ môi trường sống.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống.

HSKT: Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho học sinh xem video: GIẬT MÌNH XEM CON NGƯỜI HỦY HOẠI TRÁI ĐẤT? Và đặt câu hỏi: Em cảm nhận như thế nào về video này?

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Chúng ta biết gì về Trái Đất? Chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để TĐ mãi an toàn và tươi đẹp? có thể đó là những câu hỏi luôn thường trực trong suy nghĩ của mỗi chúng ta. Và tác giả của bài thơ

hôm nay chúng ta học cũng vậy. Lớp mình cùng nhau vào bài học ngày hôm nay “Trái Đất”

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm một vài nét về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS theo dõi sgk - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố: + Tác giả: quê hương, những sáng tác chính + Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, bố cục...	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc - GV gọi 2 học sinh đọc đối thoại - Giọng đọc: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Ra -xun Gam- da -tốp (1923 – 2003) b. Tác phẩm - Thể loại: thơ tự do - PTBD: biểu cảm

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được nội dung chính của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																					
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh hoàn thành PHT - Hình thức: GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập - Thời gian: 10 phút Tên.....Lớp..... PHIẾU HỌC TẬP <i>Trái Đất! Có bạn xem người là quả dưa</i> <i>Illo bố, cần người thành muốn mảnh nhỏ</i> <i>Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân</i> <i>Để giành giật, họ lao vào, đá, đá.</i> <table><tr><th>Nội dung</th><th>Từ ngữ</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Cách nhìn nhận về Trái Đất</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Cách đối xử với Trái Đất</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Thái độ tác giả</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	Cách nhìn nhận về Trái Đất			Cách đối xử với Trái Đất			Thái độ tác giả			II. Khám phá văn bản 1. Thái độ của nhà thơ với những kẻ hủy diệt Trái Đất <table><tr><th>Nội dung</th><th>Từ ngữ</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Cách nhìn nhận về Trái Đất</td><td>Quả dưa Quả bóng</td><td>Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác</td></tr><tr><td>Cách đối xử với Trái Đất</td><td>Bỏ, cấn thành mảnh nhỏ, giành giật, lao vào đá, đá</td><td>Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất</td></tr></table>	Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét	Cách nhìn nhận về Trái Đất	Quả dưa Quả bóng	Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác	Cách đối xử với Trái Đất	Bỏ, cấn thành mảnh nhỏ, giành giật, lao vào đá, đá	Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét																				
Cách nhìn nhận về Trái Đất																						
Cách đối xử với Trái Đất																						
Thái độ tác giả																						
Nội dung	Từ ngữ	Nhận xét																				
Cách nhìn nhận về Trái Đất	Quả dưa Quả bóng	Như một vật sở hữu, vô tri, vô giác																				
Cách đối xử với Trái Đất	Bỏ, cấn thành mảnh nhỏ, giành giật, lao vào đá, đá	Thô bạo, tàn nhẫn, làm tổn thương Trái Đất																				

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức GV MỞ RỘNG: NHẬN RA SỰ ĐỐI LẬP GIỮA 2 KHỔ THƠ * Họ với Trái Đất - Trái Đất như một vật sở hữu, vô tri, vô giác - Là một thú vui, đồ ăn cho những con người “ ích kỉ”, “ hiều thẳng” ➔ Thái độ: coi thường, rẻ rúng, cách cư xử thô bạo, đáng lên án * Tác giả với Trái Đất - Trái Đất được hình dung như một con người có cảm xúc, nhưng là cảm xúc đau khổ - Là đối tượng cần được chia sẻ, yêu thương ➔ Thái độ: nâng niu, trân trọng, cách cư xử nhân văn, có hiểu biết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nêu chủ đề, cách đọc văn bản - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động	giả <i>người bạn – Trái Đất</i>	III. Tổng kết- Củng cố 1. Chủ đề -Thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất 2. Cách đọc văn bản - Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin. - Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi **BAY KHẮP TRỜI XANH**

CÂU HỎI 1: Tác giả gọi Trái Đất trong văn bản cùng tên là gì?

→ Người

CÂU HỎI 2: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào khi nhắc đến Trái Đất?

→ Ẩn dụ

CÂU HỎI 3: EM hãy chia sẻ cảm xúc, bài học sau khi tìm hiểu bài “Trái Đất”

CÂU HỎI 4: Tại sao tác giả gọi Trái Đất là “người”?

→ Vì ông thể hiện sự tôn trọng, thiêng liêng hóa Trái Đất

CÂU HỎI 5: Đâu không phải là hành động tác giả làm với Trái Đất?

→ Lao vào đá

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức hoạt động: **TẬP LÀM GIÁO VIÊN**

1. Có ý kiến cho rằng: loài người đang ăn Trái đất, bạn có suy nghĩ gì về ý kiến này?

2. Bạn đã làm gì để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ Trái đất của chúng ta?

3. Vì sao chúng ta phải bảo vệ Trái đất?

4. Theo bạn, bảo vệ Trái đất có phải là trách nhiệm của một quốc gia nào đó không? Vì sao bạn lại cho rằng như vậy?....

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm nội dung bài học

- Chuẩn bị bài: Viết

Tuần: 31, 32 Tiết: 123 - 126	VIẾT VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN	NS: 15/04/2024

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.
- Tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

2. Phẩm chất:

- Trung thực, trách nhiệm của bản thân trong việc viết biên bản.

HSKT: Viết được một vài ý đơn giản theo thể thức biên bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

A. Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV đặt câu hỏi:** Trong cuộc sống hàng ngày, em thường nghe mọi người xung quanh nhắc đến việc viết biên bản trong những tình huống nào?

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:**

B. Hình thành kiến thức

A. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

Hoạt động 1. Tìm hiểu chung về biên bản

a. Mục tiêu: nắm được khái niệm, mục đích, thể thức của một biên bản đúng pháp luật, đúng quy cách

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được thể thức của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức HOẠT ĐỘNG NHÓM + Biên bản là gì? + Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? + Hãy nêu số tình huống mà em thấy cần viết biên bản? + Trình bày thể thức của biên bản thông thường? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm dựa vào SHS để giải quyết các yêu cầu. GV hỗ trợ HSKT trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Tìm hiểu chung về biên bản 1. Khái niệm biên bản - Biên bản là một loại văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. - Nó được lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó. - Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng. 2. Thể thức của biên bản thông thường - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiều nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc. - Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lý, làm thành tên gọi của biên bản. - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lý vụ việc,.... - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí. - Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận

	hay xử lý vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc. - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên.

Hoạt động 2: Phân tích biên bản tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được biên bản tham khảo *Biên bản bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh”*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức hoạt động nhóm + Câu 2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí? + Câu 3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả? + Câu 4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí? + Câu 5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Tên biên bản là gì? Nêu địa điểm, thời gian của biên bản? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm.	II. Phân tích biên bản tham khảo - Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí - Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận. - Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí - Ngôn ngữ của biên bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính, ngắn gọn, đơn nghĩa, dễ hiểu, súc tích.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết biên bản theo các bước.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết một biên bản đúng quy cách, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, gợi ý để em viết một vài ý đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết - Hình dung lại các cuộc họp, thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức một hoạt động, cuộc họp kiểm điểm...) - Xác định tên gọi của biên bản, đồng nghĩa với việc chọn nội dung cho biên bản sắp viết. 2. Viết biên bản - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. - Viết phần chính của biên bản theo đúng trình tự hợp lý, nội dung cụ thể. - Viết chi tiết những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận (kế hoạch, giải pháp, phân công nhiệm vụ...). - Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận. - Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì. - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và

nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.	ghi đầy đủ họ tên người có trách nhiệm kí vào biên bản. 3. Chỉnh sửa biên bản - Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản. - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc. - Lược bỏ những chi tiết không liên quan đến vấn đề. - Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan. Bảng kiểm biên bản <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu đối với biên bản</th><th>Đạt/ Chưa đạt</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.</td><td></td></tr> <tr> <td>Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp</td><td></td></tr> <tr> <td>Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.</td><td></td></tr> <tr> <td>Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.</td><td></td></tr> <tr> <td>Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.</td><td></td></tr> <tr> <td>Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.</td><td></td></tr> <tr> <td>Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Yêu cầu đối với biên bản	Đạt/ Chưa đạt	Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.		Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp		Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.		Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.		Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.		Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.		Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.	
Yêu cầu đối với biên bản	Đạt/ Chưa đạt																
Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp.																	
Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp																	
Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.																	
Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra.																	
Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa.																	
Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói.																	
Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng.																	

B. TÓM TẮT BẢNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

Hoạt động 1. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ

- a. Mục tiêu:** Biết được thực hành tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

HSKT: Vẽ một vài hình ảnh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Trình bày khái niệm, mục đích, yêu	I. Khái niệm, mục đích và yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ. 1. Khái niệm: Tóm tắt nội dung một văn bản

câu của việc tóm tắt bằng sơ đồ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em nắm một vài ý cơ bản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	đã đọc bằng sơ đồ là việc làm cần thiết để từng bước nâng cao, hoàn thiện kỹ năng đọc. 2. Mục đích - Giúp nâng cao khả năng nắm bắt những thông tin chủ yếu của văn bản. - Bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận trong văn bản. - Những sơ đồ hợp lý có thể giúp ta nhớ lại khá dễ dàng nội dung cốt lõi của những văn bản tin đọc. 3. Yêu cầu - Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản. - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ cho trí nhớ.

Hoạt động 2. Phân tích bản tóm tắt tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được sơ đồ tham khảo “*Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống*”

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn + Là người đã đọc, đã học văn bản “Trái đất – cái nôi của sự sống”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được cập nhật trong văn bản chưa?	II. Phân tích bản tóm tắt tham khảo <i>“Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống”</i> 1. Ưu điểm - Phản ánh đúng những nội dung chính - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ.

+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	2. Nhược điểm + Mỗi nội dung cần cụ thể chi tiết hơn. Ví dụ: - “có nước” có thể thay bằng: “nước- vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất. - “Con người- đỉnh cao của sự sống” nên thay bằng: “Con người và những tác động gây tổn thương cho Trái Đất” - Thiếu ý Tình trạng của Trái Đất hiện nay ra sao?

Hoạt động 3: Thực hành tóm tắt theo các bước

a. Mục tiêu: Biết tóm tắt văn bản bằng sơ đồ theo các bước.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV giao nhiệm vụ để em vẽ một vài hình ảnh liên quan đến Trái đất. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành tóm tắt theo các bước 1. Trước khi tóm tắt - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung đó. - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được. - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa. 2. Tóm tắt - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa. - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp. - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau. 3. Chỉnh sửa - Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa. - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản. - Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng.

C. Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm đề bài sau: Giả sử trong một cuộc họp lớp thảo luận về giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa. Em được giao nhiệm vụ làm thư kí. Hãy viết biên bản cuộc thảo luận (hoặc cuộc họp) ấy.

D. Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

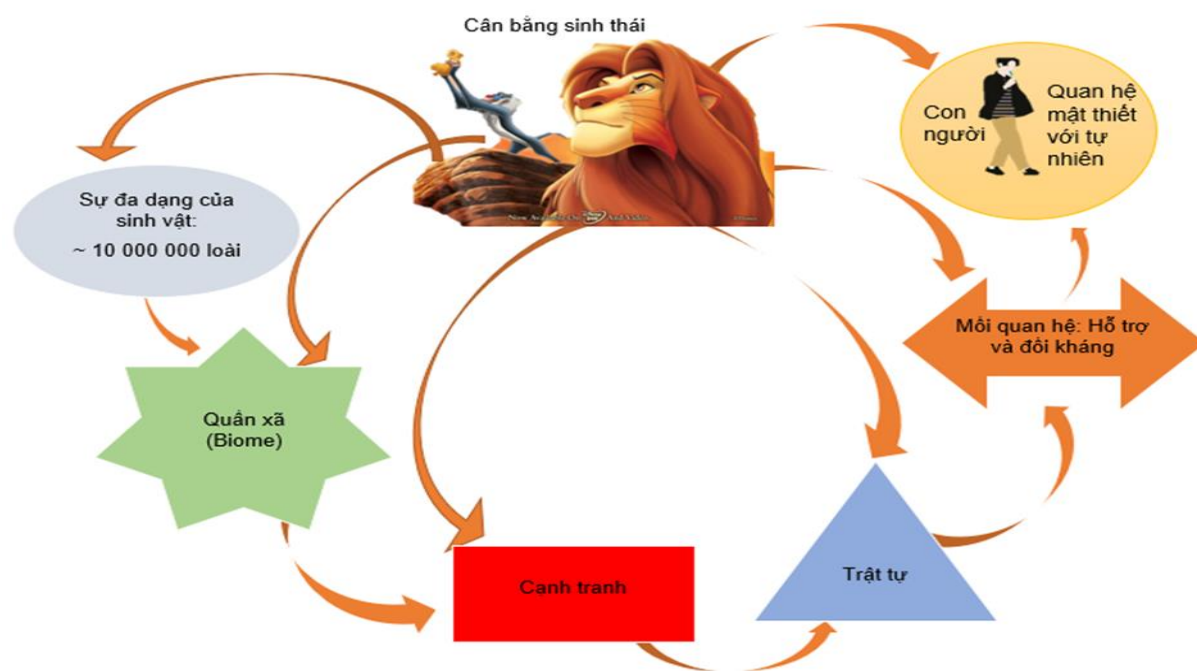
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

HSKT: Nhìn tranh ở SGK và vẽ theo.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Đề bài: Tóm tắt nội dung văn bản: “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”



Hướng dẫn học ở nhà:

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị bài: Nói và nghe

Tuần: 33 Tiết: 129-132	Bài 10: CUỐN SÁCH TÔI YÊU GIỚI THIỆU BÀI HỌC+ THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH	NS: 01/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.
- Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.
- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

3. Phẩm chất:

- HS yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

HSKT: Đọc và nêu một vài ý kiến về hiện tượng đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT;
- PHT số 1, 2;
- Tranh ảnh;
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

DẠY HỌC THEO DỰ ÁN

DỰ ÁN: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Chủ đề: Gỗ cửa trái tim, Khác biệt và gần gũi

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
Tiết	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Mở đầu	Giới thiệu bài học, Tri thức ngữ văn	- Danh mục sách được chọn, po-xơ chung của dự án. - Góc đọc sách của nhóm, lớp.		
2,3,4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: Mỗi	Nhật kí đọc sách của nhóm (pô-xơ, phiếu đọc sách).		

		ngày một cuốn sách			
5,6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả	- Sản phẩm nghệ thuật minh hoạt sách (kết hợp viết và vẽ minh hoạ). - Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.		
7,8	Thực hiện dự án: Nói và nghe	Về đích: Ngày hội với sách	Bài trình bày trực tiếp hoặc băng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.		

GIAI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c) Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức trò chơi: <i>Giải mã mật thư xanh</i> GV tổ chức phần thi ngắn giữa các nhóm theo	HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân.

<i>hình thức câu đố.</i> 1. Trái đất mặc áo mấy tầng Đố em biết áo mấy tầng là chi → Đáp án: Khí quyển 2. Không có quả không có cây Thế mà có hạt rụng đầy nơi nơi Cỏ cây thấy rụng thì vui Loài vật thấy rụng tìm nơi ẩn mình → Đáp án: Hạt mưa 3. Cầu gì chỉ mọc sau mưa Lung linh bảy sắc, bắc vừa tới mây? → Đáp án: Cầu vồng 4. Chân gì ở tí tắp xa Gọi là chân đấy, nhưng mà không chân → Đáp án: Chân trời 5. Là sông chẳng giọt nước nào Lại còn vắt vẻo trên cao lạ kỳ Ban ngày tránh nắng sông đi Lúc sông hiện rõ là khi đêm về → Đáp án: sông Ngân Hà 6. Trong như hạt ngọc Mọc trên lá xanh Nắng rọi xuống cành → Đáp án: Hạt sương 7. Biển nhanh như chớp Hình hài nào thấy xưa nay	

Thế mà chạy được suốt ngày suốt đêm → Đáp án: Gió - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em trả lời một vài câu hỏi đơn giản. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - Hs tham gia trò chơi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. + GV dẫn dắt: Sách là người thầy, người bạn thân thiết của chúng ta và giúp mỗi người có thêm nhiều tri thức. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu và khám phá những cuốn sách với chủ đề “Trái Đất – ngôi nhà chung”.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu:

- Xác định được chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

b. Nội dung: Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

HSKT: Xác định được thể loại của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ. <i>Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:</i> + Chủ đề của bài học là gì? + Chủ đề định hướng những vấn đề gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ. - GV lắng nghe, gợi mở. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. - Gv tổ chức hoạt động. - Hs trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh.	I. Tìm hiểu giới thiệu bài học - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Cuốn sách tôi yêu” - Thể loại: văn bản nghị luận văn học - Vấn đề chính: + Gợi mở về việc đọc sách: đọc các tác phẩm văn chương, các văn bản nghị luận. + Ý nghĩa của việc đọc sách: tự khám phá thế giới và tạo ra niềm vui riêng.

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về VB nghị luận văn học.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- HSKT:** Nắm được một vài ý về VB nghị luận văn học.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + VB nghị luận văn học là gì? + Lí lẽ là gì? Bằng chứng trong VB được lấy từ đâu? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: VB nghị luận văn học là gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. Khám phá Tri thức ngữ văn VB nghị luận văn học - Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại,... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới. - Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại,... - Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

GIAI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN DỰ ÁN

ĐỌC

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TD.

HSKT: Đọc một vài đoạn văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, chuẩn bị những cuốn sách đọc em yêu thích.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV kiểm tra yêu cầu đã phân công từ tiết trước cho HS: Thiết kế một góc đọc sách nhỏ trong lớp học. Mỗi HS đóng góp vài cuốn sách mà mình muốn đọc cùng với các bạn. -GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: <i>Cuốn sách gần nhất em đã đọc là sách gì? Hãy chia sẻ điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc. Kể tên một cuốn sách mà em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục mọi người cùng đọc.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	- HS trình bày sản phẩm giá sách của tổ mình. - Kể tên những cuốn sách hay và điều thú vị từ sách mà em rút ra được.

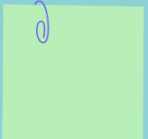
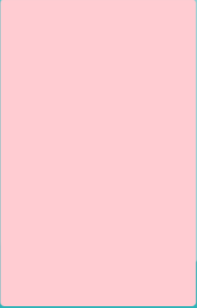
nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gọi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức + <i>GV dẫn dắt:</i> Mỗi cuốn sách đều có những giá trị riêng, mang đến cho người đọc những suy nghĩ, trải nghiệm từ cuộc sống. Mỗi ngày, chúng ta đọc một cuốn sách là thêm những điều bổ ích và thú vị được khám phá. Bài học hôm nay chúng ta cùng tham gia thử thách đọc sách mỗi ngày nhé.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sách hay cùng đọc

- Mục tiêu:** Lựa chọn được những chủ đề sách yêu thích và đọc các cuốn sách có liên quan. Nắm rõ được các thông tin cuốn sách, nội dung, nghệ thuật đặc sắc của cuốn sách.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

PHT dành cho văn bản nghệ thuật

PHT Sách hay cùng đọc (VBNT) Trích dẫn hay trong cuốn sách Nhận định hay về cuốn sách 	1 Tên sách 	2 Tác giả 	3 Năm xuất bản/ tái bản 	4 Thông tin khác 
	5 Đề tài, chủ đề 	6 Bố cục 	7 Nhân vật 	8 Chi tiết 

PHT dành cho văn bản thông tin

PHT

Sách hay cùng đọc

(VBTT)

Trích dẫn hay trong cuốn sách

Nhận định hay về cuốn sách

1 Tên sách	2 Tác giả	3 Năm xuất bản/ tái bản	4 Thông tin khác
5 Đề tài, chủ đề	6 Bố cục	7 Sự kiện	8 Thông điệp từ cuốn sách

PHT dành cho văn bản thông tin

PHT

Sách hay

cùng đọc

(VBNL)

Trích dẫn hay trong
cuốn sách

Nhận định hay về
cuốn sách

1 Tên sách

5 Ý kiến

2 Tác giả

6 Lí lẽ

3 Năm xuất
bản/ tái bản

7 Bằng
chứng

4 Thông
tin khác

8 Thông điệp
từ cuốn
sách

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + Mỗi nhóm lựa chọn 2 trong số các chủ đề sau: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi,	1. Đọc và thể hiện sản phẩm - Cả nhóm cùng đọc và rút ra những thông tin cần thiết về tác phẩm. - Thể hiện sản phẩm: pô-xtơ minh họa cho sp, xây dựng đoạn phim ngắn...

<i>Trái Đất – ngôi nhà chung.</i> + HS cùng đọc sách đã lựa chọn và nắm rõ các thông tin: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản. Các thông tin về nội dung: đề tài chủ đề sách, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết. (theo PHT của từng thể loại) + HS thể hiện nội dung lên pô-xtơ và trang trí nội dung. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả, sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 2: Cuốn sách yêu thích

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản, ấn tượng về cuốn sách đó.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

CUỐN
SÁCH YÊU
THÍCH

Nhan đề: Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?

Những gì còn đọng trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?

Phần mở đầu có điều gì đáng chú ý? Vì sao?

Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đọc

TÊN CUỐN SÁCH

.....

.....

Họ tên: _____

2



HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + GV yêu cầu HS: đọc sách. Trong quá trình đọc, ghi lại những thông tin về sách theo các gợi ý ở PHT: Cuốn sách yêu thích - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT, giúp em chọn một cuốn sách để đọc và tìm hiểu thông tin.	2. Đọc và cảm nhận sách

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức GV khuyến khích học sinh chia sẻ thêm những suy nghĩ của mình về cuốn sách. Khuyến khích các em trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân.	

Hoạt động 3: Gặp gỡ tác giả

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về tác giả, tác phẩm.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

PHT số

Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi

HỌ TÊN

.....

Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được gọi là "người con của núi"

Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài

Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì?

Câu cuối cùng của có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu phần gặp gỡ tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + GV hướng dẫn HS: đọc VB Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi, thông qua văn bản này chúng ta cần nhận ra được đặc điểm của VB nghị luận văn học. + GV yêu cầu HS: đọc văn bản theo nhóm. Chú ý các thông tin mục “theo dõi” để tìm các lý lẽ của người viết và các bằng chứng được nêu ra để minh họa, làm rõ cho lý lẽ. + GV yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau. Nhóm nào nhiều đáp án đúng	3. Gặp gỡ tác giả a. Đọc văn bản, tìm hiểu chung - Tên văn bản: <i>Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi</i> - Thể loại: là văn bản nghị luận văn học + Là loại VB bàn về một vấn đề văn học, đó là bàn về nhà thơ Lò Ngân Sủn. + Lý lẽ trong VB là nhận định của tác giả về nhà thơ Lò Ngân Sủn: thơ ông là những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. + Dẫn chứng đưa ra là những câu thơ của nhà thơ đã viết. b. Khám phá văn bản

<i>sẽ giành chiến thắng hoặc trả lời vào PHT</i> Câu a. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là “người con của núi”? A. Vì nhà thơ có nhiều bài thơ viết về núi rừng, cỏ cây, hoa lá của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. B. Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng. C. Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn đích thực là một “người con của núi”, của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. D. Vì Lò Ngân Sủn là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên chín khúc Bản Xèo</i>, <i>Ngôi nhà rông</i>. Câu b. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài. A. Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. B. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phần hồn thơ Lò Ngân Sủn. c. Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên</i>	1. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là ‘ người con của núi’” - Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng. 2. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài. - Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt 3. Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết? - Bằng chứng 4. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu? - Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu ra để bàn luận.

<i>chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rộng đều mang âm vọng của núi, mệnh mang lời của núi.</i> D. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông? Câu c. Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết? A. Lí lẽ B. Bằng chứng Câu d. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu? A. Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận. B. Làm bằng chứng cho vấn đề được nêu ra để bàn luận c. Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận. D. Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu ra để bàn luận. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. HSKT: GV hỗ trợ em đọc một đoạn ngắn và trả lời một câu hỏi đơn giản. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.	

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 4: Phiêu lưu cùng trang sách

a. Mục tiêu: Biết được sự tương đồng và khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu phần gặp gỡ tác giả Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV giao nhiệm vụ cho HS trước khi đến lớp: Đọc truyện cổ tích Tấm Cám. + GV yêu cầu HS tại lớp: Cùng xem một trích đoạn bộ phim <i>Tấm Cám</i> - <i>chuyện chưa kể</i> được chuyển thể thành phim của nhà sản xuất Ngô Thanh Vân. Sau khi xem xong, HS thực hiện các nhiệm vụ sau:	4. Phiêu lưu cùng trang sách - Tương đồng: phim giữ nguyên cốt truyện, kể về những thử thách mà Tấm phải trải qua. - Khác biệt: Phim có sử dụng âm nhạc, đầu tư hình ảnh diễn viên... nên hấp dẫn người xem.

+ Thảo luận và so sánh để thấy điểm tương đồng, khác biệt giữa nội dung và hình thức của phim và truyện. + Thiết kế một pô-xtơ để giới thiệu bộ phim đã xem. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi các nhóm trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Trồng cây quanh nhà”

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. <i>Em đã từng đọc và học nhiều sách, truyện, tác phẩm. Giả sử em được trao đổi với tác giả, em sẽ lựa chọn tác giả nào và nội dung là gì? Em hãy viết bằng hình thức một lá thư để gửi cho tác giả đó (Nguyễn Thế Hoàng Linh, Mai Văn Phấn...)</i>	

<i>Lưu ý: Gv có thể giúp học sinh liên hệ với các nhà văn, nhà thơ, các tác giả qua fb cá nhân, email)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn
- Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV phổ biến cuộc thi “Cuốn sách tôi yêu” được tổ chức hàng năm để học sinh tham gia. (Gv có thể tổ chức cuộc thi ở quy mô lớp/ khối) + Em có thể kể tên thêm một số bộ phim mà em biết được chuyển thể từ các tác phẩm văn học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh - Tam quốc diễn nghĩa - Tây du kí - Trạng Tí

IV. Phụ lục

Phân gợi ý thêm cho thầy cô

I. Sách hay cùng đọc

- Em chọn hai chủ đề: Quê hương yêu dấu, Thế giới cổ tích.
- Với mỗi chủ đề đã chọn, tìm một cuốn sách có nội dung liên quan:
 - Thế giới cổ tích: Cây tre trăm đốt
 - + Tác giả Minh Lâm, NXB Hồng Đức

+ Tóm tắt nội dung:

Ngày xưa có một chàng trai hiền lành, khỏe mạnh đi cày thuê cho vợ chồng ông phú hộ. Hai người này hứa sẽ gả con gái cho anh. Tin vào lời hứa, anh ra sức làm việc không ngại khó nhọc. Nhưng ba năm sau, phú ông đưa ra một điều kiện là phải tìm được một cây tre trăm đốt để làm nhà cưới vợ thì ông mới gả con gái cho. Anh bèn lên rừng quyết tâm tìm được một cây tre trăm đốt. Tìm mãi không thấy, anh thất vọng ngồi khóc. Bỗng Bụt hiện lên và bảo anh đi tìm, chặt cho đủ 100 đốt tre rồi giúp anh bằng hai câu thần chú: "Khắc nhập, khắc nhập!" để gắn kết 100 đốt tre rồi thành một cây tre trăm đốt và "Khắc xuất, khắc xuất!" để tách các đốt tre ra. Về nhà, anh cho cha vợ tương lai của mình xem cây tre trăm đốt. Phép màu của Bụt đã hút ông dính luôn vào cây tre. Khi ông đồng ý giữ lời hứa, anh mới sức nhớ ra câu "khắc xuất" để giải thoát cho cha vợ của mình. Sợ hãi, ông phú hộ phải giữ lời hứa, gả con gái cho anh nông dân.

+ Liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích được trích dẫn từ cuốn sách hoặc những câu nhận định về cuốn sách: Ông dạy nó đọc: “Khắc nhập, khắc nhập” đủ ba lần, thì một trăm khúc tre tự nhiên dính lại với nhau thành một cây tre đủ một trăm đốt. Nó mừng quá, định vác về, nhưng cây tre dài quá, vướng không đi được. Ông lão bảo nó đọc: “Khắc xuất, khắc xuất” đúng ba lần thì cây tre trăm đốt lại rời ra ngay từng khúc.

- Quê hương yêu dấu: Quê hương bé nhỏ

+ Tác giả Gael Faye, NXB Trẻ

+ Tóm tắt nội dung:

Mỗi đứa trẻ đều có một quê hương để yêu thương. Quê hương của cậu bé Gaby 11 tuổi ở đất nước Burundi cũng đẹp và quyến rũ như mọi quê hương trên đời. Ở khu phố của cậu là nhóm bạn có những đứa con lai Âu chơi với nhau, những bữa tiệc ngoài vườn vui vẻ giữa các gia đình, và những người hàng xóm đủ chủng tộc đến ngạc nhiên. Nhưng rồi đất nước bé nhỏ rơi vào loạn lạc, xung đột sắc tộc bùng và nổi sa đọa của phẩm giá

con người, Gaby tìm cách giữ lấy cho mình phần người còn lại, nhưng thương tích tâm hồn còn mãi...

+ Nhận định về cuốn sách: Câu chuyện đầy cảm xúc viết về số phận nhỏ bé của con người trong quá trình xung đột cũng như hóa giải hậu xung đột của một thảm họa nhân đạo lớn nhất thập niên 1990, khi các quốc gia phương Tây gần như đứng ngoài bỏ mặc mọi sự diễn ra. Nhân vật chính là bản phóng chiếu của tác giả, đứa trẻ đã tới Pháp để thoát khỏi cuộc xung đột, để lại cha mẹ nơi đó, và rồi kể lại câu chuyện hai mươi năm sau... Câu chuyện trải từ trong trẻ đến dữ dội viết bằng bút pháp xuất sắc đã giúp tác phẩm đoạt giải Goncourt Thiểu niên 2016 và nhiều giải thưởng khác của Pháp, góp phần đưa tác giả thành một trong 50 người Pháp nổi bật.

II. Cuốn sách tôi yêu

- Chọn một cuốn sách yêu thích: Hạt giống tâm hồn.

+ Nhan đề: Với những tác phẩm này, mọi người sẽ có thêm những cái nhìn tuyệt vời về cuộc sống. Từ đó khám phá những điều mới lạ, chinh phục những điều đặc biệt. Nếu bạn đang tìm một bộ sách hay, chúng tôi sẽ giúp bạn tìm hiểu về nó trong bài viết này.

+ Mở đầu: Mỗi câu chuyện là một trải nghiệm, một lời khuyên. Nó sẽ giúp bạn đương đầu với những thử thách trong cuộc đời mình một cách dễ dàng hơn. Từ đó, sống mạnh mẽ và trải nghiệm cuộc đời theo cách tuyệt nhất.

+ Thế giới từ trang sách: Những con người bình thường và cuộc sống bình thường của họ. Đó là những điều bình dị mà đôi khi chúng ta đã lãng quên.

+ Bài học từ trang sách: mỗi thử thách, trở ngại đều cần thiết. Nó giúp bạn sống ý nghĩa hơn. Và chính những khó khăn ấy sẽ giúp bạn mỉm cười thật tươi khi đã bước lên vinh quang trong cuộc sống của mình.

Tuần: 34 Tiết: 133, 134	VIẾT THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ	NS: 04/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nhận biết những sáng tạo trong nghệ thuật để tác phẩm văn học trở nên hấp dẫn, sinh động.

2. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

HSKT: Viết được một vài câu đơn giản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT;
- PHT số 1,2;
- Tranh ảnh;
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Em thích những nhân vật, những cuốn sách, nhân vật nào? Đã bao giờ em thử vẽ một nhân vật trong câu chuyện đó chưa? Nếu có hãy chia sẻ về trải nghiệm và sản phẩm này?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vô bài. Sáng tạo một sản phẩm cùng tác giả là một hoạt động thú vị. Vậy làm thế nào để hoạt động này hiệu quả, thiết thực, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu tiết học hôm nay.	- Hs chia sẻ trải nghiệm

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật

a. Mục tiêu: Biết cách thể hiện, minh họa cho nội dung một cuốn sách.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Chọn cuốn sách muốn mình hoạ.</i> + <i>Chọn chi tiết, nhân vật định minh hoạ.</i> + <i>Nêu ý tưởng minh hoạ và thể hiện bằng hình thức phù hợp. (vẽ tranh, dựng mô hình)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Giúp em chọn một cuốn sách và vẽ lại một hình ảnh minh hoạ mà em yêu thích. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - Hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được một vài yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Tìm hiểu yêu cầu Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Nêu được tên sách và tác giả. - Nêu được hiện tượng đời sống gọi ra từ cuốn sách và ý kiến của em về hiện tượng đó. - Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng.

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của một bài văn trình bày yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. HS đọc bài viết tham khảo <i>Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường</i>. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau: + <i>Phần mở đầu, bài viết đã giới thiệu những thông tin gì?</i> + <i>Phần thân bài: tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào? Từ những điều đó, bài viết đã dẫn người đọc đến hiện tượng cần bàn luận là gì?</i> + <i>Phần kết bài: tác giả nói về điều gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. HSKT: Phần mở đầu, bài viết đã giới thiệu	II. Phân tích bài viết tham khảo <i>Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường.</i> - Phần mở bài: + Giới thiệu tên sách, tác giả. + Nêu hiện tượng đời sống mà cuốn sách gọi ra: suy nghĩ về trách nhiệm của con người đối với môi trường sống trên TĐ. - Phần thân bài + Bằng chứng: Ken-ga vùng vẫy, tuyệt vọng, toàn thân ngập trong lớp váng dầu ma con người đã vô tình để dầu tràn ra từ con tàu. + Lẽ lẽ: khi môi trường sống bị ô nhiễm, sự sống của tất cả các sinh vật trên TĐ đều bị đe dọa nghiêm trọng. + Liên hệ thực tế: ý thức, những biện pháp của con người để bảo vệ môi trường. - Kết bài: Nêu lên tầm quan trọng của

những thông tin gì? Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	cuốn sách. + Giúp người đọc có thêm hiểu biết về thiên nhiên, tình yêu thương và chia sẻ. + Hiểu rõ hơn về những điều có thể làm để góp phần gìn giữ TĐ.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Gv hướng dẫn HS đọc phần mục đích viết và đối tượng người đọc để xác định yêu cầu về mục đích.</i> + <i>GV có thể đưa ra yêu cầu: Chọn một cuốn sách em yêu thích và suy nghĩ về một hiện tượng đời sống mà cuốn sách gọi ra. (Gv gọi mở một số đề tài: Gió lạnh đầu mùa, chi tiết</i>	III. Các bước tiến hành 1. Trước khi viết - Xác định thời gian, địa điểm, xác định đề tài, mục đích. - Lựa chọn đề tài. - Tìm ý. - Lập dàn ý.

<i>chị em Sơn mang áo bông cho cái Hiên->chia sẻ, giúp đỡ trong bão lũ hoặc dịch bệnh; Cô bé bán diêm: người đi đường thờ ơ, vô cảm cô bé-> hiện tượng vô cảm trong xã hội,</i> + Hướng dẫn học sinh tìm ý theo PHT số 1, trình chiếu ví dụ. + Hướng dẫn học sinh lập dàn ý theo PHT số 2 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT: Giúp em chọn một chi tiết đơn giản và nêu cảm nhận của mình. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm. - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài, sửa bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	2. Viết bài - Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh. - Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

- GV chuyển giao nhiệm vụ. + Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp). + Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	3. Chỉnh sửa bài viết

PHT số 1: Phiếu tìm ý

Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả?	
Chi tiết, sự vật, nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?	

Chi tiết, sự vật, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?	
Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đời sống đó	

Gợi ý

Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả?	Dế Mèn phiêu lưu kí.
Chi tiết, sự vật, nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?	- Em ấn tượng với nhân vật Dế Mèn. - Chi tiết Dế Mèn ý mạnh ức hiếp, bắt nạt Dế Choắt.
Chi tiết, sự vật, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?	- Hiện tượng bắt nạt học đường. Hiện nay, trong trường học, có một số bạn thích thể hiện bản thân chuyên đi ức hiếp, bắt nạt các bạn khác.
Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đời sống đó?	Đây là một hiện tượng xấu, để lại nhiều hệ lụy.

PHT số 2: Phiếu Dàn ý

Mở bài	Giới thiệu tên sách, tác giả, hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.

Thân bài	Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng:
	
	
	Lí lẽ:
	
	
	Bằng chứng:
	
	
	Chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn:
.....	
.....	
Kết bài	

Bảng kiểm

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài văn có bố cục đầy đủ ba phần: MB, TB, KB.		
Giới thiệu được tên sách, tác giả.		
Giới thiệu được hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.		
Sử dụng lí lẽ để làm rõ hiện tượng.		
Sử dụng bằng chứng để làm rõ hiện tượng.		
Liên hệ với thực tế đời sống.		
Nêu được tầm quan trọng, ý nghĩa của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.		
Đảm bảo chính tả, ngữ pháp.		

Tuần: 34 Tiết: 135, 136	GIAI ĐOẠN 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN NÓI VÀ NGHE VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH	NS: 04/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, yêu thích đọc sách.

HSKT: Nhận biết được một vấn đề đơn giản từ cuốn sách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ.	HS chia sẻ

- GV nhắc lại nhiệm vụ từ tiết trước: Chuẩn bị bài viết về vấn đề gọi lên từ một cuốn sách đã đọc. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. <i>GV dẫn dắt vài bài:</i>	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu sản phẩm minh họa sách

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

HSKT: Nhận biết được một yêu cầu, mục đích của bài.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Giới thiệu sản phẩm minh họa sách - Hs giới thiệu tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh. - Cây đọc sách của nhóm, lớp. - Nhật kí đọc sách của cá nhân.

- HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	- Đoạn băng ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm. - Các cuốn sách đã đọc trong dự án. - Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp...

Hoạt động 2: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe. + GV yêu cầu HS đọc kỹ phần chuẩn bị nội dung nói để xác định nội dung bài nói của	II. Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc 1. Trước khi nói a. Xác định mục đích nói và người nghe

mình. + Hs tìm ý theo PHT số 1, sắp xếp ý. + Hs tập luyện cá nhân hoặc cặp đôi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trình bày bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày. + GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá.	- Mục đích: chia sẻ để mọi người hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm. b. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn vấn đề. - Tìm ý. - Sắp xếp ý. c. Tập luyện 2. Trình bày bài nói - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề. - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. GV hỗ trợ HSKT nói một vài ý đơn giản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trao đổi về bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến. + Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề đặt ra từ cuốn sách. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất, góp ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	3. Trao đổi về bài nói

HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.	

PHT số 1: Phiếu tìm ý

Vấn đề đời sống được gọi ra từ cuốn sách là gì?	
Chi tiết, sự việc nào trong cuốn sách cho thấy rõ vấn đề ấy?	
Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?	
Hành động của em trước vấn đề cuốn sách đặt ra?	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tạo đam mê đọc sách cho HS và HS hiểu được ý nghĩa của các cuốn sách đã đọc.

b. Nội dung: Đọc – hiểu cuốn sách sưu tầm được.

c. Sản phẩm học tập: Hs hiểu biết về cuốn sách đã đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

THỰC HÀNH ĐỌC

GV cho HS tự thực hành đọc sách *Nhật kí ruộng thành của những đứa trẻ ngoan* (Haohaizi Chengzhang Riri) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến chủ yếu là những bài học được rút ra từ các mẫu chuyện nhỏ theo từng chủ đề của mỗi cuốn.

*** Dẫn dò:** Nắm lại toàn bộ chương trình đã học

Tuần: 35 Tiết: 137	ÔN TẬP CUỐI HKII	NS: 04/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực học tập.

HSKT: Nắm được một phần kiến thức cơ bản của môn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ + GV chơi trò chơi <i>Ai nhanh hơn</i>. <i>Trong học kì II, em đã học những thể loại, loại VB nào?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	- HS kể nhanh các thể loại, loại VB đã học: truyền thuyết, truyện cổ tích, VB nghị luận, VB thông tin.

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loại văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong HK II.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập các thể loại văn bản đã học

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

HSKT: Nắm được tên tác giả và tác phẩm đã học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thể loại văn bản đã học bằng cách lập bảng thống kê. - HS thực hiện nhiệm vụ. GV và HS trong nhóm hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài	I. Các thể loại VB

học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học	Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ	Điều em tâm đắc với một đoạn văn bản
Truyện thuyết (Thánh Gióng)	Thánh Gióng là thiên anh hùng ca thần thoại đẹp đẽ, hào hùng, ca ngợi tình yêu nước, bất khuất chiến đấu chống giặc ngoại xâm vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam thời cổ đại. Để thắng giặc ngoại xâm cần có tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, lớn mạnh vượt bậc, chiến đấu, hy sinh...Truyện xây dựng yếu tố kỳ ảo: Thánh Gióng sinh	Sau tiếng nói thần kì, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo không còn mặc vừa. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến dân ta đồng lòng, giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược, hơn thế nữa sự trưởng thành của người anh hùng

	ra khác thường, lớn nhanh như thổi, giặc đến biến thành tráng sĩ cao lớn, ngựa sắt phun được lửa, nhổ tre ven đường đánh giặc, Gióng bay lên trời,...	Thánh Gióng còn cho thấy, sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên. Gióng lớn nhanh như thổi, khi giặc đến chân núi Trâu cậu bé ba tuổi vươn vai trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng: để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải không lò về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ.
Cổ tích (Cây khế)	Chuyện kể về nhân vật bất hạnh, nghèo khổ nhưng có đức hạnh (nhân vật người em). Câu chuyện sử dụng yếu tố kỳ ảo con chim thần để nói lên niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác.	Sinh ra trong một gia đình không quá nghèo khó, nhưng vợ chồng người em trong câu chuyện chỉ được anh trai mình chia cho một mảnh đất nhỏ đủ để dựng một căn nhà lá với cây khế ở trước nhà. Cây khế đó cũng là tài sản duy nhất mà hai vợ chồng người em có được. Tình huống truyện đã lột tả được bản tính tham lam, keo

		kiệt và thiếu tình thương của vợ chồng người anh trai với em ruột của mình. Lấy hết toàn bộ gia tài cha mẹ để lại, chia cho em mảnh đất nhỏ với cây khế làm vốn sinh nhai, thử hỏi có người anh nào lại cặn tình đến như vậy? Vợ chồng người em hiền lành chất phác, tuy chỉ được chia cho mảnh đất đủ dựng ngôi nhà nhỏ nhưng vẫn không oán than nửa lời, ngược lại họ chăm chỉ đi làm thuê cấy mướn kiếm sống và chăm sóc cho cây khế – tài sản duy nhất mà họ có. Đức tính hiền lành, chăm chỉ chịu thương chịu khó này của hai vợ chồng quả thật đáng quý và đáng học hỏi.
Văn bản nghị luận (Xem người ta kìa!)	Văn bản bàn về vấn đề cái riêng biệt trong mỗi con người là điều đáng trân trọng, cần phải được phát huy, hòa nhập ttrong cái chung của tập thể. Để có sức thuyết phục, tác giả đã sử dụng lý lẽ (Học hỏi theo sự hoàn hảo của người nhưng thế giới là	Câu nói "Xem người ta kìa" ở cuối bài văn chính là một lời khích lệ, động viên chính bản thân mình. Người khác đã hay, đã thú vị theo cách của họ, vậy tại sao mình không đặc biệt theo cách của chính mình.

	muôn màu muôn vẻ, cần có những điều riêng biệt để đóng góp cho tập thể những cái của chính mình?), dẫn chứng (ngoại hình, tính cách các bạn trong lớp không ai giống ai,...)	
Văn bản thông tin (Trái đất - cái nôi của sự sống)	Văn bản có sapo dưới nhan đề, có 5 đề mục, 2 ảnh. Văn bản được triển khai theo quan hệ nguyên nhân kết quả	Đoạn văn cuối của văn bản đặt ra câu hỏi: Tình trạng Trái đất hiện ra sao? Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng. Đó là kết quả của sự tàn phá do con người làm nên. Trái đất có thể chịu đựng được đến bao giờ chính là vấn đề cấp thiết được đặt ra, cần sự chung tay của toàn nhân loại.

Hoạt động 2: Ôn tập các kiểu bài văn đã học.

- a. Mục tiêu:** Hiểu được mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết đã học.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập số 2/ trang 108 và liệt kê vào bảng.	II. Các kiểu bài viết đã học - Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: HS kẻ bảng và trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm. - Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

Các kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu	Các bước cơ bản thực hiện bài viết	Đề tài cụ thể	Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài
Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một	Làm cho câu chuyện trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ.	Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện. Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng	Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng. Chọn lời kể phù hợp. Ghi những nội dung chính của câu chuyện, lập dàn ý	Viết bài văn nhập vai nhân vật Tám kể lại truyện Tấm Cám	Cần có sự nhất quán về ngôi kể. Kiểm tra sự nhất quán, hợp lý đối với các chi tiết được sáng tạo thêm.

truyện cổ tích.		không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lạc nội dung vốn có của truyện. Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.			
Viết bài văn trình bày ý kiến về một	Thể hiện được ý kiến, quan điểm riêng đối với một vấn đề	Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. Thể hiện được ý kiến của người viết. Dùng lý lẽ và bằng chứng để	Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý	Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề xử	Những khía cạnh cần bàn luận phải thể hiện quan điểm cá nhân

hiện tượng mà em quan tâm	đang được xã hội quan tâm	thuyết phục người đọc.		lý rác thải nhựa.	một cách rõ nét.
Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận	Nắm bắt được đầy đủ, chính xác điều đã diện ra	Đúng với thể thức của một biên bản thông thường	Viết phần mở đầu, phần chính, viết chi tiết nội dung cuộc họp, thuật lại đầy đủ các ý kiến bàn luận, ghi kết luận nội dung của người chủ trì, thời gian kết thúc buổi họp, buổi thảo luận.	Viết biên bản cuộc họp Đại hội chi đoàn của lớp em.	Kiểm tra chính xác thể thức.

Hoạt động 3: Ôn tập các kiểu bài văn đã học.

- a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức tiếng việt đã học và vận dụng vào bài tập.
- b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- HSKT: Nắm được một vài kiến thức tiếng việt đã học.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	III. Kiến thức tiếng Việt - Công dụng của dấu chấm phẩy.

- GV yêu cầu HS làm bài tập số 4/ trang 108. - Gv đặt câu hỏi gợi dẫn, HS tìm hiểu về công dụng: + <i>Hiểu được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và tác dụng của các biện pháp tu từ, em có thấy thuận lợi hơn khi đọc các tác phẩm thơ, truyện không?</i> + <i>Nắm được vị trí, chức năng của trạng ngữ, khi tạo câu, em có thấy dễ dàng hơn trong việc nêu các thông tin về thời gian, địa điểm, điều kiện?</i> + <i>Hiểu biết về tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong biểu đạt có giúp em tiến bộ hơn khi viết các kiểu bài?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV hỗ trợ HSKT. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Cách lựa chọn từ ngữ trong câu. - Trạng ngữ. - Đặc điểm và các loại văn bản. - Từ mượn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm bài tập

GV hỗ trợ HSKT.

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...) Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.

(Tiếng mưa - Nguyễn Thị Thu Trang)

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?
2. Xác định và chỉ ra một biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong văn bản?
3. Mưa mùa xuân đã đem đến cho muôn loài điều gì?
4. Dựa vào nội dung câu in đậm trên, là một người con em sẽ trả nghĩa cho cha mẹ, thầy cô như thế nào khi đang ngồi trên ghế nhà trường? Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn 5-7 câu, có sử dụng trạng ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS luyện nói với chủ đề được viết, đặt ra từ bài tập trên.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn học ở nhà: Nắm vững kiến thức để kiểm tra cuối HKII.

Tuần: 35 Tiết: 138, 139	KIỂM TRA CUỐI HKII	NS: 04/05/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (Đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ đầu học kì II đến tuần 31.
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra học kì đảm bảo theo nội dung, cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. Tài liệu và phương tiện:

ĐỀ KIỂM TRA (GỒI TẬP KÈM THEO)

III. Hình thức, thời gian

Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận

Thời gian: 90 phút

Tuần: 35 Tiết: 140	TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II	NS: 15/05/ 2024

I- Mục tiêu cần đạt : Giúp HS :

1. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Đánh giá lại các kĩ năng làm bài cơ bản về văn bản, TV, TLV, đặc biệt là TLV.

b. Năng lực riêng biệt

- Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của mình về phương diện: nội dung kiến thức ở cả ba phân môn.

HSKT: Tìm những lỗi sai về chính tả trong bài làm của mình.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất: trách nhiệm với bài viết của mình.

II- Thiết bị và học liệu:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục, bài kiểm tra cuối kì II.

III- Tổ chức các hoạt động dạy và học

Hoạt động 1: Khởi động.

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm yêu cầu của tiết trả bài

b- Nội dung: Tiết trả bài.

c-Sản phẩm: Trả lời của HS

d-Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Gv nêu yêu cầu. Theo em, tiết trả bài có vai trò như thế nào đối với môn Ngữ văn? HSKT trả lời theo cách hiểu của bản thân. B2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nhận xét, dẫn dắt yêu cầu bài	

Hoạt động 2: Tổ chức trả bài

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm lại yêu cầu đề bài; lập dàn ý cho đề bài.

b- Nội dung: Bài kiểm tra cuối kì.

C -Sản phẩm: Bài viết của HS.

d-Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV 1 <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - GV chiếu lại đề bài, yêu cầu HS đọc lại đề bài. - GV yêu cầu HS phân tích đề: chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức từng câu trong đề bài. <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chỉ ra yêu cầu về nội dung và hình thức của của từng câu trong đề. <i>Báo cáo, thảo luận:</i> HS trình bày cá nhân yêu cầu. <i>Nhận xét, kết luận:</i> Nhận xét, bổ sung, kết luận. NV 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv nhận xét, trả bài cho Hs. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem bài B3: Báo cáo, thảo luận: HS nêu nhận xét. B4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, bổ sung phần trả lời của HS và kết luận và trả bài cho HS. NV 3: B1: GV cho HS tự nhận xét bài viết của mình (ưu, nhược điểm) từ việc đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu vừa nêu. GV quan tâm, chỉ ra những lỗi sai trong bài của HSKT. B2: HS tự nhận xét	I- Tìm hiểu những yêu cầu của đề 1- Đề bài. 2- Chữa bài (theo HDC đề kiểm tra cuối kì II) II- Trả bài III- Nhận xét 1- Hs đọc và tự nhận xét 2- Gv nhận xét chung a- Ưu điểm: - Phần Đọc- hiểu.

B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nêu nhận xét của mình về bài viết của HS : NV 4: B1: GV thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi. - GV lưu ý giúp HS nắm kĩ những hạn chế của bài kiểm tra, phát huy ưu điểm của bài. + Ưu điểm: - Đa số các em nắm được cách đóng vai kể lại một truyện cổ tích. - Chữ viết của 1 số bạn rõ ràng, đẹp, có ý tưởng cho bài làm. + Hạn chế: nhiều em còn sai lỗi chính tả, ngữ pháp, chữ viết cầu thả... B2: HS theo dõi B3: HS nêu những lỗi đã mắc ở bài làm. B4: GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. NV 5: B1: GV chọn một bài viết tốt cho HS đọc, bình để học tập. GV cho học sinh đọc bài viết tốt và bài viết yếu kém. B2: HS chuẩn bị nội dung bài đọc. B3: HS đọc B4: Nhận xét, tuyên dương.	- Phần Tập làm văn. b- Tồn tại: - Phần TLV IV- Chữa lỗi diễn hình - Chính tả. - Chấm câu. - Diễn đạt. V- Đọc, bình các bài viết tốt và bài viết yếu - Bài tốt - Bài nhiều hạn chế

Hoạt động 3: Vận dụng.

a- Mục tiêu: Vận dụng nội dung trả bài.

b-Nội dung: Xây dựng đoạn văn đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện cổ tích.

c- Sản phẩm: Bài làm của HS

d-Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Áp dụng phần rút kinh nghiệm để chữa lỗi trong bài. Viết lại đoạn văn hoàn chỉnh sau khi đã sửa chữa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HĐ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo.

+ HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định:

Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng

- Học, nắm chắc lại kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Đọc thêm một số truyện cổ tích.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Kiểm tra lại bài làm.

- Rút kinh nghiệm, học hỏi những các bài làm tốt.

- Nắm lại toàn bộ kiến thức của môn học.